

Đại Việt Thông Sử

史通越大

Soạn giả: LÊ QUÝ ĐÔN

Thế Kỷ 18

(1759)

Ghi chú:

Khi mới bắt đầu công việc chuyển sang ấn bản điện tử, chúng tôi dùng bộ sách dịch bởi cụ Lê Mạnh Liêu, nhưng khi đánh máy xong thì chúng tôi nhận ra rằng bộ của cụ Lê Mạnh Liêu còn thiếu sót rất nhiều phần, vì thế để khỏi mất công đánh máy lại từ đầu, chúng tôi chuyển sang đánh tiếp những phần còn thiếu sót dựa trên bản Đại Việt Thông Sử của Lê Quý Đôn Toàn Tập do nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội Hà Nội dịch và ấn hành năm 1977.

Để tạo điều kiện cho quý vị biết rõ và d- dàng trích dẫn, chúng tôi sẽ ghi rõ tên của dịch giả trên đầu mỗi trang của từng chương.

(BD:LML): Bản dịch Lê Mạnh Liêu - Ủy Ban dịch thuật - Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên - Saigon 1973

(BD:VSH): Bản dịch Viện Sử Học - Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội - Hà Nội 1977.

Tựa sách:	Đại Việt Thông Sử	Năm
Soạn giả:	Lê Quý Đôn	1759
Dịch giả:	Lê Mạnh Liêu - Tủ sách cổ văn - Ủy ban dịch thuật Viện Sử Học - Hà Nội	1973
Nhà xuất bản:	Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên - Saigon	1973
	Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội - Hà Nội	1978
Chuyển sang ấn bản điện tử bởi:	Công Đệ, Lê Bắc	2001
Điều hợp:	Lê Bắc - bacle@hotmail.com	2001

Đại Việt Thông Sử

QUYỂN I

Đế Kỷ Đệ Nhất

Thần Đôn soạn

THÁI TỔ (THƯỢNG)

[tờ 7a] Vua Thái - Tổ, thụy - hiệu << Thống - Thiên khải vận thánh - đức thần - công duệ - văn anh - vũ khoan - minh dũng - trí hoàng - nghĩa chí - nhân đại - hiếu Cao Hoàng Đế >>. Vua họ Lê, tên húy là Lợi, người làng Lam - Giang, huyện Lương - Giang, phủ Thanh - Hoa. Cụ Tăng - Tổ của vua - tên húy là Hối, sau truy - tôn là "Cao thượng - tổ Minh Hoàng - Đế". Tính cụ chất - phát ngay thẳng, giữ mình như người ngu, nhưng hiểu biết rất sâu xa, có thể biết trước những sự chưa thành hành. [tờ 7b] Nguyên trước ở thôn Như - ánh, một hôm, cụ đi chơi, thấy đàn chim liệng vòng quanh trên một khoảng đất nơi dưới núi Lam - sơn, trông hình như một đám người tụ hội. Cụ tự nghĩ: "Chỗ này tất là nơi đất lành", bèn dời nhà đến ở đấy, rồi khai phá ruộng vườn, tự chăm lo cày cấy, được 3 năm, trở thành một sản - nghiệp, tự đầy, đời đời đều là hùng - trưở ng một phương. Sau này vua dựng đô mở nước, thực cũng căn - cơ tự đầy vậy. Cụ Hoàng - tổ, tôn - phong là "Hiển - tổ Trạch Hoàng Đế", tên húy là Đình, cụ nối được cơ - nghiệp tiền - nhân, tính khoan - nhân, có bụng yêu người, người các nơi gần xa đều qui phục, trong nhà có hàng nghìn người. Lấy cụ bà "Hiền - từ Gia - thực Hoàng- Thái - Hậu" họ Nguy- n, tên húy là Quách, sinh hạ 2 con trai, con trưở ng tên là Tông, con thứ tức là cụ Hoàng - Khảo, tôn phong "Tuyên - tổ Phúc - Hoàng - Đế", [tờ 8a] tên húy là Khoáng, cụ nuôi nhiều tân khách đứng l- nghi, thương yên nhân - dân, chu cấp người nghèo cùng, giúp đỡ người bệnh tật, cả vùng đều phục cụ là có nghĩa, lấy cụ bà "Trinh - từ Ý - văn Hoàng - Thái - Hậu" họ Trịnh tên húy là Ngọc, sinh hạ 3 con trai, con trưở ng tên là Học, sau truy - phong "Chiêu - hiếu đại - vương", con thứ tên là Trữ, sau truy tặng "Hoàng - dụ vương", con trai út tức là Hoàng - đế. Hoàng - đế sinh giờ tý ngày mồng 6 tháng 8 năm Ất - Sửu (1385), nhằm niên hiệu Xương - phù thứ 9 nhà Trần, sanh tại làng Chủ - sơn, huyện Lô- dương. Nguyên trước, xứ Du - sơn thôn Như - ánh - hậu thuộc làng này (Chủ - sơn), có một cây quế, dưới cây quế này có con hùm xám thường xuất hiện, nhưng nó hiền lành, vẫn thường thân cận với người mà chưa từng hại ai. Tự khi Hoàng - đế ra đời, thì không thấy con hùm ấy đâu nữa. Người ta cho là một sự lạ! Ngày Hoàng - đế sanh, thì trong nhà có hào - quang đỏ chiếu sáng rực, và mùi thơm ngào ngạt khắp làng. [tờ 8b] Khi lớn tuổi, ngài thông minh dũng lược, độ lượng hơn người, vẻ người tươi đẹp hùng vĩ, mắt sáng mồm rộng; sống mũi cao, xương my mắt gồ lên; bả vai bên tả có 7 nốt - ruồi, bước đi như rồng như hổ; tiếng nói vang vang như tiếng chuông. Các bậc thức - giả biết ngay là một người phi - thường.

Khi Hoàng - đế giúp việc ở Khả - lam, được hồn sư ông Bạch - Y hiển hiện chỉ cho ngôi huyệt phát "đế - vương" ở động Chiêm - nghi.

Thời ấy, người phường - chài ở sách Mục - sơn là Lê - Thận, đêm nào cũng thấy khoảng sông Lam - xuyên có luồng ánh sáng như bó đuốc cháy, rồi hơn một tháng sau, bỗng chài được một thanh sắt dài hơn một thước, hình tựa thanh đao cũ, đem về để trong nhà, ngày hôm ấy Hoàng - đế đến nhà y, thấy trong nhà tối có một luồng ánh sáng, liền tới chỗ đó lấy thanh đao đem về, về đến nhà, không phải mài mà sáng như đao mới, nhận thấy có hàng chữ triện khắc trên thân đao, biết là một thanh bảo - kiếm. Đêm hôm sau, [tờ 9a] có trận mưa gió, sáng ra, thấy trong vườn rau có lốt chân thần in trên lá rau, Hoàng - đế sai người vẽ

hình vết chân ấy. Ngày hôm sau, Hoàng - hậu ra vườn hái rau, đến chỗ cây rau có hình bàn chân, bỗng được một quả ấn báu, bề dài bề rộng ngay ngắn, mặt quả ấn khắc mấy chữ lối triện. trên quả ấn khắc đích họ tên Hoàng - đế, nhận kỹ mới rõ. Hoàng - đế biết rõ bảo vật của trời đất ban cho, bèn cuối đầu lạy tạ. Ngày hôm sau, bỗng được cái chuôi thanh kiếm ở cây đa, rửa sách đất cát đi, thấy có khắc hình con rồng và con hổ, và hiện ra hai chữ "thanh thủy", đem lắp vào thanh kiếm đã bắt được hồi trước, vừa vận không sai tý nào, càng tin là vật thần cho.

Bấy giờ là thời kỳ họ Hồ cướp ngôi vua nhà Trần, Hoàng - đế ở quê hương đọc sách và nghiên cứu binh - pháp, giữ mình chờ thời vận.

Đến khi nước Tàu dẫn quân sang đánh, bắt họ Hồ đem và kinh - đô Kim - lăng, rồi chia nước Nam ta thành từng Quận từng Huyện. [tờ 9b] Hoàng - đế ngầm có chí khôi phục non sông, ngài hạ mình tôn người hiền, tung tiền của nuôi binh - sĩ, chiêu nạp những người mắc lỗi trốn lánh, được nhiều người qui phục.

Vua Hưng - Khánh và vua Trùng - Quang nối tiếp khởi binh chống quân Tàu, lấy danh nghĩa là khôi - phục ngôi vua nhà Trần, được rất nhiều người hưởng ứng. Nhưng Hoàng - đế biết rõ thời - thế, cho là tất không thành - công. Bởi thế ngài không dự, và hết sức ẩn kín hình tích, không lộ tiếng tăm.

Trịnh - Đồ tự nước Ai - Lao lại yết kiến, hiến 1 con voi đực, Hoàng - đế sai Trương - Phấn đón tiếp, sau Trịnh - Đồ và Trịnh - Khả đều được ngài tín nhiệm.

Những hào - kiệt thời ấy như: Lê - Văn - An, Lê - Văn - Linh, Bùi - Khai - Hưng, Ngụy - n - Truy, Lưu - Nhân - Chú, Trịnh - Vô, Vũ - Uy, Lê - Li - u, và Lê - Xa - Lôi, đều nối tiếp qui phục, ngài niềm - nở đón tiếp, [tờ 10a] cùng bí - mật mưu việc khởi - nghĩa.

Có tên Đỗ - Phú người xã Hào - lương, đến Ty - Bố - chánh kiện Hoàng - đế về việc lấn ruộng đất, nhưng y đuối lý, bị thua kiện, đem lòng oán giận, bèn cáo mét quan nhà Minh dẫn quân bức bách Hoàng - đế ở Lạc - thủy (nay đổi là Cẩm - thủy).

Từ khi người Minh đô - hộ nước ta, chánh - sự phiền - toái; thuế má nặng nề; quan tham lại những; cấm dân nấu muối trồng rau; bắt dân xuống biển tìm ngọc châu; phá núi lấy vàng; những sản - phẩm quý - giá như: ngà voi, sừng tê, cánh chim chử, cùng các thứ hương, chúng đều vơ - vét hết. Sau lại bắt dân đắp 10 thành trong 10 Quận để đóng quân; chúng lại khéo dụ dỗ các người hào - kiệt, đưa vào triều - đình Trung - Hoa làm quan, cốt là an - tri ở nước Tàu vậy. Bởi vậy nhân dân nước ta không trừ một ai, thấy đều sâu thẳm oán giận! Hoàng - đế vẫn giữ chí như trước, dù người Minh đem quân tước cũng không dự được, [tờ 10b] lấy thế lực cũng không hiếp được, nhưng nhận thấy thế quân địch đang mạnh, nên ngài càng ẩn trong bóng tối, không dám khinh - động, thường đem bảo - vật năn - nỉ hối - lộ cho bọn Trương - Phụ, Trần - Trí, Sơn - Thọ và Mã - Kỳ, những mong được khỏi nạn, để nuôi thêm sức lực và chờ đợi thời cơ. Chỉ vì tên Lương - nhữ - Hốt người huyện Cổ - đẳng (nay đổi Hoằng hóa), giữ chức Tham - chánh là Thổ - quan của người Minh, đem lòng ghen ghét, bèn mất cáo với người Minh rằng:

"Người chủ Lam - Sơn chiêu nạp những kẻ vong mạng, và đãi ngộ sĩ tốt rất hậu, chí của người ấy không phải là nhỏ. Nếu không sớm tính đi, để cho con rồng có lúc gặp mây gặp mưa, thì khi ấy nó sẽ không còn là một con vật trong ao nữa đâu. Vậy xin trừ ngay đi, đừng để lưu tai vạ về sau này".

Người Minh tin lời tên Nhữ - Hốt, cho nên càng bức bách ngài rất gấp. Bởi vậy ngài bèn đại hội Tướng sĩ, bàn tính việc khởi - binh.

Ngày mồng 2 là ngày Canh - Thân, tháng giêng năm Mậu - Tuất (1418), **nhằm niên - hiệu Vĩnh - Lạc triều Minh thứ 16**, [tờ 11a] Hoàng - đế dựng cờ khởi - nghĩa ở Lam - Sơn, xưng là Bình - Định - Vương, phong chức Đại - Tướng và chức Thừa - Tướng cho: Lê - Khang, Lê - Luân, Lê - Sao, Lê - L - , Lê - Hiêu, Lê - Nhữ -

Tri, Lê - Cố, Trịnh - Thác, Trịnh - Hối, Lê - Thỏ, Lê - Lý, Lê - Xa - Lôi, Lê - Khắc - Phục, Lê - Định, Lê - Lãng, Lê - Vãn, Lê - Cuống, Lê - Chiêm, Lê - Đệ, Lê - Khiêm, Lê - Trinh, Lưu - Đàm, Lê - Lâm, Lê - Nghiệm, Lê - Vãn - Giáo, Trần - Đạt, Trần - Khai, Lê - Cảnh - Thọ, Phạm - Lung, Phạm - Quì, Lê - Sát, Trương - Lôi, Trịnh - Khả, Bùi - Quốc - Hưng, Lê - Nỗ, Lê - Li-u, Lê - Nhữ - Lãm, Lê - Khả - Lãng, Vũ - Oai, Trịnh - Vô, Lưu - Hoạn, Trần - Hốt, Đỗ - Bí, Nguy-n - Trãi, Lê - Văn - Linh, Lê - Thận và Lê - Văn - An, [tờ 11b] chia nhau đốc - suất đội quân Thiết - đột ra đối địch với quân Minh.

Lúc ấy binh tướng của ta đương thời - kỳ ban đầu, còn rất ít ỏi, thế mà quân Minh có tới hơn 45.000, voi ngựa có hàng trăm con, bỏ i thế Hoàng - đế không địch nổi, thua trận phải chạy vào Mang - Một, nay là (Mang - Chánh), rồi lần đến Trịnh - Cao, giáp giới nước Ai - Lao, nơi đây, dân thưa lương ít, trên đường không người đi lại. Đóng ở Mang - Cốc trong núi Linh - sơn hơn 10 ngày, phải dùng mật - ong trộn với vũ - dư - lương (thứ phẩn hồng trong đá) làm bữa ăn, rất là khổn đốn! Hoàng - đế bèn hỏi các tướng:

"Có ai dám bắt chước việc Kỷ - Tín thời xưa không¹".

Người ở thôn Dạng - Tú là Lê Lai khẳng khái vâng - mệnh, tự - nguyện thay đổi mặc áo bào nhà vua, xưng là vua Lê - Lam - Sơn, dẫn quân ra đánh nhau với quân Minh, quân Minh mừng rỡ, liền dồn cả quân vây chặt Lê Lai, Lai chống cự đến kiệt sức thì bị bắt, quân Minh dẫn Lai về thành Đông - Quang giết chết, [tờ 12a] chúng bèn lui binh, ta được thoát nạn.

Hoàng - đế được biết Trịnh - Khả và Lê - Lôi đã từng đi đón tiếp con voi tự nước Ai - Lao về, tất nhiên am hiểu tiếng nói và văn tự nước Ai - Lao, bèn sai hai Tướng này mang tờ thông - điệp sang bảo Quốc - Vương nước Ai - Lao rằng:

"Quốc - gia tôi phụng thờ thông - điệp của triều Đại - Minh ban cho nhà vua. Vậy nhà vua hãy đem số lương - thực đủ quân - sĩ dùng trong 5 tháng, và khí - giới cùng voi trận tới yết kiến, rồi nhận tờ điệp - văn về thi - hành, để khỏi phải bắt giải. Nếu không tuân - mệnh, lập tức sai nước Xa - Lý và Lão - Qua hợp quân 6 nước tiến đánh".

Vua nước Ai - Lao sợ hãi, xin tuân mệnh trên. Hoàng - đế nhờ được lương - thực và quân dụng đó, nên thế quân lại trở nên phẩn chấn.

Ngày mồng 4 tháng 4 (năm Mậu - Tuất), Hoàng - đế kéo quân về Lam - Sơn, trao rất nhiều vàng bạc cho Tướng Trịnh - Đồ, Trịnh - Khả và Lê - Lôi, đem dứt lốt cho Tướng nhà Minh là Trần - Trí, Sơn - thọ và Mã - Kỳ, [tờ 12b] để cầu được hoãn binh.

Ngày mồng 9 (tháng 4 năm Mậu - Tuất), người Minh cất quân đánh vào Lam - Sơn, Hoàng - đế bỏ Lam - Sơn lui quân và đóng tại Lạc - Thủy, rồi đặt phục - binh sẵn để đợi địch.

Ngày 13 (tháng 4 năm Mậu - Tuất), quả nhiên quân địch kéo đến, phục - binh nổi dậy xung đột; 4 Tướng Lê - Thạch, Đinh - Bồ, Lê - Ngân và Lê - Lý xông lên trước hãm trận, chém đầu hơn 2.000 tên địch, thu được hàng mấy nghìn chiến - lợi phẩm.

Ngày 16 (tháng 4 năm Mậu - Tuất), tên bày tôi phản - bội của ta là Thượng - Ái, dẫn quân Minh do đường tắt đánh úp vào sau quân ta, và bắt hết vợ con binh - sĩ. Quân sĩ đâm chán nản, mất hết tinh - thần chiến - đấu. Hoàng - đế bèn thu quân cùng với Lê - L-, Phạm - Hướng, Đỗ - Bí, Nguy-n - Xí và Lê - Đạp, tạm náu ở núi Linh - Sơn, hơn 3 tháng trời, chỉ dùng vỏ măng tre và r- cỏ làm bữa ăn khỏi đói.

¹ Thời Hán, Hán- Cao- Tổ đóng quân ở thành Vinh - Dương, bị Hạng - Võ dẫn quân Sở vây chặt mấy vòng. Tướng quân Kỷ - Tín thấy tình thế nguy cấp, dânng kế lừa Sở: Tín bèn vận mũ áo Đại - Vương, dùng cờ quạt xe ngựa Hoàng - đế ra cửa Đông hô rằng: "Ta là Hán - Vương, vì cạn hết lương thực xin ra đầu hàng nước Sở". Quân Sở bèn xúm cả vào đấy. Hán - Vương thừa cơ hội lên ra cửa Tây trốn thoát. Sau Hạng - Võ biết là giả, giết chết Kỷ - Tín.

Sau khi địch đã lui binh, Hoàng - đế lại trở về Lam - Sơn, đắp đồn lũy và chiêu tập tàn - binh, được chừng trăm tên, dựng trại sách ở xứ Mang - Khao. Ngài vỗ về tướng sĩ, chỉnh đốn hàng ngũ và khí giới, quân - nhu cũng khá đầy đủ, lúc ấy lòng quân lại phấn - khởi, đều xin tình - nguyện thù tử chiến - đấu. Hoàng - đế biết là quân sĩ có thể dùng được, bèn đặt phục - binh ở Mang - một, rồi sai đội khinh - binh ra khiêu - chiến, quân địch tiến tới chỗ hiểm, phục - binh liền dùng nỏ bắn tên tẩm thuốc độc ra như mưa, quân địch thua chạy tán loạn. Hoàng - đế lại tiến quân tới Mang - Ninh, ngày đêm tiến đánh, quân địch bị tổn hại, phải lui về giữ một xã Nga - Lạc - Hạ.

Năm Kỷ Hợi (1419), **niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 17**, tháng 4, Hoàng - đế tiến quân đóng tại trại A - Đà, đánh nhau với quân Minh ở xứ Nghĩa - Canh, bắt được viên Chỉ - huy là Nguy- n - Sao và chém đầu 300 tên địch.

Tháng 5, Hoàng - đế đóng đồn quân ở trại Đà - Sơn, đặt phục - binh ở Mang - Chánh, đánh đuổi được quân địch, rồi dời quân đến đóng tại trại Lưu - Sơn, [tờ 13b] được nước Ai - Lao đem quân lại giúp, lại dời tới Mang - Thôi đóng đồn.

Mùa thu, tháng 7, viên Tri - phủ Phan - Liêu là Thổ - quan tỉnh Nghệ - An phản nhà Minh, người Minh dẫn quân vây thành Nghệ - An, Tổng - binh Phong - thành - hầu là Lý - Bân cũng dẫn quân lại cứu, Phan - Liêu thua chạy sang nước Ai - Lao, Lý - Bân đuổi đến châu Ngọc - Ma, không đuổi kịp dẫn quân về. Thổ - quan Lộ - văn - tú là Tướng tiền - phong của Lý - Bân lại phản, bỏ đi.

Tháng 11, các tướng giặc: Trịnh - Công - Chứng, Phạm - Hỉ, Nguy- n - Trì và Nguy- n - Cấu ở các hạt: Hạ - Hồng, Tân - Minh, Khoái - Châu và Hàng - Giang, đều khởi binh kéo đến sông Nhị - Hà đánh phá cầu nổi, Lý - Bân sai tướng sĩ đánh phá, giặc đều thua chạy tán loạn. Lúc ấy, các lộ miền Bắc, nơi nào cũng có giặc nhĩ-u loạn, duy Tam - giang, Qui - hóa và Tuyên - quang được yên ổn thôi. Bởi thế, người Minh không có thì giờ để ý đến Thanh - Hóa.

[tờ 14a] Năm Canh Tý (1420) **niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 18**. Mùa xuân, tháng 2, Lý Bân dẫn quân trở về Đông Quang.

Mùa hạ, tháng 4, Lộ Văn Luật khởi binh ở huyện Thạch Thất, Lý Bân đánh tan, Văn Luật chạy sang nước Ai Lao.

Tháng 6, triều Minh sai Vĩnh Xương Bá là Trần Trí đóng giữ Đông Quan.

Người đất Phụng Hóa là Trần Văn Xung và người đất Đồ Sơn là Phạm Ngọc Giai đều khởi binh phản nhà Minh, Lý Bân đánh phá tan cả.

Người ở Trảng Càng thuộc huyện Thủy Đường là Lê Ngã đổi tên ra Dương Củng, trá xưng là con cháu xa của vua Trần Duệ Tông, tự nước Lão Qua trở về, Bế Thuấn ở Đan Ba thuộc núi Đan làm Phụ đạo, dựng Ngã làm chúa, đóng trại Hồng Doanh ở An Bang. Dư đảng của Trịnh Công Chứng và Phạm Ngọc đều qui phục, quân số có tới vài vạn. Tự xưng là Thiên Thượng Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên, đặt đủ các chức quan, rồi chia quân đánh đốt thành Xương Giang; cướp trại Bình Than. [tờ 14b]. Lý Bân dẫn đại binh tới đánh, Lê Ngã và Bế Thuấn thua chạy trốn đi lúc ban đêm. Không biết đi đâu.

Người hạt Kiến Xương là Nguy- n Thuật đánh quân Minh ở Hoàng Giang, giết viên Tham chánh là Hầu Bảo.

Tháng 10, Tướng Minh lại kéo đại quân tới. Hoàng đế tính trước: Chúng sẽ đến Bổng Tân vào khoảng giờ Tỵ (15 giờ), bèn đặt sẵn phục binh để chờ. Đúng giờ tỵ, quả nhiên quân địch tràn tới đó, 4 mặt phục binh đều chỗi dậy xông đánh, quân địch tan vỡ, ta giết chết và bắt sông vô kể, thu được hơn trăm con ngựa, và phóng lửa đốt hết khí giới của chúng.

Ngày hôm sau, Hoàng đế bảo các Tướng lãnh rằng: "Quân địch vừa mới thua trận, tất nhiên chúng để tâm đề phòng cẩn mật. Vậy ta không nên giao chiến".

Nhưng các Tướng đem lòng khinh địch, không tuân theo, cứ tiến đánh. Quả nhiên bị tổn thương rất nhiều! Bèn lưu binh ở Nang Ninh, rồi lại lui binh về giữ Mang Thôi.

Phụ đạo châu Quì là Cầm Lan hướng đạo cho [tờ 15a] Trấn Thủ nhà Minh là Lý Bân và đô đốc là Phương Chánh, dẫn hơn mười vạn quân theo đường châu Quì vào đánh ta. Hoàng đế sai Lê Hướng và Lê Lý đem mấy nghìn khinh binh đi trước tiên, để đón đường chặn đánh, rồi đặt phục binh ở Bồ Mộng để đợi. Khi quân địch tới, ta đánh phá đại thắng! Nhưng quân địch ỷ vào thế mạnh, vẫn cứ tiến quân, địch đánh thẳng tới doanh trại của Hoàng đế. Hoàng đế tiên liệu, đã đặt sẵn phục binh ở các lối hiểm yếu. Ngày hôm sau, quân giặc kéo tới, ta dồn quân đánh úp ở Thi Lang, đại thắng! Chém đầu hơn ba nghìn tên địch, Lý Bân và Phương Chánh chỉ chạy thoát thân lấy mình thôi. Ta thừa thắng đuổi dài suốt ba ngày đêm mới ngừng, rồi tiến đóng trại Ba Lãm ở Suối Giang, dẫn quân khiêu chiến. Các Tướng nhà Minh tại đồn Tạ Phượng, đồn Hoàng Thành và trại Nga Lạc, đều giữ trại Quan Du để phòng bị cho thành Tây Đô, cố thủ trong trại, không chịu ra đánh, [tờ 15b] Hoàng đế ngày đêm dồn quân vây đánh các đồn, chia tướng Lê Hào và Lê Sát dẫn quân đánh úp trại Quan Du, phá tan quân địch, chém đầu hơn vạn tên, thu được rất nhiều khí giới. Tự đấy, thế địch một ngày một suy. Nhân dân các xứ trong nước, không nơi nào là không hưởng ứng Hoàng đế.

Năm Tân Sửu (1421) **niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 19**, ngày 20 tháng 11. Tham Tướng nhà Minh là Trần Trí, đem hơn mười vạn vệ quân ở Giao Châu, đánh trại Ba Lãm ở ải Kinh Lộng Hoàng đế bàn với các Tướng rằng:

"Hiện tình, bên địch nhiều quân, bên ta thì ít, bên địch hành quân vất vả, mà bên ta thì quân sĩ được thanh thoi. Binh pháp có câu rằng: "Sự thắng địch cốt ở Tướng giỏi, chứ không quan hệ ở số quân nhiều hay ít". Nay chúng ta tuy nhiều quân, nhưng ta dùng quân được thanh thoi đánh quân vất vả, nhọc mệt, thì tất phá được".

[tờ 16a] Tối hôm ấy ta chia quân đánh úp các ngả, quân sĩ hò la vang động, đánh phá được 4 trại, chém đầu hơn nghìn quân địch, thu được rất nhiều chiến lợi phẩm.

Thần Trí lại phá núi mở đường tiến quân đánh ta, Hoàng đế ngầm đặt phục binh các nơi hiểm yếu ở xứ Ứng Ải để đợi. Đến giữa trưa, quả nhiên Thần Trí dẫn quân do đường núi tới, bị hai cánh quân ta đánh vào hai bên, Thần Trí thua trận dẫn quân lui.

Thời ấy, nước Ai Lao cường thịnh, Hoàng đế giao thiệp thân thiện, thỉnh thoảng có đưa quân sang giúp ta. Chỉ vì thổ quan Lê Văn Luật trốn chạy sang đấy, đem lời gièm pha, nên vua Ai Lao sinh lòng oán giận. Đến đây, ta đang chống cự với quân Minh, chưa phân thua được, thì bỗng Ai Lao đem 50.000 quân và 100 con voi đến đóng tại phía trước trại Hoàng đế, nói là lại giúp ta. Hoàng đế yên chí vẫn thân thiện, không ngờ là khi trá, bèn ước hẹn cùng hợp đánh quân Tàu. [tờ 16b] Đến nửa đêm, ta bị quân Ai Lao đánh úp! Hoàng đế thân tự đốc chiến, đánh rất hăng hái, tự giờ tý (1 giờ sáng) đến giờ mão (5 giờ sáng), đánh tan quân Ai Lao, chém đầu hơn vạn tên, thu 14 con voi và hàng vạn chiến lợi phẩm. Ta thừa thắng đánh đuổi bốn ngày đêm, đến tận sào huyệt chúng. Tù trưởng là Man Sát xin hòa, ta không nghe. Binh chương là Lê Thạch Kinh tiến đánh trước, trúng phải công nhọn, chết.

Năm Nhâm Dần (1422) **niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 20**, tháng 2, quan tổng binh nhà Minh là Lý Bân chết.

Ngày 21, tháng 12, Ai Lao đem quân đến Kiệt Mang dựng trại kết trận, Thiếu úy là Lê Chích đánh lui.

Mã Kỳ ước hẹn với Ai Lao cùng đánh ta ở Quan gia, quan quân giao chiến mấy trận, thường bị tổn thất [tờ 17a] bèn lui quân về đóng tại Khối Sách, ủy lạo quân sĩ, tu sửa khí giới, được 7 ngày thì quân Minh kéo đến, Hoàng đế bảo Tướng sĩ rằng:

"Hiện giờ bị quân địch bao vây bốn mặt, ta không còn lối thoát đi đâu được! Đó tức binh pháp gọi là "tử địa" Vậy, phải đánh chớp nhoáng mới sống, nếu chậm trễ sẽ chết".

Nói xong, ngài sai hai hàng lệ, mọi người đều cảm kích, tranh đua thù tử chiến đấu! Các Tướng Lê Lĩnh, Lê Hường, Lê Hào và Lê Triện, đích thân xông ra hãm trận, chém đầu tham tướng là Phùng Quý và hơn nghìn quân, thu được hơn trăm con ngựa, Mã Kỳ và Trần Trí chạy về Đông Quan, quân Ai Lao cũng trốn về. Hoàng đế bèn thu quân về núi Chí Linh. Ở đây thiếu lương thực, trong 2 tháng trời, quân sĩ toàn ăn rau cỏ và măng tre, phải giết bốn con voi và một số ngựa để quân sĩ ăn. Thường có quân bỏ trốn, [tờ 17b] Hoàng đế kiểm soát rất nghiêm ngặt, bắt được viên Tướng bỏ trốn là Thượng Khanh, đem chém đầu để làm gương, tự đẩy quân sĩ lại nghiêm chỉnh như trước. Lúc này, ta từng trải nhiều phen nguy nạn, Tướng sĩ mỗi một, muốn được nghỉ ngơi, đều khuyên Hoàng đế hòa với người Minh, ngài bèn sai thân thần là Lê Vận và Lê Trần đưa thư đến Mã Kỳ và Sơn Thọ để cầu hòa, bọn Mã Kỳ ưng thuận.

Năm Quý Mão (1423) niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 21, ngày mồng 10 tháng 4, Hoàng đế trở về Lam Sơn, Trần Trí và Sơn Thọ thường đem tặng trâu, bò, muối, cá, nông cụ và thóc giống, ngài cũng sai bọn Lê Trần đem vàng bạc tặng đáp. Nhưng Trần Trí ngờ ta chỉ giả vờ giao hảo bề ngoài, mà bề trong có ý thực đánh úp, nên bắt giữ Lê Trần không cho về. Hoàng đế bèn tuyệt giao.

[tờ 18a] Năm Giáp Thìn (1424) niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 22, mùa thu, tháng 7, vua Thái Tông nhà Minh chết, Thái tử lên nối ngôi Thiên Tử, đổi niên hiệu là Hồng Hưng. Lúc này mới có tờ chiếu đình chỉ việc kiểm vàng bạc và các thứ hương ở Giao Chỉ ta, triệt hồi các viên Giám đốc về công tác trên.

Ngày 20, tháng 9. Hoàng đế hỏi các bầy tôi rằng:

"Nay chúng ta nên tới xứ nào để mưu đồ việc nước"

Thiếu úy Lê Chích đáp:

"Hạ thần thường qua lại tỉnh Nghệ An nhiều lần, nên có biết những nơi hiểm yếu trong tỉnh ấy. Nay xin dẫn quân vào trại của Cầm Bành tỉnh Nghệ An, hai hàng thì ta phủ dụ, nếu không hàng thì ta đánh lấy trại ấy làm căn bản, rồi từ từ tính việc lấy lại Đông Đô. Như vậy việc nước có thể sẽ thành".

Hoàng đế cho lời bàn của Lê Chích là phải, bèn chia quân đến đánh úp phá thành Đa Căng, số quân địch bị giết và bị chết đuối có tới hơn một ngàn, ngục Tham chánh là Lương Nhữ Hốt chỉ kịp chạy thoát lấy một mình, ta thu được chiến lợi phẩm vô kể, rồi đốt hết trại thành. Tướng của Cầm Bành là Hoa Anh [tờ 18b] dẫn quân lại cứu, ta lại đánh tan. Hoa Anh thua chạy vào Tây Đô.

Sau khi thắng trận, Hoàng đế sai thả hết các phụ nữ đã bắt được, rồi ở đấy tuyển mộ binh sĩ, sửa khí giới, chỉnh đốn hàng ngũ, chứa đủ lương thực, dẫn quân thẳng tới tỉnh Nghệ An, do đường châu Trà Long, vượt qua núi Bồ Lạp thuộc châu Quì.

Đồng Tri là Sư Hựu tướng chỉ huy quân Minh, cùng với tri phủ châu Trà Long là Cầm Bành dẫn 5.000 quân đón đánh vào mặt tiền quân ta; các Tướng Minh là Trần Trí, Lý An, Phương Chánh và Thái Phúc dẫn quân đánh vào mặt hậu quân ta, quân ta bị địch áp bức cả mặt tiền mặt hậu! Hôm ấy, trời sắp tối, Hoàng đế đặt phục binh các ngả rồi ung dung chờ quân địch. Một lát thì Trần Trí dẫn quân đến, quân phục binh ta nổi dậy xông đánh, quân địch tan vỡ, ta chém đầu Đô ty là Trần Quý và hơn hai ngàn sĩ tốt, thu hơn trăm con ngựa, Trần Trí và Phương Chánh bị thua chạy.

Ngày hôm sau [tờ 19a] quân ta đi đến trang Trịnh sơn, gặp cánh quân của Tướng Sư Hựu, ta xông thẳng tới đánh phá, chém đầu Thiên hộ là Trương Bản và hơn nghìn quân sĩ. Sư Hựu chỉ kịp chạy thoát lấy một mình. Hoàng đế bèn đóng quân ở Mộc Sách, còn Trần Trí thì thu vét tàn quân, đuổi ta đến sông Trạm Hoàng, nhưng sợ không dám tiến, trở về giữ thành Nghệ An.

Tháng 11, Hoàng đế sai Sứ Giả chiêu hàng Chăm Bành, Bành không chịu hàng, đem hơn nghìn quân lập doanh trại trên đỉnh núi, để chờ viện binh. Quan quân vây chặt nơi đây.

Tháng 12, Sơn Thọ sai Ngụy-n Sĩ đưa Lê Trần trả về ta để cầu hòa. Số là Trần Thọ và Đức Chính đóng ở Nghệ An, thấy Chăm Bành bị vây, vẫn muốn cứu lắm, nhưng sợ không dám tiến, bèn sai Sứ giả đem thư cầu hòa, xin giải vây. Sau khi tiếp sứ giả, Hoàng đế triệu các Tướng bàn rằng:

"Hiện Chăm Bành bị vây khốn đốn, lẽ ra bọn tên Chánh phải cấp cứu ngay mới phải, thế mà đến nay vẫn còn dửng dăng quanh co. Đó tất là có ý nhát sợ. [tờ 19b] Chi bằng ta hãy cứ vờ bằng lòng hòa, để xem tình thế. Trong khi thư từ qua lại độ một tháng, thì ta đã bắt được Chăm Bành rồi".

Bàn xong, cho viết bức thư, để lên trên một cái bè, thả cho xuôi dòng, trong thư nói: "Chúng tôi muốn trở về Thanh Hóa, nhưng bị Chăm Bành ngăn chặn. Vậy ông cho người tới giải hòa để thông lối về, rất mong". Chánh nhận được thư, tin là thật, bèn sai Trần Đức Nhị đưa thư đến Chăm Bành bảo nên hòa giải. Chăm Bành được thư, biết là viện binh không đến, bèn mở cửa thành ra hàng. Sau khi bình định châu Trà Long, Hoàng đế ra lệnh các quân sĩ không ai được xâm phạm một mảy may của dân, còn các quân địch đều được xá tội hết, không giết một người nào. Ngài thưởng ngạo các bộ trưởng và tù trưởng, tuyển được 5.000 trai tráng sung vào ngạch binh. Thanh thế trở nên lừng lẫy! (Sau Chăm Bành mưu toan trốn đi, bị giết). Người Minh nghe thanh thế ta phẫn chấn, lại tới đánh sơn trại ta, Hoàng đế đánh lui, rồi tiến quân đóng tại cửa ải Khả Lưu, định đánh thành Nghệ An, [tờ 20a] nhưng chưa biết rõ tình thế, nhân gặp hồi vua Nhân Tông nhà Minh mới lên ngôi, sai Sơn Thọ đến phủ dụ Hoàng đế hàng. Ngài rằng:

"Đó chỉ là kế của quân địch lừa dối ta. Nhưng ta hãy nhân đó để thi hành kế sách của mình".

Ngài bèn cho sứ giả qua lại, để dò hư thực. Sau Sơn Thọ biết là kế của y không ăn thua gì, lại tuyệt hòa nghị. Hoàng đế bèn phát binh đánh Nghệ An. Sắp hành quân thì có tin báo: "Người Minh phái rất nhiều binh mã và thuyền bè, cả thủy binh và bộ binh đều tiến, và sắp tới. Hoàng đế bèn hội các Tướng mà bảo rằng:

"Hiện bên địch rất nhiều quân, mà ta thì ít. Bên ít quân mà muốn địch nổi bên nhiều quân, chỉ có cách giữ lấy cái chỗ hiểm yếu trước, thì mới thành công. Binh pháp có câu: "Thiện chiến giả trí nhân nhi bất tri ư nhân". Những Tướng tài giỏi, thường bắt buộc đối phương phải đến chỗ mình đã chỉ định, chứ không bao giờ đến chỗ đối phương định.

Nói xong, ngài chia hơn nghìn quân cho Đinh Liệt dẫn đi trước, theo con đường tắt chiếm lấy huyện Đỗ Gia, tranh cướp lấy nơi địa lợi, rồi ngài thân đốc đại quân chiếm đóng ở các chỗ hiểm yếu, để chờ quân địch. Vừa sắp đặt xong độ 3, 4 ngày, quả nhiên địch dẫn đại quân [tờ 20b] đến cửa ải Lậu Thư và Khả Lưu, chúng đóng trại ở phía dưới dòng nước, Hoàng đế thì đóng ở phía trên dòng nước, ban ngày dựng cờ và thúc trống ầm ầm, ban đêm thì đốt đèn đuốc sáng choang trong trại, rồi ngầm sai binh mã qua sông phục nơi hiểm yếu. Trời sắp sáng, địch dẫn quân đánh vào trại ta, Hoàng đế vờ thua chạy lui, dẫn địch vào ổ phục binh, bốn mặt phục binh đều dấy dậy xông phá, có hàng vạn quân địch bị giết và chết đuối! Thua trận này, chúng bèn lập trại tựa vào thế núi để đóng quân, mà không chịu ra giao chiến nữa.

Lúc này, bên địch lương thực dồi dào, mà lương thực bên ta thì chưa đủ để quân sĩ dùng trong 10 ngày. Hoàng đế bảo các tướng sĩ rằng:

"Giặc cậy nhiều lương, nên cứ cố thủ trong trại, không chịu ra đánh. Đó là chúng định lập cái kế lâu dài vậy. Ta ít lương thực, không có thể cầm cự lâu dài với chúng được".

Ngài bèn sai tự đốt hết các doanh trại, vờ như trốn lánh, rồi đi ngầm ra lối tắt. Quân địch thấy vậy rất mừng, liền tiến quân đóng vào doanh trại cũ của ta, và đắp thêm đồn lũy lên trên núi.

Ngày hôm sau, Hoàng đế [tờ 21a] ngầm đặt phục binh ở Bồ Ải, rồi sai đội khinh kỵ đến khiêu chiến. Địch không hay biết, liền dẫn hết quân ra ứng chiến, đến Bồ Ải trúng ổ phục binh, quân phục binh liền chối cả dậy, các viên dũng Tướng: Phạm Vấn, Lê Sát, Lê Ngân, Đinh L-, Lê Xý, Lê Đạp, Lê Triện, Lê Bôi, Lê Nhân Chú, Lê Chiến, Lê Tông Kiêu và Lê Khôi đều tranh đua xông trận trước, đánh phá quân địch chém đầu vô kể, thân địch lấp sông, khí giới đầy đường, thuyền bè trôi ngang. Bắt sống Đô ty là Chu Kiệt, chém Tướng Tiền phong là Hoàng Thành, bắt sống chừng nghìn quân. Trần Trí và Sơn Thọ chạy về tỉnh Nghệ An, cố thủ trong thành.

Năm Ất Tỵ (1425) niên hiệu **Hồng Hưng thứ nhất** (tự tháng 11 năm này trở xuống, là niên hiệu Thiên Khánh thứ nhất vua Trần Cao thời Hậu Trần). Mùa xuân, Hoàng đế tiến quân đóng tại làng Mỹ Lôi huyện Thổ Du (nay là huyện Thiên Lộc) tỉnh Nghệ An [tờ 21b] các người già trẻ trong làng, đều mang rượu thịt ra đón mừng tướng sĩ, và cùng bảo nhau rằng:

"Không ngờ ngày nay chúng ta lại được trông thấy uy nghi nước nhà".

Viên tri phủ châu Ngọc Ma là Cầm Quý, dẫn hơn 8 nghìn quân và 10 con voi về hàng Hoàng đế, được ngài phong cho chức Thái úy. Hoàng đế hạ lệnh rằng:

"Nhân dân ta lâu nay đã khổn khổ về chánh trị bạo tàn của người Minh! Vậy quân sĩ đến châu huyện nào, cũng không được xâm phạm của dân một mảy may. nếu không phải là trâu bò thóc gạo của ngụ quan, thì dù có thiếu thốn cũng không được lấy".

Lúc ấy, quân sĩ có người ba ngày chưa được một bữa ăn, mà không ai dám phạm lệnh trên! Về phần nhân dân, thì ai nấy cũng đem những trâu bò thóc gạo của người Minh đã chứa tích ra để tiếp tế quân sĩ ta. Hoàng đế chia quân đi thu phục các châu huyện, quân ta đến châu huyện nào, chúng cũng ra hàng tức khắc, ngài bèn vây thành Nghệ An, địch cố thủ trong thành, không dám ra giao chiến.

[tờ 22a] Hoàng đế huấn luyện Tướng sĩ, tu sửa khí giới, trong một tuần chiến cụ đầy đủ, ngài bèn duyệt vũ nghệ, dạy quân sĩ biết các phép: Ngồi, đi, đánh và đâm; chỉ cho biết các thế: Kỳ, chính, chia và hợp; lại cho biết các hiệu lệnh về chiêng, trống, và lá cờ để biết lệnh tiến lệnh lui. Đội ngũ nghiêm chỉnh, thưởng phạt công minh, quân sĩ đều hăng hái, nhân dân cả vùng đất dẫu qui phục đồng như người về chợ. Hoàng đế ủy lạo vỗ về, ai ai đều hoan hỉ.

ngày 15, tháng 4, tham Tướng nhà Minh là Lý An tước An bình bá, dẫn thủy quân tự Đông Quan lại cứu thành Nghệ An. Hoàng đế tính: Trần Trí bị vây khốn đã nhiều ngày, bây giờ có viện binh tới, y tất nhiên ra đánh. Ngài bèn dời quân đến tại cửa sông Quạt Giang thuộc huyện Đỗ Gia, sai Lê Ninh dẫn binh phục nơi bờ sông.

Ngày 17, địch dẫn hết quân trong thành ra [tờ 22b] đánh trại Lê Thiệt của ta, chúng mới qua sông được nửa số quân, bị phục binh chối dậy đánh phá, chém hơn mười thủ cấp. quân địch bị chết đuối rất nhiều. Trần Trí chạy vào trong thành.

Tháng 5, Hoàng đế sau Tư Không là Đinh L- đến châu Di-n, đặt phục binh đón đánh cướp những thuyền lương của Đô Tư là Trương Hùng, ta vừa đuổi vừa đánh cho đến thành Tây Đô. Hoàng đế lại tuyển 2.000 tinh binh sai các Tướng Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Triện và Bùi Bị dẫn tiếp theo làm hậu viện cho Đinh L-, đánh úp thành Tây Đô, chém hơn năm trăm đầu quân địch, thu rất nhiều chiến lợi phẩm. Tướng nhà

Minh đóng chặt cửa thành cố thủ, Đinh L- và Lê Triện chiêu tập nhân dân, hợp binh vây thành. Người tỉnh Thanh Hóa đều đua nhau đến cửa quân xin hàng.

Tháng này, vua Nhân Tông nhà Minh chết, Thái tử lên nối ngôi, đổi niên hiệu là Tuyên Đức.

Mùa thu, tháng 7, [tờ 23a] Hoàng đế hội các Tướng mà bảo rằng:

"Các vị Tướng giỏi thời xưa, thường bỏ chỗ kiên cố mà đánh vào nơi nứt rạn; lánh chỗ xung đột mà đánh vào nơi trống không. Như vậy thì chỉ dùng nửa phần sức lực, mà thu lượm được thành công gấp đôi. Nay hai xứ Thuận Hóa và Tân Bình, mất liên lạc với Nghệ An và Đông Đô đã lâu rồi. Vậy ta nên thừa thời thế tiến đánh hai xứ đó".

Ngài bèn sai Tư Đồ và Trần Nguyên Hãn, Thượng Tướng quân là Doãn Nỗ, và Chấp lệnh là Lê Đa Bồ, dẫn hơn nghìn quân đi kinh lược xứ Thuận Hóa và Tân Bình, để chiêu phủ nhân dân, bọn Trần Nguyên Hãn đánh phá tướng nhà Minh là Nhiệm Năng ở sông Bồ Chánh. Hoàng đế lại sai Lê Ngân, Phạm Bôi và Lê Văn An dẫn thuyền chiến ra ngoài biển, để làm đội quân kế tiếp, liền phá được thành này, quân dân hai phủ trên thấy đều qui thuận, ta thu lượm được vài vạn quân tinh nhuệ, để sung thêm vào binh số, thanh thế rất lừng lẫy! Các Tướng bèn suy tôn Hoàng đế là [tờ 23b] "Đại thiên hành hóa". Tự đây, trong những tờ Bảng hoặc những tờ Dụ đều nêu bốn chữ này.

Mùa đông, tháng 11, dựng Trần Cao làm vua, đặt niên hiệu là Thiên Khánh. Trần Cao chính tên là Hồ Ông, lánh nạn đến châu Ngọc Ma, mà thổ quan là Cầm Quý đã giả mạo xưng Ông là dòng dõi vua họ Trần. Vì vua triều Minh cho là quốc dân nước ta vẫn còn nhớ họ Trần, cho nên đón Trần Cao dựng nên làm vua, để mượn việc đó trả lời cho triều Minh và sai viên Tả Bộc Xạ là Bùi Quốc Hưng truyền tin này, còn Hoàng đế thì tự xưng một cách khiêm tốn là: "Kiểm hiệu Thái sư bình chương quân quốc trọng sự, đại thiên hành hóa, tứ kim ngư đại kim hổ phù trang võ vệ quốc công". Ngày 30 tháng 12, là ngày Mậu Tý, làm l- tâu cáo với các vị Vua và Hoàng hậu thời trước của nhà Trần về việc dựng vua này.

[tờ 24a] **Niên hiệu Tuyên Đức (triều Minh) thứ 1, nhằm niên hiệu Thiên Khánh vua Trần năm thứ 2 (1427)**, thuộc năm Mậu Ngọ. Mùa hạ, tháng 5, vua triều Minh ban tờ chiếu tha tội bạn nghịch cho các quan lại và quân dân nước Giao Chỉ ta; và bãi bỏ hết thuế các thứ thuế trưng thầu buôn bán các loại: vàng, bạc, đồng, thiếc, sắt, muối, hương và cá. Những loại này để cho người bản xứ tự do mua bán, các quan không được cấm. Tuởng cũng nên biết, trước đây, pháp luật nhà Minh rất hà khắc nghiêm nhặt! Nhân tình không ưa, cho nên mới ban tờ chiếu mệnh này. Nhưng lòng dân oán ghét đã lâu, phần nhiều điều phụ về với quân ta, đại thế không thể kéo trở lại được nữa.

Mùa thu, tháng 8 (năm Bính Ngọ), Hoàng đế tính: Bao nhiêu quân tinh nhuệ của nhà Minh đều đóng ở thành Nghệ An, còn các xứ thuộc Đông Đô, thấy đều chỉ có một số quân yếu kém. Ngài bèn sai các Tướng thi hành kế sách: Sai Cơ mật đại sứ là Phạm Văn Sảo, Thiếu úy là Lê Triện, Thái giám [tờ 24b] là Lê Khả, Á hầu là Đỗ Bí, Lê Như Thận, dẫn 3.000 quân và một con voi đi chiêu phủ nhân dân các xứ: Thiên Quang, Quảng Oai, Quốc Oai, Gia Hưng, Qui Hóa, Đà Giang, Tam Đối và Tuyên Quang, để ngăn chặn quân cứu viện tự tỉnh Vân Nam (thuộc Trung Hoa) tới; Thông hầu là Lưu Nhân Chú, Thiếu úy là Bùi Bị, Thái giám là Lê Văn, Lê Ninh, dẫn 2.000 quân và 1 con voi đến các xứ: Thiên Trường, Tân Hưng, và Kiến Xương, để chặn con đường chạy trở về của Đức Chính và Lý An khi thua trận. Hai đạo binh này sau khi đã chiếm được đất, liền chia quân đóng giữ các nơi; Nhân Chú, Bùi Bị cùng với Lê Bôi, Lê Vị Tấu, dẫn 2.000 quân Thanh Hóa và một con voi, đi chiêu mộ nhân dân các xứ: Khoái Châu, Bắc Giang và Lạng Giang, rồi đóng quân giữ các nơi hiểm yếu, để ngăn chặn quân cứu viện do tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây (thuộc Trung Hoa) tới; Tư Không là Đinh L- Nguy-n Sỉ và Lê Bì, [tờ 25a] dồn quân tinh nhuệ tiến đánh Đông Đô, để biểu dương thanh thế. Ra lệnh cho các Tướng: Đến đâu đều không được lấy của dân một mảy may. Bỏ i thể quân đi qua mà chợ vẫn hợp như thường. Các Trấn ở các Lộ thấy đều hoan nghênh, thì đua đem thịt trâu thịt dê cơm rượu ra khao lạo quân sĩ.

Ngày 12, Lê Triện dẫn 3.000 quân tiến sát Đông Đô, tham Tướng nhà Minh là Trần Trí, thấy quân ta kéo đến một cách bất thành linh! Sợ quá! Bèn dẫn quân ra ứng chiến ở Ninh Kiều thuộc phủ Ứng Thiên, Lê Triện, Lê Khả và Đỗ Bí hết sức chiến đấu. Quân Minh thua, ta chém đầu 2.000 quân địch, rồi tiến quân đến bờ phía tây sông Ninh. Trần Trí thấy thành Đông Quang cô lập nguy cấp, bèn đào hào đắp lũy thêm, để làm kế "cố thủ", rồi phi một tờ cáo cấp, để vào trong hộp bằng thiếc gửi tới Nghệ An, bảo Lý An và Phương Chánh dẫn quân về cứu nơi cỗi r-.

Ngày 17 tháng 9, Lý An và Phương Chánh [tờ 25b] để chỉ huy là Thái Phúc ở lại giữ thành Nghệ An, rồi xuống thuyền lên ra biển lúc ban đêm. Quan quân ta đã phục sẵn các nơi yếu hại, để chặn đường về của chúng, bởi thế bọn Phương Chánh chỉ loanh quanh ở trong biển, không lên bờ được. Về phần quân ta, lúc ấy hãy còn ít thuyền, khó bề đuổi đánh, nên bọn Phương Chánh chạy thoát. Hoàng đế bèn để Lê Ngân, Lê Văn An, Phạm Bôi, Lê Thận, Lê Văn Linh và Bùi Quốc Hưng ở lại vây thành Nghệ An, ngài thì đích thân đốc suất cả thủy quân và lục quân, tiến theo sau Lý An và Phương Chánh. Khi quân tới Tây Đô, ngài đóng doanh trại tại Lỗi Giang, uỷ lạo Tướng sĩ; ban thưởng cho các vị phụ lão trong làng và các người thân thuộc trong họ, tùy theo từng hạng. Nhiều người trong các Quận, các Huyện tỉnh Thanh Hóa nghe thấy Hoàng đế tới, đều đến cửa viên tình nguyện theo ngài xông pha ra trận, ngài đều cho dẫn vào bệ kiến, [tờ 26a] rồi tùy tài cho ghép vào các đội binh.

Ngày 20, viên Đô tư tỉnh Vân nam nhà Minh là Vương An Lão dẫn hơn vạn quân tới cứu viện, đi đến cầu Xa Lộc thuộc Tam Giang, Văn Sảo đón đánh phá tan. Địch bị giết và chết đuối tới hơn một nghìn quân, còn thì chạy vào thành Tam Giang.

Lê Triện đánh nhau với Ty Đô nhà Minh là Vi Lượng ở cầu Nhân Mục, đại thắng bắt được Vi Lượng.

Mùa đông, tháng 10, vua nhà Minh sai tổng binh là Thành Sơn Dật và Vương Thông, giữ chức Tham tán việc quân, cùng với Thượng thư bộ binh là Trần Hợp, và Tham Tướng là Mã Anh dẫn 50.000 quân và 5.000 kỵ binh tới cứu viện. Khi chúng tới Đông Đô, thì hơn vạn quân đạo binh Vân Nam đã đến Tam Giang rồi, và đang xuôi dòng thẳng tiến. Bọn Lê Khả được tin này, lập tức tự Ninh Kiều vội vã tới gấp, đón đánh ngay ở cầu Xa Lộc. [tờ 26b] phá tan được đạo quân Minh này.

Ngày mồng 6, Vương Thông ỷ vào thế mạnh lúc mới đến, bèn suất tất cả 1.000.000 quân, cùng với bọn Trần Hợp, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Lý An, Trần Trí và Phương Chánh, chia làm 3 đạo quân kéo ra ngoài thành, đánh vào trại của Lê Triện và Lê Bí ở bến đò Cổ...¹, Lê Triện bèn cấp báo cho Lê L- và Lê Sí biết, bọn Lê L- dẫn quân tự Thanh Đàm lại cứu, rồi cùng nhau bàn kế dụ lừa quân địch, và cùng hăng say chiến đấu, phá tan quân Vương Thông ở Ninh Kiều Túy Động (việc này có chép ở truyện tiểu sử Lê Triện). Trần Hợp và Lý Lượng nhà Minh cùng 50.000 quân chết đuối rất nhiều, ta bắt sống được hơn vạn quân địch, và thu được khí giới, ngựa trâu, vàng bạc của cải rất nhiều, bọn Vương Thông chỉ chạy thoát lấy thân về Đông Quan đóng thành cố thủ. Lê L- và Lê Triện [tờ 27a] thừa thắng thẳng tiến vây thành, quân uy lừng lẫy sấm vang! Lúc này Hoàng đế đang hội các Tướng Hải Tây đóng ở Thanh Hóa, nhận được thư báo thắng trận, ngài bèn thân xuất đại quân và 20 con voi thẳng tiến, ngày 11 tới Lũng Giang, các Tướng đón mừng.

Tri Châu châu Bình Chánh là Hà Hoạn bị quân ta bắt, nhưng y chịu chết không hàng.

Vương Thông tự sau khi thua trận, khí giới gần hết, phải phá quả chuông Qui Điền và cái đỉnh Phổ Minh để đúc đạn súng.

Ngày 22, Hoàng đế tiến quân đến Phù Liệt, ngày hôm sau, ngài sai Trần Hãn, Bùi Bị lĩnh 100 thuyền chiến tự sông Đại Lũng bơi ra cửa sông Hác Giang, rồi xuôi dòng thẳng xuống; Đinh L- dẫn hơn vạn

¹ Đây là tên một bến đò, có 2 chữ, nhưng bản chính chỉ chép có 1 chữ "cổ", còn phần dưới bỏ trắng khoảng một chữ. Vậy không thể biết là bến đò cổ gì?.

quân bản bộ đánh vào cầu Tây Dương, ngài thì đích thân cầm quân đánh vào cửa Nam Thành Đại La. Đến trống canh ba đêm hôm ấy, quân ta đánh cả bốn mặt, rồi phóng lửa đốt những nhà của dân ở bên ngoài thành, binh Tướng của Phương Chánh ở doanh ngoài, [tờ 27b] vội tranh nhau chạy vào trong thành, bị chết ngổn ngang! Ta giải phóng hết những người Việt ta từng bị chúng ức hiếp phải theo, và thu được hơn trăm chiếc thuyền chiến, cùng rất nhiều khí giới đồ đạc. Quân dân vùng này thấy đều qui phụ quân ta. Bọn Vương Thông và các quan 3 Ty đều cố chết giữ thành, để đợi quân cứu viện. Hoàng đế bèn đóng dinh tại Đông Phù Liệt gần đó để uy hiếp.

Sau khi Hoàng đế tới thành Đông Đô 3 ngày, các vị hào kiệt các Lộ; nhân dân các Phủ Huyện; và Tù Trưởng các Trấn kéo nhau đến cửa dinh đông nghịt, thấy đều tình nguyện giúp sức đánh phá các thành, Hoàng đế cho dẫn các người vào bệ kiến, ngài phủ dụ an ủi và giảng cho biết lẽ lui tới; các sĩ phu và thứ dân đến yết kiến ngài đều niềm nở tiếp đãi đúng lễ, rồi tùy tài cao thấp của từng người, cho liệt vào các chức; ban hành cả thưởng và phạt, để cho mọi người biết sự khuyến răn. [tờ 28a] Ai nấy đều cảm kích.

Chia các lộ và các Trấn ở Đông Đô làm thành 4 Đạo; đặt các quan văn võ trong Triều và ngoài Đạo; đặt chức tuần kiểm ở các cửa biển, để khám xét người qua lại, và bắt những kẻ phản đảng đã làm quan với nhà Minh, cùng những kẻ ngoan dân có lòng phản bội định đem thư về Trung Hoa.

Lại ban lời dụ rằng:

"Các bậc văn nhân tài tử nào chưa ra làm quan, mà có thể viết thư đưa vào thành Đông Đô, khuyên được Tướng Tá trong đó mở cửa thành ra hàng, hoặc giảng hòa để về nước. Sẽ đặt cách trọng dụng ngay".

Ban lệnh tịch thu sản nghiệp, vợ con, tôi tớ của bọn ngụy quan (làm quan với triều Minh), lấy thóc lúa sung vào kho dự trữ, để cung cấp quân nhu.

Tháng 12, ra lệnh cấm quân sĩ không được chặt phá cây cối hoa quả, cướp bóc tài sản của nhân dân.

Quan quân ta vây thành Đông Đô rất gấp. Vương Thông bị cùng quẫn quá! Bèn gửi thư giảng hòa, xin cho được đem hết quân sĩ về Trung Hoa. Hoàng đế rằng:

[tờ 28b] " Binh pháp có câu: "Không cần đánh mà đối phương phải khuất phục. Đó là thượng sách của nhà binh vậy".

Ngài bèn bằng lòng cho hòa, và hẹn Vương Thông phải dồn tất cả người và lính ở các thành khác, về hội cả Đông Đô, càng sớm càng hay. Nhưng mới qua một thời gian, có bọn cận thân qua lại với Vương Thông là bọn ngụy Đô ty Trần Phong, Tham chánh Lương Nhữ Hốt, và Đô chỉ huy Trần An Vinh bảo Vương Thông rằng:

"Thời xưa, Ô Mã Nhi thua trận ở sông Bạch Đằng, phải đem quân lại hàng, Hưng Đạo Vương bằng lòng cho hàng, rồi sai đem các thuyền lớn chở đưa về nước, nhưng lại dùng các người tài lặn làm thủy thủ. Khi thuyền ra tới ngoài biển, chờ khi ban đêm, các người trong thuyền ngủ say, lúc ấy thủy thủ lặn xuống nước, khoan thủng đáy thuyền, làm cho binh Tướng Tàu đều chết đuối hết trơn, không còn một mống".

Bởi thế, Vương Thông đâm ngờ, lại đắp thêm lũy, đào thêm hào, và gài chông nhọn để làm kế cố thủ [tờ 29a] rồi ngầm sai mấy chục người đem bức thư bọc ngoài bằng sáp ong, lén đi lối tắt để cầu viện binh. Quan quân ta bắt được bọn này, nên Hoàng đế phát ghét về thói tráo trở, ngài bèn sai đặt phục binh khắp bốn mặt bên ngoài thành, để bắt các người trong thành ra vào, tổng số bắt được đã tới hơn 3.000 lính và 5 con ngựa, thì tự đẩy Vương Thông đóng thành không ra, sứ giả qua lại cũng chấm dứt.

Hoàng đế sai các Tướng dẫn quân đi đánh các Phủ Huyện: Bùi Quốc Công đánh Đào Kê Thị Kiều; Lê Khả và Lê Văn đánh Tam Giang; Lê Sát, Lê Thụ, Lê Lý và Lê Lãnh đánh Xương Giang; Lê Lưu và Phạm Bôi đánh Khâu Ôn.

Ngày 20, đặt chức An Phủ Sứ vào các Lộ, dùng Đào Công Soạn và Ngụy-n Dực cả thảy 24 người sung chức này; đặt chức Viên ngoại lang vào 6 đạo quân, dùng Ngụy-n Tông Vỹ cả thảy 6 người sung chức này. Bọn Công Soạn hết thảy đều là [tờ 29b] sĩ tử mới trúng tuyển.

Năm Đinh Tỵ, niên hiệu Thiên Đức thứ 21¹, Mùa xuân, tháng giêng, Hoàng đế tiến quân đóng tại bờ phía Bắc sông Lô, rồi chia quân vây thành Đông Đô: Lê Hướng giữ vây cửa Đông thành, Đinh L- giữ vây cửa Nam thành, Thái giám Lê Chứng giữ vây cửa Tây thành, Lê Triện giữ vây cửa Bắc thành. Sơn Thợ sai Thông Sự là bọn Ngụy-n Nhiệm gồm 3 người, lại thông tin tức với ta.

Hoàng đế ban chức Hỏa thủ quân trong các Lộ, tùy theo từng hạng; bổ 515 người vào thuộc lại trong Viện Hàn Lâm, và thuộc lại trong bốn Đạo; sai Dương Thái Nhất tu sửa đền thờ Trần Hưng Đạo, cấm không được chặt phá cây cối nơi đây; ra lệnh cho Lộ An Bang nộp gỗ sung và tên bắn bằng tre; ra mệnh lệnh cho các Lộ các Trấn chuyển vận lương hướng tới Xương Giang và Tam Giang, để cung cấp quân lính; ra lệnh cho các Tướng và quan chức các Lộ, phải dò hỏi [tờ 30a] tìm tòi người có tài ba trí dũng, có thể làm chức Thượng Tướng Tư Mã, mỗi viện phải tiến cử một người; ra lệnh cho nhân dân, người nào dâng thóc để cấp phát cho quân, sẽ được phong tước, tùy theo từng hạng.

Viên chỉ huy tỉnh Nghệ An là Thái Phúc đầu hàng ta. Thành Di-n Châu cũng hàng.

Phạm Cự Luyện ở huyện Đường Hào, và Đoàn Lộ ở huyện Cổ Phí, đều dâng kế sách đánh phá thành trì; và cách thức làm phen chiến đấu, xe phá thành và xe ngựa bay. Hoàng đế khen hay, bèn sai các Tướng y theo kiểu mẫu đó để làm các thứ trên.

Ra lệnh cho các xứ phải tôn thờ miếu thờ các vị Công thần thời trước.

Sai người đã đầu hàng là viên Bách Hộ Hà Vượng, mang thư vào thành Đông Quan dụ Vương Thông ra hàng. Sai Tư Mã Tuyên Quang là Lương Thế Vinh và Đề Đốc Phụ Đạo là Ma Tông Kế coi việc đóng thuyền chiến.

Sai Nhập nội Thiếu bảo là Lê Lưu tổng quản việc quân dân các xứ Lạng Sơn và An Bang, [tờ 30b] xuất quân đánh thành Khâu Ôn, rồi chia quân đóng giữ các chỗ hiểm yếu nơi ấy, và cho Lê Lưu được quyền "tiên trăm hậu vạn" (mỗi khi kẻ nào phạm pháp, được quyền chém đầu kẻ ấy ngay, rồi sau mới tâu lên vua).

Mời viên Nhập nội thiếu phủ là Lê Chích ở Nghệ An về Đông Đô.

Phong cho viên Hàn Lâm Viện Thừa chỉ học sĩ là Ngụy-n Trãi chức "Triều liệt đại phu nhập nội hành khiển, Lại bộ Thượng thư, kiêm Cơ Mật viện". Hoàng đế sai dựng một cái lầu mấy tầng trong dinh Bồ Đề, hằng ngày ngai ngự tại tầng lầu trên cùng, để trông vào thành bên địch, cho Ngụy-n Trãi ngồi ở tầng lầu dưới, để bàn luận cơ mưu hầu ngai, và thảo những thư từ gửi đi, xét những thư từ gửi tới.

Ngày 13, Lê Lưu và Phạm Bôi đánh chiếm được thành Khâu Ôn, người Minh bỏ thành chạy trốn vào lúc ban đêm.

¹ Năm trước đây là năm Bính Ngọ niên hiệu Tuyên Đức thứ nhất, nhằm niên hiệu Thiên Khánh triều Trần thứ 2. Năm này là năm Đinh Tỵ, liền sát ngay với năm trước, sao lại chép niên hiệu thứ 21? Hoặc chép lầm chăng ?.

Viên Tư mã là Lê...¹ cậy có chiến công [tờ 31a] thường thốt ra những lời khinh nhờn. Hoàng đế sai giết chết, và tịch thu gia sản. Viên Thiên hộ là Lý Vân, và Tòng nhân là Bùi Vĩnh, lấy trộm muối chở vào thành Chí Linh, ngài cũng sai giết cả, và đều bị tịch thu gia sản.

Ra lệnh kiểm điểm khí giới của binh sĩ, kẻ nào thiếu, sẽ trị theo quân luật.

Ra lệnh cho tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Lạng Sơn nộp vỏ cây gai, để dùng vào việc quân. Ra lệnh cho huyện Tân Phúc mở lò rèn sắt.

Sai viên Tư mã Tổng đốc Trấn Thiên quan là Cao Ngự dẫn quân vây thành Cổ Lộng, và cho ông được quyền "tiên trị hậu văn" (mỗi khi kẻ nào phạm pháp, được quyền trị tội ngay, rồi sau mới tâu lên vua), rồi sai các Tướng đóng đồn giữ nơi đây: Lê Văn đóng đồn tại cửa Đông thành Đông Quan; Đinh L-, Lê Sát, Lê Lý và Lê Chích đóng đồn tại cửa Nam; Lê Bị đóng đồn tại cửa Tây; Lê Triện và Lê Văn An đóng đồn tại cửa Bắc.

Ra lệnh cho các xứ : Tam Giang, Tam Đối, Tuyên Quang và Qui Hóa nộp thứ tre [tờ 31b] nửa, dựng bức thành ở dưới nước, vào phía bờ bên Bắc sông Nhĩ Hà.

Lê Chích đánh chiếm được thành Dao Kê, viên Chỉ huy là Trương Lân và viên Tri phủ là Trần Văn ra đầu hàng.

Chế tạo súng Tương dương, để dùng vào việc đánh phá thành trì.

Ra lệnh cho người trong nước: Người nào có cha mẹ vợ con, anh em, tôi tớ hoặc họ hàng, đã trốn theo quân địch ở trong thành, cho phép tự nguyện đến ghi tên², chờ sau khi phá được thành, sẽ chiếu đó giao cho đưa về gia đình. Nếu không khai, đến khi thành phá, lại tư túi tranh nhận xin về chung sống, sẽ trị tội theo quân luật.

Ban cho các viên Phụ đạo ở các Xứ chức Thủ ngự đoàn luyện, phẩm tước tùy theo từng hạng.

Ngày 7, tháng 2, Thiếu úy là Lê Triện, đánh nhau với Tướng nhà Minh là Phương Chánh ở Khảo Động, Triện bị tử trận, Đỗ Bí thì bị giặc bắt.

Ngày 19, quân Minh đánh đồn Bài Sa Đồi thuộc huyện Từ Liêm, quan quân đóng vững cửa thành và cố sức chống cự, tới khi hết tên đạn [tờ 32a] phải lấy cả vò lọ và gạch nấu bếp liệng ra, quân địch không tiến nổi, sau phải giữ nhà cửa dân chất đống lại, phóng lửa đốt theo chiều gió, rồi kéo nhau bơi lội qua sông, bị chết đuối khá nhiều. Duy đạo quân Thiên quan không biết bơi lội, ở lại thủ tử chiến đấu, quân địch phải thua chạy.

Lê Chích dẫn quân vây đánh thành Thị Kiều, Tướng nhà Minh là Vương Đường và Bảo Trinh ra hàng.

Hoàng đế sai Ngụy-n Trãi đi cùng với người đã hàng là viên chỉ huy họ Tăng đến thành Tam Giang chiêu dụ (khuyến hàng).

¹ Đây là tên người, nhưng chính bản chỉ chép một chữ "Lê" (họ Lê) mà bên dưới bỏ trống khoảng một chữ. Vậy không biết viên này tên là gì ?.

² Câu này bản chính chép: "Hứa tự nguyện đăng thành" (cho phép được tự nguyện lên trên thành). Hai chữ "đăng thành" (lên trên thành) đáng ngờ. Vì đang lúc hai bên đánh nhau, mặt thành là nơi canh phòng cẩn mật, người thường đâu có thể lên được. Và lại trèo lên thành để làm gì ? như vậy đủ rõ hai chữ "đăng thành" là không hợp văn lý. hoặc do chữ "đăng ký" (ghi tên vào quyển sổ) chép lộn ra chăng ? Vậy xin dịch theo nghĩa chữ "đăng ký".

Sứ thần nước Chiêm Thành lại nước ta dâng cống hiến, Hoàng đế đãi yến, khi trở về ngài lại ban cho lụa vải và con ngựa, và sai Thiêm tri khu mật là Hà Lạt đi cùng với sứ giả tới Chiêm Thành để tuyên bố ủy lạo.

Ra lệnh các Tướng Tá lại bắt đầu lập công mới. Tự các vị đại thần tới chức Thái úy, ai có công lớn được thưởng "kim phù", thì được hưởng thuế một Quận; các viên Chấp lệnh có công được hưởng một Ấp; các viên Đốc Tướng và quân nhân có công [từ 32b] cũng được hưởng một Quận hoặc một Ấp, tùy theo từng hạng. Những vị nào không có công thưởng, thấy đều giáng xuống hạng dân thường.

Ban tờ chiếu cho các địa phương, nơi nào có Lăng Miếu của các vị vua thời trước, mà bị người Minh phá hủy, thì quan chức nơi ấy phải tu sửa lại, và phái người trông coi; mỗi Lăng mấy người, tùy theo từng hạng.

Tháng 3, duyệt binh ở Vĩnh Động, hàng ngũ đội binh của viên Chánh đốc là Nguy-n Liên Khiêm Khuyết, khí giới lại không tề chỉnh, liền chém đầu Nguy-n Liên để làm gương.

Phong chức Thượng thư bộ I-, và Kiêm Tư đồng đạo quân dân bạ tịch cho Bùi Ư Đãi.

Ra lệnh cho ba quân: Kẻ nào có chí hi sinh về việc nước, mà tinh thông võ nghệ, có sức mạnh, tính quả cảm, đều được tự đến tiến thân, sẽ tuyển vào đội thị vệ nơi Nội phủ.

Ngày mồng sáu, viên chỉ huy sứ nhà Minh là Lưu Thanh tại thành Tam Giang ra hàng. Lưu Thanh vẫn sẵn có chí qui phụ ta. Nguyên hồi trước, người Tam Giang theo viên tổng binh nhà Minh [từ 33a] đi đánh Thanh Hóa, bị thua trở về, bọn người bản xứ có những kẻ nói những lời hối xược, Lưu Thanh liền mắng rằng:

"Thằng mán vô I- ! Người ấy sẽ là vị Hoàng đế của chúng mày đấy".

Đến đây Lưu Thanh ra hàng. Cách đây một thời gian ngắn, hơn vạn hàng binh các thành khác hợp nhau làm phản, việc vỡ lở, đều bị giết hết, chỉ có binh sĩ thành Tam Giang không dự việc này.

Ngày mồng 8, viên Tư Không là Đinh L- và Thượng Tướng quân là Nguy-n Sí, đánh nhau với Tướng nhà Minh là Vương Thông ở Mỹ Động, bị thua, Đinh L- tử trận, Nguy-n Sí bị địch bắt.

Phong chức Hành quân quản đốc nhập nội đại tư mã cho Thông hầu là Lưu Nhân Chú, và được quản lĩnh 4 Vệ: Tiền, Hậu, Tả, Hữu, lại được biết tới các việc quân trong Tân Vệ.

Ra lệnh cho Tướng Tá và quân nhân trong hạt Quốc Oai, Tam Đối: Người nào bắt được tờ thư của giặc, nội dung toàn những lời lừa dối dụ dỗ, cốt để mê hoặc lòng người, mà chỉ đem thư ấy trình riêng [từ 33b] lên viên Tướng trong bộ mình, sẽ bị chém đầu. Viên Đốc Tướng trong các đội ấy, mà không xét tới việc ấy, cũng bị đồng tội. Kẻ nào phao lời mê hoặc tại các Châu Huyện, thì bắt ngay dẫn giải tới cửa quân, chém đầu.

Bố trí những quan nhà Minh đã đầu hàng vào các Xứ: Thanh Hóa, Nghệ An, Lam Ấp, và Tân Bình.

Ra mệnh lệnh cho các Lộ, phải tiến cử những người anh tuấn hiền tài có trí dũng và ngay thẳng, sẽ vời vào triều đình đối đáp xử dụng. Nếu trong hạt có người hiền trên, mà các quan ẩn giấu không tiến cử, sẽ bị giáng chức hoặc cách chức.

Ra lệnh cho chức Thiếu úy giữ lệnh giám sát trong quân ngũ: Lúc ngày thường, có tên lính nào phạm pháp, không được tự ý giết ngay. nhưng khi lâm trận, tên lính nào trái lệnh, được quyền chém đầu ngay, rồi sẽ tâu lên vua.

Ngày 19, thành Thị Kiều đầu hàng. Vua ra lệnh:

"người trong nước, ai có vợ con hoặc anh em đã bị quân giặc ở các thành cướp bắt làm vợ, làm thiếp, hoặc làm tôi tớ, nay đã ra hàng, mà có thể cùng nhau đánh vào thành Đông Quan, [tờ 34a] kẻ nào chém được đầu giặc, hoặc bắt được giặc, sẽ tra hỏi người thân thích giao cho về nhà, và vẫn được thưởng cấp bậc, tùy theo từng hạng".

Cấm các người đồng cốt không được hành nghề tả đạo, giả xưng tà ma quỷ thần, đem những lời phù phiếm cổ động, mê hoặc lòng người.

Ra lệnh cho những nhân dân lưu tán được về nguyên quán, kẻ nào chăm chỉ cày cấy ruộng nương, đều cho được giao dịch mua bán, kẻ nào hoang phế việc nông, sẽ trị tội nặng.

Sai người Minh đã đầu hàng là Châu Sài đem 340 con ngựa đến Hóa Châu chăn nuôi.

Ra mệnh lệnh cho các đạo quân, luyện tập thủy chiến.

Ra mệnh lệnh cho các viên Thiếu úy, chọn những con nhà giàu, lấy hạng thân thể to lớn; tinh thông nghề võ; có sức mạnh, lại có chí quả quyết, mỗi viên hãy chọn 200 như trên, để sung vào đội Thị vệ.

Vì Đào Lý Khánh tư thông với giặc¹.

Cấm viên chức coi kho muối, [tờ 34b] không được tự ý đem muối thông dụng.

Tháng này (tháng 5 Đinh Tỵ), nhà Minh sai viên Thái Tử Thái Phó, tước An vi-n hầu là Li-u Thăng, mang quả ấn Chinh lỗ phó tướng quân, và Thượng thư hộ Binh là Lý Khánh giữ chức Tham tán quân vụ, dẫn 70.000 quân trong các tỉnh Kinh Hồ, Tích Giang và Phúc Kiến, do đường tỉnh Quảng Tây tới đánh ta; viên Thái phó tước Kiềm quốc công là Mộc Thạnh, mang quả ấn Chinh nam tướng quân, đem 50.000 quân Vân Nam, do đường tỉnh Vân Nam tới đánh ta.

Mùa hạ, tháng 4. sai viên Phòng ngự là Trần Ban quản đốc công tác tu sửa cửa ải Lê Hoa, để phòng ngăn quân Vân Nam.

Hoàng đế hạ lệnh rằng:

"Ta không có tài dũng và trí tuệ, thế mà một mình giữ trách nhiệm trọng đại này, sợ không đương nổi. Bởi thế, nên ta vẫn thường khoanh tay cầu người hiền, nghiêng lòng tôn kẻ sĩ, để cùng mưu toan việc lớn, cứu vớt dân này. Vậy ai tiến cử những bậc có cơ mưu võ dũng hơn người, [tờ 35a] hoặc đích thân tự tiến, ta sẽ phong cho tước Thượng Khanh".

Ghi chép công các người đã khó nhọc về việc nước: Phong chức Thái úy cho em trai Lê L- là Đinh Liệt ; phong chức Quan sát sứ cho thân phụ Lê Triện là Lê Ba Lao; phong chức Phòng ngự sứ cho con Lê Triện là Lăng².

Sai ban lời dụ khuyến khích các Tướng sĩ trong 14 Vệ Thiết đột, phải đồng lòng đánh quân giặc; lại sai ban lời dụ cho các Tướng sĩ trong 3 Lộ; Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa, phải gắng sức dẹp giặc.

Hoàng đế hạ lệnh cho các Tướng các quân rằng:

"Người Minh tàn hại dân ta đã hơn 20 năm nay. Buổi đầu số quân của ta có hơn trăm vạn, sai để 35 vạn chờ đánh phá thành Đông Quan, cho 25 vạn về làm ruộng, lưu vài chục vạn làm quân phòng ngự việc

¹ Câu này chưa đủ ý nghĩa. Hoặc bên dưới còn hai chữ "sát chi" (giết chết) mà người chép đã bỏ sót chăng ?.

² Lê L- và Lê Triện là hai vị kiện Tướng, đã từng lập nhiều chiến công, và đều đã tử trận. Triều đình nghĩ tới công lao, nên phong quan chức cho thân nhân của ông.

nước. bây giờ phải lấy thêm quân, cứ nhà nào có 3 người thì lấy 1 người làm lính. Còn các thứ thuế và tạp dịch đều mi- n cho 3 năm. [tờ 35b] Lại tuyên bố 10 điều quân luật cho quân sĩ biết.

Cho viên Thiếu bảo là Lê Văn An được quyền tổng tri việc quân trong 4 Lộ: Quốc Oai, Thượng Trung, Tam Đối, và Quảng Oai.

Ban 3 điều răn cho các quan văn và võ:

1. Không được vô tình.
2. Không được dối trá, khinh nhờn.
3. Không được gian tham.

Sai ban lời dụ cho các hào kiệt trong thiên hạ rằng:

"Hiện nay đã phá được nhiều thành quân địch, duy còn thành Đông Quan vẫn chưa hạ được. Bởi thế, ta ngũ không yên giấc, ăn không biết ngon, đêm ngày lo nghĩ, Vả lại ta chưa được người hiền tài phụ tá. Ta tuy là chủ Tướng nhưng tự xét:

1. Già yếu không có tài năng;
2. Học thức nông hẹp;
3. Trách nhiệm nặng nề khó đương nổi.

"Thế mà các vị đại thần giúp đỡ, chưa có người đặt vào chức Tướng Quốc, chức Thái phó và Thái bảo; chức Thái úy, chức Đô nguyên soái cũng còn thiếu; các chức Hành khiển [tờ 36a] và các quan khác, mười phần mới có một hai. Thế cho nên ta thành thực khuyên mong các vị hào kiệt gắng sức giúp ta, để cứu vãn nhân dân, không nên ẩn mình giấu bóng, để cho thiên hạ phải chịu cảnh khổ lầm than này mãi. Hoặc có vị nào muốn giữ tiết tháo cao siêu như tứ hạo¹; trốn lánh công danh như Tử Phòng², cũng nên vì dân, hãy ra cứu nạn, chờ sau khi thành công mà muốn toại chí nguyện, lúc ấy sẽ về ẩn nơi rừng núi, ta không cưỡng ép".

Ra mệnh lệnh cho các Tướng giữ đồn ải, phải xét hỏi gắt những người qua lại vận sắt phục lạ, và xét những thư từ các biên thùy đưa về, xem thực hay giả.

Tháng 5, ra mệnh cho mọi người tặc nạp văn bằng của người Minh đã phong cho, và xét kỹ dấu ấn trong văn bằng đó có đúng không.

người ở hạt Bố chánh là Ngụy- n Tử Hoan hiến kế sách, Hoàng đế vừa ý, ngài bèn phong cho ông chức Quân sư.

Ra mệnh cho các viên Thiếu úy và quan các Lộ, phải tìm tòi hết văn bằng của các ngục quan, (làm quan với giặc) và tịch thu tài sản trâu bò vợ con đầy tớ của các ngục thổ quan và ngục thổ quân [tờ 36b] để nộp, cho phép được nộp tiền chuộc tội, để lấy tiền cấp cho quân sĩ.

Sai tuyển nhân đinh, chọn lấy những người khỏe mạnh, để bổ thêm vào hàng ngũ quân đội.

¹ Tứ hạo: 4 ông già ngoại 80 tuổi: 1. Đông Viên Công, 2. Hạ Hoàng Công, 3.- ỷ Lý Công, 4.-Giác Lý Tiên Sinh, cùng nhau ở ẩn tại núi Thương Sơn, vua Hán Cao tổ cho sứ vời, đều không chịu tới. Sau vua Cao Tổ định bỏ Thái tử Doanh, dựng em Doanh là Như Ý lên thay, Trương Lương bèn lập mưu mời đón được 4 ông già này đến phụ Tá Thái tử. Vua Cao Tổ thấy vậy, cho là Thái tử được người hiền giúp, bèn bỏ ý thay Thái tử.

² Tử Phòng tức Trương Lương, được Hoàng Thạch Công trao cho quyển "Thái công binh pháp", học tập trở nên đại tài thao lược, chức quân sư giúp vua Hán Cao Tổ bình định thiên hạ. Sau khi thành công, ông không chịu nhận chức làm quan, rồi giơng thuyền tiêu dao nơi Ngũ Hồ.

Bọn Vi Báo tại châu Tư Lăng thuộc phủ Tư Minh ra đầu hàng ta.

Các Tướng đánh nhau với quân Minh ở Từ Liêm và Cơ Xá, đều thắng trận, đều được ban thưởng tùy từng hạng.

Ra lệnh cho các quan lại tại 4 Lộ: Thiên Trường, Kiến Xương, Lý Nhân và Tân Hưng, phải cấp dưỡng những người ở các thành đã ra hàng, cả đàn ông và đàn bà gồm hơn 6.000 người, không được để cho chúng phải lưu ly thất sở.

Thổ tù ở Mộc mang thuộc trấn Gia Hưng là Xa Khả Tham qui thuận, Hoàng đế phong cho chức Ty không bình chương sự, Tri thượng Phán thuộc trấn Đà Giang, và cho túi Kim ngư áo mũ tước Hầu, trao cho con ông là Xa Lộc chức Thượng Tướng quân vệ kim ngô; trao chức Đại Tướng quân vệ Ngọc kiềm cho Xa Khát, Xa Bàn, Xa Điểm, đều cho [tờ 37a] được đổi ra họ nhà vua (họ Lê).

Ngày mùng 10, tháng 6, Tước Trấn vi-n hầu nhà Minh đóng ở tỉnh Quảng Tây là Cố Hưng Tổ, dẫn 50.000 quân và 5.000 con ngựa sang cứu thành Đông Đô, khi đi đến cửa ải Pha Lũy, bị các Tướng đóng giữ ở đây là Lê Lưu và Lê Bôi đánh phá tan, Hưng Tổ phải chạy về Qùy Châu.

Phụ đạo là Cầm Lan qui thuận.

Phong thêm chức Tư đồ Tư mã cho Nguyên tử thị trung là Tư Tế, và chức Tư không cho Nhân Chú. Bổ các viên Thiếu úy là Lê Vấn, Lê Sát vào chức Tư mã Thượng Tướng; Lê Bôi vào chức Thiếu úy.

Ta đắp một đồn nhỏ ở châu Cơ Xá, bị quân nhà Minh đánh phá tan! Hoàng đế ra lệnh không được cứu, để cho chúng yên chí là quân ta nhất.

Tháng 7, ra mệnh lệnh cho quan các Lộ, và quan văn Môn hạ tỉnh hành khiển, cùng với Tướng Tá các đạo quân, hợp đồng lập hộ tịch (sổ đinh).

Sứ thần nước Chiêm Thành tới dâng phẩm vật bản xứ.

Ra lệnh ban tờ dụ cho các vị Tướng quân: [tờ 37b] "Tướng nào giữ việc binh, phải chăm lo về việc chiến trận, Tướng giữ việc vận tải, phải chăm lo về việc tiếp tế lương thực, việc đồn cũi, việc nấu muối, và ngăn chặn các lối đường thủy, đường bộ, để bắt những kẻ gian. Các người nên hi sinh bản thân, chăm lo công vụ, sát cánh cùng nhau giết hết quân thù. Ta là cha mẹ của dân, há ta không biết như thế là vất vả, mà còn buộc các người vào những việc cực khổ đó chăng? đó chỉ là sự chẳng được dừng vậy. Các người hãy cố gắng lên, để lập công lớn".

Các Tướng đánh nhau với quân Minh ở thành Đông Quan và hạt Thổ khối, đều thắng trận, được thưởng ngân bài và tiền lụa, tùy theo từng hạng.

Nước Ai Lao sai sứ sứ thần đến hiến phẩm vật bản xứ.

Tháng 8, ra lệnh ban tờ dụ khắp thiên hạ rằng:

"Hiện nay quân giặc ở trong nước ta, dân ta chưa được bình định, thì các người có yên lòng chăng? Xưa vì họ Hồ vô đạo, cho nên giặc Minh nhân đó mà cướp nước ta, [tờ 38a] những sự chúng tàn ngược nhân dân ta, tưởng các người cũng đã đều thấy cả. Bây giờ hãy dùng sức gian lao trong một năm, để hưởng cơ nghiệp thái bình muôn thuở. Các người nên nghĩ cho kỹ, đừng để lưu mối họa về sau".

Sai bọn Lê Khắc Hải sang sứ nước Chiêm Thành.

Lê Khả Tham hiến 3 con voi. Hoàng đế ban thưởng ngựa và lụa cho Khả Tham.

Ra lệnh nhân dân các Lộ tới cả dinh Bồ Đề, để tuyển lấy hạng khỏe mạnh, ghép thêm vào hàng ngũ quân đội.

Ra lệnh ban lời dụ cho Tướng Tá quân nhân lộ Tân Bình và Lộ Thuận Hóa rằng:

"Thời xưa nước Chiêm Thành phản nghịch, xâm lấn nơi biên thùy nước ta, lúc ấy, chính Tổ Tiên ông cha các người, đã tận trung với nước, góp sức đánh bại quân thù, lấy lại đất đai do chúng đã lấn cướp. Những công trạng hiển hách đó, hiện đã chép vào sử sách, lưu truyền đời sau. Hiện nay, người Minh vô đạo, trái nghịch lòng trời, hiếu chiến dùng binh, để mở thêm đất đai, khiến cho nhân dân ta đã chịu lắm than khổn khổ hơn 20 năm, thế mà trong các Lộ ta, chưa thấy có kẻ nào đem lòng trung nghĩa, chưa gắng sức lập công. Các người là bầy tôi nơi biên thùy, nên nghĩ đến công của Tổ Tiên ông cha các người ngày trước, phải tận trung với nhà vua, cố sức đánh giặc lập công. Những sự trung thành đó, rất đáng khen, và sẽ đặt cách phong tước vào hàng quan cao. Các người nên cố gắng".

Ngày mồng 8, tháng 9 viên Thái úy Trần Hãn, Tư Mã Lê Sát, và Thiếu úy Lê Lý, dẫn quân đánh phá được thành Xương Giang, quan Tri phủ Lưu Tử Phụ và chỉ huy dân Lý Nhiệm nhà Minh đều bị tử trận, ta thu chiến lợi phẩm, khao cho quân sĩ, Hoàng đế bèn sai các Tướng dẫn quân qua sông, cướp lấy đê Vạn Xuân, đắp bức lũy lên, để uy hiếp thành Đông Đô.

Quan tổng quản nhà Minh tước An vi-n hầu là Li-u Thăng, dẫn 10 vạn quân tự tỉnh Quảng Tây [tờ 39a] tới nước ta; tước Kiểm quốc công nhà Minh là Mộc Thạnh, dẫn 5 vạn quân tự tỉnh Vân Nam tới nước ta. tin này tự biên thùy báo về rất gấp! Hoàng đế bèn sai Trần Hãn, Lê Sát và Lê Nhân Chú dẫn binh tượng (voi) tới phục tại ải Chi Lăng, để đợi chống đạo viện binh tự Quảng Tây tới; sai Phạm Văn Sảo và Lê Khả, dẫn binh tượng đóng giữ ải Lê Hoa thuộc Mông Tự, để đợi chống đạo viện binh tự Vân Nam tới.

Lúc này, được tin đại binh nhà Minh sắp ồ ạt kéo đến, các Tướng phần nhiều xin Hoàng thượng đánh gấp ngay các thành nơi Đông Đô, để tuyệt quân nội ứng của chúng. Nhưng Hoàng đế phán rằng:

"Việc đánh thành lúc này là kế sách kém nhất. Là vì nếu ta đánh vào thành kiên cố đó, phải mất mấy tháng hoặc hàng năm, chưa chắc đã hạ nổi, binh sĩ ta tất phải mỗi một chán nản. Đang khi ấy, viện binh của địch lại kéo đến sau lưng, thế là ta bị địch đánh cả vào đằng trước và đằng sau, rất là nguy hiểm. Chi bằng ta hãy dưỡng sức, để chờ đánh viện binh, một khi viện binh đã bị phá, tất nhiên Tướng trong thành phải ra hàng, thế là ta chỉ khó nhọc một phen, mà thu được hai mối lợi. [tờ 39b] Đó là kế sách vạn toàn vậy".

Sau đấy, ngài sai canh gác cẩn thận, tuần phòng ngày đêm, và ra lệnh cho các Lộ: Lạng Sơn, Bắc Giang, Tam Đới, Tuyên Quang và Qui Hóa, phải dời vợ con của quân dân đi nơi khác, để lánh viện binh của địch tới, rồi hợp các Tướng thảo luận, Hoàng đế bàn rằng:

"Quân giặc (Trung Hoa) sẵn lòng khinh rẻ ta, cho là quốc dân ta nhát, vốn sợ oai chúng, nay nghe tin mấy chục vạn quân chúng kéo đến, tất là phải kinh sợ. Và cái sự khỏe lẫn yếu, nhiều thắng ít, là sự thông thường. Nhưng chúng không tính đến hình thế được thua của mình và của người, lại không biết tới cơ trời đi lại của thời vận. Còn như sự dẫn quân đi cứu nguy, thường cần mau lẹ. Vậy tất nhiên chúng đang đi một cách vội vàng. Binh pháp có câu: "Dẫn quân đi gấp khoảng đường 500 dặm để tới đích, sẽ quệ viên thượng tướng". Nay Li-u thăng dẫn viện binh đi gấp, binh sĩ tất mỗi một [tờ 40a] ta đem đạo quân được thanh thoi đánh quân mệt nhọc, còn lẽ già là không thắng".

Ngài liền ra lệnh cho Trần Hãn và Lê Sát, dẫn quân đi đóng giữ nơi hiểm yếu, h- viện binh đến, lập tức đón đánh ngay tại nơi biên cảnh, đừng để cho chúng vào được Bình Dương.

Ngày 18, đạo quân của Li-u Thăng tới cửa Quan Pha Lũy, viên Tướng giữ Quan là Lê Lưu kéo quân lui, về đóng tại ải Lưu, rồi lui về giữ Chi Lăng.

Ngày 20, Li-u Thăng thân tự đốc đạo quân tiền phong tiến tới, Trần Hãn và Lê Sát liền đem quân phục binh ra đánh, phá tan, chém đầu Li-u Thăng tại núi Mã Yên!

Ngày 25, Hoàng đế sai Lê Lý và Lê Văn An dẫn thêm quân đến, hiệp cùng với bọn Lê Sát đánh phá quân Minh, chém đầu tước Bảo Định Bá là Lương Minh.

Ngày 28, viên Tham tán quân vụ nhà Minh, chức binh bộ Thượng thư Là Lý Khánh chết bệnh tại trong quân, Phó Tướng là Thôi Tụ và Công bộ Thượng thư là Hoàng Phúc, thu thập tàn quân, mi-n cường tiến vào, bọn Lê Sát mở đường [tờ 40b] cho tiến, cho đến chỗ phục binh, mới tung quân đón đánh, chúng bị thua. Bọn Lê Sát liền chia quân ngăn chặn các đường hẻm nơi Mã Yên, Chi Lăng và Pha Lũy.

Thôi Tụ xin hòa, Hoàng đế không cho, ngài bèn sai Trần Hãn dẫn quân đánh úp vào quân vận lương thực của địch; Lê Văn và Lê Khôi đem thêm quân tiến đánh, đánh trong 15 ngày, phá tan quân Minh, chém chết 5 vạn quân, bắt sống Tướng Thôi Tụ và Hoàng Phúc cùng hơn 5 vạn quân, thu chiến lợi phẩm rất nhiều vô kể.

Khi đạo quân của Mộc Thạnh đến cửa quan Lê Hoa, Hoàng đế tính: Mộc Thạnh là viên tướng nhiều tuổi, từng trải, tất không dám tiến bừa. Ngài bèn mật báo cho Phạm Văn Sảo và Trịnh Khả phải cố thủ, chớ có giao chiến.

Sau khi Li-u Thăng thua trận, Hoàng đế sai đem 4 tên Chỉ huy Thiên hộ đã bắt được, và bằng sắc ấn tính của Li-u Thăng, đưa đến cho Mộc Thạnh, quân sĩ của Thạnh quá kinh hãi, tự tan rã, [tờ 41a] bọn Văn Sảo liền tung quân đánh vào, phá tan đạo quân đó ở nơi Lãnh Thủy Đan Xá, chém đầu hơn vạn tên, thu rất nhiều chiến lợi phẩm.

Hoàng đế sai Thông sự là Đặng Hiếu Lộc, dẫn Tướng Thôi Tụ và Hoàng Phúc do ta bắt, cùng với ấn tính cờ trống của chúng, đến thành Đông Đô hiểu thị. Bọn Vương Thông trong thành trông thấy, xiết đổi kinh hoàng! Ngài bèn sai các Tướng sắm các chiến cụ phá thành, dẫn quân tiến sát thành Đông Đô, Vương Thông mấy lần giao chiến đều thất lợi, lại bị ta vây hết đường hái củi và cỏ ngựa.

Tháng 11, Hoàng đế ra lệnh cho các Tướng Tá dâng kế sách về thời sự, kế nào có thể dùng sẽ được thưởng hậu.

Hoàng đế sai Đại Tướng Ngụy-n Lôi, đem thư đến thành Cổ Lộng và thành Tây Đô dụ hàng, binh tướng hai thành này đều nghe theo ra hàng.

Vương Thông và Sơn Thọ sai viên Thiên hộ đem thư giảng hòa tới, xin mở con đường cho chúng về nước. Hoàng đế ưng cho.

Vương Thông lại dẫn quân trong thành ra đánh ta, các quân Tướng đặt phục binh rồi vờ thua chạy, quân Minh đuổi theo, tới ổ phục binh [tờ 41b] quân ta vùng lên đánh cho tới bờ! Vương Thông ngã ngựa, suýt nữa bị bắt, may sao chạy vào thành được thoát, quan quân liền tiến thẳng đến cửa Nam Thành, rồi đắp bờ lũy để chống cự. Hoàng đế thì thân đốc các Tướng, đem quân đắp bờ lũy tự phường An Hoa thẳng tới cửa Bắc thành, chỉ trong một buổi chiều đã đắp xong. Tự đây quân Minh chỉ ở trong thành, không dám ra nữa.

Ghi chiến công của Tướng Tá vây cửa Nam Thành Đông Đô, ban thưởng tùy theo từng hạng.

Vương Thông và Sơn Thọ bị bao vây khốn đốn, lại xin giảng hòa. Quốc dân ta đã bị cực khổ về chính sách tàn bạo của người Minh lâu năm, nên phần nhiều kéo nhau đến xin Hoàng đế đánh gấp và giết cho bằng hết để hả giận. Ngài phán rằng:

"Việc dụng binh, lấy sự toàn quân¹ (không chết một mạng nào) là hơn cả. nay hãy để cho lũ Vương Thông về nói với vua nhà Minh, trả lại đất nước ta, không còn xâm lấn, thì ta còn cần gì hơn nữa, hà tất phải giết hết, để kết mối thù với nước lớn".

Ngài bèn ưng cho hòa và ra lệnh cho Lộ Bắc Giang và Lạng Giang, tu sửa lại cầu cống đường xá, sắm đủ ghe thuyền, để chờ đưa quân Minh về nước. [tờ 42a] Lại sai Hành khiển là Nguy-n Trai soạn tờ biểu, viết lời Trần Cao dõng dõ họ Trần xin được dựng làm vua, đưa tờ biểu này nhờ Tướng ở Vân Nam là Mộc Thạnh và Tướng ở Quảng Tây là Cố Hưng Tổ chuyển tâu với triều Minh.

Trước ta đã bắt được hai Tướng nhà Minh là Thôi Tự và Hoàng Phúc, nhưng Thôi Tự đã chết bệnh, bèn sai lính hộ tống Hoàng Phúc về tỉnh Quảng Tây.

Ta đưa thư trả lời Vương Thông dùng Lê Quốc Trinh và Lê Như Trì làm con tin.

Thái Giám nhà Minh là Sơn Thọ và Mã Kỳ đến dinh Bồ Đề làm con tin. Hoàng đế cũng sai con là Tư Tề và cháu họ là Nhân Chú vào thành Đông Đô làm con tin, để định hòa ước.

Hoàng đế ra lệnh ban lời dụ 6 điều cho Tướng Tá và quân sĩ:

1. Phàm những bề tôi phải hết lòng trung, không được làm những việc khi trá.
2. Những dân chúng nên chuộng sự ngay thẳng, chớ làm những sự gian tà trái phép.
3. Những người ra trận đánh giặc, khi chém giết hay bắt được quân địch, không được nhận hảo để tranh công.
4. Trong quân dân có kẻ nào gian ngược trái phép, thì quân dân khác [tờ 42b] nên báo bắt trị tội, và các người cũng nên lấy kẻ ấy làm gương, đừng để chính mình cũng sẽ bị phạt như vậy.
5. Những cần thần thị vệ, chớ nên cậy quyền quý mà ngược ngạo mọi người.
6. Những bầy tôi có bốn phạm xông pha công việc, nên tự mình làm trước, để cho kẻ dưới bắt chước.

Ngày 22, Hoàng đế cùng với các Tướng nhà Minh: Tổng binh thành sơn hầu là Vương Thông, Tham tướng Mã Anh, Thái giám Sơn Thọ và Mã Kỳ, Vinh xương hầu Trần Trí, An bình hầu Lý An, Đô tư Phương Chánh, Chưởng ng đô tư sự Trần Tuyên, và Trần Tá, Giám sát ngự sử Chu Kỳ Hậu, Cấp sự trung Quách Vĩnh Thanh, Hữu bố chánh sứ Đặc Kiêm, Tả hữu tham chánh Hồng Bình Lương, Lục Trinh và Lục Quảng Bình, Án sát sứ Dương Thời Tập, và Thiêm sự Quách Đoan, hội ở cửa Nam thành Đông Đô. [tờ 43a] Ngài ra lệnh cho các Tướng giải vây thành này, kéo quân lui về, lại sai giải vây cho 3 thành: Tây đô, Cổ lộng và Chí linh, truyền cho quân ta hộ tống các Tướng trong 3 thành trên dẫn quân về cả thành Đông Đô, để sẽ cùng trở về Trung Hoa.

Ngày 29, Hoàng đế sai Lê Thiếu Dĩnh và Lê Cảnh Quang, đem tờ biểu cầu phong của Trần Cao, cùng các phẩm vật cống hiến, theo viên chỉ huy do Vương Thông sai, đi sang triều Minh.

Tháng 12, Hoàng đế ra lệnh cho các Tướng coi đường thủy, cấp 500 cái thuyền cho người Minh, giao cho Phương Chánh và Mã Kỳ Lĩnh; các Tướng coi đường bộ thì cấp lương thảo, giao cho Sơn Thọ và Hoàng Phúc nhận lãnh; đưa về hơn 2 vạn quân cả đều đầu hàng và bị bắt, cùng hai vạn con ngựa, giao Mã Kỳ nhận lãnh; Chinh Man Tướng quân là Trần Tuyên thì dẫn quân Trấn thủ đi hộ tống.

¹ Câu này chỉnh bản chép toàn quốc, có lẽ chép lầm. Xin dịch theo nghĩa chữ toàn quân.

Ngày 12, Phương Chánh và Mã Kỳ tới dinh Bồ Đề cáo biệt Hoàng đế, tại đây suốt một buổi chiều, hai Tướng mới ra về. Hoàng đế sai sắm [tờ 43b] trâu dê mùng màng và lễ phẩm hậu tặng. Lúc ấy, các Tướng sĩ và nhân dân ta, đều thâm thù sự tàn bạo của người Minh, nên đều mật khuyên Hoàng đế nhân dịp giết chết cả đi. nhưng ngài dụ rằng:

"Việc phục thù trả oán, là tình thường của mọi người, nhưng không ưa giết người, là bản tâm của người nhân. Huống chi người ta đã hàng, mà mình lại giết chết, thì còn gì bất tường hơn nữa. Ví bằng giết đi cho hả giận một lúc, để gánh lấy tiếng xấu giết kẻ hàng mãi tới đời sau, chi bằng hãy cho sống ức vạn mạng người, để dứt mối chiến tranh tới muôn thuở, công việc sẽ chép vào sử sách, tiếng thơm sẽ truyền tới ngàn thu, há chẳng đẹp lắm ru?".

Các bầy tôi đều bái phục độ lượng khoan hồng của Hoàng đế.

Khi Mộc Thạnh dâng tờ biểu cầu phong của Trần Cao lên vua Minh, thì lúc ấy vua Minh vẫn chưa biết việc Vương Thông đã ký hòa ước với ta, ngài bèn ban lời dụ cho quần thần rằng:

[tờ 44a] "Những kẻ bàn tán, không hiểu ý muốn dứt việc can qua, tất cho là nghe theo thỉnh cầu của An Nam là không oai hùng. Nhưng nếu được nhân dân yên lành, thì trẫm không e ngại những lời đó".

Ngài bèn sai Công bộ Thượng thư là La Nhữ Kinh và Từ Vĩnh Vi- n đem tờ sắc sang nước ta, phong Trần Cao làm "An nam quốc vương", liền bãi đạo binh chinh nam; triệu bọn Vương Thông về nước. Tự đấy dứt nạn binh đao, thiên hạ thái bình.

Đại Việt Thông Sử

QUYỂN II

Đế Kỷ Đệ Nhị

THÁI TỔ (HỖ)

Năm Mậu Thân niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1428), nhằm niên hiệu Thiên Đức thứ 3 nhà Minh, ngày mồng 10, tháng giêng, mùa xuân, vua Trần Cao ngự tại thành Cổ Lộng, tự cho mình không có công gì với thiên hạ, mà giữ ngôi vua, thường ái náy không yên, bèn cỡi thuyền ra biển, lén vào châu Ngọc Ma. Khi Trần Cao đến bến Ma Cảng, quan quân đuổi kịp dẫn trở về, cho uống thuốc độc chết. Hoàng đế sai làm l-táng tế rất hậu.

Hoàng đế sai các quan: Tư Đồ, Tư Mã, Thiếu úy và Hành khiển, cùng hợp bàn định phép cai trị muôn dân, để cho người làm Tướng [tờ 45b] biết phép trị quân, người làm quan các Lộ biết phép trị dân, và sự răn dạy quân dân, cũng nên cho biết có phép, để những người giữ việc gì, biết phép của việc ấy mà làm.

Hoàng đế ra lệnh cho Tướng Tá và quần thần rằng:

"Tự xưa đến nay, việc cai trị trong nước, tất phải có phép, nếu không sẽ loạn. Bởi thế nên bắt chước đời xưa mà dựng phép, để dạy Tướng Tá quân dân, khiến cho đều biết điều thiện ác. Vậy đều thiện thì làm, điều bất thiện thì lánh, chớ có phạm pháp".

Tháng 2, định phong chức tước cho các công thần: Gồm 121 quân nhân có công cao về sự xông pha vất vả ngoài mặt trận nơi núi đồi, đều được thưởng; hạng công đệ nhất được cho đổi sang họ vua, là bọn Lê Quý, Lê Nhượng gồm 52 người, phong chức "Vinh lộc đại phu [tờ 46a] tả kim ngô vệ đại tướng quân" tước "Thượng trí tự"; hạng công thứ 2 được cho đổi sang họ vua, là bọn Lê Bồ, Lê Liệt, Lê Khảo gồm 72 người, phong chức "Trung lương tả phụng thần vệ quân" tước "Đại trí tự"; hạng công thứ 3 được cho đổi sang họ vua, là bọn Lê L-, Lê Hiến gồm 94 người, phong chức "Trung vũ đại phu câu linh vệ tướng quân" tước "trí tự"; bổ Đào công soạn chức Hoàng Môn thị Lang.

Ngày 8 tháng 3, Chánh sử nhà Minh là Lý Kỳ, La Nhữ Kính, cùng phó sử là Hoàng Ký Từ Vĩnh Đạt mang tờ sắc tới Đông kinh, sách phong Trần Cao làm vua, Hoàng đế sai bọn Ông Khí mang tờ biểu đi theo Lý Kỳ sang triều Minh tạ ơn.

Phong con trai thứ là Nguyên Long tước Lương quận công.

Hoàng đế họp tất cả các tướng văn võ và quần thần [tờ 46b] để định công ban thưởng, tùy theo người có công cao công thấp, để phong cấp bậc trên dưới: Phong thừa chỉ Nguyễn Trãi tước quan phục hầu; Tư đồ Trần Hân chức Tả tướng quân; cơ mật đại sứ Phạm Văn Sảo chức Thái bảo, đều được cho đổi ra họ vua.

Chia trong nước làm 5 đạo, mỗi đạo đặt một vệ quân, mỗi Vệ đặt một viên tổng quản, để cho cấp lớn cấp nhỏ, cấp trên cấp dưới, đều có sự liên hệ ràng buộc nhau. Lại đặt chức hành khiển vào các Đạo, để

giữ sổ sách, ghi tên quân dân. Sai quan tế thần sông núi miếu xã các nơi, và tế lễ phẩm các vị vua triều trước. Truy tôn tên thụy cụ Tổ Khảo đời thứ hai.

Tháng 4, Hoàng thượng tới thành Đông Kinh, bèn đóng kinh đô tại đây. Quần thần dâng tờ biểu tôn ngài lên ngôi Hoàng đế, ngài khiêm nhường không nhận, ban lời dụ rằng:

"Những vị vua có công đức lớn, như các vua Vũ Thang, [tờ 47a] Văn và Võ thời Tam đại, mà cũng chỉ tước Vương thôi. Huống chi đức lượng mỏng manh như Trẫm, đâu dám nói đến hiệu Hoàng đế, Nay chỉ xưng tước Vương cũng đã quá vậy".

Ngày 15, Hoàng thượng lên ngôi vua tại điện Kinh Thiên, xưng là "Thuận Thiên thừa vận, Duệ Văn Anh Vũ Đại Vương", đặt tên nước là Đại Việt, đổi niên hiệu đại xá thiên hạ, ban lời cáo rằng:

"Việc làm nhân nghĩa, cốt yếu nhân dân, đạo quân điều phạt, trước trừ kẻ bạo. Nước Đại Việt ta, là một nước văn hiến, đối với Trung Hoa, non sông bờ cõi đã khác nhau, phong tục Bắc Nam cũng không giống. Tự họ triệu họ Đinh họ Lý họ Trần, dựng nền độc lập nước ta, cùng triều Hán triều Đường triều Tống triều Nguyên, đều xưng Hoàng đế một nước. Tuy nước mạnh nước yếu không đồng đều, nhưng hào kiệt nước nhà vẫn chẳng thiếu. Thế cho nên [tờ 47b] Lưu Cung Triệu Tiết đánh nước ta, đều phải gánh lấy họa thảm bại; Toa Đô thì bị bắt tại quan Hàm Tử; Ô Mã thì bị giết ở sông Bạch Đằng. Xét vào việc trước, đủ có chứng minh.

"Hồi trước đây, vì chánh sự họ Hồ hà khắc, khiến lòng nhân dân oán thù, người Minh¹ nhân giày xéo dân ta, bọn ác lại mưu toan bán nước. Khắc nghiệt tự đốt dân đen, thảm họa như chôn con đỏ. Kề lừa lương dân, kẻ có hàng ngàn vạn, đem binh gây chiến, đã hơn 20 năm, thương nhân bại nghĩa, trời đất tối om, thuế nặng sưu cao, non sông vết sạch. Bắt dân kiếm vàng, dầm lam chướng mà phá non đất cát; bắt dân kiếm ngọc [tờ 48a] đục thủng luồng mà lặn biển lội sông. Lại sai đặt bầy nhử hươu đen, chằng lưới bắt chim biếc. Sâu bọ cỏ cây, cũng hết đường sống, diên liên quan, quả², thấy đều không yên. Hút máu sinh linh, cho béo mồm quan lại; hao công hồ mịch, để xây cất thự dinh. Phục dịch nhân công khổ nhọc, làng xóm canh cửi bỏ hoang. những tội ác đó, dù gánh cạn nước biển, rửa chẳng hết nợ; hoặc chẻ hết trúc rừng, chếp không hết lỗi. Thần dân đều giận, trời đất không tha.

"Ta đây khổ i nghĩa tự núi Lam Sơn, nương mình nơi nội vắng. Tự Nghĩ: Kẻ thế thù đâu thể đội trời chung, phường nghịch tặc quyết thù [tờ 48b] không cùng sống. Đau lòng nhức óc, chốc đã mười mấy năm thừa; nếm mật nằm gai, đâu chỉ một ngày nào nọ. Nổi giận quên ăn, đem sách lược thao nghiên cứu; suy kiềm ngẫm cổ, thấy đời hưng phế đổi thay. Quyết tâm phục quốc, chẳng lúc nào quên. Khi ta mới khổ i nghĩa binh, đúng lúc quân thù đang mạnh".

"Ngặt vì, nhân tài như lá mùa thu, tuần kiệt tựa sao buổi sớm, thiếu kẻ bôn tẩu trước sau, thiếu người mưu mô màn trướng. Chỉ vì, một niệm cứu dân, thường mong thành Đông thẳng tới: cỗ xe cầu Tướng, vẫn trơ bên tả bỏ không. Nhưng, hiền tài chưa thấy, mịt mù như trông cõi trùng dương; thành thực tự mình, gấp bách như vớt người chết đuối. [tờ 49a] Giận chưa giết được bạo tàn; ngán vận suy của nhà nước. Khi ở Linh Sơn, lương thiếu hàng tuần, khi ở Côi Huyện, lính chưa đủ đội. Áng chừng trời bất khốn cùng, để trao trách nhiệm, cho nên ta càng cố gắng, mong vượt gian lao. Dựng cờ khổ i nghĩa, nhân dân đâu đấy sum vầy; mở tiệc khao quân, binh sĩ cha con một dạ. Dùng kế sách "nhược chế cường" (nước yếu đánh nước mạnh), đánh vào chỗ hở; theo chiến lược "quả địch chúng" (ít quân đánh nhiều quân), phục đạo kỳ binh".

¹ Câu này chính bản chép cuồng Hồ. Có lẽ chép lộn. Xin dịch theo nghĩa chữ "cuồng Minh".

² Diên liên: Những người cùng quần, không có thân thích, không biết trông cậy vào đâu được. Quan: Người đàn ông góa vợ. Quả: Người đàn bà góa chồng.

"Kết quả: Đại nghĩa đã thắng được hung tàn; chí nhân đã thay phường bạo ngược. Trận Bồ Đằng chớp nhoáng sấm vang; trận Trà Lân chẻ tre khói tỏa! Sĩ khí càng hăng, binh uy lừng lẫy! Trần Trí Sơn Thọ, nghe hơi đã tán phách kinh hồn; Phương Chánh Lý An, nín thở mà [tờ 49b] tìm đường thoát chết. Thừa thắng ruổi dài, Tây kinh ta đã thu được; chỉ gươm thẳng tiến. Đông Đô thấy lại về ta. Ninh Kiều máu chảy thành sông, hôi tanh muôn dặm; Tuy động thân nằm đầy nội, lưu xá ngàn thu. Trần Hợp bị chém đầu, Lý Lượng lại phơi xác,, Vương Thông mưu tính không xong, Mã Anh cứu nguy không nổi. Chúng sức đã cùng, đành khoanh tay mà chết; ta mưu lòng phục, không cần đánh địch tự hàng, Tởng ng chúng tất thay lòng mà lui tới, nào ngờ lại gây nghiệt để mua oan: chỉ cố chấp ý kiến của mình, để gây tai vạ cho người khác; tham công trong một thời, mua cười khắp thiên hạ [tờ 50a] Đến nỗi vua Tuyên Đức hiếu chiến không ngừng, lại sai Thanh Thắng đem đầu chữa lửa. Tháng 9, năm Đinh tỵ, Li-u Thăng dẫn quân do Khâu Ôn tiến, cũng tháng này Mộc Thạnh chia đường tự Vân Nam sang. Ta điều binh giữ hiểm, bẻ gãy nhuệ phong; lại sai lính chặn đánh ngang, tuyệt đường lương thảo. Ngày 18, trận Chi Lăng Li-u Thăng bị thua, ngày 20, trận Mã Yên Li-u Thăng bị giết, ngày 25, Định Bá Lương Minh tử trận, ngày 28, thượng thư Lý Khánh quyền sinh. [tờ 50b] Ta thừa thế lia đao chẻ trúc, chúng vội vàng ngã giáo vào thành. Liền thêm lính vây thành bốn mặt, hện giết giặc vào giữa tháng mười. Bèn tuyển quân tùy hổ, ra lệnh Tướng trảo nha, gươm mài mòn đá núi, voi uống cạn nước sông, đánh một trận quét quân kinh ngạc, trận thứ hai tan lũ chim muông. Tổ kiến hồng phá toang đê lớn, qua cơn dông rụng hết lá khô. Đô đốc Thôi Tự quì chân xin lỗi, Thượng thư Hoàng Phúc tự trói ra hàng. Thấy chất đầy đường hai tỉnh Lạng, máu trôi nhuộm đỏ nước Xương Bình! Khiến cho gió mây thay đổi sắc, nhật nguyệt kém hào quang! Quân Vân Nam bị ta ách ở Lê Hoa, [tờ 51a] quá sợ hãi mà vỡ toang mặt; quân Mộc Thạnh nghe tin Thăng thua ở Cần Trạm, dẫm lên nhau để chạy thoát thân! Lãnh cầu máu chảy trôi cây, nước sông rền rĩ; Đan xá thân chồng như núi, cỏ nội đượm hồng! Hai đạo viện binh, thua trận chưa hề trở gót; các thành cùng khốn, ra hàng đều phải bó gươm. Bắt tên đầu đảng, chúng van lơn như hổ đói múa đuôi; không giết là oai, ta thể tất tẩm lòng nhân Thượng đế. Cấp năm trăm thuyền cho Mã Kỳ Phương Chánh, ra ngoài biển mà còn phách lạc hồn bay; cấp mấy nghìn ngựa cho Vương Thông Mã Anh [tờ 51b] về tới Tàu mà vẫn tim rung gân giật! Chúng đã sợ chết mà cầu hòa, tỏ lòng thành thực; ta muốn toàn quân là Thượng Sách, dân được nghỉ ngơi. Đó là mưu kế rất sâu xa, việc này xưa nay chưa từng có".

"Xã tắc tự đây vững bền, non sông tự đây đổi sắc, kiền khôn đang bĩ lại thành hanh, nhật nguyệt đã mờ bừng sáng chói. Dựng nền thái bình muôn thuở, rửa sạch ô nhục ngàn thu. Đó là nhờ trời đất tổ tiên phù hộ độ trì, mới được như vậy".

"Than ôi! Một mảnh áo nhung, dựng nên huy hoàng công nghiệp, bốn phương phẳng lặng, ban bố tờ cáo duy tân. Truyền khắp gần xa, thấy đều nghe biết".

Ban tờ chiếu khắp thiên hạ: Các [tờ 52a] thứ thuế ruộng đất, đầm trì, bãi dâu, và trưng thu vàng bạc, đều được mi-n thuế trong 2 năm; trong các Lộ, ai tự 70b tuổi trở lên, được mi-n sai dịch; có người con hiếu, hoặc người vợ thủ tiết; thì quan đầu Lộ tâu lên triều đình để ban khen thưởng; nhà nào có 3 người tòng quân, thì cho được mi-n 1 người; Huyện nào có lăng mộ hoặc miếu thờ các vị Đế Vương hoặc Công Thần thời trước, thì quan đầu huyện tâu lên triều đình, để cấp lương cho người phu trông coi nơi đó.

Ngày 20, ban tên hụy hiệu cho các Thần thờ tại các Miếu.

Tháng này sông Nhĩ Hà bỗng sản xuất vàng, quần thần bèn dâng tờ biểu tâu mừng về việc này.

Tặng hiệu Trung Vũ Đại Thần cho Bình Chương Sự là Lê Thạch; dùng Lê Tri Vận vào Ban tri tả hữu; phong chức Tổng tri vệ Xa Kỵ cho Liệt hầu Ngụy-n Lỗ.

Hoàng đế ra lệnh sai trị tội các ngụy quan đã theo giặc Tàu.

Sứ thần Lê Thiếu Dĩnh sang sứ triều Minh trở về.

Tháng 4 nhuận, [tờ 52b] Hoàng đế sai các đại thần, lại bàn định thể thức bổ các quan Lộ quan Huyện và quan giữ các nơi cửa biển quan trọng, chọn những hạng tinh thông và có đức thanh liêm chính trực, thì các quan tiến cử, để sung bổ các chức trên.

Đúc quả ấn "Thuận thiên bảo tử".

Ngày 12, tháng 5, Hoàng đế triệu các đại thần vào triều, bàn định luật lệnh về các chức quan Lộ quan Trấn và đồng ban, cùng điều lệ về tước trật.

Tháng 6, Hoàng đế sai khảo hạch các quan trong triều ngoài quận, chia làm ba bậc. Lại ra mệnh cho các quan văn quan võ đại thần, tiến cử người hiền tài, sẽ được thưởng ng, nếu vì tiền của hoặc vì thân thích, mà tiến cử người không xứng, sẽ bị tội.

Ngày 26, Hoàng đế ban chỉ hỏi các đại thần văn võ rằng:

"Trẫm là người thế nào, mà mệnh trời trao cho chức Đế Vương ? Và trẫm nhờ ở điểm nào mà dựng nên được công nghiệp lớn này ? Hiện nay, [tờ 53a] công việc nơi triều đình rất phức tạp, việc gì nên làm trước, việc gì nên làm sau ? Hiện các Tướng trong triều, ai là người đảm nhiệm được nhiệm vụ trọng đại, có thể ủy thác được mệnh lệnh ngoài nghìn dặm ? Và ai có thể phụ đạo cho Thái tử ?".

Tháng 8, dùng ngày sinh nhật của Hoàng đế làm tiết "Vạn thọ" hàng năm.

Tháng 10, định số ngạch cho mỗi đạo quân bao nhiêu cờ quạt, nghi trượng khí giới và thuyền ghe; đổi chức Hỏa đầu ra Chánh đội trưởng và Phó đội trưởng.

Tháng 9, ban chiếu định phẩm trật chức tước các quan văn võ; cho các vị công thần được đổi sang họ nhà vua (họ Lê).

Ngày 19, sứ thần nhà Minh là La Nhữ Kính sang nước ta, đòi ta tìm dòng dõi họ vua Trần, để dựng làm vua; và xét sổ quan lại quân nhân Tàu còn lại nước ta bao nhiêu, đưa trả hết thấy về Tàu. Hoàng đế sai Hà Lạt dẫn sứ bộ sang triều Minh.

Tháng 10, Hoàng đế ban mệnh cho Hà Công Soạn được tham bàn việc chánh trị.

Ngày 1, tháng 11, Hoàng đế sai Đỗ Như Hùng sang sứ triều Minh.

Ngày 24, giết hết đảng phản nghịch là bọn: Trần Phong, [tờ 53b], Lương Nhữ Hốt, An Vinh, Đỗ Duy Trung, tên Tồn, tên Sĩ Văn, tên Sùng L- và tên Xác. Ban tờ chiếu khắp nơi, cho biết tội của bọn này là: Trước đã làm quan với giặc Minh, khi đã hàng triều ta, lại âm mưu định phản nghịch.

ngày 25, lập sổ điền và sổ đinh.

ngày 28, ban mệnh cho quan viên và quân nhân khắp thiên hạ, cho biết đến tháng 5 sang năm, tới Đông kinh dự thi: Ban văn thi thi về Kinh sử, ban võ thi thi về Võ kinh và Pháp lệnh kỳ thư.

Tháng 12, xây cất điện Vạn Thọ; dựng hai điện Tả và Hữu; dựng điện Cần Chánh và điện Kính Thiên. Tạc binh khí và ghe thuyền. Đúc tiền "Thuận thiên thông bảo".

Năm Kỷ Dậu niên hiệu Thuận Thiên thứ 2 (1429), mùa xuân, tháng giêng, cấm không được đánh cờ bạc, [tờ 54a] sẽ bị phạt tội chặt tay, nhữnh kẻ tụ tập uống rượu, sẽ bị phạt tội đánh 100 roi. Nhưng trong đám rượu trà đó, có kẻ nào còn giữ được thái độ đứng đắn, sẽ giảm tội cho một bậc.

Ngày 7, Hoàng đế sai Nội kiểm hiệu Bình chương sự là Lê Văn, Đại tư mã Lê Ngân và Thiếu phó Lê Văn Linh truyền tờ kim sách dựng con trưởng Hữu tướng Khai quốc quận công là Tư Tề làm Quốc vương, được tạm coi việc trong nước; lại sai Tư khấu Lê Sát, Tư không Lê Nhân Chú, Tư mã Lê Lý, và Thiếu úy Lê Quốc Hưng truyền tờ kim sách lập con thứ Lương quận công là Nguyên Long làm Hoàng Thái Tử.

Tháng 9, Hoàng đế ban mệnh cho các quan: Ban võ tự chức Tổng quản trở lên, ban văn tự chức hành khiển trở lên, vị nào có con trai tự 9 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, được vào hầu Thái tử; ban võ tự chức Đồng tri trở xuống; ban văn tự chức Thượng thư trở xuống, vị nào có con trai tự 9 tuổi trở lên, 17 tuổi trở xuống, được vào trường Quốc giám học tập.

[tờ 54b] Ngày 22, Hoàng đế họp các đại thần văn võ bàn việc quốc gia:

Có những con em của các chiến sĩ, đã từng chiến đấu ngoài trận, hiện không có một thước đất để ở. Thế mà những phường du thủ du thực, không làm một việc gì ích lợi cho nước, lại có rất nhiều ruộng đất; cả đến bọn trộm cướp cũng vậy. Bởi thế ai cũng ham chuộng làm giàu, mà không có người tận tâm với nước. Vậy ban sắc chỉ cho các đại thần, bàn định số ruộng cấp phát cho quân dân; Từ hạng đại thần trở xuống, cho tới hạng già yếu, mồ côi, góa chồng, góa vợ, hạng nào đáng được cấp bao nhiêu ruộng đất, kê rõ tâu trẫm xét.

Ngày 21, tháng 2, ban mệnh lệnh cho các Tướng Tá quân sĩ các Vệ trong 5 Đạo, đến ngày 27 tập trận cả thủy binh và bộ binh. Sau khi tập trận, chia số quân sĩ làm 5 Phần, lưu lại 4 Phần, còn cho về theo nghiệp nông.

[tờ 55a] ngày 26, Hoàng đế ban chỉ dụ cho các đại thần và các quan hành khiển rằng:

"Các khanh như thấy mệnh lệnh của trẫm, hoặc có điều nào bất tiện trong việc quân việc nước; hoặc vô cớ bắt dân phục dịch; hoặc đánh thuế nặng, hoặc tà dâm; hoặc bạo ngược, lập tức phải tâu xin sửa chữa, không được theo xuôi.

"Các Ngôn quan (các chức Ngự sử), như trẫm có chính sách hà khắc, đánh thuế nặng, bạo ngược dân lành; hoặc thưởng công phạt tội không công minh, không theo phép cổ, phải tâu ngay; thấy các đại thần, các Tướng Tá, các công chức, có ai không tôn trọng pháp luật; nhận hối lộ, nhi-u hại dân lành, hoặc thiên vị kẻ trái, phải đàn hạch ngay. Nếu thấy ai phạm những điều trên, mà dung túng không nói, lại còn khen những việc nhỏ mọn, và nói những câu không căn cứ, sẽ bị phạt theo luật pháp. Còn lỗi của các quan khi vào sân điện, như có ai vận áo mũ giày dép không đúng phép, hoặc đi đứng ngang dọc không đúng lễ độ, những lỗi này đã có các Tổng quản đạo quân Thiết độ [tờ 55b] chỉ huy viện Nội mật xét hỏi. Các ngôn quan không được đàn hạch".

Ban tờ chiếu bắt giam Thái úy Hữu Tướng quốc là Trần Nguyên Hãn, Hãn liền tự sát.

Định lệ thổ trách cho các quan và dân.

Tháng 5, phong chức công thần cho 93 viên; thứ đến phong tước Huyện thượng hầu, Á hầu, Khanh hầu, và Đình hầu, tùy theo từng hạng.

Hoàng đế ban mệnh rằng:

"Những bậc hào kiệt có tài văn võ, mà còn bỏ sót chưa người tiến cử, hoặc bị kẻ thù kiềm hãm, hãy tới ngay sở Thiếu phó Lê Văn Linh, tại đây xét thực về tài đức, sẽ tâu trình bổ dụng. Chỉ cốt được người có tài có đức, chứ không câu nệ về sự đã ra làm quan với Minh, hoặc kẻ sĩ thường".

Ngày 26, Hoàng đế ban mệnh cho quân nhân các Phủ các Lộ, và những kẻ sĩ ẩn dật nơi sơn lâm, [tờ 56a] có kẻ nào thông kinh sử văn nghệ, thấy đều tới Sảnh đường dự thi vào ngày 28 tháng này. Kẻ nào trúng tuyển sẽ được bổ dụng.

Ngày 28, Hoàng đế ban mệnh cho các quan văn võ trong triều ngoài quận, có ai tinh thông Kinh sử, thấy đều tới Sảnh đường dự thi vào ngày 29 tháng này.

Ngày 20 tháng 6 khảo thi các vị tăng đạo tại sảnh đường.

Tháng 7, Hoàng đế họp các vị đại thần và các quan trong triều ngoài quận, bàn về tiền tệ, ngài ban chiếu rằng:

"Tiền là một thứ rất cần thiết, như huyết mạch của nhân dân, không thể thiếu được. Nước ta đứt tiền ít ỏi, lại vì số tiền đồng cũ của ta, đã bị người Minh¹ tiêu hủy rất nhiều, chỉ còn chừng một phần trăm thôi. Hiện nay sự tiêu dùng về việc quân việc nước thiếu thốn. Muốn cho sự lưu thông tiền tệ dồi dào, lại được thuận lòng dân, há chẳng khó lắm ru ? [tờ 56b] Ngày nọ, có kẻ dâng thư, xin tiêu dùng bằng phép "sao"², để thay cương vị đồng tiền. Nhưng trầm nghĩ kỹ, như vậy chưa thỏa đáng. Nghĩa là "sao" là một thứ vô dụng, mà đem thi hành vào những sự hữu dụng trong dân gian, thực không phải là cách dùng tiền có ý thương yêu dân, như thời xưa coi vàng bạc tiền và "sao" không quan hệ, không đẳng nào hơn. Nay các đại thần, các quan, và các kẻ sĩ thông hiểu thời vụ, hãy đều bàn về lệ đồng tiền, thế nào cho thuận dân tình, ngõ hầu khỏi tiếng: đem ý muốn của một người, cưỡng ép ý muốn muôn nghìn người. Cần được một qui chế tiền tệ rất đúng, không thể không sớm bàn định tâu lên, trẫm sẽ lựa chọn thi hành".

Ngày 16, tháng 9 Hoàng đế chỉ huy đại thần và các quan rằng:

[tờ 57a] "Tự nay trở đi quan nào nói công việc, nên lấy việc quân việc dân làm cần thiết, không được vị tư tình, cần phải hợp lý. Trẫm thường nghiệm về tình lý các việc, như việc tiến cử, hoặc xử kiện, cùng các việc công tư, thấy đều có sự ẩn giấu thay đổi, đủ biết các quan chức ít người trong sạch, phiền nhiễu nhơ đục. Nay trẫm xét thấy 2 việc xử tù phạm Mông Vân và tù phạm Lương Châm, mới biết tình trạng thực hay giả của các quan, cho nên nói lời này. Vậy các bầy tôi nên tận thành để thờ vua, chớ có vị tư hại công, sẽ hối không kịp! Nay ban chiếu thị, cho thấy đều nghe biết".

Ngày 27, Hoàng đế chỉ huy ban huấn thị cho đại thần và các quan: Phải lưu ý về nghề nông của dân; về quân sự, cần chỉnh đốn hàng ngũ, tu sửa khí giới ghe thuyền.

[tờ 57b] Ngày 1, tháng 10, Hoàng đế ban tờ chiếu rằng:

"Trẫm nghĩ: Trị nước cần ở được người hiền, mà sự được người hiền tất do người tiến cử. Thế cho nên các vị Đế Vương đều lấy việc đó làm cần thiết ưu tiên. Thời thịnh đời xưa các quan tại triều, thường có ý nhường người hiền tài lên cấp trên mình, cho nên dưới dân gian không có người hiền nào bỏ sót, công việc quốc gia không việc nào bỏ bê, trở nên một nền thái bình thịnh trị. Đến như các bầy tôi nhà Hán nhà Đường, thấy đều biết suy nhường kẻ hiền tài, người nọ dẫn tiến người kia, như Tiêu Hà tiến cử Tào Tham, Ngụy Vô Tri tiến cử Trần Bình, Địch Nhân Kiệt tiến cử Trương Cửu Linh, và Tiêu Tung tiến cử Hàn Hưu. Tuy tài của các người này, có cao thấp không đều, nhưng thấy đều là được hiền tài và xứng chức.

[tờ 58a] nay trẫm đảm nhiệm trọng trách này, lúc nào cũng lo sợ, như người tới đầm sâu, chỉ vì một nỗi chưa được hiền tài phụ tá. Vậy các khanh văn võ đại thần, công hầu đại phu tự tam phẩm trở lên, mỗi vị phải tiến cử một người, bất luận người đã làm quan tại triều, người chưa làm quan còn ở thôn dã, h- có tài văn võ trí thức, có thể cai trị nhân dân, trẫm sẽ tùy tài bổ dụng.

Sự tiến cử hiền tài được trọng thưởng, đó là đạo thông thường tự thời xưa. Vậy vị nào tiến cử người hiền trung bình, sẽ được thăng tước hai cấp. Nếu cử được người tài đức tuyệt đối, sẽ được thưởng rất hậu.

Đã đành rằng vậy. Nhân tài trên đời vốn không phải hiếm, nhưng cách cầu tài đâu phải chỉ một lối nào. Hoặc có người có tài kinh luân thao lược, [tờ 58b] mà vẫn phải làm quan cấp dưới, không người tiến

¹ Câu này chính bản chép "Hồ Nhân" (người họ Hồ). Nhưng xét nếu là họ Hồ thì chép "Hồ thị" chứ không phải "Hồ nhân". Như vậy đủ rõ là chép lầm. hoặc do chữ "Minh nhân" (người nhà Minh) chép lộn ra chăng ? Vậy xin dịch theo nghĩa chữ "Minh nhân".

² Sao: là tiền giấy. Thời kim (Trung Hoa) có đặt ra thứ tiền giấy để tiêu dùng, cùng với tiền thực: Có 5 hạng tự một quan tiền đến 5 quan tiền gọi là "đại sao" và 5 hạng tự 100 đồng tiền đến 700 đồng tiền, gọi là "tiểu sao".

cử, và những bậc hào kiệt, vẫn còn ẩn phục ở nơi thảo dã, hoặc lẫn trong hàng ngũ quân nhân. Những hạng này nếu không tự tiến, làm sao trẫm biết được. Vậy từ nay các bậc hiền tài, như muốn theo giúp ta, hãy cứ tự tiến. Thời xưa Mao Toại tự tiến theo Bình Nguyên Quân, Ninh Thích tự tiến giúp Tề Hoàn Công, mà đều không cậu nệ về điểm vụn vặt đó.

Từ ngày ban tờ chiếu này, các quan chức đều nên lưu tâm thành thực tiến cử hiền tài; các bậc hiền tài hãy còn hàn vi ở nơi thôn xóm, hãy nên tự tiến, đừng lấy sự đem ngọc bán rau làm hổ thẹn, khiến trẫm phải than thở về nỗi thiếu nhân tài.

Ngày 13, nhà Minh sai Lý Kỳ và Từ Vĩnh Đạt cùng đi với Hà Lật sang nước ta, lại đòi tìm dòng dõi vua Trần để dựng làm vua, và đòi binh sĩ cùng khí giới do ta đã bắt mà chưa trả về hết.

Ngày 18, Hoàng đế chỉ huy [tờ 59a] các đại thần và các cấp tổng quản hành khiển trở xuống rằng:

"Cổ nhân có câu: "Quân bất trạch tướng, dĩ kỳ quốc dữ địch dã" (nếu vua không tuyển được tướng giỏi, tất sẽ đem toàn quốc dâng cho bên địch). Trẫm thường nghĩ vào câu này, không lúc nào quên, cho nên đem quân sự chánh trị trọng đại, giao phó các khanh, thế mà các khanh cứ nghi-m nhiên không hề để ý. Như vậy, đối với trên, phụ ý triều đình đã phò thác; đối với dưới không hề thương xót quân dân! Sao mà trể nải bốn phận quá như vậy ?.

Nay ban tờ chiếu này răn bảo, nếu các khanh không đổi lỗi, vẫn cứ lơ đãng như thế, thì nước ta đã có pháp luật đấy. Lúc ấy đừng bảo trẫm phụ những bày tôi đã từng có công lao.

Ngày 29, Hoàng đế sai bọn Đào Công Soạn, theo bọn Lý Kỳ đi sang nhà Minh (Trung Hoa).

Tháng 11, Hoàng đế đi thăm Tây Kinh, ngài l- yết lăng tiên tổ ở trên núi, và ban thưởng cho các Tướng sĩ hộ tòng, mỗi viên được thăng tước một cấp; các tước "thượng trí tự", [tờ 59b] "đại trí tự" đều được thăng tước một tự. Những vị con cháu đã được phong tước Hầu, và những vị không có công lao, đều không được dự lễ này.

ngày 19, tháng 12, Hoàng đế ra mệnh cho các quan Phủ Lộ Châu Huyện Xã:

"Xã nào có nhiều ruộng ít người, có ruộng bỏ hoang, thì quan bản hạt cấp sổ ruộng ấy, cho những người xã khác hiện không có ruộng, đến cày cấy, những chủ điền xã ấy không được chiếm giữ. Nếu kẻ nào trái mệnh này, sẽ phạt về tội "cưỡng chiếm".

Năm Canh Tuất, niên hiệu Thuận Thiên thứ 3 (1430), ngày 10, tháng 6, định ngạch các thứ thuế; ban các luật lệ; đổi Đông Đô gọi là Đông Kinh; Tây Đô gọi là Tây Kinh.

Ngày 24, Hoàng đế ban tờ chiếu rằng:

"Chuộng nhà cửa cung đài cao đẹp, tất gây nên thói kêu sa; theo ý mình mà trái lòng người, sẽ vờ mọi người oán ghét. Trẫm rất lo về điểm này, [tờ 60a] cho nên tự nghĩ, những cung điện huy hoàng tráng lệ đây, đều là sức lao động của quân dân, trẫm được ngự yên, vẫn còn lo không xứng. Thế mà các quan văn võ, còn thường sầm l- dâng mừng, thực là trái ý trẫm. Vậy từ nay, dù gặp ngày khánh tiết, các quan không được dâng biểu xưng tụng công đức, và không được bày ra tiệc mừng yến ẩm xa hoa".

Sai Hành quân Tổng quản là Lê Khôi đóng quân tại Hoá Châu, để trấn nước Chiêm Thành.

Ngày 17, tháng 11, Hoàng đế ban tờ chiếu rằng:

"Trẫm nghe có câu: "Chánh sách nước nào theo đạo trị, thì nước ấy rất hưng thịnh, nếu theo đạo loạn, sẽ diệt vong". Thế cho nên những bậc biết làm chánh trị, thường chọn đều thiện để theo, điều bất thiện thì đổi. Truyện có câu rằng: "Điều thiện là thầy của người ta, điều bất thiện là thù của người ta"; Kinh thi có câu: "Cái gương để nhà Ân soi, phải tìm đâu xa, ở ngay đời vua nhà Hạ". Vua tôi chúng ta, [tờ 60b] nên lấy

câu này làm qui thức. Họ Trình¹ xưa, cậy sự giàu có của mình, không nghĩ đến sự khốn cùng của dân, chuộng vẽ trang hoàng, ham bề tửu sắc, lúc nào cũng bày những trò chơi vô ích: Đánh bạc đánh cờ, chơi gà thả cá, bồn nuôi cá vàng, chuồng nuôi bách thú, khoe khoang mẹo khôn, để tranh thua được; quên cả thiên hạ, chẳng hề để tâm. Những tội oan uống, bị quan lại câu lưu, hàng 2,3 năm chưa hỏi đến; những bậc thân sơ, bị kẻ hầu ngăn trở, hoặc 2,3 tháng không tâu trình. Các Tướng lập thành bè đảng, triều đình không kẻ can ngăn. Đến nỗi, con cháu chí thân, hãm hại bỏ i kẻ bày tội gian xảo; toàn quyền trong nước, chuyển dời xuống tay [tờ 61a] trá nịnh nhân gian. Lòng dân oán than mà không biết, đạo trời khiển trách cũng không hay, chánh giáo suy đồi, kẻ cương rối loạn. Tuy rằng họ Hồ làm việc bất trung, nhưng cũng bỏ i lòng trời ghét những đức xấu đó, cho nên mượn tay người khác vậy.

Sau khi họ Hồ đã dùng trí gian để cướp nước, lại đem trí gian ức hiếp dân. Đặt ra lệnh bảo sao², thì dân đều oán là thiệt thòi nguồn sống; ban ra lệnh di dân, thì dân đều oán vì phải bỏ quê hương. Thêm vào đấy sưu cao thuế nặng, luật ngặt hình nghiêm, chỉ chăm ích mình, không lo hại nước Hời ho họ mạc, đều phong cho chức quan cao; nịnh nọt tiểu nhân, thấy đều ơn vinh trọng dụng. Hể mừng thì thưởng, nhân giận bắt tù, trung trực ngậm tẩm, ngay lành oan uống, [tờ 61b] Thế mà vẫn kêu ngạo tự tôn, không sợ mệnh trời ra tai nạn. Tuy rằng giặc Ngô tham tàn, nhưng cũng do lòng trời ghét kẻ nghịch đó, cho nên mượn tay người Ngô vậy.

Sau khi người Ngô đã lấy được nước ta, không dùng khoan thay ngược, lại càng tàn bạo hơn. Ham giết người để thị oai, coi mệnh người như cỏ rác, bắt vợ con dân nước ta, đào lăng tẩm vua nước ta. Cấm nấu muối khiến dân khốn vì ăn, đòi vải vóc để dân khổ vì mặc, bắt dân tìm vàng ngọc, bắt dân cống voi tê, hình chánh phiền hà dân hết đường sống. Kẻ mắc tội oan chỉ vạch trời kêu mới thấu; những người trung nghĩa, thấy đều nghiêng lợi căm hờn! Ai ai cũng nguyện liều chết giết giặc thù. Thế cho nên ta vừa dựng cờ khởi i nghĩa, tức thì hào kiệt bốn phương nổi dậy như ong, cùng đánh cho người Ngô tan rã. [tờ 62a] Đó là người Ngô chỉ biết dùng bạo lực để lấy nước, mà không biết đem ân huệ để an dân. Tuy vì trẫm có đại nghĩa mới được lòng dân, nhưng cũng do trời ghét sự tàn bạo đó, nên mượn tay trẫm vậy.

Những sự kể trên, đều bỏ i các quan chức không biết thể lòng vua, thi hành chánh trị tốt. Trong thì che giấu nhằm dối với vua, ngoài thì lập thành đảng phái đối với chúng, không có lòng trung tuấn quốc, chỉ chăm lo kế vinh thân. Đến nỗi nước mất nhà tan, vua tôi đều nhục! Chúng ta há chẳng lấy đó làm gương ru ?

Buổi sớm ban tối, trẫm chưa hề giây phút nào quên những nỗi niềm đó, là vì rất sợ như cái xe trước, đã bị lọt hố đổ kền, mà cái xe sau lại hăm luôn vào vết ấy. Cho nên luôn luôn nói đi nói lại, răn dạy các khanh, đã nói hàng nghìn vạn lời, [tờ 62b] đã ban hàng chín mươi dụ, thế mà các khanh vẫn coi như mớ văn suông, không hề tuân theo lời dạy, không hề thay đổi lỗi xưa, vẫn cứ làm điều trái phép, ngược dưới nhờn trên.

Những bày tôi cũ, đã từng dự phần khó nhọc, cậy công mà kêu hoạnh, có phạm vào những sự nhằm lỗi, còn có thể tùy theo việc nặng nhẹ mà châm chước, hoặc tha hoặc không tha³. Còn như hạng tân tiến, bỏ i thấy thể quân đã mạnh, việc nước đã xong mới di tuyên mưu đồ công danh, đó là hạng theo việc đã thành. Thế mà phạm việc nhằm lỗi, há có thể trái luật pháp mà tha được ru ?

¹ Chữ "Họ Trình" hoặc chép lộn chẳng ?

² Bảo sao: là loại tiền giấy, xem số 2 trang 91.

³ Câu này chính bản chép: "hoặc khả nộ, hoặc bất khả nộ" (hoặc đáng giận, hoặc không đáng giận). Xét không hợp văn lý. Hoặc 2 chữ "nộ" (giận) trong câu, đều do hai chữ "thứ" (tha) chép lộn ra chẳng ? Xin dịch theo nghĩa chữ "thứ".

Nay đã ban lời ngăn cấm răn dạy này, mà kẻ nào vẫn không nghe không đổi, thì chính kẻ ấy tự mang lấy tai vạ, chứ không phải là lỗi không khuyên răn của trẫm.

[tờ 63a] Tự nay, từ các đại thần Tổng quản, cho tới các cấp đội trưởng, cùng các quan Tỉnh Viện cục, có chức trách quản quân trị dân, thấy đều nên dụng tâm công bằng, làm việc cần mẫn thờ vua thì tận trung, với bạn thì hòa nhã, bỏ thói tham ô, trừ nết ngạo mạn, dứt lối riêng tư bằng đảng, đừng theo thói cũ lỗi lầm. Coi công việc của quốc gia là công việc của mình; mối lo của dân chúng tức mối lo của mình, tận trung hết sức phù trì nhà vua. Khiến cho xã tắc yên như núi Thái Sơn; cơ đồ vững như bàn bằng đá! Sẽ cùng hưởng tước lộc với trẫm đời nay; sẽ cùng truyền thanh danh về hậu thế. Đại nghĩa vua tôi, trước sau trọn vẹn. Như vậy há chẳng đẹp ru?

[tờ 63a] Ôi nếu đàn gảy không êm, thì đổi dây tơ cho đúng điệu; hoặc xe trước đã đổ, thì đi lối khác kiếm đường bằng. Các quan chức ta hãy soi vào đấy.

Nay bố cáo quần thần trong triều ngoài quận, đều nên biết rõ.

Mồng 1, tháng 8, vì có tai dị, nên Hoàng đế ban tờ chiếu tự nhận lỗi.

Ra lệnh quần thần dâng thư đựng trong phong bì kín.

Tháng 10, bổ Đào Công Soạn kiêm chức Thượng thư bộ Hộ, và chức Tham tri đồng đạo quân dân bạ tịch.

Tháng 11, vì Thổ tù ở châu Thạch Lâm tỉnh Thái Nguyên là Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái ở châu Thượng Lãng, liên kết với Trần Hãn làm phản, Hoàng đế bèn hạ chiếu thân chinh, và tuyển bộ binh ở bãi Bồ Đề.

[tờ 64a] Năm Tân Hợi, niên hiệu Thuận Thiên thứ 4 (1431), mồng 1, tháng giêng, Hoàng đế sai Lê Như Lãm và Hà Lật sang sứ nhà Minh cầu phong Vương.

Hoàng đế ban tờ chiếu rằng:

"Đạo kinh luân thiên hạ, phải tính ban đầu để yên lúc cuối, phải lập pháp luật để lưu về sau. Thế cho nên, cha làm con nối, đạo nhà tất hanh thông; anh truyền em tiếp, nền nước sẽ bền vững. Các bậc Đế Vương thời xưa, lo tính công việc rất sâu và xa.

Trẫm thân mặc áo giáp, đầu dài tuyết sương đã 13 năm nay, kẻ cũng khó nhọc, nay trí nhớ hơi kém, tuổi cũng đã cao mà việc nước rất nhiều, khó lòng một mình liệu lý.

Xét thấy thời xưa, cũng có khi dùng quyền thay kinh, mà hợp với đạo thánh hiền, dựng anh truyền em, mà ngôi vua dài vững. Vậy châm chước tùy thời, dựng làm phép tắc.vvv

[tờ 64b] Như Tư Tề (con trưởng) hiện đã lớn tuổi, vào hạng thành nhân. Tuy liệu việc chưa được kín đáo tinh vi cho lắm, nhưng mắt thấy tai nghe, cũng đã từng trải qua nhiều việc. Hãy cho tạm coi việc nước, để giúp đỡ trẫm. Nguyên Long (con thứ), tính tuy minh mẫn nhưng tuổi còn non, hãy nên nuôi dưỡng dự trữ trong Thanh Cung, chờ ngày đức tính đầy đủ. Khi nào Tư Tề lên ngôi chấp chánh, thì lúc ấy Nguyên Long lại coi việc nước việc quân. Đó là theo việc đã làm của thời Triệu tổng xưa. Con cháu đời sau, cũng nên theo nghĩa truyền ngôi như vậy mãi mãi. Sau đây hoặc có kẻ nào không theo lời trẫm, bàn luận trái lại, viện dẫn lời chê Triệu Phổ nhằm lẫn¹, để thay đổi phép nhất định trong tờ chiếu này, thì kẻ ấy chỉ là phường

¹ Khi Đỗ Thái hậu nhà Tống bệnh nặng, vời Triệu Phổ vào nhận di mệnh, dặn vua Tống Thái Tổ sẽ truyền ngôi cho em trai là Quang Nghĩa, bảo Triệu Phổ ghi nhớ lời đó. Triệu Phổ xin tuân mệnh, bèn lập tờ ước thệ, rồi ký tên vào. Việc này Trịnh Bá Kiền chê Triệu Phổ không biết giằng giải can ngăn, đến nỗi về sau sinh loạn. Như vậy không phải là bậc đại thần có tài kinh quốc.

siểm nịnh, chức đem mưu gian để tính kế [tờ 65a] sẽ được như Vương Mãng và Tào Tháo¹, chứ không phải tận trung với nước, pháp luật tất không tha.

Nay ban tờ chiếu này cho quần thần văn võ, để được biết ý nghĩa truyền ngôi đã định, và giải điểm nghi hoặc về bàn luận bất nhất, Các người đều nên hiểu rõ.

Hoàng đế soạn bài "Hậu tự huấn", để răn Quốc Vương (Tư Tề) và Thái tử (Nguyên Long) rằng:

"Ta thường nghe: Đế Vương nhường ngôi, tất truyền lại cả phép hay và phép trị; đời vua truyền nối, thường lưu lại cả lời dạy và lời răn. Tuy cảnh ngộ mỗi thời một khác, nhưng việc làm thấy đều giống nhau.

Ta đích thân phát hết gai góc, bừa phẳng bạo tàn, thường lấy áo giáp làm đồ mặc, nội cỏ làm cửa nhà, trải bao nơi nguy hiểm, xông pha trước giáo gươm, mới quét sạch phong trần (giặc), [tờ 65b] dựng nên cơ nghiệp, công cuộc kinh doanh, đã từng vất vả.

Nay chúng mày không có công lao như ta, mà được hưởng cơ nghiệp của ta. Vậy những yếu điểm về việc nước, việc quân, đều phải để tâm suy nghĩ, cố gắng mà làm đừng nên trễ nải. Đối với họ Thân, nên hết tấm lòng thân ái; đối với nhân chúng nên ban chánh sách khoan nhân. Đừng vì ơn riêng mà lạm thưởng; đừng vì cơn giận mà ra hình; đừng mưu sinh lợi để xa hoa; đừng gần con hát sinh dân dâm dăng. Đối với quần thần cần nghe can gián. Một chánh lệnh một việc làm, đều noi lẽ chính, để làm phép thường. Như vậy mới có thể hợp lòng trời và đủ tin cho dân chúng [tờ 66a] Quốc gia sẽ được bình yên lâu dài. Nếu tự cậy thông minh, dùng kẻ thân cận. Truất bầy tôi của ta, đổi chính sách của ta, biến cải gia pháp, sơ khoáng họ thân, xa người thẳng ngay, gần kẻ nịnh nọt. Chỉ làm những việc vui đùa; chỉ ham những vật đẹp mắt. Không theo thói cần kiệm; không nghĩ công gian lao. Có khác gì cổ nhân đã nói: "Cha dựng ngôi nhà mà con không biết sửa sang; cha đã gieo mạ mà con không biết cấy gặt ". Như vậy sao có thể nối được chí ta, hưởng được nghiệp ta, để truyền ngôi lâu dài được.

Vả lại, người dân thường mến phục vua nhân đạo, mà chính người dân cũng có thể lật đổ vua. Ví như nước thường chở thuyền, mà thuyền đắm cũng vì nước; trời thường giúp người có đức, mà thay đổi bất thường cũng chính là trời vậy.

Tuy thánh như 4 vua Thuấn Vũ Thang Văn, mà vẫn nơm nớp lo sợ, kính trời chăm dân, không phút nào ngừng, huống chi hạng tài đức kém các vua trên ru ?

Phàm những vua nối ngôi, chỉ sinh dưỡng trong cung điện, thường được yên vui, không biết lập chí. Nếu không răn dạy ngay lúc ban đầu, cho biết sợ hãi cảm kích, thì đâu có biết hết đạo nối ngôi, mà ban phúc cho thiên hạ. Bởi thế, không thể dừng được mà ban lời răn dạy này.

Ôi! vua Khải vua Vũ thời xưa, đều làm trọn đạo nối ngôi, cho nên vua Khải tại vị lâu dài, [tờ 67a] vua Vũ lừng danh con cháu.

Chúng mày nên ghi nhớ lời nói ta đây, và theo đời thánh hiền thời trước.

Nay ban lời dạy.

Giết Thái úy Phạm Văn Sảo.

Hoàng thượng thân chinh đạo Thái Nguyên, tháng 2 đánh được Lâm Châu. Bế Khắc Thiệu thua chạy, rồi chết; bắt được Nông An Thái, bèn kéo quân trở về.

Ngày 12, tháng này, ban tờ chiếu kể tội trạng của Bế Khắc Thiệu cho trong triều ngoài quân đều biết.

¹ Vương Mãng là gian thần, cướp ngôi nhà Tiền Hán. Tào Tháo là gian thần nhà Hậu Hán.

Tháng 3, Hoàng thượng trở về kinh đô.

Đặt Ty xá nhân trong Nội giám và Ngoại giám, do theo đề nghị của Ngô Văn Thông.

Ngày 4, tháng 8, ban tờ chiếu kể tội trạng Nông An Thái khắp trong triều ngoài quận.

Mồng 1, tháng 11, nhà Minh sai Chương Kính và Từ Kỳ mang tờ sắc sang ban mệnh cho Hoàng đế tạm quyền coi việc nước. Hoàng đế bèn sai ngự- n Văn Huyền và Ngụy- n Văn Chí, làm sứ thần theo bọn tên Sứ ng sang nhà Minh tạ ơn, tặng 5 vạn lạng bạc.

Tháng 12, Hoàng đế sai các vị nho thần [tờ 67b] soạn bài tựa quyển "Lam sơn thực lục " do ngài chế.

Vì Đào Cát Hãn ở Triệu L-, thông đồng với Phạm Văn Sảo làm loạn, lại liên kết với nghịch thần nước Ai Lao là Kha Đốn, xâm lấn đất Mang Mỗi, Hoàng đế bèn sai Tư Đồ Lê Sát và Quốc Vương Tư Tề dẫn quân đánh Triệu L-, rồi ngài lại thân chinh.

Năm Nhâm Tý niên hiệu Thuận Thiên thứ 5 (1452), mùa xuân, tháng giêng, quan quân đánh được Mang L- Kha Đốn bị giết, Đào Cát Hãn chạy trốn, quan quân bắt hết dư đảng, bèn đổi Mang L- làm châu Phục L-.

Ngày 3, tháng 3, Hoàng đế kéo quân trở về, bèn ban tờ chiếu rằng:

"Thời xưa, rợ miêu trái mệnh, vua Vũ nhà Hạ phát binh, nước Mật không kính, vua Thái Vương nổi giận".

Triệu L- vốn là một xứ lệ thuộc của nước ta tự xưa. Chỉ vì thời vua vừa đây, triều đình suy bại chính trị tồi tàn, nhà vua mất kỷ cương, [tờ 68a] biên thù bỏ sơ khoáng. Bởi thế xứ ấy mới dám cậy hiểm cậy xa, không nộp thuế nữa, lại cướp lấn biên thù, tàn hại dân ta. Những nơi bị chúng tàn hại nhất, là các trấn: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Qui Hóa và Gia Hưng.

Trẫm tự khi lên ngôi tới giờ, vẫn muốn tu đức để nước xa tự phục, không hề kỳ thị. Tuy Từ Trửơng xứ ấy là Đào Cát Hãn vẫn quen thói cũ, không lại triều cống, trẫm đã nhiều lần đem lời tín nghĩa, giảng dụ ân cần, lại hứa sẽ phong cho tước cao, được hưởng lộc hậu. Nhưng y vốn lòng lang dạ thú, vẫn giữ chí xưa quên ân bội nghĩa, trở mặt thành thù, hiệp cùng tên phản nghịch Thượng Hối Khanh và lũ Thượng Đình Quế, dụ dỗ dân biên thù, mưu làm việc trái phép, tụ tập phường vong mạng, kể đã khá đông, lại kết đảng với nghịch thần nước Ai Lao là bọn Thượng Kha Đốn, [tờ 68b] cùng nhau đánh vào đất nước Chiêm và nước Ai Lao cho tới các xứ Mang Mỗi, nhân dân các sách đó đều bị chúng nhi- u hại. Bèn Nhự nước Ai Lao bèn sai sứ thần đến nước ta, cầu xin cứu viện.

Trẫm là cha mẹ dân, thay trời nuôi dân, nhân dân nơi nào thấy đều coi như con cả, đâu nỡ để cho dân một phương nào bị tai hại. Bèn sai Tướng dẫn quân đánh giặc cứu dân, Cát Hãn liền xuất toàn quân chống lại quân ta, giao chiến một trận ở Mang Kiệt, Kha Đốn bị thua, đầu mục của Cát Hãn là bọn Lãm Cương kinh hãi chạy trốn. Thế mà Cát Hãn còn sai bọn đầu mục khác hô hào Từ Trửơng Mang Bồ là bọn Đình Quế, hiệp cùng bọn phản nghịch Thượng Hối Khanh, kéo quân thẳng vào xứ Gia Hưng và Đà Giang nước ta, hiếp dụ dân ngu, dám gây nổi loạn.

[tờ 69a] Trẫm xét, kẻ loạn thần tặc tử, thì ai ai cũng có thể giết chết. Năm ngoái, Thượng Khắc Thiệu, ở Thái Nguyên mưu làm phản, đích là do tên Thượng Hãn xui nên, năm nay Cát Hãn nổi loạn, lại do âm mưu của Thượng Sảo. Vì cần tiêu diệt hết mầm mống họa loạn, Trẫm bèn sai Tư Đồ Lê Sát, dẫn quân do đường Đà Lãng tiến đánh trước, lại sai Quốc Vương thống binh, do đường Bắc Quan tiến chặn phía sau, trẫm thì đích thân đốc 6 quân, do đường Gia Hưng kế tiến, bọn phản nghịch Thượng Đình Quế liền hoảng sợ tan rã, quân ta đuổi thẳng tới dinh tướng Mang Bồ, Man Xá, bắt giết bọn phản nghịch Thượng Hối Khanh,

đem thủ cấp hiến trước cửa viên, quan quân bắt sống Đinh Quế cùng vợ con, lại bắt và giết rất nhiều đảng chúng. [tờ 69b] Ta bèn chia quân tiến cả đường thủy đường bộ, ngày 20 tháng giêng năm nay, tiến thẳng vào sào huyệt Cát Hãn.

Trước đây, nghịch thần nước Ai Lao là Kha Đốn, vẫn nương thân ở Mang Lự nghe tin quân ta đến, liền giết Kha Đốn, đem thủ cấp ra đón hàng, Cát Hãn cũng bỏ vợ con lại, chỉ chạy trốn thoát thân. Trẫm bèn sai Tư Đồ dẫn quân tiến vào Mang Cồ, Quốc vương thì đóng tại Mang tô, cho quân vào rừng lũng bắt, lại sai các Tướng cho quân vào các nơi mang hiểm lược soát, bắt được vợ con Cát Hãn cùng đồ đảng của y, tất cả trai gái hơn 3 vạn người; hơn 100 con voi; khí giới thuyền bè đồ vật rất nhiều vô kể. Bèn đặt đất đó thành từng Châu từng Huyện, ghi vào đồ bản nước nhà.

[tờ 70a] Nay dẫn quân khải hoàn, làm l- hiến phù nhà Thái Miếu. Vậy ban cáo thị cho thần dân thiên hạ:

Phàm bày tôi, nên lấy tên Hãn, tên Sảo làm răn; người giữ chức nơi Phiên Trấn, nên lấy Khắc Thiệu, Cát Hãn làm răn. Như vậy thì thần dân ta đều được hưởng phúc thái bình, và có tiếng tới đời sau.

Tháng 11, Cát Hãn và con là Mạnh Vượng xin hàng, Hoàng đế tha tội cho. Khi Cát Hãn tới Kinh tạ tội, được phong chức Tư Mã.

Phong Trịnh Lỗi Nhập nội hành khiển tả bộc xạ; Lê Liệt và Lê Bôi đều chức Nhập nội tư mã, được tham dự triều chánh.

Năm Quý Sửu, niên hiệu Thuận Thiên thứ 6 (1433) (nhằm niên hiệu Tuyên Đức thứ 9 nhà Minh), mùa xuân, tháng giêng tuyển con em các quan, và học sinh tuần tú trong 3 Lộ Quốc Oai; [tờ 70b] 2 Lộ Bắc Giang vào học trường Quốc Tử Giám.

Tháng 4, sai Trần Thuấn Du, Ngụy-n Khả Chi và Bùi Cầm Hổ sang cống nhà Minh theo lệ thường niên.

Hoàng đế đi Lam Kinh, làm l- bái yết Lăng trên núi.

Tháng 8, Hoàng đế trở về Đông Kinh.

Tháng 10, ban tờ sắc cho thiên hạ, đại thần, bá quan, văn võ và quân dân:

"Làm tôi phải trung, làm con phải hiếu, thế mà con trẫm là Tư Tề không trung hiếu với cha mẹ, ngược đãi quần thần, khinh nhờn trời đất, không theo đạo của các đấng tiên vương. Nay giáng Tư Tề xuống chức Quận Vương. Vậy bố cáo thiên hạ".

Ngày 26 ban tờ chiếu rằng:

"Trẫm tư chất bạc nhược, vâng giữ mệnh trời đã 6 năm nay, già nua mỗi một. Thiên hạ rất rộng công việc rất nhiều, bởi thế lo âu tích thành bệnh tật [tờ 71a] cố gắng sớm hôm sợ không đương nổi.

Hoàng Thái tử, tuy hãy còn trẻ tuổi, nhưng nổi tiếng hiếu nhân, ai ai đều tin cậy, ngôi báu đáng về tay. Vậy trao cho ấn kiếm, để trông coi việc nước thay trẫm".

Hoàng đế lại ban tờ sắc cho Thái tử rằng:

"Việc truyền ngôi báu là đại sự của quốc gia, lời cha dạy con, là chí tình trong thiên hạ. Bởi đại sự quốc gia, cho nên khi trao nhận không thể không nói; bởi chí tình phụ tử, cho nên lời răn dạy không thể không tường.

Trẫm gặp thời tao loạn, dựng nghiệp gian nan hơn 20 năm, mới nên nghiệp lớn. Những đau khổ của nhân dân, thấy đều hiểu biết; những đường khốn nạn trong thế sự, thấy đều trải qua. Thế mà đến khi lên

ngôi, những người thực giả, cũng chưa d- gì biết tường; những việc nghi ngờ, [tờ 71b] cũng chưa d- gì phán đoán. Như vậy, đạo làm vua há không là không khó ru ?

Huống chi mà, đương thời tuổi trẻ, nổi nghiệp gian nan nghe biết còn nông tư lường chưa thấu. Vậy nên dốc lòng kính cẩn, như qua ván mỏng vực sâu, thờ trời đất nên hết lòng cung phụng tôn miếu nên trọn đạo hiếu, thân ái anh em, hòa mục tôn tộc, cho tới đối với trăm quan và muôn dân, thấy đều nghĩ sao cho phải đạo. Chớ đổi phép cũ của Tiên Vương; chớ bỏ cách ngôn của tiên triết; chớ gần thanh sắc mà chuộng tiền tài; chớ thích đi săn mà sinh dân đảng; chớ nghe lời gièm mà xa can thẳng; chớ dùng tân tiến mà bỏ cựu thân. Trời khó tin, mệnh không thường, phải nghĩ phép [tờ 72a] trị khi chưa loạn; công khó thành, việc d- hồng, phải nghĩ giữ nước lúc chưa nguy. Khi mà được vui thú, phải nghĩ tới cơ nghiệp khó nhọc của ta; khi mà hưởng cao sang, phải nghĩ tới công đức tích lũy của Tổ. Phải cẩn thận trước để toan sau, phải làm sự lớn trước sự nhỏ, phải theo chí trước mới có thể giữ được nghiệp trước, phải thuận lòng trời mới có thể hợp được lòng người. Một giây một phút, chớ tr- chớ quên.

Trao cho mà y ngọc tỷ, coi việc nước thay ta, để bền vững Quốc gia, để yên lòng dân chúng.

Ồi! Truyền ngôi giữa vua Nghiêu vua Thuấn, ở giữ được phép trung, đạo lớn của vua Vũ vua Văn, cần nói chí không bỏ".

Tháng 8 nhuận, có sao tuế tinh xuất hiện ở phương Tây.

Ngày 22, Hoàng đế băng hà [tờ 72b] ở nơi Tẩm Điện, ngài hưởng thọ 49 tuổi.

Ngày 24, Hoàng Thái tử ban lệnh chỉ cho các quan trong ngoài, đều vận áo để tang xỏ gấu, sau khi làm l- tốt khốc (100 ngày), đều vận áo trắng làm việc; quân dân khắp thiên hạ, đều vận áo trắng 3 ngày; cấm chỉ âm nhạc và yến ẩm trong 3 năm.

Ngày 8 tháng 9 Thái tử lên ngôi.

Ngày 21, làm l- đặt tên Thụy Hoàng đế, rồi an táng ngài tại Vĩnh Lăng núi Lam.

Ban lời dụ rằng:

"Thời xưa, Trọng Hỷ xưng vua Thang rằng: "Trời ban cho vua đức trí dũng, để làm tiêu biểu cho muôn nước". Đó là nói các bậc Đế Vương đều có mệnh trời vậy.

Vua Thái Tổ ta, có tài dùng binh, khi ngày mới dựng cờ khởi nghĩa, chỉ vốn vẹn có 200 quân thiết đột; 200 dũng sĩ, và 300 nghĩa binh. Thế mà phía Tây Ai Lao phải thần phục, phía Bắc dẹp hết giặc Ngô. Xét về Kế bí mưu kỳ, phần nhiều là do tài thao lược. Ngài lại tinh tường việc chính trị: [tờ 73a] Khi mới đến hành doanh Bồ Đề, ngài đã tuyển dụng hiền tài, đặt quan chia chức, trừ tàn cấm bạo, thương yêu quân dân, thu hút các bộ lạc, phòng bị nơi biên cương. Thực đã có ngay một qui mô đại định thiên hạ.

Đến khi thống nhất non sông, ngài phong công thần, phong nho giáo, chế l- nhạc, định luật lệnh, đặt quân kỷ, lập hộ tịch, chỉnh đốn các ngành thuế, bỏ phép tiêu tiền giấy. Thi hành chánh sự rất là rộng lớn chu đáo. Cứ xem ngay những bài Chiếu bài Sắc ban ra thời ấy, đủ thấy lời răn dạy và phép trị bình rất là tường tận.

Ngài khôi phục non sông, đem lại thái bình, công đức ban khắp đương thời, cơ nghiệp truyền cho hậu thế. Rực rỡ lắm thay".

Đại Việt Thông sử

QUYỂN ____

LIỆT TRUYỆN

Thần Đôn soạn

NGHỊCH THẦN TRUYỆN

MẠC ĐĂNG DUNG

[tờ 1a] Mạc Đăng Dung quê ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương. Cụ Tổ 7 đời tên là Đĩnh Chi, ở làng Đông Cao, huyện Bình Hà, tức làng Long Động, huyện Chí Linh bây giờ, đậu trạng nguyên khoa Giáp Thìn (1304) thời vua Anh Tông nhà Trần, làm quan đến chức Nhập nội hành khiển Thượng thư môn hạ Tả bộc xạ, kiêm Trung thư lệnh, tri quân dân trọng sự. Rất thanh liêm thận trọng, tiếng tăm lẫy lừng cả 2 nước (nước ta và nước Trung Hoa).

Đĩnh Chi sinh ông Dao [tờ 1b] quan Ty hình viên đại phu. Ông Dao sinh 4 con trai là: Địch, Thuấn, Thúy và Vi-n, người nào cũng có tài năng sức lực, cuối thời Nhuận Hồ, vì bất đắc chí, đều đem con em đón hàng nhà Minh. Lúc ấy quân họ Hồ đóng giữ phía Bắc sông Phù Lương, tướng nhà Minh là Trương Phụ không biết hư thực thế nào, nên không dám qua sông. Thúy bèn tự phủ Nam Sách cùng với Tri Châu châu Tam Đối Đặng Nguyên vẽ bản địa hình, xin làm hướng đạo dẫn quân Trương Phụ qua sông đánh úp phá thành Đông Kinh; Thúy lại sai thủ hạ bọm đầu mục Ngụy-n Như Khanh bắt Hán Thương ở núi Cao Vọng. Người Minh thưởng công, phong cho Thúy chức Giao chỉ bố chánh ty tham chánh, Địch chức chỉ huy sứ, Vi-n chức Diêm thiết sứ. Sau Thúy dẫn quân vào tỉnh Lạng Sơn đánh Nùng Phản Lịch, [tờ 2a] bị trúng tên độc chết.

Thúy sinh ra Tung, di cư đến làng Lang Khê, huyện Thanh Hà. Khi ấy vua Thái Tổ Cao Hoàng Đế đã bình định thiên hạ, nghiêm trị bọn ngụy quan, cho nên Tung không dám ra làm quan, chỉ ẩn nấu nơi thôn xóm.

Tung sinh ra Bình, lại di cư đến làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương.

Bình sinh ra Hịch, 3 đời này không hiển đạt.

Hịch lấy con gái Đặng Xuân, người cùng làng, tên là Đặng Thị Hiếu, sinh 3 con trai con trưởng tức là Đăng Dung, con thứ là Đốc, tước Trào quận công, sau Đăng Dung tiến ngôi, ngụy phong cho tước Từ Vương, con thứ 3 là Quyết, tước Đông quận công, ngụy phong tước Tín Vương, sau khi chết Ngụy truy phong Uy tín đại vương.

Đăng Dung sinh giờ Ngọ, ngày 23 (Nhâm Tý) tháng 11, năm Quý Mão, **nhằm niên hiệu Hồng Đức thứ 14 (1483)**. Ít tuổi đã dũng hân, nhà nghèo, làm nghề đánh cá. [tờ 2b].

Thời vua Uy Mục, cầu dừng sĩ, Dung dự thi nghề Giao chạt (đánh vật), trúng Đô lực sĩ xuất thân, được sung vào Túc vệ, giữ việc cầm dù theo xe vua. Khoảng thời Thụy Khánh, thăng bổ chức Đô chỉ huy sứ vệ Thiên vũ. Năm Hồng Thuận thứ 3 (1511), tiến phong tước Vũ xuyên bá, năm này Dung 29 tuổi. Năm Hồng Đức thứ 7 (1476), cha là Hịch chết. Thời Quang Thiệu, triều đình sai trấn thủ Sơn Nam, gia phong chức phó Tướng Tả đô đốc.

Đặng Dung là người rất gian trá, nhưng bề ngoài làm ra vẻ thật thà ngay thẳng, để mua danh dự. Thời ấy có Cù Khắc Xương và Trần Công Vụ, mượn đạo Thiên vũ, Thiên bằng, để mê hoặc ngu dân. Đặng Dung dâng sớ xin trị tội, lại hạch luôn cả quan Thừa Hiến Lê Tích và Đỗ Thao về tội mê tín tà thuyết. tờ sớ lược rằng:

[tờ 3a] "Hạ thần thiết nghĩ: Nhân, nghĩa, trung, tín, làm bốn điều thánh nhân thường làm luôn; quái, lực, loạn, thần, là bốn điều thánh nhân không nói tới. Xét việc đời xưa, đủ có chứng minh. Vua Hoàng đế định thời khắc để phân ngày đêm, vua Cao Dương dựng Thái Cực để thông trời đất. Đã dựng cái nêu cho thời bấy giờ, và để đời sau làm gương soi vào đấy.

Hoàng thượng là bậc thánh nhân, mở nền trung hưng rực rỡ! Vừa là vua vừa là thầy, đủ trách nhiệm chăn nuôi, dạy bảo; hoá bằng đạo, hoá bằng đức, mong được tới hòa mục thái bình. Cả trong thiên hạ điều được ầm no.

Nay quân nhân Thiên thí nhân vũ là Cù Khắc Xương và quân nhân Gia phúc Phạm từng là Trần Công Vụ, vốn là lính thường, cũng như dân vậy. Đáng lẽ phải noi Vương đạo Vương Lộ, [tờ 3b] và tuân theo gia huấn, lại đi mượn Thiên vũ, Thiên bằng, để dụ dỗ ngu dân. Mượn chùa thờ Phật làm chợ khí trá; mượn đền thờ Thần làm ổ chứa gian. Thuật nghiền than làm thuốc, khiến già trẻ bốn ba, phép phun nước phi bùa, làm ngã nghiêng làng xóm.

Bọn yêu quái đã làm như vậy, các quan trên đáng phải bài trừ. Các quan Thừa hiến, đã từng đọc sách thánh hiền, đều là chức trách sư tướng. Đáng lẽ phải như Dịch Nhân Kiệt phá đền dâm ở tỉnh Hà Nam, để trừ mê hoặc; như Hồ Dĩnh đánh nhà sư ở tỉnh Quảng Đông, để bài dị đoan. Thế mà các quan này lại như bọn phàm phu, không hiểu lẽ phải, Lê Tích Văn Vận mê tin đều xằng bậy [tờ 4a]; Tử Ký Đỗ Thao phụ họa vào thuyết tà. Cùng nhau theo tả đạo, mê đắm thói cốt đồng. Đã mê hoặc thần quái, hưởng còn làm thói hung cuồng. Xin thi hành hình pháp, nghiêm trị để tỏ điều trừng giới".

Hoàng đế nghe theo lời sớ trên, ra lệnh giết Khắc Xương và Công Vụ.

Thieu Quốc công Lê Quảng Độ hàng giặc Cao, Trấn tướng quân bắt được, điệu về Kinh Sư. Đặng Dung lại dâng biểu đàn hạch, xin giết Quảng Độ về tội bất trung. Bài biểu lược rằng:

"Ba cương¹ năm thường², là rường cột chống đỡ trời đất, là bàn đá³ yên vững nhân dân. Nếu nước mà không có điều, thì tuy là nước trung hạ, nhưng chính là nước man di; người mà không có những điều đó, thì tuy thường vận áo xiêm, nhưng chính là loài cầm thú. [tờ 4b] Tự xưa tới nay, chưa từng có ai bỏ các điều đó mà có thể đứng trong khoảng trời đất.

Nay Lê Quảng Độ, nhờ phúc Tổ phụ, đội ơn triều đình thờ qua bốn triều, ngôi tới nhất phẩm, mà vẫn dạn dờ, chỉ toan nhòm ngó. chiều vua thì trăm kế phùng nghinh; chuyên chánh thì múa may nhiều quẻ. tội ác chứa chấp đã lâu, đâu có phải một sớm một chiều, mà gây nên họa Thụy Khánh Hồng Thuận.

¹ Ba cương - là 3 đạo: Vua tôi, cha con và vợ chồng.

² Năm thường - là 5 điều: Nhân, nghĩa, lễ, trí và tín.

³ Câu này, chính bản chép chữ: "trụ thạch" (cột đá), có lẽ do chữ: "bàn thạch" (bàn đá) chép lộn ra chăng? Xin dịch theo nghĩa chữ "bàn thạch".

Mấy năm nay giặc Cao khởi binh, tiếm xưng bảo hiệu. Thế mà Quảng Độ tham sống sợ chết, nhần nhục thờ kẻ thù, mượn danh vị đi cổ động dân ngu cho giặc Cao, làm đầu mục đi nước ngoài cầu phong cho giặc Cao, hạnh kiểm như chó lợn, lòng dạ tựa cừu cánh¹. [tờ 5a] Người người đều mắng nhiếc, Quảng Độ vẫn trơ trơ! Y không nghĩ đến hậu ân của quân phụ, đại nghĩa về cương thường. Y mang tội với trời đất, mang tội với tổ tông và thiên hạ, tội y không thể tha thứ được".

Hoàng đế bèn ra lệnh giết Quảng Độ. Tự đây ngài tin Đấng Dung là trung trực, càng thêm ân sủng.

Lúc bấy giờ Vĩnh Hưng Bá Trịnh Tuy là cháu họ Duy sản, tranh quyền với An Hòa Hầu Ngụy-n Hoằng Dụ, kéo quân đánh nhau.

Họ Thủy chú (Trịnh) và họ Tống sơn (Ngụy-n) đều là họ Công thần hạng nhất, danh vọng trên đời, thế mà bỗng gây hiềm khích, Hoàng đế hòa giải cũng không yên. Hoằng Dụ cử binh đánh Trịnh Tuy, Tuy chạy về Lôi Dương. Trần Chân là con nuôi Duy Sản, nên bên Trịnh Tuy, bèn cử binh đánh Hoằng Dụ, Hoằng Dụ chạy [tờ 5b] về Tống Sơn. Thế là chỉ còn một mình Trần Chân lưu lại triều đình phụ chánh.

Hoàng đế thấy hai họ đánh nhau, chưa phân thắng bại, lại nghe theo lời Trần Chân, sai Đấng Dung dẫn thủy quân đuổi đánh Hoằng Dụ ở Thanh Hoa. Hoằng Dụ đưa tờ thư và bài thơ cho Đấng Dung, Đấng Dung bèn án binh bất động, nên Hoằng Dụ được chạy thoát.

Năm Quang Thiệu thứ 3 (1518), Đấng Dung thăng tước Vũ Xuyên Hầu, ra trấn thủ Hải Dương. Tại đây Đấng Dung thu thập dân quân, chỉnh đốn đội ngũ, binh số ngày thêm nhiều.

Lúc này, chỉ có một mình Thiết Sơn Bá Trần Chân nắm quyền binh trong Kinh Sư, Đấng Dung sợ Chân, bèn cưới con gái Chân cho con trai mình là Đấng Doanh, để làm vây cánh.

Vua Chiêu Tông nghe lời gièm pha, giết Trần Chân. Đồ đệ Trần Chân là bọn Ngụy-n Kính, đều thuộc hạng tướng mạnh vùng Sơn Tây, liền cử binh đánh vào Kinh Đô, Hoàng thượng chạy sang nhà Xúc ý huyện Gia Lâm, [tờ 6a] Trịnh Tuy đóng đồn ở Sơn Nam, có chừng hơn vạn quân, được tin trên dẫn binh về cứu. Hoàng thượng triệu Hoằng Dụ để dẹp giặc cứu nhà vua, nhưng Dụ không chịu đến; các tôn thất và đại thần chạy theo vua cũng không có bao người; lính cấm vệ quá ít, không biết cậy vào Tướng nào, vua bèn sai Hà Văn Chính và Lê Đại Đồ đi triệu Đấng Dung. ý ngài muốn cậy binh lực của Đấng Dung để khôi phục lại Kinh Sư. Nhưng Đấng Dung thấy triều đình rối loạn, bèn nảy ra mưu đồ khác.

Sau khi vào yết kiến Hoàng đế, Đấng Dung đóng thủy quân ở sông Nhị Hà, và cho là Xúc ý đường hơi xa, bèn tâu xin Hoàng thượng dời về Thuận Mỹ Đường Bồ Đề, để tiện theo hầu.

Đấng Dung muốn mượn thế giặc để giết hại đại thần, cho hết vây cánh nhà vua, bèn lập ra kế: Vờ cho người đi dụ bọn Kính, Áng hàng rồi mạo lời chúng yêu sách, liền ức hiếp triều đình [tờ 6b] giết Đoan quận công Ngô Bính, Thọ quận công Trịnh Hựu, và bọn Trử Khải để vừa lòng giặc.

Đấng Dung cho là Hoàng đế ở điện Thuận Mỹ, hơi gần với nơi thủy quân của bọn con em Trần Chân, định xin Hoàng thượng dời đến Bảo Châu, nhưng Đô ngự sử Đỗ Nhạc, và Phó đô ngự sử Ngụy-n Dự tranh luận, không đồng ý. Đấng Dung bèn sai người trong đảng là Đinh Mông bắt Đỗ Nhạc² và Ngụy-n Dự, đem giết tại vườn dâu phía cửa Bắc hành doanh Xuân Xã. Quần thần đều rung sợ! Bèn rước Hoàng đế tới Bảo Châu. Tự đây, đại quyền trong triều ngoài quận đều thuộc về tay Đấng Dung.

Sau đấy một thời gian ngắn, Ngụy-n Hoằng Dụ đem quân về cứu nạn giặc, Hoàng đế bèn sai Đấng Dung và Hoằng Dụ, đều dẫn quân đánh bọn Kính và Áng ở Sơn Tây. Hoằng Dụ dẫn quân bản bộ tiến đánh

¹ Cừ là tên con ác điểu. Loài chim này thường ăn thịt cha nó. Cánh là tên con ác thú. Giống thú này thường ăn thịt mẹ nó.

² Chữ này chính bản chép chữ "binh", có lẽ do chữ "nhạc" viết lộn ra chăng ? xin dịch theo chữ "nhạc".

trước, bị thua trận. Đấng Dung thì án binh không tiến, [tờ 7a] nên vẫn được toàn quân, rồi Hoàng dụ dẫn quân về, Đấng Dung bèn giữ hết binh quyền một mình. Ít lâu, Hoàng Dụ chết ở Thanh Hoa, Đấng Dung lại càng tung hoành, không còn phải sợ một ai. Mùa đông năm này, Hoàng thượng cho Đấng Dung chức Đề thống các doanh thủy quân và bộ binh.

Năm Quang Thiệu thứ 4 (1519), Hoàng thượng sai Đấng Dung thống lĩnh các quân đánh phá giặc Lê Tiếu ở Từ Liêm, bắt được Lê Tiếu, lại chiêu dụ đảng giặc Nguy- n Kính và Hoàng Duy Nhạc đầu hàng. Bộ đội ngày càng nhiều, công danh ngày càng thịnh, triều đình ai cũng phục.

Sau khi Hoàng thượng trở về Kinh Đô, tiến phong Đấng Dung tước Minh Quận Công.

Niên hiệu Quang Thiệu thứ 5 (1520), Đấng Dung bàn với nhân gia L- bộ Thượng thư Phạm Gia Mô, tính kế được nắm trọn binh quyền, để đánh dẹp cướp giặc. Bọn Gia Mô cũng nghĩ: Tự xưa, quyền tại 5 phủ, các văn thần kỳ cựu cũng không được dự. Chi bằng bây giờ để cho [tờ 7b] Đấng Dung làm quan Tiết chế, thì việc gì chúng mình cũng có thể làm được. Bèn cùng nhau ký tên vào tờ bảo cử. Hoàng đế ưng theo, cho Đấng Dung chức Tiết chế 13 Đạo thủy lục quân; Gia Mô chức Tán lý quân vụ. Thế là tất cả binh mã trong thiên hạ, đều thuộc quyền Đấng Dung.

Niên Hiệu Quang Thiệu thứ 6 (1521), Đấng Dung tự phong lên tước Nhân quốc công, Tiết chế 13 Đạo thủy lục quân.

Đấng Dung giữ binh quyền đã lâu, Tướng Tá đều quy phục. Hoàng đế cũng biết y chuyên quyền, nhưng còn mong lòng trung nghĩa của y, hy vọng thu công sau này, ngài thân đến phủ Đấng Dung và phong thêm cho chức Thái phó. Mùa đông năm này, Hoàng đế đến viện Quỳnh Văn úy lạo Đấng Dung, và sai dẫn quân đi Bắc Giang đánh giặc Trần Thăng, sau khi Đấng Dung đã đi, ngài lại ban cho tờ sắc rằng:

"Trẫm thường nghe: [tờ 8a] Vì nước trừ bạo tàn, xông pha nơi nguy hiểm. Đó là chức trách của người làm Tướng. Cho nên Điền Đan nước Tề, xông pha nơi tên đạn mà nước địch hàng; Lý Tổ nước Đường, xông pha gió sương, mà bình Quán Sái, các Tướng ấy đều bảo vệ xã tắc, và có công lớn với thiên hạ.

Khanh là người trầm ngâm. Nay giặc Thăng tụ tập chúng đảng, đóng vùng Thái Nguyên Lạng Sơn, triều đình phong cho khanh làm Đô Tướng, dẫn thủy lục quân trong thiên hạ đi đánh dẹp, vượt sông núi, gọi gió mưa, phá quân giặc ở huyện phượng nhơn và Bảo Lộc, những nơi khanh dẫn quân đi qua, binh sĩ không hề xâm phạm của dân một mảy may, các dân xã đó đều mến phục. Đã mấy lần nhận được thư tâu thắng trận, trẫm rất khen ngợi.

Nay sai Thiếu bảo Binh bộ Thượng thư Cẩm sơn hầu Lê thúc Hựu, [tờ 8b] Tư l- giám Tổng thái giám kiêm Tài dụng khố sự Lê Khoái, và Tả thị lang Đông các Đại học sĩ Nguy- n Quỳnh, đem tờ sắc chỉ này úy lạo khanh cùng tướng sĩ các doanh, và 100 lạng bạc để khanh thưởng kẻ có công.

Khi nhận tờ sắc này, khanh nên thể theo ý trẫm; Lấy điều trung nghĩa khích l- tướng sĩ, đồng tâm hiệp lực, lập kế bắt giặc. Chỉ cốt bắt cho bằng được chính tên giặc Thăng, còn những kẻ a tòng, đều tha hết thấy. Quét sạch vào sào huyệt của giặc ẩn núp đã lâu năm; cứu vớt dân một phương khỏi làm than, được an cư lạc nghiệp, để thông đường sứ sự, để trọn vẹn chiến công. Như vậy thì công danh của khanh vang lừng vũ trụ, tước lộc của khanh sẽ lưu truyền mãi mãi tới con cháu đời sau".

[tờ 9a] Đấng Dung tiến quân đến Lạng Nguyên, Trần Thăng thua chạy, quan quân đuổi bắt được, bèn kéo quân trở về.

Niên hiệu Quang Thiệu thứ 7 (1522), Lê Bá Hiếu nổi loạn ở Đông Ngàn, Đấng Dung dẫn các tướng đánh dẹp, nhưng không được. Đợt sau lại dẫn quân đánh phá, bắt được Bá Hiếu.

Sau khi Đấng Dung một mình giữ binh quyền, từng bình được nhiều giặc lớn, uy quyền ngày càng thịnh, mà đạo quân nhà vua thì yếu ớt, lòng người ai cũng hướng về Đấng Dung, nên y càng lưu tâm mưu việc phản nghịch.

Nhân Gia với Đấng Dung và Phạm Gia Mô, chức L- bộ Thượng thư, giữ chánh quyền trong triều; em rể là Vũ Hộ, chức Tả đô đốc trấn Sơn Tây, đều là bè đảng thông đồng. Thượng thư Trịnh Chí Lâm, Ngụy-n Thời Ung đều phụ họa thêm. Y lại tiến vua một mỹ nhân, giả danh là con gái của y, vào làm cung tần để dò la tin tức Hoàng đế; sai em là Đông quận công Mạc Quyết giữ đạo binh túc vệ; sai con trai là Đấng Doanh Dục mỹ hầu [tờ 9b] giữ điện Kim Quang.

Khi Đấng Dung đi đường bộ, thì dùng lọng phượng bông vàng; khi đi đường thủy thì dùng thuyền rồng dây lụa¹. Tự do ra vào nơi cung cấm, không hề nể sợ. Lại giết hết những người tâm phúc của vua là bọn: Thị vệ Ngụy-n Cấu, Đô lực sĩ Minh sơn bá Ngụy-n Thọ và Đàm Cử.

Hoàng đế thấy tình thế ngày một bức bách, bèn ngầm bàn với Ngụy-n Hiến và Phạm Thứ, định dời Kinh đô đi ra ngoài, để hiệu triệu các Tướng 4 phương hỏi tội Đấng Dung. Bàn xong, sai người đi trước, mang tờ mật chiếu tới Tây kinh, dụ viên cựu thần Trịnh Tuy đem binh đến đón Hoàng đế.

Mùa thu năm này, hồi trống canh hai đêm 27 tháng 7, Ngụy-n Hiến và Phạm Thứ vào cung dự hầu yến, rồi đón Hoàng đế ra đi tới Ốc sơn huyện Minh Nghĩa. Trong lúc vội vàng, không kịp báo Thái hậu và Hoàng đệ.

Ngày hôm sau, Đấng Dung mới biết, [tờ 10a] bèn sai quân ngăn chặn các nẻo đường cốt yếu, rồi dựng cờ điểm binh; ra lệnh các phố phường không được náo động; sai người trong đảng là Hoàng Duy Nhạc dẫn quân đuổi kịp Hoàng đế ở huyện Thạch Thất, Hoàng thượng dùng quân Thạch Thất chống đánh, bắt chém Duy Nhạc.

Ngày này, Đấng Dung vào Kinh đô, thả ngay Thượng thư Trình Chí Lâm và Ngụy-n Thời Ung do vua bắt giam, rồi mưu với đại thần Lê Phụ, Lê Điều, lập Hoàng đệ Xuân lên ngôi vua.

Hoàng thượng triệu Vũ Hộ dẫn quân đến Cần Vương. Nhưng Hộ lại phản, dẫn 3.000 quân qui phụ Đấng Dung, Đấng Dung rất hả, sai Hộ đóng quân ở Giang Bắc, rồi sai Lê Điều và Ngụy-n Như Quế phụng nghinh Xuân tới Hồng Thị, làm nơi hành điện; sai quân dân đắp đắp lũy Cẩm Giang để phòng thủ.

Lúc này, Hà Phi Hổ chống nhau với Đấng Dung, [tờ 10b] dụ Phạm Tại làm hướng đạo, còn bọn Bá Ký đều chạy về Bắc.

Tháng 8, Đấng Dung suy tôn Hoàng đế xưng đế hiệu, nhưng vì sợ vua Chiêu Tông ở ngoài hiệu triệu binh thiên hạ, nên không dám đóng tại Kinh thành, đón Xuân về Gia Phúc, và vận tải hết bảo vật trong thành về, rồi phong quan tiến tước cho các quan, văn thần là bọn Vũ Cán, Ngụy-n Văn Thái, đều được phong làm Chánh doanh đề sát thủy bộ quân vụ.

Sau đấy không lâu vua Chiêu Tông trưng tập được khá nhiều binh, dẫn quân từ Mông Sơn về, ngự tại hành điện Thụy Quang, trăm quan tới triều, bốn phương hưởng ứng, ngài sai bọn ngụy-n Kính cả thấy 4 viên Tướng, chia làm 4 đạo quân tiến đánh Đấng Dung, đóng quân tại các huyện: Gia Lâm, Văn Giang, Đường Hào, Cẩm Giang, Lương Tài, và Gia Định, hai bên chống nhau đã một tháng, chưa phân được thua.

[tờ 11a] Lúc này, các xứ về 3 mặt Tây, Nam và Bắc, đều đã thuộc về vua Chiêu Tông, còn Đấng Dung, tuy mượn tiếng dựng Hoàng đệ, nhưng chỉ giữ được một góc về xứ Hải Dương thôi.

¹ Lọng phượng và thuyền rồng, đều là nghi trượng của vua Thiên tử. Đây chép Đấng Dung tiếm dụng.

Sau đây, Đấng Dung chia quân hai đường thủy bộ, tiến đánh các xứ Đông Hà, Hoàng đế sai các Tướng: Lại Thúc Mậu, Ngụy-n Dư Hoan, Ngụy-n Định và Đàm Khắc Nhượng, chia đóng các doanh trấn giữ. Hai bên đang cầm cự, thì Đấng Dung dùng thủy quân đánh úp vào ban đêm, phá được các doanh liền dẫn quân qua sông, Thúc Mậu và Dư Hoan¹ thua chạy. Có 4 tên lính giặc vào khiêng mác, tự phưởng Phục Cổ xông vào điện Thụy Quang, nhưng lính hộ vệ cự được, Hoàng đế hoảng hốt chạy lánh đến đình cũ làng Nhân mục Tây hà! Trầm quan tan rã, mấy ngày mới tụ tập lại.

Tháng 9, Hoàng đế lại đốc quân về Kinh đô, Đấng Dung vì còn vướng với các Tướng ở miền Bắc giang [tờ 11b] cho nên không dám ngó tới Đô thành.

Mùa đông năm này, Trịnh Tuy đem toàn bộ quân Tam phủ, tự Thanh Hoá về cứu giá. Nhưng vì nghe lời ly gián, đem lòng nghi ngờ thành ra ngăn trở, rồi ép Hoàng đế bỏ Đông Kinh về Thanh Hoa, giải tán hết các đạo binh. Tự đây, không còn chiếu lệnh nhà vua nữa, thiên hạ thất vọng, các Tướng khở i nghĩa đều giải tán. Việc nước hết nói vậy.

Sau khi Hoàng đế bôn ba, kinh thành trống không, quân Đấng Dung ngày càng mạnh, bình định Kinh Bắc, rồi sai tỳ tướng đánh phá Giang Văn Dụ ở Thanh Oai, đuổi tận đến chân núi. Bèn đón vua Cung đế về ngự tại Bồ Đề, để hiệu lệnh 4 phượng, quan lại quân dân đều qui phụ theo.

Niên hiệu Thống Nguyên thứ 2 (1523), Đấng Dung sai em là Đông Sơn Hầu Mạc Quyết, [tờ 12a] cùng Vũ Hộ, Vũ Như Quế, phát quân đánh Trịnh Tuy ở Thanh Hoa.

Tháng 7, Đấng Dung mạo tờ chiếu của vua Cung đế, bỏ Hoàng đế Chiêu Tông, xuống tước Đà dương vương.

Niên hiệu Thống Nguyên thứ 3 (1524), Đấng Dung tự thăng lên tước Bình chương quân quốc trọng sự thái phó Nhân Quốc công. Sai em là Mạc quyết dẫn quân đánh Trịnh Tuy ở Nguyên Đầu, chiếm hết các Quận Huyện ở Tây đô. Trịnh Tuy chết bệnh.

Niên hiệu Thống Nguyên thứ 4 (1525), tháng 10 Đấng Dung tự làm Đô Tướng, dẫn tất cả thủy quân và bộ binh các doanh trong thiên hạ vào Thanh Hoa, Hoàng đế bức bách, chạy vào động An Nhân núi Cao Trĩ châu Lương Chánh, Đấng Dung đến ép vua đưa về Kinh Sư. Tướng đóng ở Bắc Giang là bọn Hà Phi Ổ đều tan rã và bị giết cả. Đấng Dung lại giết hết thảy các quan văn võ nào theo vua Chiêu Tông mà không theo mình. Tiến quận [tờ 12b] công Ngụy-n Lĩnh lấy em gái Đấng Dung tên là Huệ, lại lấy thêm 10 thiếp, Thị Huệ ghen, tố cáo là Lĩnh lập đảng phái, Đấng Dung cũng giết luôn Ngụy-n Lĩnh. Đấng Dung giữ hết quyền thưởng phạt hoặc thăng giáng, các quan lại cùng Tướng sĩ, vua chỉ là hư vị mà thôi. Đấng Dung lại giả bộ làm lãnh quyền hành, lui về ở Cổ Trai, nhưng thực vẫn chế ngự chánh trị trong triều.

Tháng 12, niên hiệu Thống Nguyên thứ 5 (1526), Đấng Dung sai Bái Khê bá Phạm kim Bảng mật giết vua Chiêu Tông ở Hàng sở.

Niên hiệu Thống Nguyên thứ 6 (1527), Đấng Dung tự thăng lên tước Thái sư An quốc vương, gia cửu tích.

Hoàng đế sai Tùng dương hầu Vũ Hữu, Lan xuyên hầu Phan đình Tá, và Trung xứ Đỗ hiếu Đ- cầm cờ tiết đem kim sách; áo mạo thiêu rồng đen, đai dất ngọc; kiệu tía, quạt vẽ; và lọng tía. đến Cổ Trai tuyên mệnh vua ban cho Đấng Dung, Đấng Dung đón tiếp tại bến đò An sát hạt Tiên minh.

¹ Chữ "Hoan" này do viết sai, cho nên khác mặt chữ nhưng chính là "Ngụy-n Dư Hoan" ngay dòng trên. Không phải là tên một người khác.

[tờ 13a] Tháng 5, ngày mồng 5, Đấng Dung tự Cổ Trai tới Kinh bái yết Hoàng thượng, rồi tự cửa Đông Hoa ra cửa Đại Hưng trở về Cổ Trai.

Tháng 6, Đấng Dung về Kinh sư ép vua nhường ngôi cho y. Lúc này thần dân phần nhiều xu hướng về Đấng Dung. Mạc Đấng Dung đón cả vào cung.

Ngày 15, thuộc ngày canh thân, sau khi các quan yên vị trong triều, bèn tuyên tờ chiếu của Hoàng đế rằng:

"Vua Thái Tổ ta thừa thời cách mệnh, bèn có bốn phương, các thánh truyền ngôi, đã nhiều lịch số. Đó là lòng người hợp với ý trời xui nên vậy.

Tự cuối thời Hồng Thuận, gặp lúc quốc gia nhiều nạn, Trần Cao bắt đầu gây loạn; Trịnh Tuy lập kẻ nghịch lên ngôi, lòng người lìa tan, trời cũng không giúp. Lúc ấy thiên hạ đã không phải của nhà ta vậy.

Ta bậc đức nối ngôi, không thể gánh nổi mệnh trời và lòng người, [tờ 13b] hướng về người có đức. Vậy nay Thái sư An quốc vương Mạc Đấng Dung, là người tư chất thông minh, đủ tài văn võ bên ngoài đánh dẹp, bốn phương đều phục, bên trong trị nước, trăm họ yên vui, công đức rất lớn lao, trời người đều qui phụ.

Nay nhường ngôi báu cho người có đức, để hợp mệnh trời, để yên nhân dân. Kính vậy thay".

Bài chiếu này là lời của nguy-n Văn Thái.

Sau khi tuyên chiếu, Đấng Dung bèn xưng Hoàng đế, ban lệnh đại xá thiên hạ, dùng ngay năm này làm niên hiệu Minh Đức thứ nhất, bỏ Hoàng đế xuống tước Cung vương, rồi giam cùng với Thái hậu ở cung Tây nội. Sau giết chết.

Tháng này Đấng Dung vào Kinh thành, ngự nơi chính điện, tế yết Nam giao, đặt tỉnh Hải Dương là Dương Kinh, [tờ 14a] lập cung điện ở Cổ Trai, truy tôn Tổ 7 đời Đĩnh Chi làm "Kiến thủy Khâm minh Văn Hoàng đế".

(Đấng Dung lại dựng ngôi điện gọi là Sùng Đức vào nền nhà cũ của Đĩnh Chi ở xã Lũng Động. Phần mộ thân phụ ở Tây Lăng, cho nên nay trong làng gọi nơi ấy là xứ Ổ Lăng. Lại đắp một gò lớn tại bờ sông phía Bắc mặt tiền điện Sùng Đức, để làm nơi l- bái, các quan nhà nguy Mạc ai đi qua nơi đây, đều l- vọng vào điện Sùng Đức. Nay nền điện và gò này hãy còn, điện thì ở xã Lũng Động nơi gần sông, gò thì ở bờ sông xã Đông đôi, gọi là gò Mã thảo. Nhà giảng học cũ của Đĩnh Chi: một ở nền Huyện trị cũ xã Cao Đôi; một ở chùa Quất lâm xã Tống xá. Những di tích này vẫn hãy còn rành rành, có thể khảo sát); Tổ 6 đời Giao làm "Hoàng cơ đốc thiện Tuyên hựu Hoàng đế "; Cao Tổ thứ làm "Dụ tổ thiệu phúc hoàng đạo tích đức Hoàng đế "; Tăng Tổ Cao làm "Ý tổ hồng khánh uyên triết anh duệ Hoàng đế "; Tổ Bình làm "Hoàng tổ thuần hiến tuy hựu đốc cung Hoàng đế "; các bà Tổ trên đều là Hoàng hậu; thân phụ Hịch làm "Chiêu tổ quang liệt cơ mệnh Hoàng đế " [tờ 14b] thân mẫu Đặng Thị làm Hoàng Thái Hậu.

Dựng thêm một ngôi điện để ở , gọi là điện Phúc Ý, tại phía Tây điện Hưng Quốc Dương Kinh.

Lập con trai Đấng Doanh làm Thái tử, phong em tri Quyết làm Tín vương, truy phong em trai Đốc làm Từ Vương, 3 am gái đều phong Công chúa: em gái trưởng Ngọc phong làm "Trang hoà Trưởng công chúa " em gái thứ Ngọc Huệ phong làm "Khánh diễm Công chúa ", em gái út Ngọc Anh phong làm "Tú hoa Công chúa ". Phong Vũ Hộ làm Tĩnh Quốc Công, cho đổi sang họ Mạc; phong Trung quan Nguy-n Thế Ân người làng Ngọc Lâm huyện Tứ Kỳ làm Lý Quốc Công.

Dùng ngày sinh nhật của Đấng Dung làm ngày "càn ninh thánh tiết".

Lúc này, thần dân thất vọng, thiên hạ nôn nao, Đấng Dung sợ lòng người còn nhớ vua cũ, có thể sẽ sinh biến, bèn phải tuân theo [tờ 15a] pháp độ triều Lê, phủ dụ quần thần trấn áp nhân dân. Để che mắt thế

gian, trưng cầu con cháu các vị công thần thế gia, giả danh là trưng dụng, nhưng kỳ thực cốt để kiềm chế như là quân thức vậy. Bởi thế nhiều người trốn vào rừng núi, hoặc ẩn giấu tên tuổi không chịu ra, hoặc tụ họp nhau làm đảng cướp, hoặc bỏ đi ra ngoại quốc để cầu yên. Đấng Dung lại muốn thu nhân tâm, bèn phong tất cả các vị tiết nghĩa cự thần như bọn Vũ Duệ; Đàm Thận Huy; sai quân tu sửa lâu điện ở Lam Kinh, mỗi năm hai lần tế lễ vào mùa xuân và mùa thu; lại bốn kỳ tế lễ nơi lăng Mỹ Xá. Đó là giả nhân nghĩa để thuận lòng dân vậy.

Năm Mậu Tý (1525), mùa xuân, tháng giêng. Đấng Dung muốn thay cũ lập chánh mới, bèn sai đúc loại tiền Thông bảo [tờ 15b] hình tròn ngày trước, nhưng phần nhiều không thành, cho nên lại phải đúc loại tiền "gián" mới bằng kẽm, để ban bố cho các xứ tiêu dùng.

Tháng 2, Đấng Dung phong cho bày tôi Ngụy-n Quốc Hiến làm Phò mã đô úy Thái bảo Lâm quốc công, và cho đổi là họ Mạc; Mạc Quốc Trinh làm Thái sư Lâm quốc công; Mạc Đình Khoa làm Tả đô đốc Khiêm quốc công; Mạc Bang Hộ làm Thái bảo Tĩnh Quốc công; Ngụy-n Thời Ung làm Thiếu bảo Thông quốc công; Khuất Quỳnh Cửu tước Thuần Khê hầu; Ngụy-n Bình Đức tước Khánh Khê hầu; Phạm Gia Mô tước Hoàng Lễ hầu; Phan Đình Tá tước Lan xuyên bá; Ngụy-n Văn Thái tước Đạo xuyên hầu; Ngụy-n Mậu tước Văn đại bá; Hà Cảnh Đạo tước Sùng Lễ bá; Mạc Ích Trưng tước Tố xuyên bá; [tờ 16a] Ngụy-n Tuệ tước Hưng giáo bá; Ngụy-n Dịch tước Lộc hiến hầu; Phạm Chánh nghị tước Văn trảng bá; Ngụy-n Chuyên Mỹ tước Văn đấu hầu; Ngụy-n Độ tước Hà ngưng bá; Lê Quang Bí tước Tô xuyên hầu; Ngụy-n Điển Kính tước Văn minh hầu; và bọn Ngụy-n Hậu Liêm chức Trung quan trở ng giám. Tất cả có 56 người được thăng trật và phong tước tùy từng hạng.

Đấng Dung do sự cướp ngôi mà được nước, cho nên sợ nhà Minh hỏi tội, bèn sai Sứ thần sang Yên Kinh dâng biểu nói: Con cháu họ Lê không còn ai thừa tự, cho nên chúc thác đại thần họ Mạc tạm quản việc nước, để yên nhân dân. người Minh biết đó là giả dối, không tin, bèn mật sai người sang thăm dò tin tức, gạn hỏi căn do. Đấng Dung cùng bọn bày tôi thường bày đặt lời lẽ để đối đáp, lại dùng vàng bạc đút lót những viên Tướng nhà Minh giữ biên thù, để nhờ che chở.

[tờ 16b] Tháng 2, Bích Khê hầu Lê Công Uyên người huyện Lôi Dương, là cháu viên công thần cũ Lê Văn Linh, cùng với Ngụy-n Ngã, Ngụy-n Thọ Trường, cùng khởi nghĩa binh đánh vào cửa Chu Tước, bị thua, chạy vào Thanh Hoa, rồi chiêu tập dân chúng, dựng cờ chiêu an, nhưng binh không có niên hiệu. Đấng Dung sai quân đến đánh. Dực nghĩa hầu Lê Thiệu người châu Thúy thuần, sai thủ hạ ngầm giết Công Uyên, các Tướng Văn Thông Bá và Thái Sơn Bá đều tan vỡ. Xứ Thanh Hoa và xứ Nghệ An bị nạn binh hỏa liên liền mấy năm, nhân dân lưu tán, ruộng vườn bỏ hoang.

Mùa đông, tháng 10 sau khi đã được bình định, Đấng Dung cho là pháp luật lỏng lẻo, bèn sai bọn Quốc Hiến họp bàn đổi định phép binh, phép điền, phép lộc; [tờ 17a] đặt 4 vệ: Quốc Hưng, Chiêu Vũ, Cẩm Y, Kim Ngô; các vệ nội ngoại trong 5 phủ; tên các Ty; tên quan chức công chức trong các nha môn, theo như quan chế triều trước, y lệ biên phép đủ. Lấy trấn binh xứ Hải Dương thuộc vào vệ Cẩm Y, trấn binh xứ Kinh Bắc thuộc vào vệ Kim Ngô. Mỗi Ty đặt 1 viên Chỉ huy sứ, 1 viên Chỉ huy đồng tri, một viên Chỉ huy thêm sự, 10 viên Trung hiệu, 1100 binh sĩ Trung sĩ. Số lính này chia làm 22 phiên, thay phiên túc trực. Như Trung sĩ nào có công lao thì được thăng bổ các chức: Thiên hộ, Thống chế, Quản lĩnh và Trung úy. Mỗi vệ đặt 1 viên Thư ký, dùng hạng kí lục xuất thân, sẽ được bổ các chức thủ lãnh. [tờ 17b] Lính Trung sĩ chiếu theo lệ chia thành phiên, mỗi phiên chia làm 5 giáp, mỗi giáp đặt một viên giáp trở ng, quan đầu Ty chọn trong hàng Trung hiệu, lấy người xứng đáng bổ vào chức này.

Năm Kỷ Sửu, niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529), hai anh em Trịnh Ngung và Trịnh Ngang, là cựu thần nhà Lê, chạy sang triều Minh báo cáo Đấng Dung cướp nước, và xin binh để dẹp. Vì Đấng Dung hối lộ bày tôi nhà Minh ở nơi biên thù để cầu ngăn trở, nên việc không thành công, 2 ông đều chết già ở đất Trung Hoa.

Hữu vệ Điện tiền Tướng quân An thanh hầu Nguy-n Cam ở Thanh Hoa, là em Nguy-n Hoàng Dụ, một vị vốn có danh vọng, đem con em chạy sang nước Ai Lao, có chí mưu đồ khôi phục.

Tháng 3, Đăng Dung mở khoa thi Cử nhân, [tờ 18a] lấy bọn Đỗ Tông, cộng 27 tên trúng tuyển.

Tháng 12, Đăng Dung thấy nhân tâm trong nước chưa yên, bèn truyền ngôi cho con là Đăng Doanh, rồi tự xưng là Thái thượng hoàng, ra điện Tường Quan ở.

Năm Canh Dần (1530), tháng giêng, ngày Đinh Hợi, mồng 1, Đăng Doanh tiếm hiệu Hoàng đế, ban lệnh đại xá thiên hạ, đổi năm ấy là niên hiệu Đại Chánh thứ nhất, ngự tôn Đăng Dung làm Thái thượng hoàng, dựng điện nguy nga để Đăng Dung ở, mỗi tháng vào ngày mồng 8 và ngày 22, Đăng Doanh dẫn quần thần đến điện triều yến.

Đăng Dung về Cổ Trai ở, là để trấn vững nơi căn bản, và làm ngoại viện cho Đăng Doanh, nhưng vẫn định đoạt các việc trọng đại quốc gia.

Soạn 59 điều cáo ban hành.

Chưa bao lâu, Lê Ý là con Công chúa An Thái, khởi binh ở châu Gia, lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, nhân dân đều hưởng ứng.

[tờ 18b] Tháng 4, Đăng Dung đích thân đốc mấy vạn thủy lục quân đánh Lê Ý ở Mã Giang, mấy trận đều bị thua, bèn lui quân về Đông Kinh.

Đăng Doanh lại dẫn binh vào Thanh Hoa, đánh Lê Ý ở Động hàng, bị thua to, bèn kéo quân về, lưu Mạc Quốc Trinh ở lại chống cự với Lê Ý. Quốc Trinh biết Lê Ý cậy thắng trận luôn, không có phòng bị, bèn tuyển quân đánh úp, phá tan doanh trại, bắt được Lê Ý, đem về Đông Kinh giết chết.

Mùa xuân năm Tân Mão (1531), An Thanh Hầu Nguy-n Cam dẫn quân từ nước Ai Lao về Thanh Hoa, Đăng Dung sai binh đánh, bị thua to.

Mùa xuân, năm Quý Tỵ (1533), các vị cựu thần nhà Lê: Lý Quốc Công; Trịnh Duy Noãn, Phúc Hưng Hầu; Trịnh Duy Duyệt, và Tả đô đốc Trịnh Duy Liệu, dựng vua Trang Tông lên ngôi vua tại nước Ai Lao, [tờ 19a] đặt niên hiệu là Nguyên Hòa. Quốc thống phân minh, danh nghĩa chính đáng. Sau khi phong các Tướng, vua sai Duy Liệu vượt biển sang nhà Minh, tâu cáo tội trạng của Đăng Dung, và xin nhà Minh đánh dẹp. Duy Liệu là người có tiết tháo, giỏi văn chương, soạn tờ tâu kể hết tội tiếm nghịch của Đăng Dung. Ông lại tự ví như Thân Tư, Dục Nhượng và Trương Lương¹, lời lẽ rất lâm ly bi đát! Vua nhà Minh nhận tờ tấu, giao xuống đình nghị, định cất quân sang hỏi tội Đăng Dung.

¹ Thân bao tư bày tội nước Sở thời Chiến quốc. Khi nước Sở bị Tử Tư dẫn quân nước Ngô đánh phá thành đô, vua Sở phải chạy vạy phần nguy ngập, có thể mất nước đến nơi. Bao Tư bèn sang Tần cầu cứu, vua Ai Công nước Tần do dự không muốn xuất quân, Bao Tư bèn quì tại sân triều, gào khóc thảm thiết, ròng rã 7 ngày không hề ăn uống. Vua Tần cảm động sai Tướng dẫn quân cứu nước Sở, nước Ngô phải lui quân.

Dục Nhượng, gia thần Trí Dao, tước Bá nước Tấn thời chiến quốc. Sau khi Trí Dao bị Triệu Vô Tuất giết chết luôn cả 3 hô Dục Nhượng bèn thay đổi họ tên, thủ một con mũi nhọn, trà trộn vào đám quân hầu trong dinh họ Triệu, ẩn trong phòng vệ sinh, định giết Vô Tuất. Vô Tuất bắt được vạy hỏi, Dục Nhượng nói thật là định trả thù cho Trí Dao. Vô Tuất cho là nghĩa sĩ, tha cho về. Nhưng Dục Nhượng vẫn chưa thoái chí, lại cạo đầu, bôi sơn vào mình, làm hình dạng người cùi; nhai nuốt than cho khỏi nhận ra tiếng quen thuộc, rồi đến phục trong cầu Xích Kiều. Khi Vô Tuất đến khánh thành cầu, lại bắt được hình dạng tuy biến đổi, Vô Tuất vẫn nhận ra được, sai lính chém đầu.

Trương Lương, Tổ phụ 5 đời làm Tướng nước Hàn. Sau khi nước Hàn bị nước Tần diệt, Trương Lương bán hết gia tài để mộ lực sĩ, đón giết vua Tần Thủy Hoàng trong khi đi qua đất Bát Lăng. Nhưng lực sĩ chỉ đập tan cái xe giả dạng, vua Tần thoát nạn. Trương Lương lại theo Hán Cao Tổ, bày mưu đánh phá nước Tần, báo thù cho vua nước Hàn.

Đặng Dung được tin trên, liền sai người trong đảng là Phạm Chánh Nghị mang tờ thư đến tỉnh Vân Nam trình quan đầu tỉnh. Trong thư đại ý nói:

Trước kia, Quốc vương tôi Lê Điều bị tên nghịch thần Trần Cao giết, không có con trai, Đặng Dung cùng người trong nước dựng em Huệ lên ngôi vua, Huệ lại bị gian thần Đỗ Ôn và Thịnh Tuy dụ dỗ đưa vào Thanh Hoa, [tờ 19b] Đặng Dung bèn dựng em Huệ là Khoáng lên ngôi, rồi vào Thanh Hoa đón Huệ về. Sau Huệ và Khoáng đều chết bệnh, họ Lê không có con nối. Khi Khoáng sắp chết, có bàn với quần thần rằng: "Đặng Dung và con trai, đều có công với nước, vậy giao ấn tín cho y để giữ nước". Bởi thế cả nước suy tôn Đặng Dung lên ngôi vua. Sở dĩ không dâng biểu xưng thần và nộp cống hiến, là vì: Buổi trước thì bị Trần Thăng chiếm cứ tỉnh Lạng Sơn, nghẽn đường không qua được; Về sau lại bị các quan giữ cửa ải của thượng quốc, đóng cửa quan không cho qua. Còn như Lê Ninh, là con của tên loạn thần Ngụy-n Cam, chứ không phải là con trai của Huệ.

Viên Thủ Tướng nhà Minh chuyển đạt lời trên lên vua, triều đình đều cho lời đó là hoang vu, không đúng sự thực. Còn đạo quân của Tướng Cừu Loan, tuy đã kéo đến lãnh thổ nước ta, nhưng vẫn do dự chưa tiến.

[tờ 20a] Năm Kỷ Hợi, niên hiệu Nguyên Hòa thứ 7 (1539), tháng 5 ngày Canh Ngọ, thân mẫu Đặng Dung Đặng Thị chết, thọ 82 tuổi. Sùng An Vương Trí Nhân giữ việc hộ l-, Đặng Dung để tang 3 năm, Đặng Doanh và quần thần để tang 1 năm, người trong Kinh thành và trong ấp Thang mộc đều để tang 100 ngày, toàn dân thiên hạ để tang 27 ngày. Đó là theo phép đời xưa vậy. Ngụy tôn tên thụy bà là "Chiêu từ sùng hựu hiến Hoàng thái hậu ", ngày Bính Ngọ tháng 9 làm l- an táng, phần mộ gọi là Thụy Lăng.

Năm Canh Tý, niên hiệu Nguyên Hòa thứ 8 (1540), nhằm niên hiệu Đại Chánh thứ 11 ngụy Mạc, ngày Mậu Ngọ tháng giêng. Đặng Doanh chết, Đặng Dung lại trở về Đông Kinh, dựng cháu nội là Phúc Hải lên nối ngôi vua.

Sợ nhà Minh đem quân đánh. Đặng Dung mật sai người hối lộ viên tướng giữ châu Liêm là Trương Nhạc, yêu cầu xin cắt đất nộp nhà Minh và tự bỏ Đế hiệu.

Viên Tham chánh nhà Minh Ông Vạn Đạt [tờ 20b] sai Lương Ngọc Phụ đem tờ đem tờ sức Đặng Dung phải đích thân đến cửa quân, nộp đất dựng mốc; bỏ Đế hiệu đã tiếm xưng, và vâng lĩnh lệnh theo ngày tháng của Trung Quốc.

Tháng 11, Đặng Dung vận áo trắng, tự quấn dây sơi vào cổ, dẫn cháu họ là Văn Minh cùng bảy tôi là: Ngụy-n Như Quế, Đỗ Thế Khánh, Đặng Văn Trị, Lê Thuyên, Ngụy-n Tông, Tô Văn Tốc, Ngụy-n Kinh Tế, Dương Duy Nhất, và Bùi Trí Vĩnh (các người này cũng đều quấn tua sơi vào cổ), đến chực ở cửa Nam Quan. Vạn Đạt đã dựng sẵn một mạt phủ ở gần đấy, truyền lệnh mở cửa quan, Đặng Dung do cửa quan bên Tả bước ra, quì gối hướng mặt về phía Bắc, dâng tờ hàng biểu, và bạ ghi chép thổ địa quân dân trong nước, tình nguyện nộp các động: Tư Lãm, Kim Lặc, Cổ Sâm và Li-u Cát trong châu Yên Quảng và châu Vĩnh yên, [tờ 21a] để lệ thuộc vào Khâm châu; xin ban cho niên lịch và ấn tín.

Sau khi Tướng nhà Minh nhận hàng, bèn sai Văn Minh, Ngụy-n Giản Thanh, và Hứa Tam Tỉnh đem tờ hàng biểu tới Yên Kinh dâng vua Minh.

Năm Tân Sửu (1541) tháng 8 ngày Nhâm Tuất, Đặng Dung bị bệnh, Phúc Hải sai Thái Bảo Bàn quốc công Đặng Văn Trị, Thái Bảo Dương quốc công Đặng Đôn, và Thiếu Bảo Liêm quốc công Mạc ninh Bang tới Cổ Trai hầu bệnh, rồi Phúc Hải cũng đích thân vào thăm.

Khi Đặng Dung bệnh nặng, truyền mệnh Phúc Hải phải kíp về Kinh sư, để trấn an nhân tâm, và coi xã tắc là trọng. Phúc Hải bèn trở về Kinh sư. Ngày 27 thuộc ngày Ất Hợi, Đặng Dung chết, tiếm ngôi vua 3 năm, truyền ngôi rồi ra ở ngoài 12 năm, thọ 59 tuổi. Có di chúc: Dựng đàn chay cúng Phật.

Ngày Mậu Dần, Kinh Sư nhận được báo tang [tờ 21b] Phúc Hải dẫn quần thần đến điện Quảng Đức, sai Sùng An Vương Mạc nhân trí làm Tổng đốc sứ, Tả đô đốc Kỳ quận công Mạc ninh Ngội làm phó, Lương quận công Phạm kim Bổng làm Sơn lăng sứ, Tổng thái giám Vũ cảnh hành làm Phó.

Tháng 9, ngày Mậu Thân, Phúc Hải sai Thái úy Trung quốc công Mạc Như Quế, Thái bảo Dương quốc công Đặng Đôn Tín vào phụ chánh. Đồng các Đại học sĩ Thiệu bảo Liêm quận công Mạc ninh bang dâng tờ sách đặt ngụy thụý Đặng Dung là "Nhân minh Cao Hoàng đế", miếu hiệu Thái tổ. Tháng 10 ngày Canh Thân an táng tại Long Sơn, mộ hiệu là An Lăng.

Mạc Ninh Ngội và Mạc Như Quế đều là Tướng của vua Chiêu Tông, vì thờ Đặng Dung nên đều đổi ra họ Mạc. Còn Mạc Ninh Bang tức là nguy-n Bỉnh Đức, đỗ khoa Giáp Tuất thời Hồng Thuận. Khi thiếu thời, Bỉnh Đức chơi với Đặng Dung rất thân, đến khi làm chính trị, ngầm giúp nhiều mưu kế về việc thoán nghịch cho Đặng Dung, nên Đặng Dung rất sủng ái tín dụng. Sau bị quyền thần giết.

Bọn Mi-n Thiệu soạn văn bia, nhiều câu xưng tụng quá đáng.

Sau Bình An Vương giúp vua Thế Tông Nghị Hoàng đế khôi phục Kinh sư, giết hết bọn nguy đảng; đem quân phá hết cung điện ở Cổ Trai; hủy bia đá mộ; chặt hết cây trồng trong lăng. Đó là tỏ sự truy khiển vậy.

Đặng Dung có 10 con trai, con trưởng tức là Đặng Doanh, con thứ 2 là Trung Chánh, nguy phong Hoàng vương, thứ 3 Phục Sơn [tờ 22b], nguy phong Định vương, thứ 4 Nhân Phủ phong Khang vương, thứ 5 Quang Khải phong Quảng Vương, thứ 6 Nhân Quảng, thứ 7 Đại Khánh, mấy người này đều còn nhỏ tuổi, chưa được phong tước. Con gái Ngọc Thộ tiếm phong Thụy ninh Công chúa, Ngọc Châu tiếm phong Thái an Công chúa, còn Ngọc Quang và Ngọc Tư đều còn nhỏ tuổi chưa được phong tước. Còn con trai là Gia Vương, Đại Dung, cùng con gái là Hồng Ngọc, Đoan Túc, và Ngọc Lan thấy đều chết non.

Đại Việt Thông Sử

LIỆT TRUYỆN

Thần Đôn soạn

NGHỊCH THẦN TRUYỆN

MẠC ĐĂNG DOANH

[tờ 23a] Đăng Doanh là con trưởng Đăng Dung, buổi đầu thời Quang Thiệu, được phong tước Dục mỹ hầu, giữ điện Kim Quang, khi Đăng Dung cướp ngôi vua, được dựng làm Thái tử. Sau khi Đăng Dung tiếm ngôi được 3 năm, vì sợ nhân tâm chưa ổn định, bèn truyền ngôi cho. năm Canh Dần (1580) mồng một tháng giêng thuộc ngày Đinh Hợi, Đăng Doanh tiếm ngôi vua, đổi niên hiệu là Đại Chánh, tôn bà nội Đặng Thị làm Thái hoàng Thái; Đăng Dung làm Thái Thượng hoàng.

Lúc này, Lê Ý [tờ 23b] con trai An Thái Công chúa, khởi binh ở Na Châu, lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, hiệu triệu Tướng sĩ trong các xứ Thanh Hoa Nghệ An, hợp binh đánh giặc (Đăng Doanh). Đăng Dung đích thân cầm quân đánh Lê Ý ở Mã Giang, mấy trận đều thua, phải kéo quân trở về.

Ngày 23, tháng 8 Đăng Doanh vào Thanh Hoa, hội binh ở sông Hoàng Hóa, rồi chia làm hai đạo, sai Mạc Quốc Trinh lãnh đạo chiến thuyền tiến trước, bị Lê Ý đánh phá, Đăng Doanh lại đốc thúc Tôn Thất Kỳ tiến binh tới Động Hàng, Lê Ý đón đánh phá tan, bắt được rất nhiều. Đăng Doanh bèn lui binh cố thủ.

Mùa đông, tháng 11, Đăng Doanh để Quốc Trinh ở lại cầm cự với Lê Ý, rồi trở về Kinh Sư. Lê Ý cậy thắng trận luôn, không đặt phòng bị, lui về Na Châu [tờ 24a] bị Quốc Trinh bắt được, giải về Kinh Sư giết chết.

Tháng 12, cự thần của Hoàng triều An Thanh Hầu Ngụy-n Cam, nhân lánh loạn sang ở châu Sầm Thượng, Sầm Hạ bên nước Ai Lao, chiêu tập các người trung nghĩa, có số binh Tướng hơn nghìn người, 30 con voi và 300 con ngựa. Đến đây theo thỉnh cầu của các Tướng, bèn dẫn quân về Kinh Lược xứ Thanh Hoa, đóng ở Lôi Dương, gặp phục binh của Ngọc Trục Hầu tướng Đăng Doanh đón đánh phá tan.

Thời ấy, cha con Đăng Doanh do toán nghịch cướp nước, cho nên hào kiệt phần nhiều không phục, rất nhiều thổ tù các nơi khởi binh, Ngụy-n Cam đóng ở nước Ai Lao; Trịnh Ngung, Trịnh Nghiêu chiếm cứ xứ Thái Nguyên; Vũ Văn Uyên chiếm cứ xứ Tuyên Quang, các Tướng này đều nêu danh nghĩa phục quốc [tờ 24b] Suốt các xứ Thanh Hoa, Nghệ An và Tuyên Hưng, đều không theo hiệu lệnh của họ Mạc.

Mùa xuân năm Tân Mão (1531), Đăng Doanh sai Tướng Đặng Quốc Công Ngụy-n Kính vào đánh Ngụy-n Cam ở xứ Thanh Hoa, Ngụy-n Cam đón đánh phá tan quân Ngụy-n Kính, rồi chia Tướng sĩ đóng các Huyện. Ngụy-n Kính lại đánh vào Đông Sơn, Ngụy-n Cam lại đánh phá được, vừa chém giết vừa bắt sống được mấy trăm tên, rồi dẫn quân ra Gia Vi-n, chiêu dụ và chiếm đất.

Mùa thu, tháng 7 năm này, trời đổ mưa nhiều, nước sông đầy dẫy; họ Mạc dùng chiến thuyền tiến đánh, quân dân tán loạn, thế không thể cố thủ, Ngụy-n Cam lại phải trở về Ai Lao, để dưỡng sức đợi thời, Đãng Doanh cũng không dám tiến sâu vào nữa. Lúc này xứ Thanh Hoa bị nạn đói kém, một đấu gạo phải mua với giá một tiền (60 đồng tiền kẽm).

Có người ở Sơn Đông là Hùng Sơn hậu, lại đem mấy trăm con em vào xứ Thanh Hoa, [tờ 25a] dựng doanh trại chiếm đóng, được mấy tháng thì Đãng Doanh sai Tướng vào đánh, nhà ở núi Ngọc Huân. Hùng Sơn Hậu chết bệnh, quân đều tan rã.

Mùa xuân năm Nhâm Thìn (1532), Đãng Doanh mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Ngụy-n Thiến, gồm 27 người trúng tuyển.

Đãng Doanh thấy trong nước còn nhiều trộm cướp, bèn ra lệnh cấm nhân dân các xứ, không được mang gươm giáo đao nhọn, và các đồ binh khí hoành hành ngoài đường. Nếu kẻ nào trái lệnh, cho pháp ty bắt trị. Tự đấy, những người đi buôn bán chỉ đi tay không, không phải đem khí giới tự vệ, trong khoảng mấy năm, trộm cướp biệt tăm, súc vật chăn nuôi, tối đến không phải đồn vào chuồng, cứ mỗi ngày một lần kiểm điểm thôi. Lại trúng mùa luôn luôn, nhân dân bốn trấn đều được yên ổn.

Mùa đông, tháng 10, Đãng Doanh dùng Trung quan Trung hậu hầu làm Đại tướng quân, lãnh binh thống quản tất cả binh [tờ 25b] dân 3 Phủ và quan 3 Ty trong xứ Thanh Hoa, toàn quyền tổng trấn một phương. Tây An Bá Lê Phỉ Thừa gièm rằng:

"Châu Ái (Thanh Hoa) là một nơi núi sông hiểm trở, ruộng đất phì nhiêu, binh lương đầy đủ. Quyền hành không nên để một người nắm giữ. Nếu người bày tôi được chuyên quyền, tất sẽ tới sự họa loạn. Nay đem nơi trọng địa đó trao phó cho một người tổng quản, nếu xảy ra biến cố, sợ khó bề chế ngự, mà nơi đó sẽ không còn là của triều đình nữa. Xin xét kỹ lại, đừng để hối hận về sau".

Đãng Doanh bèn chia xứ Thanh Hoa làm đôi, giao 7 Huyện: Thụy Nguyên, An Định, Vĩnh Phúc, Đông Sơn, Thạch Thành, Cẩm Thủy và Quang Bình cho Thừa Phỉ quản thống, cùng với Trung hậu hầu cùng khống chế lẫn nhau. Sai khi Thừa Phỉ được binh quyền, lại càng kêu căng phóng túng.

Tháng này có tuế tinh hiện ở Phương Đông.

[tờ 26a] Đãng Doanh dùng An Bang Thừa chánh sứ Trần Phỉ làm Lại bộ Tả thị lang.

Tháng 12, An Thanh hầu Ngụy-n Cam, và cựu thần triều Lê là Lý quốc công Trịnh Duy Thoan, Phúc hưng hầu Trịnh duy liệu, dựng con trưởn vua Chiêu Tông lên ngôi vua ở nước Ai Lao.

Mùa xuân, năm Quý Tỵ (1533), vua Trang Tông lên ngôi Hoàng đế ở Sách Thúy thuần, đặt niên hiệu Kiến Hòa năm thứ nhất, phong tước cho các Tướng, luyện binh để mưu đồ khôi phục. Sai Trịnh Duy Liệu sang xin quân nhà Minh.

Năm này hiệu úy Ngụy-n Nhân Tỵ khởi binh ở Thuận Hóa, Đãng Doanh sai Tướng đánh, nhưng không được.

Năm Giáp Ngọ, **niên hiệu Nguyên hòa thứ 2 (1534)**, nhà Minh sai Hàm Ninh Hầu Bí Loan, và Bình Bộ Thượng thư Mao Bá Ôn, dẫn quân đến cảnh thổ nước ta, tuyên bố là đến đánh họ Mạc. [tờ 26b] Đãng Doanh xiết đối sợ hãi! Liền tu sửa trại sách, luyện tập thủy quân; trưng cầu hết thảy các cựu thần lão tướng để cùng bàn việc nước; phục chức cho Thái Bảo Vũ Hộ làm Tây quân Tả đô đốc chưởng phủ sự, để tới triều đình bàn luận chánh sự. Tháng 9 năm này, Vũ Hộ bị bệnh chết.

Mùa xuân năm Kỷ Tỵ, **niên hiệu Nguyên Hòa thứ 3 (1535)**, Đãng Doanh mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Ngụy-n Bình Khiêm cộng 32 người trúng tuyển.

Mùa xuân năm Bính Thân, **niên hiệu Nguyên Hòa thứ 5 (1536)** Đăng Doanh sai Đông quân Tả đô đốc Khiêm quận công Mạc Đình Khoa tu sửa lại trường Quốc tử giám.

Tháng giêng, mùa xuân năm Đinh Dậu **niên hiệu Nguyên Hòa thứ 5 (1537)** Đăng Doanh đến trường Thái học làm l- Thích điện (tế tiên thánh tiên sư).

Mùa hạ, tháng 4 có trận gió bão, làm đổ gãy cây, tốc mái nhà, nước bể dâng lên giàn giụa, rất nhiều người và súc vật chết đuối.

Trấn thủ Thanh Hoa Tây An Hầu [tờ 27a] Lê Phỉ thừa đánh phá Tam Ty, rồi sang Ai Lao qui thuận Hoàng đế, được thăng tước Quận công.

Mùa xuân, năm Mậu Tuất, **niên hiệu Nguyên Hòa thứ 6 (1538)** Đăng Doanh mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Giáp Hải cộng 36 người trúng tuyển. Bỏ Trần Phỉ chức Thượng thư, làm Thừa tuyên sứ đạo Hưng Hóa. Tuyển trai tráng sung vào ngạch quân.

Lúc bấy giờ, triều Minh tuy có hạ chiếu sai Tướng sang hỏi tội họ Mạc, nhưng vẫn còn di duyên chưa phát binh, chỉ hư trương thanh thế để hống hách thôi. Cha con Đăng Doanh xiết đối kinh hoàng! Sai Nguy-n Văn Thái đem tờ biểu đến tỉnh Quảng Tây xin hàng, tình nguyện tuân theo lệnh triều Minh phân xử, lời lẽ rất thảm thiết! Lại hối lộ rất hậu các quan 3 Ty tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và các Tướng Tá châu Khâm, châu Liêm. Các quan này nhận hối lộ [tờ 27b] hứa sẽ chuyển tâu về triều đình xin tha cho. Bởi thế thời kỳ tiến quân được tạm hoãn.

Mùa xuân, năm Kỷ Hợi, **niên hiệu Nguyên Hòa thứ 7 (1539)**, vua Trang Tông phong Đại Tướng quân Dực nghĩa hầu Trịnh Kiểm tước Dực quận công. Dực nghĩa hầu người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc, theo Thái sư Nguy-n Cam đi đánh dẹp, lập được nhiều chiến công. Nguy-n Cam thấy ông có tài, bèn gả con gái cho. Đến đây Hoàng đế phong cho tước Công, coi là một Đại Tướng tâm phúc. Công nghiệp trung hưng bắt đầu tại đây.

Hoàng đế lại phong tước cho các Tướng: Phong Tuyên quận công cho Trịnh Công Năng, Hòa quận công cho Lại Thế Vinh, Thụy sơn hầu cho Hà Nhân Chánh. Ngoài ra như; Hiệp quận công, Tường quận công, Từ quận công, Trấn quận công, Tây quận công, Dương quận công, và Bảo quận công, đều được ban cho mỗi vị một quả ấn Tướng quân [tờ 28a], để dẫn binh bản bộ chia đường tiến quân, thanh thế rất hùng lẫm! Đánh vào vùng Lôi Dương, nơi nào quân Đăng Doanh cũng bị thua.

Vua Thế Tông nhà Minh tiếp tờ biểu xin hàng của Đăng Doanh, bèn ban sắc cho Mao Bá Ôn rằng:

"Trước đây, cháu vua nước An Nam có tâu rằng: "Vì tặc thần Mạc Đăng Dung làm loạn, cướp chiếm thành đô, đường xá nghẽn lối, cho nên thiếu sự cống hiến ". Trẫm đã sai quan tra xét, biết đúng sự thực, đang định sai đem quân hỏi tội, thì lại tiếp tờ tấu của các quan Trấn thủ tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam tâu rằng: "Cha con Mạc Đăng Dung nghe tin thiên triều định hỏi tội, rất là sợ hãi, và đã hối tỉnh, dâng biểu xin hàng, tình nguyện dâng tất cả thổ địa nhân dân nước ấy, để thuộc quyền thiên triều thẩm định ". Lời cầu xin cũng đáng thương, bèn giao xuống đình thần hội nghị, nhưng thấy đều cho là: Di tình khó lường, [tờ 28b] lời kêu vang tuy khẩn thiết, nhưng ý rất có thể quỷ quyệt. Bởi thế cần phải chính pháp tỏ nghĩa. Nay mệnh người hãy cùng Tổng đốc quân vụ Hàm minh hầu Cừ Loan, đến tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam, hội đồng với các Đề đốc và các quan Tướng Phó tham tam ty, điều động thổ binh thổ quan trong 3 tỉnh ấy đi hỏi tội Đăng Dung. Các cơ nghi chiến lược, cho người được tiện nghi định đoạt. Như cha con tên tặc thần quả đã hối tội, tự đem mình lại xin hàng, thì người xét đích thực tình trạng, rồi tâu gấp ngay về triều đình. Nếu nó vẫn ngoan cố không đổi lỗi, thì phải giết chết không tha [tờ 29a] Trong việc chiến trận, các người nên tùy nghi châm chước, cần dùng kế vạn toàn, cốt là dẹp sự tiếm loạn, bắt được tội nhân, để tỏ nghĩa chinh phạt của thiên triều, để yên nhân dân nước phiên thuộc.

Nay ủy trọng nhiệm này cho nhà ngươi ".

Bá Ôn bèn đi Quảng Tây, phái viên Tri phủ Thái bình Giang Nhất Quế, và chỉ huy Vương Lương Phụ đến đặt dinh tại Băng Tường, thẩm nghiệm xem cha con Mạc Đăng Dung có quả thực dốc lòng qui hàng, thì nhận cho hàng. Như tình còn trá trở không lường¹, thì được tùy nghi định đoạt. Nhất Quế bèn truyền tờ lệnh cho Đăng Dung, phải khai đích thực nguyên do về sự xin hàng, và sẽ phát nguyện để quyền thiên triều xử trí thế nào ? phải khai rõ ràng hết thấy. Đăng Dung lại trình tờ phúc đáp đầy đủ. Giang Nhất Quế lại truyền tờ hịch cho các kỳ lão nhân sĩ nước ta rằng:

[tờ 29b] "Hoàng thượng ta, trung hưng giữ vận, thống nhất hoa di, các phương xa vời, không đâu là không thần phục. Duy nước các ngươi, đã lâu không tới triều đình, bèn sai Quân môn vâng mệnh khám hỏi. Được biết nước ngươi có cha con Mạc Đăng Dung, Đăng Doanh, thừa cơ rông dử, cướp đoạt ngôi vua, gây nên mầm loạn, liên tiếp binh đao, khiến cho nước các ngươi nhân dân lầm than, làng xóm ly tán. Tội trạng đã rõ pháp luật khôn tha. Thiên tử là chủ cả hao di, tất trọng điều nhân khôi phục cho nước bị tiết diệt; thánh nhân rất mực đạo cương thường, ắt tổ cái nghĩa đánh dẹp để trừ kẻ phản nghịch. Nay con cháu nhà Lê chưa tiết, mà tội ác họ Mạc đã đầy, mệnh trời lòng người, rất là rõ ràng, [tờ 30a] không thể che giấu. Phàm những kẻ loạn thần tặc tử, thì ai ai cũng có quyền giết chết. Nước An Nam các ngươi, tuy ở nơi hẻo lánh nhưng đã từng thấm nhuần thanh giáo của thiên triều, há không có kẻ sĩ tôn sùng trung nghĩa; những tài dẹp loạn an bang. Như có thể cùng dựng nghĩa binh, để giết tên đại ác, thì ta sẽ treo phần thưởng, để giúp cho chóng thành công. Các ngươi nên kính lòng họa dâm phúc thiện của Hoàng thiên; thể ý vãn tội chánh danh của Thánh thượng. Nghĩ nghĩa họ Lê là vua cũ, họ Mạc là kẻ thù. Đều nên huy động lòng trung dũng, sắp đặt các kế mưu, một người xướng trăm người họa, chẳng hẹn mà cùng; người gần vui người xa lại, không ước mà nên. Nổi đoàn nghĩa sĩ, [tờ 30b] giết kẻ cừ khôi; tuyên bố nhân thanh, yên dân làng xóm. Kẻ nào chém được đầu cha con Mạc Đăng Dung, Mạc Đăng Doanh, sẽ được thưởng 20.000 lạng bạc, và tâu triều đình thăng chức quan cao. Kẻ nào tình nguyện dâng một Phủ qui phụ, sẽ được cho làm quan cai trị Phủ ấy. Kẻ nào dâng một Châu hoặc một Huyện qui phụ, cũng được cho làm quan cai trị Châu hoặc Huyện ấy, và đều được thưởng 5.000 lạng bạc.

"Ta lại được biết Mạc Đăng Dung lấy Đô ấp làm nơi sinh sống; dùng Cửu công phủ làm Đô đốc hộ vệ. Ôi! các vị Cửu công đâu có phải không có lương tâm, chẳng qua chỉ sợ quy thế đó thôi. Nay các vị Cửu công nếu có thể bắt chém cha con Mạc Đăng Dung, Mạc Đăng Doanh [tờ 31a] sẽ thưởng đồng đều, mỗi vị 20.000 lạng bạc, và tâu triều đình thăng tước trật cao; hoặc muốn dâng một Phủ, một Châu hoặc một Huyện qui phụ, sẽ cho được chức cai trị Phủ Châu Huyện đó, và cũng ban bạc thưởng như trên.

Như vậy thì, dân vô tội nước An Nam, sẽ khỏi cái nạn chém giết; kẻ chí sĩ nước An Nam, sẽ được tỏ cái danh trung nghĩa. Trên thuận đạo trời, dưới yên lòng người, há không phải là một sự đại hạnh cho nước An Nam ru ?

Nếu không thế, binh thiên triều sẽ tấp nập đến ngay, lúc ấy ngọc cũng như đá, đều sẽ cháy tiêu, dù có những kẻ sĩ trung nghĩa, cũng không phân biệt, tất đều phải đưa đầu chịu giết! Hối còn sao kịp. Cũng như người muốn tự cắn vào rốn mình, có thể kịp đâu.

Vậy cấp phát 14.000 tờ điệp văn của bản phủ [tờ 31b] cho các Phủ: Trường Khánh, Lạng Sơn, và các châu Vĩnh An, Văn Uyên. Dân sĩ phụ lão các ngươi, nên tính mau mau! ".

Đăng Doanh và Trần Phỉ làm Thượng thư bộ I-; phong cho Lê Bá Ly tước Khiêm quận công. Bá Ly nguyên quán xã Cổ phạm hạt Đông sơn, đến ở tại làng Thịnh Liệt, huyện Thanh trì, nổi tiếng là người tài

¹ Câu này chính bản chép: "cự trắc " (lớn lên). Khó hiểu. Hoặc do chữ "phả trắc " (không thể lường) chép lộn ra chăng ? Xin dịch theo nghĩa chữ "phả trắc ".

dững, khi làm quan thời vua Chiêu Tông, được phong tước Mai xuyên bá, bạn thân cũ của Đặng Dung, khi Đặng Dung tiến ngôi, sai Bá Ly giữ vệ Kim Ngô, tiến phong tước Hầu, lại gả em gái là Lương thượng Công chúa cho. Đến đây Đặng Doanh càng thêm tín nhiệm Bá Ly, thăng cho chức Đông quân đô đốc, tước Quận công.

Mùa hạ, bị nạn đại hạn. Mùa đông, tháng 10 động đất.

Năm Canh Tý, niên hiệu Nguyên Hòa thứ 8 (1540), nhằm niên hiệu Gia Tĩnh thứ 19 triều Minh, [tờ 32a] mùa xuân, tháng giêng, ngày 25 thuộc ngày Mậu Ngọ, Đặng Doanh chết, tiếm vị 11 năm, dựng con là Phúc Hải lên ngôi, ngự đặt tên thụy là "Thái tông Khâm triết Văn Hoàng đế". Có 7 con trai, con trưởng là Phúc Hải, thứ 2 Phúc Tư, ngự phong Ninh Vương, thứ 3 Kính Diển, ngự phong Khiêm Vương, thứ 4 Lý Thiên, thứ 5 Lý Hòa, thứ 6 Hiệp Thái, thứ 7 Đôn Nhượng, ngự phong Ứng Vương.

PHÚC HẢI

Phúc Hải là con trưởng Đặng Doanh, trước tên là Đức Nguyên, ngự lập làm Hoàng Thái tử, tiếm ngôi vào tháng 2 năm Nguyên Hòa thứ 8 (1540), đổi năm Tân Sửu làm năm Quảng Hòa thứ nhất (1541), phong Lê Bá Ly làm Phụng quốc công.

Trung Quốc có sự cảnh cấp, nên triệu Tổng binh Cừ Loan về, để trấn thủ 2 tỉnh Quảng, [tờ 32b] mà cho An vi-n hầu Li-u Tuân thay Cừ Loan. Mao Bá Ôn dẫn binh thẳng tới tỉnh Nam Ninh. Đặng Dung trước đã có lời hứa với Bá Ôn, nên vội vàng xin ra biên cảnh hàng phục, lời lẽ và lễ nghi rất là cung kính.

Ngày 28, tháng 10, Đặng Dung sai Thượng thư Trần Phỉ tới doanh Niệm nhai bày tỏ các khoản. Bá Ôn ra lệnh chuẩn định ngày tới hàng vào ngày 3 tháng 11. Bọn Giang Nhất Quế nhà Minh dựng sẵn Tượng đài tại nơi Mạc phủ trấn Nam quan. Đúng kỳ hẹn trên, Đặng Dung lưu Phúc Hải ở lại giữ nước, rồi tự dẫn tiểu mục và kỳ nhân là bọn Ngụy-n Như Quế, đến cửa Nam Quan ứng chức, thấy đều dùng thước vải tự quấn vào cổ. Trên Tượng đài đã đặt sẵn cái long đình, các quan Phó giám Tam ty trong hai tỉnh Quảng nhà Minh, đều ngồi đợi trên đài. [tờ 33a] Đến khi truyền lệnh mở cửa quan, Đặng Dung do cửa bên Tả bước ra, bỏ giày đi chân không, quỳ gối quay mặt về phương Bắc, quan nhà Minh sai sinh viên Tạ Thiên Túng cõ i những vải quấn ở cổ cho bọn Đặng Dung, và nhận tờ hàng biểu. Đặng Dung phủ phục l- 5 l-, và cúi đầu 3 vái, cháu họ Đặng Dung là bọn Mạc Văn Minh cũng lần lượt l- theo. Quan nhà Minh truyền rằng: "Hãy dong cho đối tội về nước, chờ đây chuyển tâu lên triều đình, xin cho được khỏi tội chết ". Sau khi Đặng Dung lạy tạ rạp đầu xuống đất, tướng nhà Minh truyền lệnh đóng cửa quan, rồi thu binh về. Đặng Dung cũng về nước, sai cháu họ là Mạc Văn Minh cùng với tiểu mục tông nhân là bọn Hứa Tam Tĩnh cả thấy 28 người, theo tùy viên của Tướng nhà Minh tới Yên Kinh, Văn Minh đem một tờ hàng biểu. Bài biểu rằng:

[tờ 33b] "Hạ thần là kẻ mọn nơi biên cương, hiểu biết thấp kém, thế mà mỗi khi xa trông phương Bắc, thấy sáng rực tới nước Nam, lại trời đất thanh bình, bể sông yên lặng, hạ thần biết ngay là Trung Quốc có bậc Thánh nhân. Huống chi thiên huy chấn động, mà vẫn có lòng nhân như khi mùa xuân, hạ thần vừa sợ vừa cảm, kể sao cho xiết.

Cuối thời họ Lê chữ nước hạ thần, gặp vận truân chuyên, kế tiếp qua đời, truyền đến Lê Khoáng, chưa được bao lâu, lại lâm bệnh nặng, trong khi thăng thốt, theo tục nước mọn, tạm giao phó việc nước cho

hạ thần, rồi hạ thần lại giao phó cho con trai Đấng Doanh, nhưng đều chưa kịp tâu trình, như vậy là thiện quyền. Tuy thiên triều xa cách, khó tới trình tâu, nhưng tội lỗi tày trời, đâu dám tự dẫu.

[tờ 34a] **Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 17**, hạ thần đã kính cẩn sai Ngụy-n Văn Thái dâng biểu xin hàng, và tình nguyện tuân theo thiên triều định đoạt. Đó là do tự lòng thành, không hề vờ dối. Chỉ vì chí thành đó chưa được thấu tới thánh hoàng, cho nên hạ thần sớm tối lo sợ không yên.

Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 19, ngày 25, tháng giêng, Đấng Doanh không may bị bệnh chết, người trong nước chực noi theo tục cũ, định dựng con trưởng Đấng Doanh là Phúc Hải thay ngôi. Nhưng hạ thần tự nghĩ: Mấy lần trước truyền ngôi, chưa kịp tâu xin, đã là lầm lỗi, thường ái náy không yên, nếu giờ lại theo ý người trong nước, sẽ nặng thêm tội, hết đường kêu van. Cho nên hạ thần và Phúc Hải vẫn kính cẩn chờ mệnh thiên triều.

Vừa đây, đại tướng chuyên chinh, dẫn quân tới cõi, hạ thần ví như con heo trong chuồng, đâu dám kháng cự.[tờ 34b] May được Tướng quân truyền hịch đòi hạ thần đến cửa quan gạn hỏi, được nghe truyền những lời nhân từ của thánh thượng, hạ thần cảm động đến giàn giụa nước mắt! Bao nhiêu tội lỗi, thần xin nhận hết, còn lũ dân đen, đều là vô tội. Bệ hạ khoan hồng, tha cho kẻ tội thần này còn chút hơi tàn, hạ thần xiết đổi cảm kích, đã hướng về phương Bắc mà tung hô.

Ngày 3 tháng 11, **niên hiệu Gia Tĩnh thứ 19**, hạ thần đã cùng bọn tiểu mục Ngụy-n Như Quế, Đỗ Thế Khanh, Đặng Văn Trị, Kỳ Nhân Lê Thuyên, Ngụy-n Tổng, Tô Văn Tốc, sĩ nhân Ngụy-n Kinh Tế, Dương Duy Nhất, Bùi Tri Vĩnh, tự quần tâu vào cổ, thân tới biên thù, cúi đầu trước Mạc Phủ Tướng quân, dâng các khoản đầu hàng.

Đấng Dung thần, vẫn muốn đích thân tới kinh đô, chiêm bái long nhan, xin nhận tội chết. Chỉ vì tuổi già mình yếu, đi lại khó khăn; [tờ 35a] cháu trưởng Phúc Hải thì đang cư tang. Bởi thế đã kính cẩn sai cháu họ Mạc Văn Minh thay hạ thần tới cửa khuyết, phủ phục đợi tội. Như vậy đủ tỏ cha con hạ thần sai bọn Ngụy-n Văn Thái dâng hàng biểu hồi trước, chính là do sự sợ uy mệnh đức, chứ không có lòng trang sức dối trá gì.

Cúi mong thánh thượng nhân từ, nhủ lòng tha thứ cho hạ thần được đổi lỗi cũ. Còn như thổ địa nhân dân hạ quốc, đều thuộc quyền sở hữu của thiên triều, xin bệ hạ đoái tình nước mọn, tùy nghi định đoạt, cho hạ thần được nội thuộc, đời đời xưng là phiên quốc; mỗi năm lĩnh những quyền lịch "Đại Minh nhất thống", đem ban phát khắp nước, để phụng theo ngày tháng. Đó là một đại hạnh cho hạ thần vậy.

Tuy tiên triều hạ quốc, họ Đinh họ Trần và họ Lê, đều kế tiếp xưng tôn hiệu và đặt niên hiệu riêng. Đến hạ thần sau khi cải hối, tự biết việc đó là không đáng [tờ 35b], cho nên đã nghiêm cấm trong nước, cải cách lối đó, chỉ khuyên chờ theo mệnh mới, đâu dám lại theo lối xưa, để đắc tội với thiên triều.

Thủ thần Khâm châu tỉnh Quảng đông tâu xưng: 2 đô Như tích, Chiêm Lăng, và 4 động Tư Phiêu, La Phù, Cổ Lâm, Li-u Cát, là đất cũ của Khâm Châu tỉnh Quảng Đông. Nếu quả như vậy thì những đất ấy do triều nước họ Lê mạo nhận. Nay hạ thần xin tình nguyện dâng các xứ ấy lệ thuộc vào Khâm châu.

Còn như Lê Ninh mà Duy Liệu xưng là con cháu họ Lê, thì người trong nước đều tương truyền là con của Ngụy-n Cam. Dòng dõi họ Lê đích thật không còn ai, cho nên hạ thần đã lập hương hỏa trong quốc đô để thờ phụng họ Lê.

Nay ở Vân Nam, lại có người cho Lê Ninh là dòng dõi họ Lê, [tờ 36a] hiện ở nước Lão Qua, và đã tâu lên thánh thượng, hạ thần đâu dám biện bạch. Duy tình nguyện cắt trại Thất châu, trại Hồng Y ở Quảng Lăng, và mấy xứ phụ thuộc gần đó, để cho y quản hạt. Những xứ này thuộc tỉnh Vân Nam. Cúi xin thánh hoàng sai người một vài viên sứ thần thẳng tới hạ quốc, dò hỏi khắp các người cổ lão, như có biết ai là con cháu họ Lê, thì hạ thần xin dẫn quần thần đón hàng, và trao trả hết thảy đất đai toàn quốc, há chỉ cắt mấy

xứ kể trên thôi đâu. Nếu quốc nhân đều công nhận họ Lê đích thực không còn ai, thì xin bệ hạ đoái thương đến nhân dân, cho hạ thần tạm coi việc nước.

Về việc hạ quốc còn thiếu cống hiến trong mấy năm trước đây, tất nhiên sẽ xin nộp bù, và từ nay mỗi năm xin theo lệ cống hiến đầy đủ, cái đó hạ thần không dám kêu này, [tờ 36b] là vì hạ thần hiện là kẻ có tội, đang cầu xin khỏi chết còn sợ chưa được.

Hạ thần lại muốn chiếu theo lệ cũ triều trước của hạ quốc, định mỗi năm cống hiến một người bằng vàng để thế mạng, nhưng còn sợ đường đột nên chưa dám. Nay nhân tâu số đầu hàng, xin bệ hạ định đoạt, và xin cho hạ thần được tạm dùng quả ấn, lọng vàng, do thiên triều đã cho hạ quốc từ trước. Vì những thứ ấy hạ thần vẫn cẩn thận giữ đấy, mà không dám tự ý đem dùng. Nhưng không có, thì không lấy gì làm chứng nhiệm. Cúi mong thánh triều soi xét ".

Lại bọn tiểu mục Nguy-n Như Quế, kỳ nhân Lê Thuyên, và sĩ nhân Nguy-n Kinh Tế dâng tờ biểu tâu vua Minh rằng:

"Bọn quốc nhân chúng tôi, tuy ở nơi hoang vắng, song vẫn được nhờ ơn thiên triều, mới được sinh sống. Duy cách thiên triều quá xa, mà nước chúng tôi luôn luôn gặp nạn; [tờ 37a] Khoảng năm Chánh Đức Gia Tĩnh, bọn nghịch thần Trần Cao, Trần Thắng, Trịnh Tuy và Đỗ Ôn Nhuận, nối tiếp nhau làm loạn, bức hiếp giết quốc chủ Lê Điều, Lê Huệ phải bỏ thành đô chạy, hoàng tộc gần hết người, chỉ còn mỗi một Lê Khoáng giữ việc nước, nhưng chưa được bao lâu lại bị bệnh chết! khiến các nơi nhi-u loạn, nhân dân lầm than đến cực độ! Lúc ấy, Đấng Dung dẹp hết bọn tiếm nghịch, quả là một người có công. Tuy nhiên, thổ địa nhân dân đều do thiên triều ban cho, thế mà Lê Khoáng đem trao cho Đấng Dung, Đấng Dung nhận rồi lại tự trao cho con, mà chưa thỉnh mệnh, tội đó không thể chối được.

Bọn quốc nhân chúng tôi, cũng nhân sau cuộc loạn lạc, sợ tội ngông cuồng lại nổi dậy như Trần Cao hồi trước, [tờ 37b] thì tai vạ biết bao giờ hết. Trong lúc thẳng thốt, kiêu kể cầu xin, tự chọn người chủ, suy đổi Đấng Dung. Đó là do sự ngu muội, tội cũng như Đấng Dung vậy. Sau đây, vì đường xá xa xôi, cửa quan đóng kín, tuy mấy lần dâng sớ khẩn cầu, nhưng không sao tới đến thiên nhan. Bởi vậy tội càng thêm nặng, đến nỗi oai trời nổi giận, sai Tướng xuất quân, năm trước, quân môn truyền hịch tới bản quốc, cha con Đấng Doanh sợ hãi không yên, đã kính cẩn dâng biểu xin hàng, chưa được chấp nhận. Nay đại Tướng lại động binh, oai như sấm sét, vang động núi sông! Chúng tôi cầm chắc phen này sẽ thành mẫn cảm hết trơn, không còn một mống nào sống sót! Nào ngờ lại được ơn trời tha thứ, dong cho đầu hàng. [tờ 38a] Khi viên Giám thống tới tuyên dụ, thì nhân dân toàn quốc trông nhau mà giàn giụa nước mắt, cùng nhau dặt già công trẻ, đều đến cửa quân, tình nguyện cùng Đấng Dung bó thân hàng phục. Được khỏi sự chết, là nhờ ơn cha mẹ trời đất ban cho, cảm kích hân hoan, không biết đâu là cùng cực!

Quốc nhân chúng tôi lại trộm nghĩ: Dân không thể tự trị, việc tất phải chánh danh. Nếu danh không chánh thì việc không có ai thống quản; việc không người thống quản thì dân sẽ tự tranh giành nhau, rồi tan rã mà không ai cấm. Như vậy muốn khỏi loạn vong, có thể được chăng ?

Nay bệ hạ đã cho Đấng Dung và quốc nhân được sống lại, thế mà lại bị chết vì cuộc rối loạn, thì chắc bệ hạ cũng không nở lòng. [tờ 38b] Bởi vậy chúng tôi kính tỏ nỗi niềm riêng, cúi mong bệ hạ ban bố ân đức, cho chúng tôi trước sau đều được hưởng cảnh sinh sống.

Muôn tâu bệ hạ, Đấng Dung tự khi giữ việc nước tới nay, chưa làm điều gì bạo ngược, chỉ chăm lo sự ích lợi cho dân, cho nên dân đều cảm đức. Nay đã sợ uy hối tội, cùng với cháu trưởn g Phúc Hải đều đợi mệnh thiên triều, không dám tự tiện nhận giữ việc nước như trước, và cũng đã sức toàn quốc, không dám theo triều trước mà xưng tôn hiệu.

Chúng tôi trộm nghĩ, ông cháu Đấng Dung tự ý làm Di mục, quả là có tội, đâu còn dám mong đến thịnh điển. nhưng nghĩ cho cùng, họ Mạc tuy có tội thực, song đều bởi quốc dân đều qui phục, cho nên mới

thành tội trạng đó. bây giờ nếu không nhờ ơn thánh thượng ban cấp cho một danh sắc, thì lấy gì cai trị người trong nước, để cho khỏi làm loạn. [tờ 39a] Bỏ i vậy cúi mong bệ hạ thương dân phương xa, thuận tình nước mọn, ban cho họ Mạc một mệnh mới, tra theo việc cũ các triều trước, hoặc cho làm Tổng quản, hoặc cho làm Đô hộ, để cai quản việc nước, đời đời xưng là phiên thần, lũ chúng tôi cũng được giữ chút sống thừa, đời đời xưng làm phiên dân, thì ơn tái tạo của bệ hạ sáng ngang với trời đất, không bao giờ cùng vậy".

Bá Ôn sai người đưa bọn Văn Minh đi Bắc Kinh, và dâng tờ sớ bàn về việc này:

"Tuân theo thánh chỉ y cho bàn xử về việc Đăng Dung xin nội thuộc xưng phiên; mỗi năm lĩnh nhật lịch Đại thống; và xin nộp bù cống phẩm còn thiếu các năm trước. Vậy xin kính tâu:

Hạ thần xét về nước An Nam, tự thời Hán thời Tống đến nay, [tờ 39b] tuy xưng là nội phụ, nhưng vì thói tục di lưu, khí độc lam chương, vốn không thích nghi với Trung Quốc. Vả chẳng nước ấy cứ vài năm lại một lần loạn, mà đã loạn thì, kéo bè kết đảng, đánh giết lẫn nhau. thế tất lại qua mấy năm mới yên. Thời xưa, Trương Phụ dùng hơn mười vạn người đánh dẹp nước ấy, mà cũng chỉ Quận Huyện được mấy năm, chúng lại liên tiếp phản叛, rốt cuộc quyền cai trị lại thuộc về người Di. Đó là một chứng nghiệm rất rõ vậy.

Nay châm chước sự lợi hại về thời trước, không gì bằng cứ để nước ấy là nước ngoài, mà không sáp nhập Trung Quốc, chỉ dùng người Di trị người Di, mới được ổn tiện.

Như cho là Đăng Dung có tội, đầu hàng, nên chưa vội trao cho tước phẩm đất đai. Còn cháu y là Mạc Phúc Hải đương chờ mệnh. Nếu được bệ hạ lượng thương tha thứ, ban cho danh sắc, hoặc làm Đô hộ, hoặc Tổng quản, chiếu theo lệ thời Hán thời Đường. [tờ 40a] Mỗi năm đến Ty Bố chánh tỉnh Quảng Tây nhận ban cấp lịch Đại Thống. Nay thì tới lĩnh tại trấn Nam Quan; tra sổ cống hiến còn thiếu về mấy năm trước, nay phải nộp đủ; tự đây về sau, cứ hàng năm theo lệ nộp cống một lần.

Các chức hành lệnh ở 4 động: Tự Lãm, Cổ Sâm, Li-u Cát và La Phù thuộc Khâm Châu, nguyên là tước hầu tước An Nam, lại có chú thêm là chức quan Tham chánh phó sứ. Vậy xin chiếu nguyên ngạch biên vào hạ tịch Khâm Châu, và ưu đãi như hiện nay, chờ 3 năm¹ sau, sẽ cấp lương theo cấp bậc hết thấy.

Các Sứ sự của nước ấy đã sai tới, tự trước tới nay, sau khi xong công việc, xin cho về nước hết thấy.

Đó chính là phép dùng người Di trị người Di vậy.

Còn như Lê Ninh, tuy tự xưng là con cháu họ Lê, nhưng hạ thần căn cứ vào lời đã tra xét của các Ty trước, thì tung tích y đích thực không rõ. Duy liệu một mặt ẩn náu [tờ 40b] ở trại trong động Lăng Thạch Lâm Châu. Nơi phụ cận với địa phương Thổ quan tỉnh Quảng Tây, cũng không biết diện mạo Lê Ninh ra thế nào, cho nên hoặc xưng là Lê Ninh, hoặc xưng là Lê Hiến, hoặc xưng là Quang Chiếu, hoặc xưng là Nguyên Hòa, hoặc lại cho là con trai Nguy-n Cam, hoặc lại cho là do họ Trịnh bịa đặt ra. Gần đây, Ty Bố chánh tỉnh Vân Nam có mở cuộc hội thẩm, người Di là Trịnh Viên khai rằng: Động Tất mã giang tuy có tên Lê Ninh, nhưng lai lịch về tông phái không tường, diện mạo và tuổi của y, so với nguyên báo của Trịnh Duy Liệu lại khác xa. Như vậy đều không gì làm bằng cứ. Nay nên giao các quan Trấn thủ tỉnh Vân Nam khám tra, như quả đủ bằng cứ, mà không gì mâu thuẫn, thì cho y cứ ở ngay nơi Tất mã giang đó [tờ 41a] và những địa phương chung quanh nơi ấy, đều cho y quản lĩnh, hoặc cho y một chức vị gì thuộc tỉnh Vân Nam. Nếu không phải là con cháu họ Lê, thì xin bỏ qua khỏi bàn tới.

Còn Trịnh Duy Liệu, xin an sát trong tỉnh Quảng Đông, tùy theo nơi thuận tiện, và lượng cấp ruộng đất cho y khỏi phải lưu ly thất sở.

¹ Chữ này bản chính chép chữ "thiên" (nghìn) hoặc do chữ "niên" (năm) chép lộn ra chăng? Xin dịch theo chữ "niên".

Phân xử như vậy mới chu đáo mọi lẽ. Kính xin bệ hạ sắc cho Bộ này họp bàn, rồi tâu lên thánh thượng tâu định, dứt quyết mối ngờ, định đoạt việc lớn. Tự đấy, Hoa Di nội ngoại, thấy được yên vui vô sự".

Sau đây, quân Tàu kéo về hết. Trần Phỉ tự Bắc Quan trở về Kinh Sư, Phúc Hải phong cho chức Thượng thư bộ L-, coi việc Thừa tuyên sứ tỉnh Hải Dương.

Năm này, vua Trang Tông sai Ngụy-n Cam, xuất quân đánh vào các huyện trong tỉnh Nghệ An, rất nhiều hào kiệt hưởng ứng qui phụ, [tờ 41b] quân của Phúc Hải bị thua trận luôn luôn.

Năm Tân Sửu, niên hiệu Nguyên Hòa thứ 9 (1541), mùa xuân, Phúc Hải mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Ngụy-n Kỳ gồm 30 người trúng tuyển.

Mùa thu, tháng 8, ngày Ất Hợi, Đăng Dung chết ở Cổ Trai. Phúc Hải đưa linh cữu an táng tại Long Sơn, ngụ xưng là An Lăng.

Cùng ngày này, vua Thế Tông nhà Minh ban tờ chiếu:

Xá tội cho cha con Đăng Dung; đổi "An nam quốc" làm "An nam Đô thống sứ"; trao cho Đăng Dung chức Đô thống sứ, cho hàm nhị phẩm và quả ấn bằng bạc, và được đời truyền nối; 13 Lộ thì cứ theo nguyên tên cũ, mỗi Lộ đặt một viên Tuyên phủ, một viên Đồng tri, một viên Phó sứ, và một viên Thiêm sự, dưới quyền Đô thống sứ quản hạt và sai khiến triều cống; ngoài ra, các chức quan lớn nhỏ trong toàn cõi, đều thuộc quyền Đô thống sứ tùy nghi cất đặt; [tờ 42a] nhân dân địa phương trong bốn động do y dâng trả, nguyên là dân biên thùy nước ta, vậy cho thu cả vào bản đồ; sức nha môn Tuần phủ 2 tỉnh Quảng phải đối đãi các người đầu hàng một cách hậu tình thương xót. Sau khi đã xá tội, chuẩn thưởng cho Mạc Văn Minh 1 áo đơn bằng nhi-u trắng, và 2 áo kép bằng đoạn màu, thưởng cho Ngụy-n Văn Thái 1 áo kép đoạn màu, thưởng cho Hứa Tam Tĩnh 1 áo nhi-u, và cho trở về nước ngay ngày hôm ấy; các L- phẩm cống hiến, đều chiếu theo lệ cũ; các hộ khẩu tiền lương của nước ấy, không cần phải biên chép tâu về.

Bộ L- sai chủ sự Ngô Ứng Khuê đi Lương Quảng cấp phát bạc thưởng và áo, còn một đạo sắc phong Mạc Đăng Dung làm An Nam Đô thống sứ, và 1 quả ấn An Nam Đô thống sứ ty, thì quan tỉnh ấy phụng đem chuyển giao cho Đăng Dung thủ lĩnh. Nhưng lúc ấy Đăng Dung đã chết, phao truyền là bị bày tội là Ngụy-n Kính giết. Phúc Hải sai người đến cửa quân lương Quảng báo cáo an tín, và xin tập phong.

Vua Thế Tông nhà Minh thấy Đăng Dung chưa được nhận chức mà đã chết, cũng tỏ ý thương xót, bèn sai Thái Kinh hội đồng với các quan Tổng đốc, tra khám xem Đăng Dung chết bệnh hay có vì có gì khác không, và Phúc Hải có đích thực là cháu đích tôn của Đăng Dung không? Kỳ mục bọn Như Quế xin bảo đảm là không có gì dối trá. Bọn Mao Bá Ôn xin cho Phúc Hải lĩnh chế mệnh. Vua Thế Tông ưng cho.

Năm Nguyên Hòa thứ 10 (1542), nhằm niên hiệu thứ 21 nhà Minh, mùa xuân, tháng 2, vua Trang Tông tự cầm quân đi kinh lược tỉnh Thanh Hoa, [tờ 43a] sai Ngụy-n Cam dẫn quân đánh vào tỉnh Nghệ An, Phúc Hải sai quân chống cự.

Phúc Hải ngự phong tước vương cho các em là bọn Kính Diển; đổi Trần Phỉ sang chức Thượng thư bộ hình.

Hàn lâm viện Thị độc Ngụy-n Đức Lượng soạn dâng bài châm "bảo nghiệp", có ngụ ý khuyên răn, Phúc Hải rất tán thưởng.

Tháng 3, Phúc Hải thân dẫn bày tội là bọn Ngụy-n Kính, Ngụy-n Ninh Ngũ đến cửa quan Trấn An, lĩnh tờ sắc, quả ấn, và 1.000 quyển lịch.

Vua nhà Minh ban tờ sắc dụ cho Phúc Hải rằng:

"Trẫm là Đế vương coi thiên hạ như một nhà, muốn cho muôn dân đều được yên ổn. Nơi nào cũng coi như vậy, không kỳ thị gần xa.

Nước An Nam mày, ở phương Nam xa, đời đời giữ chức cống hiến. Mấy năm trước đây không đến triều cống, xét về duyên cớ, chính là tội của Đấng Dung ông Tổ của mày, [tờ 43b], trăm đã sai quan dẫn quân hỏi tội, ông tổ mầy biết hối cải, dâng biểu xin hàng, kể hết duyên cớ về tội tự tiện trao ngôi nhận ngôi, tình nguyện hiến thổ địa nhân dân, theo quyền triều đình xử định. Mao Bá Ôn dâng tờ tâu đó, triều đình giao bộ binh họp bàn, rồi đề nghị xin rằng: "Ông tổ mầy Đấng Dung sợ oai đầu hàng, là rất thành thực đợi tội ". Trăm vì thế đức "hiếu sinh " của Thượng đế, muốn thuận tình "an lạc " của hạ dân, cho nên tha cho hết thấy tội lỗi, rồi đổi quốc hiệu bỏ phong vương, trao cho chức Đô thống sứ, hàm tòng nhị phẩm nha môn, dùng quả ấn bằng bạc, được theo ngày tháng và triều cống, cho con cháu được nối ngôi, đời đời giữ đất nước. Đó là một sự lợi ích rất lâu dài của dòng họ mầy vậy.

Nay quan Trấn thủ tâu rằng: [tờ 44a] "Đấng Dung ông tổ mầy đã chết bệnh, mầy là cháu đích tôn. Và mầy đã bày tỏ hết nỗi chí thành về sự đầu hàng của tổ mầy, lại thuật hết những lời di chúc của tổ mầy ". Như vậy cũng có thể gọi là noi được chí ông tổ vậy.

Vậy ban sắc dụ này, cho tổ mầy chức Đô thống sứ. mầy nên tuân theo hết lòng trung thành, kính giữ chức cống; cai trị dân chúng, yên tĩnh địa phương, để xứng với ý thương mến của triều đình, và hợp với lòng thành kính của ông tổ, sẽ hưởng nhiều phúc, há chẳng đẹp ru ?

Phàm các công việc, đều phải chiếu theo các lễ trong tờ sắc dụ đã ban cho Tổ mầy mà làm. Kính đấy! ".

Phúc Hải nhận lĩnh các khoản, rồi trở về kinh đô.

Mùa thu, ngày 3 tháng 8, Phúc Hải sai Giao bắc Tuyên phủ [tờ 44b] Đồng tri Ngụy-n Kính Điển, Thiêm sự Ngụy-n Công Nghi và Lương Giản sang nhà Minh tạ ơn về sự được sắc phong, tiến dâng l- phẩm bản xứ: 4 lô hương và bình cắm hoa bằng vàng (nặng 190 lạng); 1 rùa bằng vàng (nặng 19 lạng); 2 lô hương và bình cắm hoa bằng bạc (nặng 151 lạng); 12 mâm bằng bạc (nặng 641 lạng); 60 cân trầm hương; 148 cân thương; 30 cây giáng chân hương; 20 tòa tề giác; 30 cái ngà voi, cùng các thứ hương thơm tư lỵ khác.

Lại sai Ngụy-n Chiêu Huấn, Vũ Tuân, và Tạ Đình Quang. dâng các phương vật về l- cống hiến hàng năm, cũng như các thứ kể trên. Sau bèn thành lệ.

Tờ biểu tạ ân rằng:

"Phủ phục kính thưa: Trung Quốc có Thánh nhân, trưng diễm sông trong biển lặng; ngoại di lại triều cận [tờ 45a] thăm nuần phúc lớn ân sâu. Giờ Ngọ khí dương hồi, bắc thần mọi sao chiếu.

Hạ thần Phúc Hải trộm nghĩ: Lòng trời đất thể theo muôn vật, ý sinh ban bố đồng đều, không vì tươi khô mà phân biệt; đức Đế vương thường chỉ yêu người, kẻ nào cũng đều thương xót, không vì còn mất mà sai thù. Đó là bởi lẽ công bằng, cho nên ban ra rất rộng.

Hạ thần Phúc Hải trộm nghĩ: Tổ hạ thần Mạc Đấng Dung, sớm do đời loạn, gặp phải thời gian. Nhân dân lưu ly tán loạn, giữ được bình an; quen thói cha truyền con nối, tự chuyên vẫn sợ. Mấy năm thiếu cống Bắc triều, một sớm bỗng nghe nổi giận. Đợi tội Nam Quan, những sợ nường thân không đất; tới hàng Bắc Quyết, [tờ 45b] may sao bọc bạch có trời. Bền dẹp cơn lôi đình, mà ban ân vũ lỵ. Ôn sâu tắm gội, mong được toại nguyện trung thành; di chúc đình ninh, không dám quên lòng sự thương.

Hạ thần Phúc Hải. đương tuổi trẻ thơ, lạm nổi ngành trưở ng. Theo lời kính trung tổ phụ, việc nước chăm lo; nhờ nhân thương rộng triều đình, những mong tới dưới, đợi ơn thể tuất, bèn được vinh quang. Cho được vâng lĩnh ấn tín, nêu cao danh khí. Ân sâu thăm khắp, quá đổi trời cao. Tổ hạ thần đợi mệnh lúc hơi tàn, tuy chết mà vinh dự; chính hạ thần đang ở kỳ tang thứ. [tờ 46a] nước mắt theo lại giàn. Tất cả nhân dân toàn cõi, đều biết thánh thượng vô tư.

Kính duy Hoàng đế bệ hạ, ngài gồm các đức: cương kiện tụy tinh, thông minh duệ trí. Kính nhường sáng khắp bốn phương. Nghêu vãn rực rỡ; tài đức ban yên mọi nước. Vũ liệt nguy nga. Hòa thuận thái bình, hoàng gia ban bố. Coi ấp hạ thần ngàn dặm xa xăm, muốn đồng thanh giáo; thương Tổ hạ thần một lòng kính thuận, ơn khắp thủy chung. Sắc dụ đã ban, khúc thành tỏ đạo. Hạ thần kính cần thay tiên tổ bái lĩnh, để biểu dương cùng dân chúng.

Chánh lệnh đức trạch dồi dào, [tờ 46b] đều nung đức do nơi thánh hóa; thổ địa thuế sưu cống hiến, thường thành thực ở mức chính cung".

Bài biểu này, do Thượng thư Nghĩa Trang Bá Ngụy-n Bạt Tụy soạn.

Tháng 9, Lại bộ Tả thị lang Trình Xuyên Hầu Ngụy-n Bỉnh Khiêm xin trí sĩ, đi về làng hưu dưỡng điều viên. Phúc Hải ưng cho.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 11 (1543), mùa xuân, vua Trang Tông thân chinh đánh Phúc Hải, lấy được Tây Đô, phá tan quân Chánh Trung của Ngụy Hoằng Vương, Tổng trấn tỉnh Thanh Hoa Đại Tướng quân Trung hậu hầu dẫn quân đầu hàng.

Mùa hạ, tháng 5, Phúc Hải bổ nhiệm Trần Phỉ chức Thượng thư Bộ L-.

Thiếu sư Mạc Ninh Bang xin bàn định phép cấp lộc điền cho Hiệu sĩ:

"**Niên hiệu Quảng Hòa thứ 3**, ra lệnh; Xã nào ngoài sổ ruộng đất tư, mà có ruộng quan và ruộng chùa, [tờ 47a] thì tùy theo số ruộng đó, chiếu cấp cho: Nhất hạng trung hiệu mỗi người 2 phần rưỡi; nhất hạng trung sĩ mỗi người 2 phần rưỡi. Xã nào không có ruộng thì mỗi người một phần. Như xã nào tuy số ruộng nhiều đáng được 2 phần, thì 2 phần ấy cũng không được quá số 2 mẫu, rồi tùy theo cấp bậc giảm dần, còn bao nhiêu ruộng sẽ theo nhân số trong xã mà chia đồng đều.

Như vậy đủ thấy triều đình ưu đãi Trung hiệu, Trung sĩ rất hậu. Nhưng hạ thần thiết nghĩ: Trong bọn Trung hiệu, Trung sĩ, tất nhiên có kẻ khỏe mạnh, có kẻ lười biếng, đâu có nhất luật như nhau, thế mà cấp phát ruộng đất một cách đồng đều không phân biệt, thì sao có thể khuyến khích lòng người được.

Vậy xin cho các quan Tướng bản doanh, ra lệnh cho các quan bản huyện, lựa chọn bảo cử người nào tinh tráng khỏe mạnh và thiện chiến, làm nhất hạng, [tờ 47b] rồi biên cả vào sổ cấp điền, các quan Phủ Huyện Xã Trưởng chiếu theo sổ cấp điền trước, đem ruộng nhất đẳng cấp cho hạng này trước, để khuyến khích chiến sĩ". Phúc Hải nghe theo.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 12 (1544), mùa xuân, Phúc Hải mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Vũ Kính 17 người trúng tuyển.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 13 (1545), thưởng công đi sứ nhà Minh, phong Trần Phỉ tước Vinh dự tử, các người khác trong phái Bộ sứ thần này, cũng đều được phong.

Lúc này, vua Trang Tông tự làm Tướng cầm quân đánh Phúc Hải, đóng quân tại hạt Yên Mô. Thái sư Hưng quốc công Ngụy-n Cam bị hàng tướng trung hậu hầu bỏ thuốc độc chết. Trung hậu hầu liền trốn đi, rồi lại trở về với Phúc Hải.

Tháng 8, Phúc Hải sai tướng là Thái tử Ninh quốc công, xuất quân ngũ phủ vào các trấn, thừa cơ vào đánh cướp doanh trại Hoàng đế. Khi chúng đến bến sông Phù Chẩn. Hoàng đế bèn thân chinh. Đề thống ngự doanh [tờ 48a] Dực quận công Trịnh Kiểm đốc quân tiên phong ra đánh phá tan, Ninh quốc công trốn về, quân Mạc chết vô kể.

Hoàng thượng bổ nhiệm Dực quận công Trịnh Kiểm làm chức "Tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh", phong tước Lương quận công¹, được độc quyền giữ việc binh, và tổng tài chánh sự; trị dân dạy người, tuyên bố uy đức. Quốc thể ngày thêm thịnh vượng, châu Á tạm yên, các vị hào trưởng trong 4 châu: Hoan, Di-n, Ô và Quảng đều đua nhau đến cửa quân xin hiệu lực. Cơ nghiệp Hoàng gia, bắt đầu tiến tự đây. Còn thế của Phúc Hải thì càng ngày càng xuống.

Năm Bính Ngọ, niên hiệu Nguyên Hòa thứ 14 (1546), ngày 8, thuộc ngày Quý Hợi, Phúc Hải chết, tiếm ngôi được 6 năm, ngụy đặt thụy là "Hiển tôn Hiến Hoàng đế", con là Phúc Nguyên nối ngôi.

¹ Chữ "quận công" có lẽ lầm, vì Trịnh Kiểm hiện đã tước quận công, đâu có phong thêm tước quận công nữa. Hoặc do chữ "quốc công" chép lộn ra chăng?

Đại Việt Thông Sử

LIỆT TRUYỆN

Thần Đôn soạn

NGHỊCH THẦN TRUYỆN

PHÚC NGUYỄN

[tờ 49a] Phúc Nguyên là con trai trưởng Phúc Hải, tiến ngôi vào tháng 5 niên hiệu Nguyên hòa thứ 14 (1546), đổi năm Đinh Tỵ sau (1547) làm niên hiệu Vĩnh Định thứ nhất.

Lúc này Phúc Nguyên còn nhỏ tuổi, chưa biết quyết đoán việc gì, bao nhiêu công việc lớn nhỏ, đều ủy cả vào thúc phụ là Khiêm Vương Kính Điển phân xử.

Ngụy tôn tổ mẫu họ Phạm làm "Thái hoàng Thái hậu".

Khi Phúc Hải chết, Tướng là Tứ Dương Hầu Phạm Tử Nghi bàn rằng:

"Hiện trong nước đương lúc nhiều nạn, nên lập [tờ 49b] vua lớn tuổi. Con Đăng Dung ngụy Hằng Vương Chánh Trung đã nhiều phen cầm quân, và thường thắng trận. Vậy xin dựng lên nối ngôi".

Nhưng các tôn vương họ Mạc, và đại thần là bọn Kính Điển, Ngụy-n Kính đều không theo, bàn định dựng Phúc Nguyên lên ngôi. Bởi thế Tử Nghi không toại nguyện, bèn ngầm sinh lòng khác, bí mật tụ họp các Tướng Bộ khúc, rồi cùng với Thành quốc công khởi loạn. Phúc Nguyên phải qua sông chạy về Đông vào ban đêm, bọn Kính Điển, Ngụy-n Kính và Trần Phỉ xuất quân đón cứu Phúc Nguyên.

Tử Nghi bèn đem Chánh Trung chiếm cứ Ngự Thiên ở Hoa Dương, rồi tiến xưng tôn hiệu, ngụy lập triều đình. Các bầy tôi vẫn võ nhiều người theo.

Phúc Nguyên sai Kính Điển và Ngụy-n Kính phát binh đánh Tử Nghi, nhưng Tử Nghi vốn là một kiện tướng, lại thêm quân sĩ đều gắng sức, bởi thế Kính Điển đánh mấy trận đều bị thua.

[tờ 50a] Tử Nghi đưa tờ bố cáo cho các Trấn, kể tội phản nghịch của Ngụy-n Kính, lại kể cả chiến công nơi sông¹... và bến Lục. Tuyên ngôn là sẽ đánh thẳng vào Đông Kinh. Làm cho phương Đông Nam rung động! tờ bố cáo rằng:

"Thuận đức thì thịnh, đó là lẽ của trời; vì nghĩa động binh, để dương oai vô địch. Tội kẻ nghịch tặc không thể dong tha, người trong thiên hạ ai cũng được hỏi. Giết Hàn Trác để thờ tôn miếu họ Hạ. Tướng

¹ Chữ này là tên con sông, nhưng chính bản bỏ trắng khoảng một chữ, vậy không biết là sông gì? Xét văn dưới, chép đến khi tiến quân tới con sông này, cũng bỏ trắng khoảng một chữ như đây.

binh nhờ kế Thần mỹ¹, diệt giặc Hồ để phục kinh đô nhà Đường, xuất Tướng nhờ sức Phần dương². Hội đồng không sai, xưa nay cùng hợp.

Vua Thái Tổ mở nền, thực trời cao sinh đức, được danh, được vị và được lộc, lịch số ứng truyền; cùng văn cùng lối lại cùng hàng, xuân thu tổng quát. Kẻ nào không phục, [tờ 50b] liền đánh dẹp ngay; Giặc Như Bích dong ruổi phương Nam, quan quân kéo đến, thế như sét đánh; giặc Văn Uyên xưng hùng phương Bắc, thần vũ dương oai, mạnh tựa sấm vang. Các châu Khâm Liêm, sợ hãi không dám liên can; các nước Đò Bàn, xưng thần mà tới cống hiến. Việc định công thành sự, được nước tựa ba đời trước; thánh truyền thần nối, hưởng ngôi tôn hơn hai mươi năm. Mưu mô không thiếu, quốc gia thái bình. Triều đình tôn thể chẳng can liên, bày tôi sợ thấy đều tuân mệnh.

Tên nghịch Kính kia, vốn là Tướng giặc. Nhờ vua Thái Tổ, lòng nhân trời che đất chở, coi như đứa con; được các vua sau, tỏ đức bể bực xuân nuôi, [tờ 51a] ân thêm cố kết. Nào là cho đổi họ lại cho ruộng vườn; phong tước cho con trai lại phong con gái.

Đáng lẽ y phải ghi dạ khắc xương, tỏ tình khuyến mã; thế mà y lại tạo ra hung ác, như hổ vào nhà. Lật lọng trái nghĩa bày tôi, ngầm ngầm rất lòng phản nghịch. Hấn khích rõ ràng, khi vua quá đáng. Đánh vào Kinh Quyết, ngầm manh dạ Lộc Sơn³; hộ giá tuyên ngôn, vờ theo thói Châu Tỵ⁴. Chúng khoe công lại hung hãn, đương báo oán trả thù riêng. Triều đình đáng tôn, mà y chuyên quyền như bốn; lão thần đáng trọng, mà y lại dám khinh nhờn. Mũ giày đảo lộn, [tờ 51b] phép tắc đổi thay. Những việc y làm, không lòng sợ hãi. Giặc Khải Khang chưa ráo máu đầu, y tựa làm tay tả hữu; giặc Hữu mệnh mồm có hơi sữa, y dùng làm binh cha con. Hữu Trảo một tên thất phu, y đồng đảng cho giữ nơi xung yếu; Tử Nha như kẻ thất phụ, y viện binh để làm thế phô trương. Thậm chí hành quân vô kỷ luật, chỉ tàn bạo để dương oai; coi người như cỏ rác, quân kéo qua dân chết hết trơn; bạo ngược hơn nước lửa, quân đến đâu nhà đốt hết sạch. Những việc đó y nở lòng làm, thì ai cũng có quyền đánh.

Hiện nay Thánh thượng lòng hưng, chính ngôi nam diện, [tờ 52a] mưu mô hùng đoán, quyết kế tây chinh.

Tôi, tự thẹn tài ngu, nhờ ơn vua mến. Vì nước bỏ nhà, tỏ chút lòng trung Tướng Hán; tập binh nhiều trí. Thẹn với tài giỏi tôi Tề. Kế mưu đều theo thành toán, hiên ngang xin nhận tiền phong. Thủy bộ tiếp liên, bày ra trận đường chính; can qua thẳng chỉ, dương oai vũ huy hoàng. Ba quân như tự trời xuống thẳng trận tựa cuốn chiếu đi. Thuyền binh tới bến Lục, quân giặc vỡ tan; binh sĩ tới sông... quân giặc hãi sợ. Chúng tuy nhiều quân và dũng mãnh, thấy đều nghiêng giáo xin đầu hàng. Đã bắt Kinh (giặc) dựng quán, [tờ 52b] dân trở lại vui tươi. Đó là, trời giúp thì nên, đúng với kỳ thịnh trị; binh hòa thì thắng, đã định kế vạn toàn. Sẽ thấy nhật nguyệt sáng choang, giáp binh rửa sạch, nước nhà thịnh vượng, cơ nghiệp vững bền".

Mạc Kính Điển hợp binh đánh Tử Nghi, hẹn với Phụng quốc công Lê Bá Ly giúp sức. Bá Ly bèn sai con trai giữ việc trong Phủ, sai Phổ quận công Khắc Thận truyền hịch cho Quảng quận công Ngụy-n Khải Khang, và Phú quận công Mạc hữu mệnh ở phương Tây; Khổng toàn hầu và Khang phụ hầu ở phương Bắc, hợp các đạo quân, cả thủy bộ đều tiến, đánh phá tàn quân của Chính Trung ở Ngự thiên.

Hữu Mệnh là con trai Ngụy-n Kính. [tờ 53a] và là anh Ngọc Li-n.

Tử Nghi đem Văn Minh, Chánh Trung, và Ngụy Định vương Phúc Sơn chạy, chiếm cứ An Quảng.

¹ Hàn Trác bày tôi vua Hậu Nghệ, giết Nghệ tự lập làm vua. Thiệu Khang giết Hàn Trác khôi phục nhà Hạ.

² Quách Tử Nghi Tướng nhà Đường, phong tước Phần dương vương, dẹp giặc Hồ khôi phục nhà Đường.

³ Lộc Sơn bày tôi vua Huyền Tông nhà Đường, cướp ngôi, tự xưng Đại yển Hoàng đế.

⁴ Châu Tỵ bày tôi vua Đức Tông nhà Đường, nhân gặp loạn, loạn quân suy tôn làm chủ, rồi xưng Đế.

Phúc Nguyên lại trở về Đông Kinh.

Lúc này, xứ Hải Dương bị nạn binh hỏa luôn luôn, rất nhiều người phải lưu vong.

Mùa xuân, năm Nguyên Hòa thứ 15 (1547) mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Dương Phúc Tư cộng 30 người trúng tuyển.

Phúc Nguyên thử ng văn thần có công trong việc Cần vương, thăng cho Trần Phỉ lên tước Đông lai hầu.

Mùa hạ, tháp Báo Thiên không vì cố gì tự nhiên đổ lở.

Mùa thu, tháng 7, Trần Phỉ xin về trí sĩ, Phúc Nguyên không ưng, bèn thăng cho chức Thiếu phó.

Sau khi Mạc Chánh Trung thất thế, bèn cùng Văn Minh và Phúc Sơn đem các gia quyến chừng hơn trăm người chạy sang Khâm châu, vào cửa quân lương Quảng tổ cáo; Kể hết tội trạng Nguyên kính chuyên quyền và ruồng bỏ các vị cựu thần quốc thích. Đề đốc quân vụ Trương Nhạc, [tờ 53b] bèn tâu về triều Minh, xin cứu trợ cho bọn Chánh Trung, vua nhà Minh bèn ra lệnh quan phủ Thiều châu và Thiệu Khánh thu xếp cho bọn Chánh Trung an cư vào xứ Thanh Vi-n, và hàng năm phát gạo cho, chiếu theo cấp bậc.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 16 (1548), vua Trang Tông dụ Hoàng đế thăng hà, vua Trung Tông lên nối ngôi ở xứ Thanh Hoa, đổi năm sau¹.

Sau khi Tử Nghi đã chạy, giữ xứ Yên Quảng, y lại vào đại phận nước Tàu, khu vực các dân Man ở ven biển nổi loạn cướp phá, làm tao nhĩ- u Khâm châu và tỉnh Quảng Đông, nhà Minh không chịu nổi, bèn truyền thư cho Phúc Nguyên rằng:

"Nhà ngươi vô l-! Dong túng cho đảng nghịch cướp phá nơi biên thùy thượng quốc, ngươi phải đem quân dẹp ngay. Nếu không thì đại quân sẽ đến hỏi tội ngươi".

Phúc Nguyên nhận thư trên, xiết đối sợ hãi, bèn sai Kính Điển dẫn quân đến An Quảng đánh Tử Nghi. Kính Điển mật sai tên tiểu tốt dụ bắt được Tử Nghi, [tờ 54a] đem chém, rồi đưa thủ cấp tới tỉnh Quảng Đông.

Phúc Nguyên phong Trần Phỉ chức Binh bộ Thượng thư Đô ngự sử. Tháng 4, lại gia thêm cho Trần Phỉ Tri quán cục, tham dự triều chính. Sau thăng tước Lai quận công.

Phong Phạm Quỳnh tước Vinh quận công, phong con trai Quỳnh là Dao tước Phú xuyên hầu.

Phạm Quỳnh nguyên quán ở làng ở làng Đặng Xá, huyện Thanh Lâm, đến ngụ cư tại Thôn Bùi Tây xã Thịnh Liệt, nhà nghèo làm nghề bán trà. Khi Kính Điển lên 2 tuổi, thường đau ốm quặt quẹo luôn, muốn tìm người vú nuôi, Lê Bá Ly bèn sai vợ Phạm Quỳnh vào cung làm vú sữa nuôi Kính Điển. Đến đây, Kính Điển giữ chính quyền, nghĩ tới nghĩa bảo dưỡng của vợ Quỳnh, cho nên trọng dụng cả hai cha con Phạm Quỳnh: Sai Phạm Quỳnh giữ quyền tiết chế đông đạo; cho Phạm Dao trấn thủ xứ Sơn Nam, rồi thăng đến tước Văn quận công.

Mùa thu, Phúc Nguyên sai bày tiệc, bọn Lê Quang Bí [tờ 54b] sang nhà Minh dâng cống hiến thường niên.

Thời vua Trung Tông, niên hiệu Thuận Bình thứ nhất (1549), nhằm niên hiệu Gia Tĩnh thứ 28 triều Minh, Mạc Chính Trung đã chạy vào nước Tàu, bèn đến viện Đốc phủ nhà Minh, tố cáo tội trạng Nguyên kính chuyên quyền, bức hiếp đui bọn Chính Trung. Người nhà Minh ngờ Phúc Nguyên không phải là dòng

¹ Câu này chính bản chép "cải minh niên" (đổi năm sau). Như vậy chưa đủ nghĩa. Hoặc chép sót mấy chữ "vi thuận bình nguyên niên" (làm niên hiệu Thuận bình thứ nhất) chăng?

dôi Đặng Dung, bèn truyền văn thư tra khám. Lúc này là thời kỳ Kinh Điển vừa dẹp dư đảng của Tử Nghi xong, nên xứ Hải Dương và xứ Sơn Nam được tạm yên. Kinh Điển bèn hộ vệ Phúc Nguyên đến cửa quan Trấn nam, bảo Phúc Nguyên giả tên Hoằng Dực làm tờ trạng cam kết không có giả dối, xin được tập phong chức Đô thống sứ. Lại sai kỳ mục bọn Lê Bá Ly đi theo cùng, và cùng làm tờ văn biện bạch rõ rệt, xin chiếu theo lệ trước, tâu đặt lên triều đình, cho Phúc Nguyên được tập phong. Quan quân môn Lưỡng Quảng [tờ 55a] bằng lòng nhận.

Mùa hạ, ngày 11, tháng 4, giờ tỵ, các Phủ: Nam Sách, Thượng hạ tầng, Lý Nhân, Khoái Châu và Trường An, đương lúc ban ngày, trời bỗng tối sầm, không gian liền nổi tiếng ầm ầm, rồi mưa đá đổ xuống sầm sập! Có hạt mưa to bằng hòn đạn, có hạt to bằng cái hột gà, cũng có hạt to bằng cái đầu hoặc học đá, làm hư hại lúa ngoài đồng; cây dâu trong vườn; phá hoại nhà ở; chết chim ngoài đồng; người và súc vật bị thương rất nhiều.

Thượng thư Văn dương bá Tạ Đình Quang dâng tờ sớ rằng:

"Kính xét sách "Xuân thu khảo dị "và sách "Văn hiến thông khảo ", điều nói rằng: "Mưa đá là cái tượng khí âm hiệp khí dương ". Đó là ứng về sự bầy tôi có thể lực chuyên quyền, và cũng bởi những sự; Người hiền bị che kín; chỉ dùng người gian; nghe lời gièm, sớ cao thuế nặng; pháp lệnh đổi thay, cho nên mới có tai dị đó.

Nay bệ hạ tuy đã lớn tuổi, [tờ 55b] nhưng chưa đích thân điều khiển chánh sự, thì cái tai dị mưa đá kia, chưa có thể đổ cả vì lỗi của vua. Vị Hoàng thúc thân vương, không thể coi việc này làm thường được, và các vị đại thần cùng bá quan văn võ, há không tự nhận lỗi mà tìm phương cứu chữa ru ? Kính mong bệ hạ, ngày ngày chăm học thánh để tiến công thánh; lúc nào cũng tôn mệnh trời và sợ oai trời.

Về phần Khiêm Vương, nên tận thành tự xét mình...¹. Đừng lấy thiên hạ tạm định tạm yên làm đáng mừng; nên lấy công việc khó thành dễ bại làm đáng sợ. Xử quyết công việc, thăng giáng các quan liêu, đừng sợ méch lòng người mà không quyết đoán; chọn lọc cấm binh, nén hãm kẻ quyền quý, đừng cho là việc khó mà chỉ thờ ơ. [tờ 56a] Những kẻ gièm pha có hại đến người hiền tài, và những kẻ siểm nịnh, chỉ chực cầu ơn, đều nên ruồng bỏ hết thảy, để cho tà không can chính, âm khí xâm dương. Sẽ có thể chuyển tai họa thành điềm lành ".

Phúc Nguyên nhận tờ sớ này, nhưng không theo nổi.

Mùa thu, Phúc Nguyên phong tước Quốc công cho viên Tướng Đông đạo mỗ; đổi phong tước Khiên quốc công của Mạc Đình Khoa ra tước Gia Quốc Công; bổ chức Thái úy cho hai Tướng Tây đạo Tây quốc công Nguy-n Kính và Đoan quốc công Nguy-n Khải Khang, đều cho đổi sang họ Mạc; thăng tước Nam đạo Phụng quốc công Lê Bá Ly lên chức Thái tử; ra lệnh duyệt tuyển quân 4 Vệ nội ngoại.

Bá Ly là một vị lão tướng trọng thần, chuyên giữ binh quyền, tham dự triều chính ai cũng tôn phục. Sau khi đánh phá Phạm Tử Nghi, uy danh càng thêm lừng lẫy! [tờ 56b] Con trai là Phổ quận công Khắc Thận, lấy trưở ng công chúa Cẩm Hương, lại giữ quyền Tiết chế Lộ Sơn Nam, và giữ việc trong phủ; con rể là Văn phái hầu Nguy-n Quyện giữ vệ Cẩm y; con trai thứ là Thuần Lương Hầu cũng quản đốc đội cấm binh; nhân gia là, Thư quận công thiến, chức Thượng thư Bộ lại, Đồng giang hầu Bùi Trụ chức Tán lý quân vụ. Thân đẳng kết liên, khí thế rực rỡ, bao nhiêu hùng binh các Trấn, đều nắm trong tay, bao nhiêu bầy tôi văn võ, đều ra bởi cửa. Phạm Quỳnh, và Phạm Dao, nguyên trước xuất thân trong hàng đầy tớ nhà Bá Ly, bây giờ chúng được hiển đạt, lại đem lòng oán ghen, muốn tính sự hãm hại Bá Ly.

¹ Câu chữ Hán này gồm 5 chữ, nhưng chép bỏ trắng, mỗi khoảng một chữ, chỉ có 3 chữ cách quãng nhau. Như vậy không đủ nghĩa dịch.

Mùa xuân, **niên hiệu Thuận Bình thứ 2 (1550)**, Phúc Nguyên mở khoa thi Cử nhân, [tờ 57a] lấy bọn Trần Văn Bảo cộng 25 người trúng tuyển.

Tháng 10, Trần Phỉ xin trí sĩ, Phúc Nguyên phong cho hàm Thiếu sự, cho về làng.

Năm Tân Hợi, **niên hiệu Thuận Bình thứ 3 (1551)**, lúa này con trai Thái tử Bá Ly là Khắc Thận trấn thủ xứ Sơn Nam, đóng đồn ở Văn Sàng, Thận đương tuổi thanh niên, chỉ ham chơi bởi ca hát, ít khi làm việc, lại cất nhà cửa lộng lẫy, sắm kiệu son, lộng vàng. Phạm Quỳnh và Phạm Dao bèn gièm với Kính Điển, bảo Khắc Thận có dị mưu (phản nghịch). Kính Điển ngạc nhiên mà rằng:

"Quốc gia trông cậy vào Tướng phụ (Bá Ly) như quả núi cao, các ông không nên nói những lời như vậy".

Phạm Quỳnh, Phạm Dao lại đem ý trên gièm pha với Phúc Nguyên.

Ngày 12, tháng 2, Phạm Quỳnh, Phạm Dao tự ý sai quân vây Bá Ly ở trại Giang mai vào lúc nửa đêm, lại ngờ là nhân gia Đô ngự sử Nguy-n Thiến đồng mưu, bèn sai quân bắt úp. Nhưng lúc ấy Thiến đương đi dự họp, Bá Ly thì ở trong trại quân, cho nên đều không bắt được. [tờ 57b] Đến lúc gà gáy sáng, người đầy tớ nhà Bá Ly ra ngoài, thấy có quân vây, vội trở vào báo, Bá Ly bèn thu thập người nhà và các quân sĩ, đóng cửa cố thủ, để chờ con em đến cứu viện. Một lát, Vạn an hầu, Văn phái hầu, và Tả vệ hầu, mỗi người mang 3.000 cấm binh tới hộ vệ, giao chiến ác liệt với quân Quỳnh, Dao. Quỳnh, Dao thua chạy, Vạn an hầu bèn đem quân đón Bá Ly về đóng tại Thịnh Liệt, rồi Khắc Thận cũng tự đồng Văn Sàng tới hội.

Bá Ly cùng các tộc thuộc bèn dẫn quân chiếm giữ cửa quan Châu tước, Kinh thành cửa kỳ nào loạn! Phúc Nguyên thấy thế bức bách, hoảng sợ, bỏ thành chạy qua sông, di cư đến Bồ Đề, rồi sai sứ thần dụ Bá Ly bãi binh, Bá Ly không nghe, bảo phải bắt cha con Quỳnh, Dao, giải đến đây sẽ bãi binh.

[tờ 58a] Phúc Nguyên bèn sai Tướng Sơn Tây: Vạn đồn hầu, Anh duệ hầu, Phù long hầu, và Văn giáp hầu, hợp binh tiến đánh Bá Ly. Bá Ly chia quân chống cự, cố thủ, rồi sai tướng dưới trướng Văn tế bá đem thư cầu Thụy quốc công Nguy-n Khải Khang cứu viện. Thụy quốc công nhận lời, liền sai gia thần Đông Khang Hầu dẫn quân giúp Bá Ly, Bá Ly bèn đánh Phúc Nguyên, quân Phúc Nguyên thua chạy, Bá Ly bèn tiến quân đến Cầu Hà, rồi lạy vọng sang và tuyên ngôn rằng:

"Cha con hạ thần thực không dám mưu tính sự gì, chẳng qua chỉ vì kẻ gian thần bức bách, ghép hạ thần là phản nghịch, chúng định hãm hại, cho nên hạ thần phải dùng binh tự vệ. Xin bệ hạ bắt cha con Quỳnh, Dao, giải đến để ủy dụ ba quân, hạ thần xin bãi binh ngay".

Phúc Nguyên không nghe lời yêu cầu của Bá Ly, liền dẫn quân đi về Phương Đông, Bá Ly nổi giận, mắng nhiếc Phúc Nguyên, [tờ 58b] rồi trở về kinh thành. Bảo các Tướng rằng:

"Ta chút tài mọn, nguyên thờ Quang thiện Hoàng đế, nhân bất đắc dĩ bèn làm bầy tôi họ Mạc, chính tay dựng 4 đời vua, hao phí biết bao tâm lực. Nay gặp hôn quân, không biết mình đoán, chỉ nghe lời kẻ gièm pha, khiến cho bao nhiêu nghĩa biển tình non, đều thành băng tang ngói trút! sự thế đã như vậy, thôi lại còn nói gì.

Ta nghe vua Lê, chính vị ở xứ Thanh Hoa, có Thái sư họ Trịnh là một vị anh hùng tài lược, chuyên y tá phò, ra quân có danh, 4 phương quy phục. Đó thực là vị chúa trung hưng vậy.

Nay ta muốn dẫn quân quy thuận, ti-u trừ giặc nghịch tán trợ triều Lê, dựng nên nghiệp lớn, để rửa tội lỗi trước, mà cũng không mất sự giàu sang. Các ông nghĩ thế nào?"

Tất cả các Tướng đồng thanh thưa:

"Kính theo tôn mệnh!".

Bá Ly được các Tướng đồng ý, rất là mừng rỡ. [tờ 59a] Lúc ấy đang thời kỳ hiếm gạo, bèn mở kho thóc phát chẩn cho dân nghèo, rồi sai nội thần Văn ấp hầu cùng với Tán Lý Đông giang hầu Bùi Trụ, đem văn thư đến hành điện Ngạc Khê xin hàng, kèm theo bức họa địa hình tiến dâng. Vua Lê nhận rồi ban tờ sắc khen ngợi Bá Ly.

Tháng 2, Bá Ly xuất 14.000 quân các đạo Tây Nam cùng với Nguy-n Thiến, Nguy-n Quyện và con trai là Khắc Đôn, Khắc Thận tới bãi kiến nơi cửa quyết, rồi đón vua Lê tới đóng tại sách Vạn Lại.

Hoàng đế xiết đổi mừng rỡ! Úy lạo và nhận cho hàng, thăng Bá Ly chức Thái tử tước Di-n quốc công.

Lúc này, Bá Ly đã 70 tuổi, một vị kỳ lão trọng thần, bày tôi trong triều, ai cũng tôn kính. Khi vào yết kiến Thái sư Lương quốc công Trịnh Kiểm, Bá Ly giữ hết lễ, rất cung kính, [tờ 59b] Thái sư tiếp đãi cũng rất là kính cẩn tận lễ.

Sau khi Bá Ly quy thuận, thì bao nhiêu mưu thần mãnh tướng đều ùa theo, kéo cả vào Phương Tây, cháu rể Bá Ly là Khổng Lý và Đặng Huấn, người xã Lương Xá huyện Chương Đức, cũng theo vào bãi yết Thái sư ở cửa quân, Thái sư đều hậu đãi; tướng Tây đạo Đại úy Đoàn quốc công Nguy-n Khải Khang, khi trước sai tướng đem quân giúp Bá Ly, đến đây cũng xuất 3.000 quân dưới tướng quy thuận, tới yết Hoàng đế ở hành điện Vạn Lại. Hoàng đế úy lạo ban thưởng, cho nhưng theo chức tước cũ.

Khi Khải Khang tới bãi yết Thái sư, Thái sư kính nể tước vị cao, nên tiếp đãi rất nồng hậu.

Con trai người cậu Khải Khang là Nguy-n Hữu Liêu, quán làng Tây đàm phủ Từ Liêm, là một người tài dũng siêu quần, Hoàng đế triệu kiến, và đem cho binh lệ vào doanh chánh, theo Thái sư đánh giặc.

[tờ 60a] Tự đây, thanh thế quân nhà vua rất là lừng lẫy! Phúc Nguyên thấy vậy, lấy làm lo sợ, bao nhiêu binh quyền ủy cả cho Kính Điển, để tính kế bảo thủ Trường An cho tới các xứ miền Đông.

Tháng 4, Hoàng đế cho là Phúc Nguyên hiện bị bày tôi lừa dối, ngoài phản bạn trong tan rã, bèn bàn nên thừa lúc địch suy, xuất quân tiến đánh liền ban tờ chiếu đốc các tướng đánh Phúc Nguyên: Sai Phụng quốc công Lê Bá Ly xuất đường Sơn Nam; Đoàn quốc công Nguy-n Khải Khang xuất đường Sơn Tây; Gia quốc công Vũ Văn Mật tại Tuyên Quang xuống, hội đồng tại Đông Kinh. Bá Ly làm tờ quốc thư (bằng quốc âm) để chiêu dụ các tướng nhà Mạc rằng:

"Các chức văn võ ở Sơn Nam, Sơn Tây, kính đặt tới dưới cờ các Tướng quân Kinh Bắc:

Từng mắng rằng: Rất trị có loạn, xét cổ kim biết thừa phế hưng; trở ngại làm yên, hay thời thế [tờ 60b] bỏ i chung tuấn kiệt. Lý Thông chẳng mất, gương để khá soi. Vua nhà ta, tự Đinh Lê Lý Trần dựng có phong cương, cùng Hán Đường Tống Nguyên đều làm quân trử ng. Đến nhìn Nhuận Hồ mặt vận, 13 thu ngược chánh phiên hà; cho nên ngoại quốc cất binh, hơn 2 kỷ châu thành chiếm cứ. Nước Sa phải mỗi khi truân bĩ, trời đốc sinh có chúa thánh minh. Vua Thái Tổ dấy nghị dẹp loạn, dân được thoát cơn đồ thán; vua Liệt Tổ lấy nhân ra đức, người đều nhuận ở cơ phu. Số truyền ước quá lịch Chu, gặp biến phúc nhân ách Hán. Thác thiện nhường mà lấy thiên hạ, sự chẳng bình tai mặt khôn che; còn duy trì bỏ i đức tiên vương, dân đoái cảm tư hào nữ phụ. [tờ 61a] Xem nhân tâm khá hay thiên ý, suy thiên ý thực ở nhân tâm.

Chúng ta nay, chịu vốc trượng phu, tấm ơn Đại Việt. Có kẻ tự tài tướng sủy, lầu lạc thao cầm; có người dựng nghiệp thi thư, ra đường khoa mục. Văn vũ tài dùng há mượn, kinh quyền đạo phải chẳng nề. Hoặc đẹp duyên gặp phải Lê Triều, có quan có lộc; hoặc đội nghĩa phò nhà Mạc thị, chịu tước chịu ơn. Hướng minh tuy nhần chẳng cùng, xử biến cho hay có khác. Như thuở trước, thầy tớ Tử Nghi làm dữ, ta đã cùng lòng cùng sức dẹp yên; đến khi giờ, cha con Phạm Quỳnh mọc gian, nó lại đổi sách đổi lều gây loạn. Làm uy phúc muốn [tờ 61b] về ở nghị, kết tội danh hòa hãm ép người. Sai ác đảng luôn thổi phù ngôn, vu chử ng phải mong lòng tự lập. Đâu dài làm quan nhĩ mục, ở doanh thành mà đón bắt làm sao; Thái tử bần

việc miếu đường, về kẻ chợ nữ khua vây mà dám. Phiêu vị sự làm nhẩn bẻ, đầy triều ai có tởng đầu. Chúa Cảnh Lịch lưỡng giữ giống hươu, chúc nào khả chế; vua Khiêm Vương dễ nghe lời siểm, trách ấy khôn từ. Phép quốc gia chưa sáng hình chương, loài gian ác càng đông bạo ngược. Kinh ấp hai phường phố xá, đốt hết láng láng; quan cư mọi chốn nha môn, cướp không thấy thấy. Hàm đồ tịch đầy với hoại hết, cửa kho hàng [tờ 62a] nhiều ít chở đi. Nữ phù không dây quế buồng tiêu, nào kinh danh phận; tư dờ hiếp xe rồng li-n-phượng, bỏ lễ thành trì. Thống tốt đồ dấy việc can qua, để sinh linh tới nản thủy hỏa. Những thói chuột quen nường xã, xã đã mất khôn nường; nào cốc nước đầy lấp thuyền, thuyền chẳng ngự d- lấp. Éch dưới giếng ngo ngoe xưng lớn, yến trên lương lộc lạch còn ăn...¹ nó lấy làm chơi, biến cả ai hầu chịu thác. Âu cây nát ắt là bỏ r-, thương vay tẻ Mạc mau đời; đến vận lành thực hệ ở trời, mừng lấy chúa Lê lại dấy. Vua Thuận Bình thực dòng Đế Trụ, dưỡng đức Lam Sơn. Nổi dẫu Thiếu Khang, bỏ i Luân ấp Ngu ấp [tờ 62b] dựng đồ tái tạo; ắt nghe thần mỹ, có Lương quốc Gia quốc phò vận trung hưng. Được thời được chúa được tôi, có đất có người có cửa. Cối Hoan châu cối Ô Lý, trông đức giáo thuyền bể vượt thông; trấn Thuận Hóa, trấn Tuyên Quang, mang ngọc bạch qua non sum hợp. Binh ứng viện đã dẹp tan Ninh Sóc, thư qui phụ này ngày thấy Lạng Sơn, Quận Huyện đòi chốn khua trừ, thủy bộ hện ngày thẳng tới. Ngựa làm cơ, voi làm trận, sáu quân đua khí mãnh hơn hơn; bầu đem nước, giỏ đem cơm, muôn họ dốc lòng về thổ thổ. Quan nghi cũ người đều mừng thấy, anh hùng nhiều ai chẳng phục đòi. Đây đã biết sở hướng minh, đầy khá toan bề qui thuận. [tờ 63a] Chớ cậy trường giang, có phân nam bắc, mà lấy làm ràng; dù mất đông ngu, còn thu tang du, nào rằng đã muộn. Gặp cơ hội đã đành chẳng lờ, luận công danh chín thực phải thâm. Nhược lo nghĩa cả tông quân, bao chẳng tông quân, noi thuở Quang Thiệu, thuở Thống Nguyên cho phải nghĩa; tu ắt học xưa trạch chúa, bao chẳng trạch chúa, bằng người Lý Thông người Mã Viện mới nên hiền. Khuyên chớ hồ nghi, kíp nên quyết đoán. Kìa Trương Lương làm tôi Cao Tổ, bút lại thần tay chép còn khen; họ Phạm Chất lại thờ Nghệ Tổ, nhân Cơ tử ai rằng có kém. Nhìn thư diễn chẳng toan noi trước, dù việc nào ai trách chường sao. Oai sấm dậy bỏ i trời, binh khỏe nữ hùng bi ai địch; ngọn lửa lan [tờ 63b] khắp núi, thể cháy âu ngọc thạch đầu phân. Nhớ nghĩa xưa cũng muốn về lành, ngổ lòng thực xá tin nhẩn bảo "².

Tháng 5, Thái sư xuất quân tự Hưng Hóa qua đò sông Thao đến An Lạc, cùng với Văn Mật tiến đóng tại núi...³, rồi đánh phá quân Kinh Điển, bèn thẳng tới Xuân canh Lâm hạ, thẳng luôn mấy trận nữa. Bá Ly, Khải Khang⁴ và Văn Mật chia làm ba đường tiến đánh, cũng đều phá được các Tướng họ Mạc khác. Thế quân rất mạnh, Phúc Nguyên sợ hãi, đang đêm bỏ Kinh chạy tới Kim Thành, gọi nơi trụ sở là Biện Đẳng Long, chỉ Lưu Kinh Điển ở lại làm Tướng Đô đốc, chống giữ bờ Bắc sông Bồ Đề. Quân vua Lê bèn khôi phục Đông Kinh, sĩ dân hào kiệt nối tiếp qui phụ. Thái sư cùng các Tướng hội cả ở Kinh Sư, [tờ 64a] mở đại yến khao thưởng Tướng Tá, tùy theo cấp bậc.

Lúc này vương sư thắng trận luôn luôn, một dãy núi phía Tây Nam, và các Phủ: Thường ứng, Lý quốc và Quảng Oai, đều đã thuộc về bên ta. Về bên giặc Mạc chỉ có 2 đạo Đông Bắc, chúng bắt dân các làng lệ thuộc vào các doanh trại, tự sông Bồ Đề trở lên phía Bắc, chúng đắp lũy đất, đặt thuyền chiến, quân thủy quân bộ đóng xen kẻ nhau, phòng thủ rất nghiêm ngặt!

Bọn Bá Ly và Ngụy-n Khải Khang tính rằng: Hiện Phúc Nguyên đã chạy lên Kim Thành, thì khí thế đã xuống lắm, dù có lưu quân phòng thủ, cũng không đáng làm lo ngại cho ta. Nến bây giờ đón Hoàng

¹ Khoảng này chính bản bỏ trắng chừng 3 chữ.

² Bài văn này, bắt đầu từ câu "từng mảng rằng ", đến câu "ngổ lòng thực xá tin nhẩn bảo "này, chính bản chép bằng chữ Nôm. Đây là phiên âm, chứ không phải dịch văn chữ Hán.

³ Chữ này là tên quả núi. Nhưng chính bản bỏ trắng. Vậy không biết là núi gì ?

⁴ Chữ này chính bản chép "khải hoàn " (dẫn quân thắng trận trở về). Xét không hợp nghĩa câu văn. Hoặc do chữ "khải khang " chép lộn ra chăng ? Khải Khang là tên người, tức Đoàn quốc công Ngụy-n Khải Khang. Xin dịch theo chữ "khải khang ".

thượng tiến ngự tại Kinh thành, thì nhân tâm rất hưởn ứn ứn, hào kiệt sẽ đều qui phụ, nhân giữ trung châu mà hiệu lệnh bốn phương, để quét hết bọn giặc tàn, [tờ 64b] thì công khôi phục, sẽ có thể tính từng ngày. Bèn sai người tâu báo thắng trận, và dâng tờ biểu đón Hoàng đế ra ngự Đông Kinh.

Thái sư thì tính rằng: Hiện đảng giặc hầy còn khá nhiều, chúng có thể kêu viện binh các nơi đến đông đảo. nếu quân ta vào sâu nơi trọng địa, ngộ chúng đón đánh chặn ngang, thì dù có lấy được Đông Kinh, cũng khó lòng giữ nổi. Vả chẳng lúc này nhân tâm cũng chưa hết thấy hướng về mình. Chi bằng hầy giữ vững nơi căn bản đã, chưa nên khinh động. Bởi thế Thái sư không ký tên vào tờ biểu trên.

Khi Hoàng thượng xem tờ biểu của các Tướng, không thấy tên ký của Thái sư, ngài biết ngay Thái sư tất có ý kiến khác, bèn hạ tờ chiếu cho các Tướng kéo quân về.

Trước khi ta lui binh, Phúc Nguyên đã sai tướng Khánh quốc công, dẫn thủy quân tự Đông Nam ngược dòng tiến lên, đóng sẵn tại núi Công, định đánh ngang vào hậu quân ta. Nhưng Thái sư hồi binh tiến đánh, phá tan rồi cùng bọn Bá Ly trở về Thanh Hoa, Văn Mật công thì trở về Tuyên Quang.

[tờ 65a] Sau khi ta đã lui binh, Phúc Nguyên lại chiếm thành Đông Kinh, nhưng còn ở Bồ Lộc. Kín Đĩnh sai bộ binh đóng đồn tại Yên Mô, thủy binh đóng đồn ở Thần Phù. Các xứ Sơn Nam Sơn Tây lại thuộc về họ Mạc.

Mùa xuân, năm Thuận Bình thứ 5 (1553), Thái sư lập hành tại ở An Trường.

Phúc Nguyên mở khoa thu Cử nhân, lấy bọn Ngụy-n Lượm Thái cộng 20 người trúng tuyển.

Tháng 6 năm này, bày tâu Phúc Nguyên: Trần thảo doanh Tổng đốc Hưng quận công Ngụy-n Quý Liêm, và Hùng tiếp doanh Hiệu Lý Ngụy-n Ngạn Hoàng dâng tờ sớ rằng:

"Quốc gia phải có kỷ cương, kỷ cương có nghiêm thì thiên hạ mới định. Thời xưa, vua nhà Chu chấn chỉnh kỷ cương mà nên danh trung hưng, vua nhà Đường chấn chỉnh kỷ cương mà nên nghiệp trung thiên. Đó là do trên vua giữ kỷ luật, cho nên bày tôi không dám chuyên quyền vậy.

[tờ 65b] "Gần đây, gặp lúc quốc gia có biến, Tướng ngạo binh kêu, không tuân hiệu lệnh, triều đình hờ hững, chẳng chịu hỏi tra. Nay kỷ cương đã phẫn chấn, như việc binh việc ngục tụng, là việc lớn đều có thống giữ, nếu người không phải phận sự, thì không được thiện tiện. Thế mà hạ thần thấy: Các Phủ Huyện lấy lính, tuy đã chiếu đủ số, mà mỗi khi sai làm việc gì, thì người nọ lừa cho người kia, cố ý lánh việc, Tướng quân không cấm nổi, để cho cái tệ quấy nhi-u càng ngày càng nhiều. Đến như việc ngục tụng, là trách nhiệm của quan Hữu Ty, thế mà các Nha Phủ, các quan trong doanh trại, và các quan Đô Ty vệ sở, đều lập sở hỏi kiện trong nhà, có người kiện về việc hộ, việc giá thú, điền sản và các việc khác, [tờ 66a] các nơi trên đều tự tiện nhận đơn, rồi bắt tới tra khảo, hạch sách tiền của, tự ý phân xử, mà các quan Hữu Ty cũng không can thiệp. Thậm chí có viên đích thân đem thuyền đi bắt con gái lương dân! Những tệ đoan như vậy, mà bỏ qua không hỏi tới, thì còn lấy gì để đè nén người quyền quý, chấn chỉnh kỷ cương triều đình.

Hạ thần Quý Liêm, lạm giữ việc binh, tuy không phải chức ngôn quan. Nhưng nếu biết mà không nói, sợ thiếu nghĩa kẻ bày tôi.

Vậy xin giao triều thần họp bàn, rồi thông sức cho các quan Phủ Doanh và Đô Tư, không được nhi-u dân như trước, để cho trên dưới được yên, kỷ cương lại chỉnh "

Phúc Nguyên cho sớ này là phải.

Bọn Thái bảo Hồng quốc công Ngụy-n Phú Xuân, và Chung mỹ hầu Đoàn duy hưu xin sao tờ sớ của Quý Liêm trên, gửi cho các Doanh, truyền lệnh: Nếu kẻ nào vẫn dám [tờ 66b] làm bậy như trước thì; cho các viên Tán lý, Ký lục và bản đạo Thừa hiến doanh ấy, được xét tâu để trị tội. Lại truyền lệnh cho toàn

dân thiên hạ; Như có ai đến Doanh môn, nộp đơn kiện, mà nhân viên không phải là người có trách nhiệm về ngục tụng của nha môn, lại thiện tiện đòi hỏi tra xét thì, nên xét tâu để trị tội.

Niên hiệu Thuận Bình thứ 6 (1554) Phúc Nguyên đổi **niên hiệu Cảnh Lịch thứ 7** làm **niên hiệu Quang Bảo thứ nhất**.

Thái sư Trịnh Kiểm lập hành danh tại Biện thượng. Lúc này khí thế quân sĩ đang lên, bèn sai các Tướng kinh lược Hóa châu, Đàm Bá và Hoàng Bôi, chiếm cứ đầu nguồn nước, chống cự cố thủ. Quan quân bình định các Huyện, các thổ hào và các quan tự Đông Kinh bổ nhiệm, tới đâu đều hàng phục, cả Hương dương bá Ngụy- n Đức Trung cũng qui thuận, liền thêm binh đánh gấp, phá tan quân chống cự, [tờ 67a] giết chết Phạm Bôi, bình định cả hai xứ Thuận, Quảng. Tham Tướng Phạm Khắc Khoan lại xuất quân chống cự quân ta, nhưng cũng bị thua và chết trận. Sau khi bình định hai xứ này, Thái sư thu nhập các hào mục và sinh viên trong xứ, bổ nhiệm vào các công chức. Phương này được yên.

Hoàng đế bắt đầu mở khoa thi, cho Đinh Bạt Tụy trúng tuyển hạng "xuất thân". Tự đẩy nhân tài các phương, không ngại đường xa ngàn dặm, đều đua nhau vào Thanh Hoa ứng thi, mong để hiệu dụng Hoàng đế bèn tùy tài từng người, bổ nhiệm các chức. Quốc gia càng trở nên thịnh vượng.

Tháng 6, Thiếu sư trí sĩ Trần Phỉ chết, thọ 76 tuổi. Vì lúc này quốc gia đang nhiều biến cố, cho nên Phúc Nguyên không sấm l- nghi đầy đủ, chỉ cấp tiền phúng điếu 20 quan, và 57 mẫu ruộng "thế nghiệp".

Niên hiệu Thuận Bình thứ 7 (1555), Lúc này Phúc Nguyên đã dàn đủ Tướng sĩ [tờ 67b] chống cự quân ta, phòng thủ các nơi yếu hại, trong nước tạm yên, bèn khiến thúc phụ Kính Điển đem quân vào đánh cướp Thanh Hoa, sai Thọ quận công tiết chế quân Nam Đạo dẫn 300 chiến thuyền làm quân tiền phong, thẳng tới cửa biển Thần Phú. Ngày hôm sau, Kính Điển hội quân ở sông Đại Nại, sai Thọ quân công tiến quân đóng tại Kim Sơn.

Bên ta, Thái sư đã đặt phục binh trước ở núi Bạch Thạch phía Bắc sông, lại tuyển binh tượng hùng mạnh mai phục dưới Kim Sơn; sai Trung quan Thái úy Đinh Công, Thượng tể Lê Bá Ly, và Thái úy Ngụy- n Khải Khang, phục binh ở phía Nam sông; còn tự núi An Định cho tới núi Quân An, thì sai Phạm Đốc và Ngụy- n Quyện, dẫn thủy quân chiếm cứ thượng lưu sông Hữu Chấp đến sông Kim Bôi, để làm thế "ỷ giác" [tờ 68a] Khi binh thuyền họ Mạc đi qua Kim Sơn, đến chợ Ông Tập, tự thị hùng mạnh, không đề phòng, trong quân nổi tiếng đàn sáo ca hát, như vào chỗ không có người.

Đinh Công và Bá Ly đem quân và voi ngựa tự hạ lưu qua sông, đánh chặn ngang vào hậu quân bên địch; quân ở thượng lưu thì đánh vào mặt tiền; rồi 4 mặt quân dồn đánh ập cả vào, phá tan quân Mạc, Thọ quận công phải nhảy xuống sông, bị quân ta bắt được, còn Vạn đồn hầu và hơn mười Tướng Tá khác, đều bị chết đuối. Kính Điển thu thập tàn binh chạy về Kinh Sư.

Mùa xuân, **niên hiệu Thuận Bình thứ 8 (1556)** Phúc Nguyên mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Phạm Trấn cộng 14 người trúng tuyển.

Năm này, vua Trung Tông Hoàng đế thăng hà, Thái sư đón cháu huyền tôn của Giám quốc công là Thự nhân sự Mai Sơn Hầu Duy Bang, ở làng Bồ vệ xứ Đông Sơn vào lên ngôi vua. Đó là vua Anh Tông.

[tờ 68b] Năm Đinh Tỵ, **niên hiệu Thiên Hựu thứ nhất (1557)**, nhằm **niên hiệu Quang Bảo thứ 4** triều Phúc Nguyên, mùa xuân, Phúc Nguyên dùng Kính Điển kiêm chức Tổng nhân lệnh.

Lê Bá Ly sau khi đem con em họ hàng về Thanh Hoa qui thuận, lần thăng tới chức "Khai phủ bình chương quân quốc trọng sự, chưởng ng triều đường chánh", đến ngày 1, tháng 4 năm này chết, hưởng thọ 82 tuổi, triều đình ban tước chiếu tặng tước Nghĩa huân công, và ban tên thụy là Trung Hựu.

Mùa thu, tháng 7, Phúc Nguyên sai Kính Điển vào đánh cướp Thanh Hoa; Phạm Quỳnh và Phạm Dao đánh cướp Nghệ An. Kính Điển đến địa phương Tống Sơn, Nga Sơn nơi sông Thần Phù, đốt phá hết cầu nổi của ta. Thái sư sai thuộc tướng Thanh quận công đóng đồn quân tại Nga Sơn; Thụy quân công Hà Thọ Tường đóng đồn quân tại Tống Sơn để chống cự, nên quân giặc không dám tiến. Thái sư đích thân đốc xuất binh tượng, [tờ 69a] đi ngầm theo chân núi Yên Mô thẳng tới cửa biển, phóng quân đánh vào sau lưng quân địch, lại sai thuộc tướng Vũ lăng hầu Phạm Đức Kỳ người ở Hoằng Hóa, vượt thuyền xung kích trước, Đức Kỳ gặp thuyền Kính Điển, liền nhả vọt sang, tuốt gươm chém tên vác dù đứt làm hai đoạn, rơi xuống sông! Kính Điển không kịp trở tay, liền nhả xuống sông trốn. Quân đều tan rã chạy vào rừng núi, quan quân ta bắt được rất nhiều thuyền và khí giới.

Sau khi Kính Điển nhả xuống sông, trốn vào ẩn nấp tại hang núi Dân sơn xã Trị nội, trong 3 tháng rất đói khát. Một đêm, nhân thấy cây chuối trôi qua cửa lạch, bèn ôm vào cây chuối tìm lối bơi về, mấy tháng mới tới bến Trinh nữ hạt Yên Mô, gặp người đánh cá ở xã Trần Tu, dùng thuyền chở cho được thoát nạn. [tờ 69b] Khi Kính Điển về tới Kinh, bảo cử người đánh cá lên tước Phù nghĩa hầu.

Sau khi Thái sư đã đánh phá quân Kính Điển, liền dùng ngay chiến thuyền của Kính Điển chở tinh binh, cấm cờ hiệu của bên địch trên thuyền, rồi sai Phạm Đốc dẫn chiến thuyền tới cửa biển Đan Gia. Phạm Quỳnh và Phạm Dao đang đóng đồn ở Tả Ao hạt Nghi Xuân, trông thấy chiến thuyền, tưởng là quân tiếp ứng của mình, nên không đề phòng, Phạm Đốc thẳng tới đánh úp, phá tan quân địch! Bọn Phạm Quỳnh bỏ thuyền chạy về.

Tháng 8, Thượng thư bộ Lại Thư quận công Ngụy-n Thiến chết ở Thanh Hoa, con trai là Quyện và Mi-n đều trốn đi, trở về hàng Phúc Nguyên, Phúc Nguyên úy lạo, phục tước Văn phái hầu cũ cho Ngụy-n Quyện; tước Phù hưng hầu cho Ngụy-n Mi-n và gả con gái tôn thất cho. Sai hai anh em xuất binh chống cự quân vua ta.

Tháng 9, Thái sư đem 50.000 thủy lục quân đánh họ Mạc, [tờ 70a] ra trung lộ xứ Sơn Tây, đến sông Phụng Sứ, tạo cầu nổi để quân qua sông, rồi tiến đánh phá tan quân giặc, bắt được Tướng là Khánh Quốc Công, quân giặc tan vỡ, ta thu được khá nhiều chiến thuyền.

Sau khi Khánh Quốc Công bị bắt, Thái sư cho ngồi lên lưng voi để theo quân hiến kế. Nhưng y lại mưu phản, bị tiết lộ, bèn đem giết chết.

Quan quân lược định hạ lộ xứ Sơn Nam, đến hạt Cao Thủy, thì họ Mạc sai Ngụy-n Quyện xuất quân chống cự ở sông Hồ Trì.

Ngụy-n Quyện nguyên là hàng tướng, ở Thanh Hoa đã lâu, nên biết rõ tình hình binh tướng, và sự thực hư về sức mạnh yếu của ta, và chẳng y lại mới hàng họ Mạc, muốn lập công để chuộc tội, cho nên đánh rất hăng. Thái sư nghe biết tên Quyện ở trong trận này, thì giận lắm! Liền đích thân cầm quân, sai bọn Phạm Đốc quản đốc thủy binh; sai Vũ Lăng Hầu [tờ 70b] tiến đánh Ngụy-n Quyện. Đang khi Ngụy-n Quyện và Đức Kỳ ác chiến kịch liệt, Đức Kỳ vờn mình nhả sang thuyền Ngụy-n Quyện¹, chém người vác dù hầu, rồi quát lớn rằng:

"Có Vũ lăng hầu ta đây! Chúng mày đâu có địch nổi ta".

Quân giặc nghe đều tan vỡ, bỏ thuyền chạy cả lên bờ.

¹ Chữ này chính bản chép "Đức kỳ thuyền" (thuyền Đức Kỳ). Có lẽ lầm, vì Đức Kỳ đang ở trong thuyền của mình, sao lại còn nhả sang thuyền Đức Kỳ để giết giặc. Hoặc do chữ "Ngụy-n Quyện thuyền" (thuyền Ngụy-n Quyện) chép lộn ra chăng? Xin dịch theo chữ "Ngụy-n Quyện".

Thái sư vội ra lệnh thu quân trở về, sai Hoàng Đình Ái cầm đạo quân "điển hậu ". Nhưng bị quân giặc đánh chặn lối đường về, quan quân phải hết sức chiến đấu, mới qua được, bị chết mất hơn chục Tướng Tá, bao nhiêu thuyền mảng khí giới phải bỏ hết! Tự đây, các huyện xứ Sơn Nam lại thuộc về họ Mạc. Phúc Nguyên bèn phong tước Thạch quận công cho Ngụy- n Quyện.

Năm Mậu Ngọ **niên hiệu Chánh trị thứ nhất (1558)**, Thái sư dẫn quân ra trung lộ xứ Sơn Nam, đánh bất thành linh khi quân địch không để ý, bắt được Tướng bên địch Anh nhuệ hầu, giết chết.

Tháng 9, Thái sư lại xuất quân đánh thượng lộ xứ Sơn Nam [tờ 71a] lược định vài Huyện, rồi về, Lưu Thái úy Ngụy- n Khải Khang trấn thủ các Huyện, để chiêu tập dân địa phương.

Ngụy Đà quận công Mạc Ngọc Li- n là con trai Ngụy- n Kính, và là cháu gọi Khải Khang bằng cậu, sai thổ dân Mỹ Lương trá hàng Khải Khang, rồi lừa bắt Khải Khang giải về triều Mạc, Phúc Nguyên bèn xử tử Khải Khang bằng cực hình: dùng xe kéo xé xác. Triều đình ta nghe được tin này, Thái sư thương Khải Khang là người có nhiều công lao, bèn tâu xin truy tặng cho tước Hiến trung công, và bổ dùng cháu nội họ ông là bọn Hữu Liêu.

Tháng 10, Thái sư triều Hoàng đế ở nơi hành tại, bàn về kế sách đánh giặc Mạc, phát biểu ý kiến rằng:

"Xứ Thuận Hóa là một kho tinh binh trong thiên hạ, thời xưa, quốc triều ta bắt đầu gây dựng cơ nghiệp, cũng đã dùng dân xứ ấy để dẹp giặc Ngô. Xứ ấy, địa hình hiểm trở, dân khí cương cường, lại có rất nhiều nguồn lợi trên rừng núi và dưới bể sông. Về phương diện trọng yếu [tờ 71b] không có xứ nào có thể hơn. Gần đây, quan quân kinh lược hàng mấy chục năm mới lấy được. Vậy nên hết sức bảo thủ, để làm như một bức bình phong vững chắc.

"Còn như lối đường tự xứ Nghệ An vào, thì vì đường thủy đường bộ xa cách, có thể khỏi phải để ý lo ngại.

Duy tự Hải Dương và xứ Quảng Yên, khi nhân thuận chiều gió Nam, giặc phóng thuyền ra biển, thì chỉ vài ngày có thể đến địa phận ta, sợ binh giặc d- thừa cơ xâm lược ta bằng nẻo đường này.

Hạ thần xét thấy con trai thứ của Chiêu huân Tĩnh công là Ngụy- n Hoàng, một người trầm tĩnh cương nghị, lại có mưu lược, đối với quân sĩ có độ lượng, khoan dung giản dị. Vậy xin bổ ông làm Trấn thủ, để trị an nơi biên thùy và chống giặc phương Đông; và lại cùng với Trấn quận công ở xứ Quảng Nam, cùng làm binh cứu viện lẫn nhau. Hết thấy các việc to nhỏ ở địa phương ấy, xin đều để cho ông được tùy nghi định đoạt; lại xin ủy ông thu các sắc thuế, nộp về triều đình đúng kỳ hạn, để thêm vào sự chi tiêu trong nước. [tờ 72a] Như vậy, thì một khoảng xứ Ô Châu, khỏi phải để ý lo tới, hạ thần sẽ khỏi phải phân tâm, mà chỉ dốc hết ý chí về việc đông chinh; Bắt đầu kinh lý xứ Sơn Nam và xứ Sơn Tây, rồi thứ đến khôi phục Kinh đô cũ, ti- u trừ thoán nghịch. Nghiệp trung hưng sẽ có thể sớm thành công ".

Vua Anh Tông thi hành theo ý kiến này, tự đấy Phúc Nguyên không dám nhòm ngó tới 2 xứ Thuận, Quảng.

Mùa xuân, **niên hiệu Chánh Trị thứ 2 (1559)**, Phúc Nguyên mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Đặng Thời Thố cộng 19 người trúng tuyển.

Lúc này, quân vua ta ra đánh liên miên, năm này qua năm khác, quân họ Mạc bị thua luôn, bởi thế Phúc Nguyên sợ, không dám ở trong kinh thành, bèn tự Bồ đề di cư vào phía ngoài cửa Nam kinh thành, dựng điện lợp tranh để triều quần thần.

Cũng thời kỳ này, Thái sư đã trị an nhân dân, luyện tập quân sĩ, thu dụng nhân tài, tích trữ đầy đủ khí giới lương thực, muốn mở một trận tấn công đại qui mô ra Đông, để khôi phục cơ đồ, bèn mật bàn với các Tướng rằng:

[tờ 72b] "Con đường xứ Sơn Nam, mỗi khi quan quân ta đông chinh, đều đi lối này, cho nên Phúc Nguyên đem nhiều tinh binh, cả thủy lục quân bố trí các chỗ hiểm yếu. Ta khó bề tung hoành.

Chỉ có thượng lộ xứ Sơn Tây, và các xứ Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, vùng này phần nhiều rừng rậm bao la, đường hiểm quanh quất, chúng không để ý phòng bị. Vả nơi đó có Tướng doanh An bắc Gia quận công Trấn thủ Đại Đồng, vẫn hết lòng trung thành với vua ta. Một khi ta tới đấy hội hợp với Quận công, thì khi tiến quân có thể đánh phá, khi lui quân sẽ có lối về.

Vậy nay nên xuất quân lối Thiên Quan, đi qua xứ Hưng Hóa; qua đò sông Thao, hội hợp với Gia quốc công¹, thu dụng các Phiên mục Thổ tù nơi đó, để tăng cường tế quân, rồi đi theo đường chân núi, lược định 2 xứ Thái Nguyên và Lạng Sơn, phủ dụ dân biên thủy, chiêu tập các hào kiệt, để cắt vây cánh quân giặc, [tờ 73a], rồi sau mới dẫn quân xuống xứ Kinh Bắc, chia quân đánh vào Hải Dương, Sơn Nam, làm cho rung cành lá vạ lay cối - quân địch, thì thiên hạ sẽ dao động, thế giặc sẽ xuống ngay. Lúc ấy Phúc Nguyên chỉ còn giữ 4 bức tường kinh thành mà thôi, ta sẽ đem đại quân đánh vào 3 mặt, còn lo gì không thắng".

Trong Tướng Tá có vị thưa rằng:

"Xuất quân con đường ấy, thì sự vận tải lương thực sẽ chậm tr- , vả lại cách với nội địa quá xa, nếu bị chúng đánh chặn, thì sự lui quân cũng rất khó khăn".

Thái sư rằng:

"Đâu phải thế! Nơi đó 4 xứ: Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên và Lạng Sơn, nhân dân giàu có, tiền thóc dư thừa, ta đến đâu sẽ có lương thực ngay nơi đó, còn lo gì về sự thiếu ăn. Vả đây có dãy núi quanh co dài hàng ngàn dặm, ta đem tinh binh và voi ngựa hùng mạnh, rải vào những khoảng rừng rậm đó, thì còn ai có thể lường được là nhiều ít hư thực thế nào. Một khi ta đánh chiếm được một xứ nào, thì ta lưu một viên mãnh tướng lại, rồi dùng thêm phiên thần cùng trấn thủ các nơi yếu hại. Như vậy thì đầu đuôi liên lạc, cứu viện tiếp liên, tức là cái thế "Thương sơn xà" (con rắn núi Thương sơn) đó. Nếu chúng đánh chặn, chỉ tổ cho ta bắt hết.

Ta chỉ lo về xứ Thanh Hoa, các cửa biển đều là cái then khóa cốt yếu của nội kỳ, cần phải canh phòng rất cẩn mật, để quân giặc khỏi nhòm ngó. Chỉ cốt giữ cho nội kỳ vô sự, thì đại sự sẽ thành".

Bàn định xong, bèn dâng biểu lên Hoàng đế, xin xuất quân đông chinh. Bảo cử viên Tướng trong họ Phong quận công Trịnh Quang làm Đề thống ngự doanh, Phù quận công Lê Chung làm Trấn thủ đạo Thanh Hoa, Trào quận công Vũ sư thước và An quận công Lại thế khanh, cùng lãnh tinh binh trấn thủ cửa biển. Dặn 2 viên Tướng này; Phải kiên cố đập lũy; cẩn thận dò thám, liên lạc mau chóng, để phòng quân giặc đến đánh.

[tờ 74a] Mùa đông, ngày Giáp Tuất tháng 10, Thái sư cùng Tướng sĩ thân xuất 60.000 đạo quân bắc phạt, trương thanh thế là 120.000 quân, dùng Hoàng Đình Ái làm Tướng đạo quân tiên phong, do Thiên Quan tiến ra các huyện Sơn Tây, Mỹ Lương và Bất Bại, quân đi qua nơi nào đều không lấy của dân một mảy may, nhân dân các nơi ấy đều được yên ổn như thường. Khi quân tới Hưng Hóa, thì Tướng Tây đạo Định quận công dẫn binh lại hội, các đồn quân giặc đều bị phá và đều ra hàng. Khi lược địa đến địa giới Tuyên Quang, thì Vũ Văn Mật ra đón, Thái sư nhân bàn tiến binh qua sông, để lược định các đạo Thái Nguyên,

¹ Cũng là một người và chỉ trong một thời gian ngắn, mà văn trên chép "Gia quận công", đây chép "Gia quận công". Vậy không biết văn trên hay văn dưới chép lộn.

Lạng Sơn và Kinh Bắc, bèn sai Văn Mật trấn thủ Đại Đồng như cũ, Định quận công thì trấn thủ An Tây, để giữ nơi xung yếu, rồi đem dân phu nơi dọc đường đi theo, để khai phá đường lối, tự Thiên Quan liền tới [tờ 74b] Kinh Bắc, để tiện vận tải lương thảo; sai các Tướng chia đi đánh các Phủ: Phú Bình, Trường Khánh. Châu Huyện nào cũng tan vỡ ra hàng. Thái sư bèn đích thân xuất đại binh tự Lạng Sơn xuống, đóng quân tại Doanh Thuận, cùng cầm cự với quân Phúc Nguyên. Sau lại đóng đồn quân trên núi Tiên Du.

Tháng 11, Thái sư đem quân đánh các Phủ: Siêu Loại, Văn Giang và Khoái Hồng, binh kéo đến đâu quân giặc đều tan chạy.

Tháng 12, Thái sư sai Tướng khác đánh phá các Phủ Huyện hạt Khoái Châu và Nam Sách, quân địch trông thấy bóng quân ta đều thua chạy.

Niên hiệu Chánh Trị thứ 3 (1560), tháng giêng, Thái sư lại chia quân do Khoái hồng tiến về Nam, đánh phá hạt Tiên hưng, một đạo do Nam sách tiến về Đông, đánh phá hạt Kinh Môn, hạ hết các Huyện: Đông Triều, Giáp Sơn, Chí Linh, và An Dương. Phúc Nguyên kinh sợ, bèn khiến thúc phụ [tờ 75a] Kính Điển đóng đồn tại Kinh Bắc, để chống cự đại quân ta; sai các Tướng chia giữ Đông Kinh, đóng đồn binh khắp phía ngoài thành. Một dãy sông về phía Tây, trên tự Bạch hạc, dưới xuống đến Nam sang, đều đóng doanh trại liên liền, thuyền mỏng san sát, trại nọ liên lạc với trại kia, ban ngày thì bằng ngọn cờ tiếng trống, về ban đêm thì bằng bó đuốc cây đèn. Phúc Nguyên thì di cư về huyện Thanh Trì.

Tháng 3, Thái sư sai Hoàng Đình Ái trấn thủ Lạng Sơn, Lê Khắc Thận trấn thủ Thái Nguyên, Vũ Văn Mật trấn thủ Tuyên Quang, 3 trấn này liên lạc để đều làm binh cứu viện lẫn nhau, ngày đêm đánh phá các Châu Huyện chưa hạ được ở hạt Phú Bình và Văn lan; lại sai Định quận công trấn thủ Hưng Hóa, để chiêu tập nhân dân các châu Mai mịch và Hoa việt, cung cấp lương thực cho quân lính. Tự Thiên Quan tới Kinh Bắc, ta đóng rất nhiều đồn trại liên tiếp. Binh uy lừng lẫy!

[tờ 75a] Tháng 4, Thái sư đóng quân tại Phía Nam Lãm Sơn, sai các Tướng chia nhau tiến về phía Đông, đánh phá các Huyện: Đường an, Đường hào, Thanh miện và Gia cố, các đồn binh ở các nơi đây đều tan vỡ.

Tháng 10, Kính Điển dẫn quân qua sông, tiến tới huyện Vũ Ninh, để chống đại quân ta. Có viên Tướng khác của Thái sư sai là Đặng Huấn, thừa tiện lẻn tiến đánh quân kính Điển, bị Kính Điển đánh cho bại trận, dưới cờ chỉ còn lại chừng hơn hai trăm quân, Đặng Huấn thu thập tàn quân, dẫn lên đồi cao nghỉ ngơi, sai quân sĩ bỏ yên ngựa và tắm cho voi, tỏ ra vẻ nhàn hạ ung dung. Quân giặc kéo vây khắp cả đồi dày 3 vòng, Đặng Huấn truyền lệnh quân sĩ; không được huyên náo! Chờ đến khi thấy quân địch vó vẻ trễ nải, lúc ấy mới dồn quân ủa xuống, hết thấy đều hết sức chiến, chạy lợt ra ngoài mấy vòng vây, [tờ 76a] quân giặc đều tới bờ rạt cả ra, không tên nào dám gần, Đặng Huấn bèn dẫn quân về Lãm Sơn, hội với đại quân Thái sư.

Năm này, gặp vụ lúa trúng mùa, Thái sư sai thổ dân đã qui thuận ở các Huyện, cung cấp lúa mùa để thêm quân nhu.

Tháng 3, **niên hiệu Chánh Trị thứ 4 (1561)**, có người hiến kế với Phúc Nguyên rằng:

"Vương sư xâm lấn ta rất gắt! Ta sở dĩ kiên thành cố thủ, để cầm cự lâu dài, là có ý muốn chờ khi Vương sư thiếu lương sẽ bại. Nhưng hiện nay đường vận tải của Vương sư rất thuận tiện, tiếp tế lương thảo liên tiếp đầy đủ, bần cứ đã 2 năm nay, thanh thế rất mạnh. Thì còn chờ đến lúc nào để thừa cơ đánh phá. Chi bằng đánh xuất kỳ bất ý, ngầm dẫn quân đánh thẳng vào Thanh Hoa, đánh ngay vào nơi tâm phúc, thì

đạo quân vây nơi Kinh Bắc và Hải Dương, ta không cần đánh cũng sẽ tự giải. Đó là cái kế "đánh nước Ngụy để cứu nước Hàn"¹ của Tôn Tử vậy".

Phúc Nguyên nghe theo lời trên, bèn sai viên Tướng khác thay Kính Điển trấn thủ Kinh Bắc, rồi ngầm vời Kính Điển về Kinh Sư.

[tờ 76b] Tháng 7, Kính Điển dùng chiến thuyền vào cướp Thanh Hoa, đánh vào các cửa biển. Các Tướng trấn thủ cửa biển là Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh không có phòng bị, trong khi hoảng hốt, vội lui quân về giữ sách Vạn Lại. Thái sư được tin trên, bèn gấp truyền lệnh cho Hoàng Đình Ái ngầm dẫn quân về trấn thủ Thanh Hoa.

Tháng 9, Kính Điển đánh vào cửa quan An Trừng, tiến tới sách Vạn Lại, sách sắp bị hãm, thì phục binh của Sư Thước chỗi dậy, cố sức chiến đấu, đánh bại đạo quân tiền phong của địch, chém đầu hơn trăm tên. Kính Điển lại được tin viện binh của Đình Ái sắp đến, bèn lui quân về Kinh ấp.

Thái sư cũng triệt hết quân ở các doanh, lui về Thanh Hoa, dâng công chiến thắng lên Hoàng đế ở nơi hành tại, rồi dừng quân tại phía Nam thành Tây đô, thăng thưởng cho các Tướng sĩ có công chiến thắng, lại dùng mưu thần là Phùng Khắc Khoan [tờ 77a] làm Ngự doanh ký lục tri tứ vệ.

Tháng 12, Phúc Nguyên sai Thái bảo Ngụy-n Phú Xuân và Lại bộ Tả thị lang Giáp Trưng, dẫn quân đánh xứ Lạng Sơn. Lúc này, Tướng giữ thành Lạng Sơn Hoàng Đình Ái, đã theo đường núi trở về Thanh Hoa trước rồi, viên Tướng do Đình Ái lưu lại giữ thành bị thua trận, tan vỡ. Phú Xuân bèn chiếm cứ thành, rồi đưa thư sang nhà Minh, tiếp lĩnh người qua Bắc về. Nhà Minh hỏi: Quân chiếm thành Lạng Sơn vừa rồi, là quân họ Mạc hay quân họ Lê? Giáp Trưng phúc đáp: quân chiếm thành Lạng Sơn vừa rồi là quân giặc.

Năm Nhâm Tuất², niên hiệu Chánh Trị thứ 5 (1562), Phúc Nguyên mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Phạm Duy Quyết cộng 18 người trúng tuyển.

Tháng 2, vua Anh Tông sai Lộc quận công, Nhân Khê hầu đem quân lược định 10 châu xứ Hưng Hóa.

Tháng 3, Phúc Nguyên bổ Giáp Trưng chức Thượng thư bộ lại [tờ 77b] phong tước Tô Khê hầu.

Tháng 9, Thái sư xuất binh ra Sơn Nam, đi tuần các địa phương hạt Thanh Trì và Thượng Phúc, lập đại doanh tại Sơn Minh.

Tháng 11, Vương sư trở về.

Tháng 2, niên hiệu Chánh Trị thứ 6 (1563), vợ Phúc Nguyên là Bùi Thị sinh hạ Mậu Hợp.

Ngày mồng... tháng 2 niên hiệu Chánh Trị thứ 7 (1564)³.

¹ Câu này chính bản chép "công Hàn cứu Hàn" (đánh nước Hàn để cứu nước Hàn). Đó là do chữ "công Ngụy cứu Hàn" chép lộn ra. Điển này như sau:

Thời chiến quốc, vua nước Ngụy sai Bàng Quyên dẫn quân đánh nước Hàn, Hàn bị nguy cấp, cầu nước Tề cứu, nước Tề sai Tôn Tẫn làm quân sư dẫn quân cứu nước Hàn. Nhưng Tôn Tẫn không đến nước Hàn để giải vây, hạ lệnh quân sĩ tiến thẳng vào đường tới nước Ngụy, tuyên ngôn sẽ đánh vào kinh đô nước Ngụy. Bàng Quyên được tin cấp báo, vội vàng kéo quân về cứu bản quốc. Thế là nước Hàn được thoát nạn

² Chữ "Nhâm Tuất" chính bản chép lộn ra chữ "Nhâm Mậu".

³ Đoạn văn này chính bản chép tới đây là hết, như vậy chưa đủ nghĩa. Xét văn dưới chép: "Mậu Hợp tiếm ngôi tháng 2 năm Giáp Tý niên hiệu Chánh Trị thứ 7". Vậy có thể phỏng đoán là chính bản chép sót mấy chữ "Phúc Nguyên tử" (Phúc Nguyên chết) chăng?

Đại Việt Thông Sử

LIỆT TRUYỆN

Thần Đôn soạn

NGHỊCH THẦN TRUYỆN

Mạc Mậu Hợp

Mạc Mậu Hợp, con trai trưởng Phúc Nguyên, tiếm ngôi tháng 2 năm Giáp Tý, **niên hiệu Chánh Trị thứ 7 (1564)**, lúc này Mậu Hợp mới lên 2 tuổi, các việc đều do ông chú bọn Kính Điển và Đôn Nhượng phụ tá, đổi năm sau làm **niên hiệu Thuần Phúc thứ nhất**.

Thái sư sai biệt Tướng Đặng Huấn ra núi Hoài An, năm sau¹ sai Đặng Huấn thôi đốc các dân đã hàng trong hạt Trường An và Thiên Quan, tu sửa con đường tự Phố Cát tới Bình Lương, để tiện sự vận tải lương thảo. [tờ 79b] Tự đây, các huyện về phía Tây hạ lưu sông Xương Giang trong xứ Sơn Nam đều bình.

Tháng 9, Thái sư xuất quân ra trung lộ xứ Sơn Nam, đánh các Huyện thuộc Phủ Trường An, đến tháng 11 mới dẫn quân về.

Niên hiệu Chánh Trị thứ 8 (1565), Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Phạm Quang Tiến, cộng 16 người trúng tuyển.

Tháng 4, Thái sư xuất quân đánh phủ Trường An, phá hết các Huyện trong Phủ.

Mùa thu, tháng 9, Thái sư lại đốc đại binh đánh thượng lộ xứ Sơn Nam, đánh nơi nào thấy đều thắng trận.

Kính Điển bảo các Tướng dưới quyền rằng:

"Lúc này binh sĩ của chúng (chỉ Thái sư Kiểm) rất tinh nhuệ, khó lòng đối địch, nếu đánh nhau với chúng, sợ không thắng nổi. Hiện chúng đang thân đốc đại binh đến đây đánh phá vùng Sơn Nam, nhưng chưa dễ gì đã qua được sông mà thẳng tiến đâu. Thanh Hoa là nơi căn bản của chúng, dù có lưu binh ở lại chia giữ các nơi, chẳng qua cũng chỉ một vài Tướng Tá thôi. [tờ 80b] Vậy ta nên sai một vài đại Tướng, đem binh cầm cự với chúng ở đây, để cầm chân chúng, rồi sai đem vài vạn quân, do đường thủy ngày đêm tiến gấp tới địa phận Thanh Hoa, xuất kỳ binh bắt lấy những Tướng phòng thủ nơi đấy. Đó là kế "xã kiên công hà, xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị" (bỏ nơi kiên cố đánh vào nơi sơ hở; đánh bất thành linh vào nơi đối phương không phòng bị), mà là yếu điểm tất thắng đấy".

¹ Câu này chính bản chép "minh linh thôi đốc" người chấm sách cho nghĩa là "nhà Minh sai thôi đốc". Có lẽ lầm, vì đây không phải là việc của triều đình nhà Minh. Hoặc chép sót một chữ "niên" (năm) chăng? Xin dịch theo nghĩa "minh niên linh thôi đốc".

Tháng 11, Kính Điển bèn xuất chiến thuyền vượt biển vào cửa biển Linh Trảng, đánh phá các Huyện Thuần Hựu và Hoằng Hóa. Tướng phòng thủ nơi đây là bọn Vũ Sư Thước cấp báo với Thái sư, Thái sư bèn sai Lộc quận công đem binh về cứu, hợp sức với binh Tướng phòng thủ, đánh nhau với quân Kính Điển ở Du Trảng. Kính Điển đặt phục binh vào nơi hiểm yếu, rồi xuất đạo kỳ binh khiêu chiến, vờ thua chạy, quan quân đuổi theo, gặp ổ phục binh chối dậy, bị thua to rồi! bọn Sư Thước chạy thoát, Lộc quận công [tờ 80b] thì tử trận.

Thái sư được tin báo bại trận, bèn dẫn quân về, khi đến Thạch thành, Kính Điển nghe tin, cũng dẫn quân lui về Đông Kinh.

Mùa xuân, **niên hiệu Chánh Trị thứ 9 (1556)¹**, vua Thế Tông nhà Minh thắng hà, vua Mục Tông lên ngôi Hoàng đế.

Mậu Hợp đổi năm Thuần Phúc thứ 2 (1566) làm năm Sùng Khang thứ nhất. Năm này, Mậu Hợp di cư vào quán Bồ Đề, sai Giáp Hải cùng Đông Cát Hiệu thư Phạm Duy Quyết đi đến biên giới tỉnh Lạng Sơn, đón tiếp sứ thần Lê Quang Bí về.

Quang Bí đi sứ sang nhà Minh về việc cống hiến thường niên, tự năm Mậu Thân, **niên hiệu Gia Tĩnh thứ 27 (1548)**, khi đến Nam Ninh, triều Minh ngỡ là quan giả mạo, bắt phải chờ để tra xét minh bạch đã, mới cho dâng l- phẩm. Thế rồi gởi i văn thư đi tra xét, nhưng chẳng có hồi âm, Quang Bí cứ phải lưu tại sứ quán chờ mệnh lệnh Phúc Nguyên thì, vì lúc ấy trong nước nhiều nạn, bỏ khiếm khuyết việc cống hiến đã mấy năm liền, nên cũng không dám tâm xin. [tờ 81a] Đến năm Quý Hợi, **niên hiệu Gia Tĩnh thứ 42 (1563)**, quan quân Lương Quảng nhà Minh mới sai người đưa Quang Bí tới Bắc Kinh. Nhân dịp Phúc Nguyên cũng sai hầu mệnh gửi cho Quang Bí 25 lạng bạc để thưởng lao. Khi Quang Bí tới Kinh Đô, lại bị lưu ở sứ quán. Đến lúc này, viên Đại học sĩ triều Minh Lý Xuân Phương thương hại Quang Bí ở trong nước nhà Minh đã 18 năm². Quang Bí lúc ra đi tóc mây xanh mượt, khi trở về râu tuyết bạc phơ! Người Tàu ví ông như ông Tô Vũ đi sứ đến lúc bạc đầu mới được trở về³.

Khi Quang Bí trở về tới Đông Kinh, Phúc Nguyên tỏ lời an ủi, thấy sứ sự của ông giống hệt Tô Vũ, bèn phong cho tước Tô quận công.

Tháng 9, Thái sư lại ra đánh xứ Sơn Nam, đánh đến hạt Gia Vi-n và Phụng Hóa, thì dẫn quân về.

năm Đinh Mão, niên hiệu Chánh Trị thứ 10 (1567) [tờ 81b] nhằm niên hiệu Long Khánh thứ nhất triều vua Mục Tông nhà Minh, lúc này Thái sư xuất quân bình định phương Tây Nam, quân Mậu Hợp bị thua luôn luôn.

Mùa xuân, **niên hiệu Chánh Trị thứ 11 (1568)**, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Vũ Hữu Chánh cộng 17 người trúng tuyển.

Tháng 3, Quận công trấn thủ xứ Quảng Nam chết, Hoàng đế bổ nhiệm Nguyên Sứ Công Nguy-n Bá Quýnh thay.

Tháng 4, Thái sư gấp rút xuất quân ra đánh xứ Sơn Nam, phá các Huyện: An Mô, An Khang, Gia Vi-n và Phụng Hóa, thu lúa thóc các nơi này, rồi dẫn quân về.

¹ Câu này chính bản chép "cửu nguyệt xuân" (chín tháng xuân). Hoặc do chữ "cửu niên xuân" chép lộn ra chăng? Xin dịch theo chữ "cửu niên xuân".

² Đoạn văn này chép như vậy chưa đủ nghĩa, hoặc chép sót câu gì, đại khái nói: bèn tâm xin v.v... chăng?

³ Tô Vũ tên tự Tử Khanh, chức Trung Lang Tướng thời vua Hán Vũ Đế, phụng mệnh đi sứ sang nước Hung Nô, bị lưu lại phải đi chăn dê, 19 năm mới được về nước.

Tháng 2, **niên hiệu Chánh Trị thứ 12 (1569)**, Hoàng đế gia phong Thái sư lên tước "Thượng phụ Thượng tướng Thái quốc công".

Tháng 10, ngày Giáp Tý, ban đêm có động đất, làm cho núi lở.

Lúc này, Thượng tướng Thái quốc công Trịnh Kiểm đau bệnh đã lâu, bèn xin trao lại binh quyền, Hoàng đế ưng cho, ngài bèn hạ chiếu mệnh con trai Thượng tướng là Tuấn đức hầu [tờ 82a] Trịnh Cối đốc lĩnh quân thủy bộ các doanh; Phúc lương hầu Trịnh Tùng chức Bình đông Đại tướng quân, nối trọng nhiệm Thái quốc công, để đánh dẹp Mậu Hợp.

Năm Chánh Trị thứ 13 (1570), Hoàng đế triệu Ngụy-n Bá Quỳnh về giữ chức Trấn thủ xứ Nghệ An, và sai Ngụy-n Hoàng kiêm chức Trấn thủ cả 2 xứ Thuận và Quảng.

Tháng 2, Thượng tướng Thái quốc công chết. Con trai trưởng của Quốc công là Tuấn đức hầu Trịnh Kiểm¹, làm nhiều sự thất nhân tâm, Phúc Lương hầu cùng các Tướng bèn tới cửa quyết tội trên của Trịnh Cối. Khi Hoàng đế dời tới quan ải Vạn Lại, thì Trịnh Cối đem binh đánh vào cửa Quyết, Phúc lương hầu dẫn quân chống cự, vài ngày sau, Trịnh Cối lui quân về Biện Thượng, và đóng doanh tại Bồ Chính.

Tương lập quận công thấy tình thế bên ta Tướng sĩ không hòa, bèn dẫn con em đầu hàng họ Mạc, và đem hết tình hình quân sự bên ta báo cáo cho họ Mạc biết. Kính Điển rất lấy làm mừng, bèn phong tước Tiên quận công cho Tương lập quận công, [tờ 82b] và sai lĩnh quân đi trước, làm đạo quân hướng đạo, rồi Kính Điển khởi 100.000 binh trong 4 trấn và 700 chiến thuyền. Ngày 16 tháng 8, Kính Điển đốc các vị tôn thân, và Tướng Tá sĩ tốt các Đạo, vượt biển vào đánh cướp xứ Thanh Hoa, khi tới cảnh thổ Thanh Hoa, Kính Điển chia quân: Sai Mạc đồn Nhượng cùng với Tướng đạo bắc là Thái bảo Gia quốc công Mạc Đình Khoa, và Phó tướng Mậu quận công lĩnh quân giữ các bể Thần Phù, còn các đạo quân khác tiến theo thứ tự: Tướng Bắc đạo Hoàng quận công làm đội quân thứ nhất; Tướng Nam đạo Thạch quận công Ngụy-n Quyện làm đội quân thứ nhì; Tướng Tây đạo Sầm quận công Mạc Ngọc Li-n làm đội quân thứ ba; Tướng Đông đạo Hoa quận công làm đội quân thứ bốn; Kính Điển thân tự đốc quân Trung doanh [tờ 83a] làm đội quân thứ năm; các vị Tôn vương thống lĩnh quân vệ Triều đông và quân các đội Nội vệ làm đội thứ sáu, chia ra các ngả, vào các cửa bể Linh Tràn, Chi Long và Hội Triều, cùng hội đồng ở nơi Bút cương, rồi đóng doanh trại tại 2 bên bờ sông Hà Trung, khói lửa trong các trại bốc lên nghi ngút khắp mười dặm hơn. Trịnh Kiểm² tự liệu không thể đương nổi, bèn dẫn hơn vạn quân cùng các bộ Tướng: Lại Thế Mỹ, Ngụy-n Sư Doãn, Trương Quốc Hoa, Vương Trân và Vũ Sư Thước cùng gia quyến ra hàng họ Mạc, Kính Điển thu nạp, phong tước Trung lương hầu cho Trịnh Cối, phong tước Hương quận công cho Thế Mỹ, phong tước Lý quận công cho Sư Doãn, phong tước Sơn quận công cho Vương Trân, Phong tước Thủy quận công cho Sư Thước, và sai các ông đều dẫn quân thuộc bộ của mình tiến đánh.

Ngày 25, Kính Điển tổng động binh, các Đạo đều tiến [tờ 83b] con sông Mã Giang tự bến Ứng trở xuống; sông Lam Giang tự bến Bổng trở xuống, khói bốc ngất trời, bóng cờ rợp đất! Nhân dân xứ Thanh Hoa công già dất trẻ, chạy trốn lưu ly, ngoài đường vang tiếng kêu khóc! Kính Điển đánh vào lũy An Tràn rất gấp, ngày đêm không ngừng.

Lúc này vua Anh Tông đã phong tước Trưởng quận công cho Phúc lương hầu, trọn quyền điều khiển tất cả các doanh. Trưởng quận công đặt yến thiết đãi các Tướng, và ủy lạo quân dân. Võ thần thì có Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Tấn quận công Trịnh Mô, Nghĩa quận công Trịnh Huấn và Dương quận công Ngụy-n Hữu Liêu, tất cả 30 viên. Văn thần thì có bọn Thượng thư bộ Lại Hưng-l hầu Ngụy-n Đĩnh

¹ Chữ "Trịnh Kiểm " "Trịnh Cối " mới phải, nguyên bản đã chép lộn ? Thái quốc công Trịnh Kiểm đã chết, đây Tuấn đức hầu Trịnh Cối là con trai trưởng của Trịnh Kiểm.

² Chữ "Trịnh kiểm " này hoặc do chữ "Trịnh cối " chép lộn ra chăng ?

gồm 12 viên. Các quan văn võ dung hòa sum họp, ngày đêm bàn định kế sách, chia quân giữ các đồn trại, đào hào đắp lũy, làm kế cố thủ. [tờ 84a] Bọn ông Lê Cập Đệ dùng kế sách, sai quân lính đắp thêm một bức thành giả, tại vòng đai ngoài bức thành chính, vào lúc ban đêm, bao quanh hơn mười dặm: Dùng thanh tre kê thành hình bức thành, rồi tô bùn đất bên ngoài, trên mặt thành thì cắm chông bằng tre vót nhọn, chỉ trong một đêm mà hoàn thành một cái thành giả. Ngày hôm sau, Kính Điển trông thấy, ngỡ là bức thành thực, xiết đổi kinh ngạc! Không dám tới gần. Báo các Tướng rằng:

"Không ngờ binh sĩ nhà Lê, ngày nay vẫn còn có kỷ luật, pháp lệnh rất nghiêm minh! Chỉ đắp trong một đêm, mà hoàn tất một bức thành đồ sộ! Tất là còn có nhiều binh sĩ thù tử hiệu lực, cho nên công tác mới mau chóng như vậy, khiến lòng ta không yên. Chuyến này mà không thành công, thì sau đây chưa dễ gì bình định được. Nếu không đánh gấp, quyết kế ti-u trừ, tất sẽ lưu lại một mối lo về sau".

Kính Điển bèn thân tự đốc Tướng sĩ ngày đêm tiến đánh. Miền Giang tả tự [tờ 84b] châu Gia, châu Tầm trở xuống; miền Giang hữu tự đầu nguồn huyện Lôi Dương huyện Nông Cống, đều thành chiến trường. Nhân dân các huyện trong xứ Thanh Hoa đều chạy trốn, rất nhiều người chết đói.

Tháng 10, Kính Điển xuất quân tiếp chiến với quân nhà vua ta, hai bên chống nhau ở sông Long Sùng hạt Bảo Lạc. Các Tướng bên ta dùng kỳ binh: Ban ngày thì cố thủ trong thành, ban đêm thì dẫn quân cướp trại, làm cho quân giặc không được yên nghỉ. Phủ Tiết chế ra lệnh: Người nào chém đầu một tên giặc, sẽ được thưởng một hốt bạc. Bởi thế binh sĩ phần nhiều xả thân chiến đấu! Quân giặc nôn nao sợ hãi, bỏ trốn rất nhiều.

Kính Điển thấy đánh mãi mà không thắng lợi, bèn lui quân đóng doanh tại Hà Trung, và cấm các người buôn muối, không được chở muối lên mạn đầu sông để bán. Đó là có ý định chống cự cầm chừng, dằng dai lâu ngày, để cho quân ta phải mỏi mệt.

Lúc này nhân có viên Tướng cũ của ta là Vũ Sư Thước, nguyên đã hàng họ Mạc, ngầm sai người tâu xin trở về triều đình qui chính, [tờ 85a] vua Anh Tông bèn đại hội các Tướng, quyết kế tiến binh, chia quân làm 3 đạo: Lại Thế Khanh xuất quân ra đường bên tả, tiến về huyện An Định, đánh vào huyện Tống Sơn; Hoàng Đình Ái xuất quân ra đường bên hữu, tiến về huyện Lôi Dương, đánh vào huyện Quảng Xương; phong Trửơng quận công Trịnh Tùng chức Tả Tướng, có quyền điều khiển tất cả các Tướng sĩ thủy quân và lục quân các xứ; Hoàng đế tự làm chức Đô tướng, thống lĩnh đại quân ra trung lộ, tiến về huyện Thụy Nguyên, huyện An Định.

Khi Hoàng đế tiến quân đến đóng tại huyện Đông Sơn, thì Vũ Sư Thước dẫn 500 quân bản bộ tới hàng, quân ta lại trở nên hùng mạnh. Kính Điển bèn lui quân về giữ sông Bút Cương. Hoàng đế bèn sai tạo cầu nổi, rồi cùng với Tả Tướng vượt qua sông An Lưu, đến huyện Kim Tử, qua huyện Thuần Hựu, đánh vào các đồn họ Mạc. Ngài sai Vũ Sư Thước dẫn hơn nghìn quân bản bộ¹ làm đạo quân tiên phong, [tờ 85b] giao chiến với binh họ Mạc ở huyện Lôi Trạch, thu được chút ít thắng lợi. Lại Thế Khanh và Lê Cập Đệ, đánh lấy được huyện Tống Sơn và huyện Nga Sơn. Quan quân kéo đến đâu, quân giặc đều bỏ chạy tán loạn.

Tháng 12, Kính Điển thấy đánh mãi không được, bèn bảo các Tướng rằng:

"Chúng ta đánh dẹp bọn giặc mạnh, đã trải qua 9 tháng trời, mà không thu được thành công. Hiện nay là mùa đông, khí trời rét lạnh, nước sông cạn nông, lại thêm những khí độc lam chướng sắp bốc lên, mà lương thực cho binh sĩ của ta không được đầy đủ, lòng người mất tin tưởng, thì còn ai đồng tâm hết sức cùng ta đánh giặc. Binh sĩ ta đã tr- nải rời rạc. Chi bằng hãy tạm lui quân, để sẽ tính chuyển sau".

¹ Chữ này chính bản chép "bản huyện quân" hoặc do chữ "bản bộ quân" chép lộn ra chăng? Xin dịch theo chữ "bản bộ quân".

Kính Điển bèn bỏ các trại sách, dẫn quân về. Trịnh Cối nghiệp dĩ đã đầu hàng họ Mạc, nên cùng với Lại Thế Mỹ, Trương Quốc Hoa, dẫn hơn nghìn quân bản bộ cùng các gia quyến, theo Kính Điển tới Đông Kinh. Nguy-n Sư Doãn cũng đầu hàng với Mậu Hợp.

[tờ 86a] **Niên hiệu Chánh Trị thứ 14 (1571)**, Hoàng đế thăng Tả Tướng Trưởn quận công Trịnh Tùng lên chức Thái úy, hàm Trưởn quốc công, các Tướng khác cũng đều được thăng thưởng theo thứ tự, để cùng dốc lòng đánh giặc.

Hoàng đế sai Phùng Khắc Khoan đi các nơi chiêu tập những nhân dân lưu tán.

Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Nguy-n Mi-n gồm 17 người trúng tuyển.

Tháng 10, Mậu Hợp sai Kính Điển dẫn quân đánh cướp xứ Nghệ An, quan quân bên ta vì xa cách nên không cứu được, bỏ i thể những khu từ sông Đại hà trở về phương Nam, đều thuộc về quân giặc chiếm cứ. Viên Thổ tướng là Nguyên Quận công Nguy-n Bá Quỳnh, vừa nghe tin quân giặc kéo đến, đã vội vàng chạy trốn trước. Xứ Thuận Hóa và xứ Quảng Nam cũng dao động. Nhưng viên tướng trấn thủ 2 xứ này là Nguy-n Hoàng, sẵn có danh vọng uy tín, lại nhiều mưu lược quyền biến, khống chế trong hạt, quân luật rất nghiêm nhặt, có viên Bộ tướng nào định hàng giặc, ông đều bắt giết hết. [tờ 86b] Bỏ i thể quân họ Mạc không thể phạm tới 2 xứ này.

Tháng 9, Tấn quận công Trịnh Mô và Lại quận công Phan Công Tích, dẫn quân đến cứu viện xứ Nghệ An. Kính Điển phải lui quân, xứ Nghệ An lại bình định.

Niên hiệu Hồng Phúc thứ nhất (1572), mùa thu, tháng 7 Kính Điển lại xuất quân đánh cướp xứ Thanh Hoa và xứ Nghệ An, cướp phá các Huyện ven sông, nhân dân các nơi này phải lưu tán, làng xóm trống không.

Tướng xứ Hải Dương là nguy Lập quận công, xuất thủy quân hơn 7 nghìn chiến thuyền, dùng nguy Cửu quận công làm hướng đạo, do đường biển vào đánh cướp xứ Thuận Hóa và xứ Quảng Nam, thổ dân nhiều người ra hàng. Viên trấn thủ là Nguy-n Hoàng, lập kế dụ Lập quận công tới, ông liền chém đầu y ngay giữa sông, quân họ Mạc liền tan vỡ, theo đường biển chạy trở về, đều bị chết đuối. Tiên quận công thì trốn chạy về châu Bố Chánh, rồi lại trở về với Mậu Hợp.

[tờ 87a] Tự đây, quân họ Mạc không dám nhòm ngó tới 2 xứ Thuận và Quảng.

Thái phó Vị quận công Lê Khắc Thận, lại vượt lũy ra đầu hàng Mậu Hợp.

Tháng 9, Lại Thế Khanh, Lê Mô, và Phan Công Tích, dẫn binh ra giữ xứ nghệ An, binh họ Mạc bèn rút về.

Vua Anh Tông thăng hà, vua Thế Tông lên ngôi Thiên tử.

Năm Quý Dậu, **niên hiệu Gia Thái thứ nhất (1573)**, Hoàng đế phong Tả Tướng Trưởn Quốc công chức "Đô tướng tiết chế các xứ thủy lục chư doanh, kiêm tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự", phong Nhân quốc công Vũ Văn Kỳ là con trai Gia quận công Vũ Văn Mật chức Hữu tướng; các vị công thần và các Tướng khác đều được thăng cấp theo thứ tự, trên dưới đồng tâm hiệp lực, để vãn tội quân tiếm nghịch, và tu sửa thành quách hào lũy, để phòng quân Mậu Hợp nhòm ngó.

Tháng 7, Kính Điển lại dẫn quân đánh cướp xứ Thanh Hoa, khi chúng đánh vào doanh An Tràng, [tờ 87b] thì quan quân ta rút cả vào bên trong lũy, để tỏ cho chúng tưởng là binh lực ta kém yếu. Chúng lại tiến vào lũy Phúc Bồi, đang sắp qua sông Đoạn Trạch, thì quan Tiết chế đốc suất thủy quân cỡi chiến thuyền chia đánh các ngả, phá tan quân giặc. Kính Điển bèn dẫn quân rút lui.

Mùa đông năm này, Hoàng đế bàn với quan Tiết chế, sai Vũ Văn Kỳ về trấn thủ đồn Đại Đồng ở xứ Tuyên Quang, để vững phen gịau phương Tây và đề phòng quân của Mậu Hợp.

Tháng 10, lúc này Mậu Hợp 12 tuổi, bèn tự bến Bồ Đề qua sông về Đông Kinh, đắp bức thành ở phía bên ngoài cửa Nam, rồi dựng ngôi điện lợp tranh để ở.

Niên hiệu Gia Thái thứ 2 (1574), Mùa xuân, Mậu Hợp mở khoa thu Cử nhân, lấy bọn Vũ Khắc Khuê gồm 24 người trúng tuyển.

Tháng 6, Mậu Hợp sai Ngụy-n Quyện dẫn quân vào đánh cướp xứ Nghệ An, các thành bên ta từ sông Đại Hà trở về Bắc, đều bị chúng hạ. Chúng bắt được viên Tướng trấn thủ là Hoàng quận công.

Tháng 7, Phan Công Tích và Trịnh Mô, dẫn quân cứu viện xứ Nghệ An, Ngụy-n Quyện chống cự với các Tướng này vài tháng, rồi thu quân trở về.

[tờ 88a] Mậu Hợp phong tước Hưng |- vương cho Mạc Kỳ là con trai Lý vương Mạc Lý Tồn.

Niên hiệu Gia Thái thứ 3 (1575), ngày 6 tháng giêng, Kính Điển đem quân đánh cướp xứ Thanh Hoa; Ngụy-n Quyện đem quân đánh cướp xứ Nghệ An. Lúc này, họ Mạc quân nhiều thế mạnh, cho nên chúng kéo đến đâu, nhân dân ta đều như cỏ lướt.

Khi Kính Điển đánh đồn Thụy Nguyên huyện An Đình, chia quân cho Mạc Ngọc Li-n đánh núi Đông Sơn huyện Lôi Dương.

Tháng 8, phủ Tiết chế sai Hoàng Đình Ái dẫn quân cứu đồn Lôi Dương, núi Mộc Sơn, quan Tiết chế thì đích thân thống lĩnh đại quân, đóng tại núi Chiêu Sơn, chống cự với quân Kính Điển.

Khi Kính Điển giao chiến với quan quân ta ở Đông Lý hạt An Đình, thì bọn Vũ Sư Thước và Ngụy-n Hữu Liêu, xuất các đạo kỳ binh đánh cho Kính Điển phải bỏ chạy.

Bọn Lại Thế Khanh, Trịnh Mô và Phan Công Tích, dẫn quân cứu các xứ Nghệ An, cùng với quân Ngụy-n Quyện cầm cự chừng vài tháng [tờ 88b] Ngụy-n Quyện đặt phục binh trước, rồi dẫn quân ra đánh, thắng luôn mấy trận, bắt được Phan Công Tích giải về Kinh Sư, bị giết chết.

Mùa đông, Kính Điển kéo quân trở về.

Niên hiệu Gia Thái thứ 4 (1576), tháng 7, Kính Điển lại dẫn quân vào đánh cướp xứ Thanh Hoa, đánh vào núi Lam Sơn thuộc huyện Thụy Nguyên, sai Ngọc Li-n đánh vào sông Đồng Cổ thuộc huyện An Đình, lại chia quân cho Ngụy-n Quyện đi đánh cướp xứ Nghệ An. Ngụy-n Quyện đánh nhau với quân Trịnh Mô ở đây chừng vài tháng, Trịnh Mô thua luôn mấy trận, trốn về xứ Thanh Hoa, trong khi ấy, Ngụy-n Quyện tự nghĩ rằng:

"Trịnh Mô thua trận, phải kéo quân trở về, thì đang khi "quân hồi vô lệnh ", ta quyết bắt cho bằng được".

Bèn dẫn quân đuổi theo, đuổi theo tới núi Ngọc Sơnm, bắt được Trịnh Mô giải về Kinh Sư.

Tự đây, uy danh của Ngụy-n Quyện càng thêm lừng lẫy! Thời xưng là một vị danh Tướng.

Niên hiệu Gia Thái thứ 5 (1577), mùa xuân, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Vũ Giới gồm 18 người trúng tuyển.

Tháng 4, Mậu Hợp sai thu binh các Huyện, tất cả hạng nhất hạng nhì và hạng ba, người nào cũng phải dự đủ lương thực đủ ăn trong 3 tháng, để dự bị vào xâm lược xứ Thanh Hoa.

[tờ 89a] Về phần phủ Tiết chế ta, cũng tính rằng: Mậu Hợp thường cậy sở trường về thủy quân, mà nay là mùa thu, nước sông dâng cao đầy dẫy, tất nhiên chúng sẽ tới xâm lược. Cho nên cũng dự tán cư các nhân dân ở nơi ven sông, bắt đem theo hết cả tài vật đã tích trữ vào các nơi rừng núi, để chờ nghinh chiến quân Mậu Hợp.

Tháng 7, Kính Điển dẫn quân vào cướp.

Tháng 8, Kính Điển đánh vào hạt Đồng Cổ, quan Tiết chế đích thân xuất đại quân ra cửa lũy Khoái Lạc chống cự.

Kính Điển đánh phá doanh Thượng hội, Hoàng Đình Ái xuất đạo kỳ binh khiêu chiến; Ngụy-n Hữu Liêu dẫn quân đánh chặn ngang, quân Kính Điển phải chạy lui.

Kính Điển lại tiến quân đến sông Hà Đô, sai Ngụy-n Quyện phục binh ở bên ngoài đê bờ sông, rồi sai Hoàng quận công, cùng với viên hàng tướng Lại Thế Mỹ làm đội quân tiên phong ra khiêu chiến, đánh sát tới cửa lũy Khoái Lạc. Quan quân bên ta dùng súng bắn chết Lại Thế Mỹ trước mặt trận, các quân ta trong trận đều lấy làm hả, tiếng hoan hô vang lừng dậy đất! [tờ 89b] quân họ Mạc bèn tan vỡ.

Tháng 9, Kính Điển dẫn quân trở về.

Tháng này có tuế tinh hiện ở tọa độ sao Cơ, sao Ngưu và sao Nữ, xuất hiện trong 10 ngày mới tắt.

Viên Thượng thư Bộ hộ giữ việc Đô ngự sử là Giáp Trưng, bèn dâng tờ sớ lên Mậu Hợp rằng:

"Hạ thần xét trong truyện có chép rằng:

Tuế tinh là một loại sao yêu quái! Khi nó xuất hiện vừa to vừa dài, thì trong nước sẽ có tai biến nặng nề mà thời kỳ ứng nghiệm còn xa ngày, trái lại, nếu hình nó nhỏ và ngắn, thì trong nước sẽ có sự tai biến xoàng thôi, mà thời kỳ ứng nghiệm rất gần".

"Hiện nay chánh sự càng ngày càng suy đồi, mà suy đồi không phải một điểm mà thôi. Kinh thư có câu rằng: "Dĩ thừa Thượng đế thần kỳ, võng bất chí túc" (L- vật dùng dâng tế Thượng đế, các Thần nơi Xã Tắc, Tổ Tông nhà Tôn Miếu, không nơi nào là không thành kính rất mực). Thế mà những l- phẩm dùng để tế l- ngày nay, thì con lợn cổ xoi quá đơn giản, đồ l- cầu thả không kính. Đó là điểm đáng sợ thứ nhất vậy.

Sách Mạch Tử có câu: "Quân nhân mạc bất nhân" (nếu vua có lòng nhân, thì bề dưới không kẻ nào không nhân). Nay những kẻ cận thần ở bên nhà vua, chỉ toàn nịnh nọt, dẫn sự chơi bời, [tờ 90a] mong thỏa chí vua. Trong cung là nơi rất nghiêm nhặt, thế mà chúng thường ra vào tự do không cấm; tuyên nạp là việc thận trọng, thế mà chúng làm bẽ tắc trên dưới không thông. Đó là điểm đáng sợ thứ 2 vậy.

Sách Mạnh Tử lại có câu: "Thượng hạ giao chinh lợi, tắc quốc nguy hĩ" (nước nào, tất cả vua tôi trên dưới, đều xu hướng về mối lợi, thì nước ấy sẽ nguy vong). Nay các quan cấp trên cũng như cấp dưới, những người không ham lợi, chỉ chừng 2, 3 phần 10, ngoài ra hết thấy đều đắm đắm về lợi, quan tước những lạm, Phiền Trấn trưng cầu, những sự đặt quan bán tước, không việc gì là không làm. Đó là điểm đáng sợ thứ 3 vậy.

Tả truyện có câu: "Quốc gia chi bại do quan tà dã" (Quốc gia mà đến suy bại, là do các quan chức đều quắt quéo vậy). Nay các bày tôi trong triều đình cùng ngoài Quận Huyện, những người ngay thẳng chỉ độ 1, 2 phần 10 mà thôi, ngoài ra đều là hạng tà tâm quắt quéo. Sắc chỉ tổng đặt cho các Ty quan; quan lại trưng tiến cấp lớn nhỏ. Việc từ tụng sách nhi-u hối lộ, không cách nào là không dùng. Đó là điểm đáng sợ thứ 4 vậy.

[tờ 90b] "Đường sử có câu: "Quốc y ư dân" (nước nương tựa vào dân). Nay việc công việc tư, sách nhi-u dân phụ, làm cho nhân dân vất vả khổ nhọc về sự sống, thì nước còn nương tựa vào đâu? Đó là điểm đáng sợ thứ 5 vậy.

Truyện có câu rằng: "Sư khắc tại hòa" (Việc quân mà được thắng trận là bởi có điềm hòa). Nay Tướng Sứ ngang trái với nhau, cùng nhau tranh giành, thì quân sự còn lấy gì để thắng. Đó là điểm đáng sợ thứ 6 vậy.

Ngoài ra còn rất nhiều điều trái lẽ và phương hại đến nền đạo đức, không thể kể xiết. Bởi thế cho nên trời ra tai biến, có tuệ tinh hiện, không phải là sự ngẫu nhiên.

Vậy kính mong bệ hạ, tự răn mình lo sợ, thay đổi hết thói chánh sự thói nát. Một khi lòng người đã hòa, thì ý trời sẽ hợp. Nếu cứ vui thỏa theo ý muốn, mà không hối cải, thì thời kỳ nguy vong chưa d- gì lánh được".

Mậu Hợp không thể làm theo ý tờ số này.

Niên hiệu Quang Hưng thứ nhất (1578) triều ta, nhằm niên hiệu Sùng Khang thứ 13 triều Mậu Hợp. Lúc này, quan Tiết chế Trưởn quốc công [tờ 91a] giúp chính thống giữ binh quyền, chăm lo tiến thủ, Vua tôi hòa thuận, chánh sự chỉnh đốn, quân sĩ tinh nhuệ, khí thế đang lên, mà Mậu Hợp thì chỉ ham chơi bời, say đắm tử sắc, không để ý tới việc nước.

Ngày 21 tháng 2, Mậu Hợp ở trong cung, bị sét đánh vào cung, thành chứng "bán thân bất toại", sau chữa thuốc lại khỏi, bèn đổi niên hiệu năm này làm niên hiệu Duyên Thánh thứ nhất, và phong thêm hàm Thiếu bảo cho Thượng thư bộ Lại Luân quận công Giáp Trưng, Giáp Trưng cố từ không nhận, nhưng Mậu Hợp không cho từ.

Tháng 7, Mậu Hợp sai Kính Điển lĩnh quân vào đánh cướp các Huyện men sông trong xứ Thanh Hoa. Khi giao chiến với quan quân ta ở cầu Phụng Công, gặp ổ phục binh, bị thua trận, bèn kéo quân trở về Kinh ấp.

Tháng 10, Tướng Tây đạo Mạc Ngọc Li-n dẫn quân đánh vào châu Thu Vật trong tỉnh Tuyên Quang [tờ 91b] cũng bị viên trấn thủ châu này là Nhân quốc công Vũ Công Kỷ đánh bại.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 2 (1579), tháng 3 Mậu Hợp tiến Giáp Trưng lên chức Binh bộ Thượng thư, có quyền giữ tất cả các việc trong 6 Bộ.

Tháng 7, Mậu Hợp sai Kính Điển dẫn quân vào đánh cướp xứ Thanh Hoa, phá nhi-u các Huyện ở men sông, khi chúng đến sông Tống Sơn, đánh vào cửa Chương Quyết, thì Phủ Tiết chế sai Đặng Huấn dẫn quân chống cự. Đặng Huấn sai Di-n quận công Trịnh Văn Hải xuất quân giao chiến với chúng tại núi Kim Âu, Đặng Huấn thì dẫn quân tự Tống Sơn đi tới Hòa Bình Mục Sơn, đánh tập hậu, phá tan quân Kính Điển. Kính Điển bèn dẫn quân trở về.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 3 (1580), mùa xuân, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Đỗ Cửng gồm 24 người trúng tuyển.

Tháng 7, Mậu Hợp lại sai Ngụy-n Quyện Mạc Ngọc Li-n và hàng tướng là Hoành quận công dẫn quân vào đánh xứ Thanh Hoa, chúng cướp bóc tài sản của nhân dân các miền ven sông, rồi kéo quân trở về.

[tờ 92a] tháng 10 Kính Điển chết.

Kính Điển là ông chú Mậu Hợp, tước vị gồm cả chức Tướng văn và Tướng võ, giữ binh quyền trong hơn 20 năm. Ông tiếp đãi quan liêu có l- độ, đối với quân sĩ có ân nghĩa, từng trải qua biết bao sự gian hiểm, mà vẫn cần lao trung thành, thời bấy giờ tựa vào ông làm trọng. khi ông chết, lòng người trong nước đều dao động!

Mậu Hợp bèn dùng ông chú là Ứng vương Đôn Nhượng thay Kính Điển làm chức "Trung doanh đốc súy".

Tháng 12, ngày mồng 3, Mậu Hợp sai Lương Phùng Thời, Ngụy-n Nhân An, Ngụy-n Uyên, Ngụy-n khắc Tuy, Trần Đạo Vính, Ngụy-n Kính, Đỗ Uông, Vũ Hoàng, Nhữ Tống, Lê Đình Tú, Vũ Cẩn và Vũ Tĩnh, chia làm 4 Bộ đi sang sứ triều Minh, để nộp bổ tức cống phẩm còn thiếu trong mấy năm qua.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 4 (1581), ngày 27 tháng 6, Đô cấp sự trung trong 6 khoa bên ngự là: [tờ 92b] Ngụy-n Phong, Ngụy-n Tự Cường, Phạm Như Giao, Ngụy-n Ích Trạch, Lê Viết Thăng và Ngụy-n Quang Lượng, cùng ký tên vào tờ số dâng lên Mậu Hợp rằng:

"Hiện nay thời sự gian nguy, có nhiều điểm đáng lo: Kỷ cương rối loạn, chánh sự hững hờ; hình ngục oan uổng; pháp lệnh sai lầm; Tướng chưa hòa thuận; binh chưa chỉnh nghiêm, khi quân địch hùng mạnh kéo đến đánh phá phương Tây Nam, nhân dân địa phương bị khốn khổ, tao nhi-u cả đến Kinh thành. Thế mà lúc ấy, triều đình không đặt một phương lược hoặc một kế hoạch gì để chống địch, mặc cho chúng tự do tiến tự do lui, tha hồ thi thố hết các cách tính hại ta, khiến cho nhân dân ta ở miền chân núi rất là khốn đốn, không được yên ổn. Lại thêm trời ra tai biến luôn luôn. Ôi! Thời sự như vậy, thiên ý như vậy, thật là quá đối nguy ngập! [tờ 93a] Nếu ngay bây giờ biết nghĩ phương để cải cách tệ chánh, biết sợ cơn giận của trời, chỉnh đốn binh bị để chinh phạt giặc thù, cũng chưa muộn, vẫn có thể kịp. Khốn nỗi vua tôi trên dưới, cứ vui chơi ngạo ngh- , vẫn hơn hơn tự cho là thái bình vô sự. Về phần bề hạ, hiện nay chưa thân xét đến các chánh sự, các bản tấu chương của đình thần, hết thấy đều ủy cho Phụ chánh Ứng vương quyết đoán, mà Ứng vương lại thường về Dương kinh luôn. Bởi thế các chánh sự trong triều đều bỏ bê bối, quân sự cũng theo đà đó mà tr- nải; quan bản doanh có việc đến yết kiến thường không được gặp, vị tướng các doanh không biết bắt lệnh vào đâu. Bậc công bảo đại thần như L- quận công Trần Thời Thâm thì e sợ hiềm nghi, thường né lánh không chịu quyết đoán; Luân quận công Giáp Trung, thì lấy sự quá thịnh làm răn, [tờ 93b] thường luôn luôn xin giải chức; Đốc phủ trước ng quan Ngạn quận công Mạc Ngọc Li-n, và Thạch quận công Ngụy-n Quyện, thì hoặc thoái thác không tới công đường, hoặc từ tốn không chịu bàn việc, cho nên các quan tả hữu không dám bàn nói; văn thần trọng trách như Nghĩa sơn bá Trần Văn Tuyên, Vĩnh kiều bá Hoàng Sĩ Khải, An Khê bá Mai Công Đàm và Xuyên bá Ngụy-n Triệt, thì đều giữ vẻ trọng hầu, không cần nghĩ tới việc sâu xa. Bởi thế các liêu thuộc nhân đó mà tr- nải, hoặc có viên về thăm quê hương đến hàng tuần, hoặc có cuộc bàn luận mà chỉ có một viên họp, hoặc có viên hiện có mặt ở Kinh mà không tới họp, hoặc có viên dự họp mà không phát biểu ý kiến. Ngày nay thảo luận, ngày mai bàn tán, chỉ toàn những việc lật vật ở các nha môn [tờ 94a] còn việc chánh trị trọng đại của triều đình, không hề nói tới. Như vậy, việc nước sẽ một ngày một suy đồi, đó là cái cơ nguy loạn không thể không cấp cứu. Những người giữ việc nước, biết mà không chịu nói, hoặc nói mà không hết lời, một khi triều đình đã thất kế, thì thiên hạ quốc gia sẽ như thế nào ? "

Mậu Hợp khen những lời này rất thiết đáng. Nhưng rốt cuộc vẫn không thay đổi được những tệ chánh.

ngày mồng 9 tháng 7, Đô ngự sử Đặng Vô Cảnh xin từ chức, Mậu Hợp không cho.

Đêm hôm 21, có trận mưa bão rất dữ! mà tại kinh đô càng mạnh hơn, tự cung điện trong triều, đến giao đàn, thái miếu và đàn Xã Tắc, cả đến nhà cửa cùng dinh thự, thấy đều đổ nát gần hết! Về hương thôn các xứ thì, cây bốc r- , lúa ngã rạp, nhà đổ thuyền đắm, người chết rất nhiều!

[tờ 94b] Ngày 27 Mậu Hợp triệu Trần Văn Tuyên làm Thượng thư bộ Lại vào hầu kinh diên. Lúc này Giáp Trung vào triều yết kiến xin hoàn sự.

Thiên đô Ngự sử Lại Mẫn dâng tờ số lên Mậu Hợp, cực lực nói về thời sự tệ hại, lược rằng:

"Sự thể hiện nay, chính là thời tiết cực dữ! Kỷ cương bỏ bê mà không chấn hưng, chánh sự thối nát mà không tu sửa; trộm cướp hoành hành, giặc ngoài xâm lấn; lòng người nao núng, thế nước lung lay. Như muốn chuyển dữ làm thái, thì phải trên dưới hợp chí đồng tâm, mới có thể được. Thế mà nay chỉ trang sức hư văn, mà không vụ thực sự, trên dưới trong ngoài đều nhưng theo thói cũ, các sổ tấu của triều thần, hoặc chỉ phê như trước. như thế không có thể gọi là ngăn được con đường tư tình vậy [tờ 95a] Các Điện Phủ giám môn, Bộ Tự Khoa Đạo nội vệ tam ty, Đô Thừa Hiến tam ty, hết thấy các tệ đoạn chưa cải cách hết. ngoài ra còn nhiều việc trái lẽ hại đạo, khác thường loạn tục, không thể kể xiết.

Hạ thần thiết nghĩ: Lúc này bệ hạ chính nên thân cận người hiền, đồng tâm phụ tá, tu sửa cải cách các chính trị, ngõ hầu có thể cứu vãn cơ nguy loạn trước khi phát xuất.

Tại sao Phụ chánh Ứng vương vẫn yên vui ngạo ngh- , nhân nhu tr- nải, không cứu sửa chánh sự thiên tư, không chỉnh đốn quân sự phân tán, đến nỗi các vị đại thần đều muốn trốn lánh, không chịu quyết đoán lẽ phải, các vị trọng thần, nối tiếp xin từ chức, triều đình tr- nải như vậy, việc nước nhân thế mà bề bộn, trăm việc rối ren, [tờ 95b] lòng dân tan rã, một khi họa loạn xảy tới còn có thể cứu được ru ?

Thời xưa Y Doãn dạy vua Thái Giáp có câu: "Vô an quyết vị duy nguy ": (Đừng ngồi yên ngôi vua, phải nên nghĩ tới sự nguy). Ôi! Cổ nhân đang lúc thịnh trị, mà còn tha thiết lấy điều nghĩ tới sự nguy làm răn. Huống chi hiện nay là thời kỳ rất nguy, mà không biết nghĩ tới sự nguy, hạ thần sợ nguy vong sẽ tới ngay vậy.

Kinh Thi có câu: "Thiên chi giáng nạn, vô nhiên hiển hiển " (gặp khi trời giáng tai nạn, đừng nên hơn hớn yên vui).

Kinh Thi lại có câu: "Đa tương cao cao, bất khả cứu được " (Vui chơi nồng nhiệt như lửa, không còn phương thuốc cứu chữa). Há không lấy đó làm răn ru ?

Kính mong bệ hạ, chăm lo chính trị, săn sóc thời cơ, ban sắc lệnh cho Ứng vương phải: Để ý về nền tôn xã, đảm nhiệm lấy việc thiên hạ, về việc tu chính trị bên trong, tất phải xử công bằng, các đạo tán chiếu như: Quyền ban tước lộc, truất phế hay bổ nhiệm, cho được sống hay giết chết, [tờ 96a] cần phải biết rõ người chánh kẻ tà, phân biệt người có công kẻ có lỗi, khiến cho thưở ng phạt đúng mức, thì còn công việc gì mà không làm nổi. Về quân sự bên ngoài, tất phải có tiết chế, sai bản doanh và các doanh Đông Tây Nam Bắc, phải tuyển dụng những người dũng cảm, luyện tập chiến đấu đều đều, khiến cho binh sĩ hùng mạnh, thì còn lo gì về đánh dẹp không thắng trận.

Trách cứ Thiếu bảo L- quận công Trần Thời Thầm phải: Kính theo đoán xét cũ, chủ trương về công luận trong nước, chấn cử kỷ cương, đừng có hiềm nghi mà lánh quyền sợ việc.

Lại ban chỉ dụ cho Thiếu bảo Luân quận công Giáp Trung, phải tham bàn chánh sự trong triều, giúp quyết cơ mưu quân sự, cần để ý tới việc yêu nước quên nhà.

Lại ban sắc dụ cho Hộ bộ Thượng thư, Đô ngự sử Miện dương bá Đặng Vô Cạnh. [tờ 96b] phải tuân theo chức vụ, duy trì công luận, kính cẩn mọi việc, để cho phong thái triều đình được tôn nghiêm. Đó đều do vài ba vị chấp chánh đại thần cùng các quan công bảo, ngày đêm bàn tính ở trên triều đình, hiệp sức cùng mưu, để cải cách tệ chánh, khiến cho các nha môn trong ngoài, có chỗ tuân theo làm qui thức, ai ai đều làm tròn chức vụ, thì mới có thể mong tới trị bình thiên hạ.

Nếu đang thời kỳ nguy ngập, mà vẫn cho là bình yên, đang lúc có tai biến, mà vẫn ung dung, chỉ thỏa thích những cuộc vui có thể đem đến sự bại vong. Hạ thần sợ một khi biến loạn xảy tới ngoài sự tưởng tượng, lúc ấy thì dù có bậc trí giả cũng không có thể vãn hồi được ".

Trong bài số có tới ngàn câu, Mậu Hợp xem xong phê rằng:

"Những lời này rất thiết đáng, đáng được thi hành ".

Nhưng vẫn không làm theo.

[tờ 97a] Thiếu bảo Giáp Trung dâng tờ số lên Mậu Hợp rằng:

"Trận mưa bão vừa rồi, là một tai biến lạ thường! Ôi! Tai biến xảy ra, đều do nhân sự xui nên. Hiện nay giặc giã chưa yên, quân dịch nặng nề, cả đến việc thu thuế và cho dân vay thóc cũng rất phiền phức, nay phóng mai đã thôi thúc, suốt năm không ngày nào yên, cứ điểm đầu người mà thu, rồi lại tính lời từng phân từng ly. Tự niên hiệu Sùng Khang tới nay, trong khoảng 9 năm đó, những nơi thu vét sưu thuế, chỉ đòi

hỏi lũ dân nghèo; cả đến trong Điện cũng chỉ đòi hỏi đám dân ấy. Ngoài ra còn có khi tăng gấp đôi số thuế đã định, làm cho dân phải phá sản. Dân tình ngao ngán, không còn muốn sống !

Kinh Thi có câu: "Vô viết cao cao tại thượng, trắc giáng quyết thổ " (Đừng tưởng trời quá cao xa. Vẫn thường lên xuống soi xét dưới đất). Dưới đất tức là nhân sự vậy.

Kinh Thư có câu: "Thiên thông minh tự ngã dân thông minh, thiên minh uy tự ngã dân minh uy " (thông minh của trời cũng là thông minh của dân, uy sách của trời cũng là uy sách của dân). Đó là nói: Lòng dân xu hướng vào đâu, tức đấy là lẽ trời vậy.

[tờ 97b] Nay nhân sự đã suy đồi đến như thế, nhân dân đã khốn đốn đến như thế, cho nên trời ra tai biến trận bão để cảnh cáo vậy.

Kinh Dịch có câu: "Chấn lai khích khích, hậu tiểu ngôn ách ách. Cát " (Động tới gầm ngập run sợ, rồi sau nói cười sảng sặc. Tốt). Lời tiểu tượng trong quẻ Chấn này giải rằng: Đó là lo sợ mà được phúc vậy.

Nay muốn dẹp tai biến, mà không lo sợ tu tỉnh, thì làm sao có thể được phúc.

Vậy kính mong bệ hạ, coi thiên tai là điểm tất phải sợ, coi nhân sự là điểm tất phải sửa. Kính cơn giận của trời, không nên vui chơi, kính cơn biến của trời, không nên dong ruổi; không nghe kẻ hầu nịnh, không mưu cầu tài lợi. Dạy bảo trăm quan, chấn hưng trăm việc, ban sắc cho triều thần nghị luận ban hành những điều luật thương dân, rộng ban ân đức, tha thứ kẻ vô tội oan uổng. Những dân bị nạn lụt, thì ra lệnh cho quan sở tại nâng đỡ vỗ về, [tờ 98a] ngõ hầu ân huệ nhà vua, thấm nhuần xuống dưới. Một khi lòng người đã vui thỏa, thì thiên tai tự dẹp hết.

Hạ thần lại nghe có câu: "Thiên hạ tuy an, vong chiến tấn nguy ": (Mặc dù trong thiên hạ bình an mà quên lãng về quân sự chiến trận, tất sẽ nguy vong). Huống chi hiện nay là lúc nguy cấp, thế mà không có vũ bị, thì sao có thể giữ nước được.

Hiện nay, những lính mới tuyển vào doanh, phần nhiều khí giới chưa tinh nhuệ, kỹ nghệ chưa thuần thực, thuyền bè chưa chỉnh đốn, lại gặp thiên tai cảnh cáo, chính là lúc đáng lo sợ nhất. Cho nên những chánh sách trị an và tu chỉnh, không thể không rất cẩn thận. Nên nghiêm minh pháp lệnh, thu vén kỷ cương, giữ vững nơi bờ cõi, tu sửa các thành quách, luyện tập binh mã, chỉnh bị khí giới, đóng thuyền dựng trại, định phiên canh gác, đúng mức kỳ hẹn, ban hiệu lệnh, hằng ngày tập luyện [tờ 98b] chờ thời sẽ phát động. Lại cần đồn sừng căn bản quốc gia, cố kết nhân tâm, hậu đãi dân mà không bắt dân khổ, giúp đỡ dân mà không bắt dân mệt, không nên dùng hết nhân dân, nên giảm bớt sức phục dịch của nhân dân. Đó là kế sách trị bình vậy ".

Mậu Hợp xem xong tờ số này, liền ban lời úy dụ Giáp Trưng, và triệu tới kinh sư để làm việc triều đường.

Ngày 3 tháng 8, Hộ bộ Thượng thư Miện dương bá Đặng Vô Cạnh dâng tờ số lên Mậu Hợp rằng:

"Hạ thần là một kẻ hèn, mong ơn nhà nước, lạm dự cấp bậc quan cao, lại được bồi hầu kinh diên. Tự xét gí nông tài mọn, không đủ xứng chức, cho nên đã hai lần khẩn thiết xin được giải chức vụ nặng nề, mà vẫn chưa được bệ hạ ứng cho.

Hiện nay, đạo trời chưa thuận, gió bão ra tai, chính là lúc trên dưới hợp chí tu tỉnh, để đáp phúc trời, [tờ 99a] cho nên hạ thần không dám lánh né, kính xin vâng giữ chức cũ. Hạ thần thiết nghĩ; Nhân sự sai lầm ở bên dưới, thì trên trời thiên biến phát hiện. Năm ngoái có những thiên biến như: Núi tự nhiên lở, sặc nước hóa đỏ; tuệ tinh phát hiện; và thường mưa đá. Năm nay cũng núi tự nhiên lở, mưa xuống nước như tro than, và sấm động trái mùa. Bao nhiêu tai biến xảy ra luôn luôn, đó là nhân sự sai lầm, cho nên hoàng thiên đem lòng nhân ái mà ân cần cảnh cáo vậy. Bệ hạ thấy thế, lấy làm sợ hãi tu tỉnh, đốc thúc quần thần cùng

bàn luận, để cải cách những kỷ cương không hợp lý. Hạ thần không biết lòng quả cảm đã thực thi chưa ? Hay chỉ là mớ văn suông thôi. Tại sao những tờ số tâu các điều trước đây, hoặc có điều bệ hạ cho là phải mà vẫn không làm theo, hoặc có điều bệ hạ nghe theo mà vẫn không cải cách, hoặc có số bệ hạ cự không nộp. Các vị đại thần cùng các quan Công Khanh, đều chưa thể tắt ý bệ hạ, không tu chỉnh chức nghiệp, không cải cách tệ chánh, không giữ đạo trung bình [tờ 99b] Bởi thế trời lại cảnh báo bằng trận gió bão vừa rồi. Cái đó không gì là lạ vậy.

Cúi mong bệ hạ, trên kính mệnh trời, trong sửa đức vua, quyền bính tất phải tự trên ban, chánh lệnh chớ để trong cung phát; quyết nghe lời can gián trung trực, ngăn lấp mọi đường tà vẹo, ban sắc lệnh cho Tổng sư phụ chánh Ứng vương, phải hằng ngày tới triều, để cùng các vị đại thần và công khanh đại phu cùng bàn chánh trị, tu chỉnh việc quân. Biết việc gì là trái, nên bỏ ngay đi, đừng bảo rằng cái đó cũng không hại gì¹; biết việc gì là phải, nên làm tức khắc, đừng cho rằng điều đó rất là nhỏ mọn. Mỗi khi bàn luận tất phải sửa sai, đừng tự cho mình phải cả; mỗi khi can ngăn tất phải theo lẽ, đừng cam chịu là nịnh thần. Như vậy trên giữ đạo ngay, dưới giữ pháp luật, tự nhiên tai qua phúc lại, sẽ chuyển loạn thành trị, chuyển nguy làm yên. Nếu trên dưới vẫn cứ nhân tuần cầu thả [100a] tự cho việc thiên hạ là không thể làm gì được nữa; không thể cứu vãn được nữa, thì nguy vong sẽ tới ngay tức khắc.

Kinh Dịch có câu: "Kỳ vong kỳ vong, hệ vu bào tang " (Lời hào cửu ngũ quẻ "thiên địa bĩ" vừa đắc trung (vì ở chính giữa quẻ trên) vừa đắc chính (hào dương ở ngôi dương), cho nên bậc đại nhân quân tử, mặc dầu gặp vận bĩ vẫn được tốt lành (đại nhân cát), duy vẫn giữ vững đức trung chính, như thể bám chặt lấy rễ cây dâu (hệ vu bào tang), kéo thất bại đấy (kỳ vong kỳ vong).

"Hạ thần xin lấy câu kinh dịch này làm gương cho ngày nay".

Mậu Hợp ngợi khen những lời trong số này, nhưng vẫn không thể dùng theo.

Ngày... Lại bộ Thượng thư Nghĩa sơn bá Trần Văn Tuyên, tới triều yết cáo xin về cố hương, cũng dâng tờ số lên Mậu Hợp để tự hạch mình và từ mệnh mới², đại lược tờ số rằng:

"Trong khoảng trời với người giao cảm, đều ứng vào cùng loại với nhau, như nhân sự hay thì trời ứng điềm lành, nhân sự dở thì trời ứng điềm dữ.

Chánh sự thời nay, rất nhiều việc hại đạo trái lẽ, không thể kể xiết.

Những tờ số của các vị đình thần trước sau đã tâu bày, đều nói thẳng những sự sai lầm, có thể như những liều thuốc hay, rất đáng cứu xét để tu tỉnh. Bệ hạ tuy đã ban chỉ dụ khen ngợi, [tờ 100b] mà vẫn chưa thấy mở rộng lượng theo lời can gián, như bệ hạ dạy rằng: Lời này có thể làm theo, mà vẫn chưa thấy thi hành thực sự; như việc mổ, kinh luân rất nên chăm chú thi hành, mà vẫn không thi hành; như bản mẫu lưu ở trong cung, rất nên truyền ra, mà vẫn chưa phát ra. Không biết có phải tự ý định của bệ hạ, hay là hoặc có kẻ làm ám tế thông minh của bệ hạ chăng ?

Những việc như thế, rất trái với thể làm chánh trị. Cho nên thể thống triều đình, ngày càng rối loạn, những lời công luận, ngày càng bế tắc. Trong nước không có chánh trị hay, cho nên trời ứng điềm dữ để cảnh tỉnh, như là tuệ tỉnh xuất hiện; núi tự nhiên lở, cùng là nhật thực nguyệt thực. Nay lại phạt bằng trận mưa bão dữ dội ngay tại Kinh sư, đó là tai dị rất lớn.

¹ Câu này chính bản chép "vô nhật hồ hại" (không ngày sao hại). Xét không hợp văn lý. Xin dịch theo nghĩa câu "vô viết hồ hại".

² Ngày 23 tháng này, Mậu Hợp với Trần Văn Tuyên làm Lại bộ Thượng thư, và bồi hầu kinh diên. Mệnh mới tức là mệnh này.

[tờ 101a] Thời xưa vua Cảnh Tông chỉ nói một lời thiện, mà tuệ tinh phải lui; nước Trịnh vì có chánh trị hay, mà khỏi tai họa về sau. Đó điều là điểm đã nghiệm về người thắng trời, đức khỏi tai, mà cũng đủ làm tấm gương soi tỏ cho ngày nay.

Kính mong bệ hạ, sợ oai trời, sửa đức mình, ban sắc lệnh cho phụ chánh Ứng vương phải hết sức tu tỉnh, giúp việc triều đình, để tâm vào việc giữ yên Hoàng gia, nằm gai nếm mật, lấy việc diệt quốc thù làm trách nhiệm của mình. Lại cần trách nhiệm các vị đại thần, tín dụng các người trung trực; cải cách các điều lỗi, sắp đặt hết mọi việc. Như vậy là nhân sự đã hoàn thiện, thì thiên ý tự khắc văn hồi, và thiên hạ quốc gia sẽ một ngày một thịnh vượng thái bình. Nếu không thì thời kỳ bại vong, chưa d- gì lánh khỏi.

Hạ thần không xứng chức, tự hạch xin mi-n chức, và tới trước cửa quyết để đợi tội, hoặc biếm hoặc truất, kính theo mệnh bệ hạ ".

[tờ 101b]Mậu Hợp xét xong tờ số này, liền ban sắc lệnh ủy dụ Trần Văn Tuyên, và buộc phải nhận chức.

Ngày 16, Đông các học sĩ Đạo phái bá Ngụy-n Năng Nhuận, dâng tờ số bày tỏ rằng:

"Hiện nay khí âm khí dương không hòa, cho nên phát sinh tai dị. Trận gió bão tháng trước, Kinh sư bị tai hại nhất, mà nơi triều điện lại càng hại hơn. Đó không phải là một tai dị tầm thường.

Ngôi điện lợp tranh dựng lên, là để hành l- vào ngày rằm và ngày mồng một hàng tháng, nay bị trời mưa bão, làm cho trong triều ban ướt át, đó là cái triệu chứng khí âm cực thịnh đã phát hiện vậy. Vậy nên định ngay nơi Ngự sở, không nên cố chấp theo những ý kiến tầm thường, và theo những lời bàn nông cạn. Vua tôi trên dưới nên cùng nhau hết sức tu tỉnh, nghĩ phương pháp dẹp tai biến.

Hiện nay các việc bỏ bê, trăm tề phát sinh. Nói ngay như trách nhiệm bộ Lại của hạ thần, mỗi khi thăng chức cho quan lại, [tờ 102a] trừ những người được lệnh chỉ nhà vua truyền cho, ngoài ra chỉ toàn những người có thân tính và có thể lực, còn những kẻ hàn sĩ vi-n thần, thì chỉ độ một hai phần trăm được dự mà thôi. Việc này cả thiên hạ ai ai cũng biết, không thể bùng được công luận. Chức nhiệm của hạ thần, biết là bậy đấy, mà vẫn cứ làm, đã cam chịu tội không xứng chức vụ. Xin trình bày mấy điểm rất quan hệ và chiêm vọng thiên hạ.

Thiếu bảo Phong quận công Trần Thời Thâm, là một vị Chưởng ng phủ đại thần, có bốn phận quyết đoán mệnh lệnh đã bao năm. Thế mà gần đây, những lời ông tấu đối bệ hạ, thường cứ dẹt dẹt từ tốn hai ba lần. Như vậy không phải vị thể quốc đại thần được né lánh. Ôi! Chức phận vị đại thần, là cầm đầu các thuộc hạ, đem sự chính trực can ngăn Vua. Nếu chính mình né lánh không chịu nhận việc, thì còn sau có thể đồn đốc các quan hạ cấp tới đức ngay thẳng ru ?

Luân quận công Giáp Trưng, là một vị văn thần trọng trách, tiên triều cũng đã trọng dụng. [tờ 102b] Thế mà gần đây, chỉ vì có sự trắc trở của con cái trong gia đình, mà mấy lần ông dâng sớ xin ở nhà. Như vậy là không phải là một vị đại thần lịch duyệt thế sự đáng làm. Ôi! Các vị lão thần thường chung vui chung lo với quốc gia, nước còn thì thân còn, nước nguy thì thân nguy. Đâu có thể cứ ở nhà mà không biết tới việc triều đình ru ?

Nghĩa sơn bá Trần Văn Tuyên, nguyên là chức Bộ trưởng ng, mới được mệnh triều vào Kinh diên. Thế mà khi nhận được mệnh lệnh, không chịu tới nhận chức, lại còn dâng sớ tự hạch.

Miền dương bá Đặng Vô Cạnh, được cất đặt lên đầu hàng đài các, đã từng tham dự phòng kinh sách. Thế mà thường từ tạ là không tài, hàng tháng không chịu đến giảng kinh sách hầu Vua.

Sự thể hiện nay như vậy. Các vị ấy đều có ngôi tước, mà không chịu làm tròn nhiệm vụ. Hay là bảo thời nay không thể làm gì được chăng ?

Hạ thần đại nghị: Việc thờ trời chỉ cần thực, chứ không dùng văn; [tờ 103a] việc can vua cũng cần thực không dùng văn; việc động người cũng cần thực không dùng văn. Nếu mọi việc, việc gì cũng không có một sự thực, mà chỉ chuộng hư văn, hạ thần sợ việc trong thiên hạ sẽ đồn cả tới số không hết thấy, mà không còn cứu vãn được nữa.

Cúi mong bệ hạ kính sợ mệnh trời, không nên yên vui, dong nạp lời can ngay thẳng, ngăn lấp mọi đường tà tất.

Về phần phụ chánh Ứng vương, nên đốc suất các vị công bảo đại thần, Đô đốc 5 Phủ, Thượng thư sáu Bộ, cùng các vị Ngự sử trọng thần, nhận lời can gián của mọi người để can gián Vua; ngay thẳng mình trước để làm gương cho kẻ khác, cùng nhau cứu giúp việc nước, cho hết chức phận bầy tôi. Như vậy nhân sự ở dưới đã hoàn hảo, sẽ vẫn hồi được tai biến tự trời ra.

Hạ thần lại nghị: Một đạo Thanh Hoa, thế bên địch rất mạnh, mà chúng rất giỏi về môn bộ binh. Hiện nay là thời gian tháng 7 tháng 8, quân ta vẫn im lặng, dưỡng uy sức [tờ 103b] để chờ thời sẽ động, cái đó cũng là phải. Nhưng hạ thần nghe tình báo cho biết; Bên địch trồng cọc gỗ vào các lòng sông cửa sông, đã tập thủy chiến, lại luyện bộ binh. Đó là chúng phòng bị bên ta vậy. Không biết về phần bên ta phòng bị chúng, thì quân sĩ đã chỉnh tề chưa? Khí giới đã tinh nhuệ chưa? Hai đạo Tây Nam xung yếu, đã lập thêm giậu lũy để phòng thủ chưa?

Cúi mong bệ hạ trách nhiệm các Tướng Tổng soái, phải chú ý về việc binh, ban hiệu lệnh không tuyển nhiều những binh lính non yếu, các cấp quan không được dùng những người không xứng đáng. Bệ hạ lại ra lệnh cho 2 vị Đại tướng 2 Đạo Tây Nam, là Ngạn quận công Mạc Ngọc Li-n và Thạch quận công Nguy-n Quyện, phải xét những phương pháp chiến thủ, để làm dụng cụ đánh phá, khiến cho quân địch không vượt tới được, mà bên ta đánh sẽ thắng. Lúc ấy mới đại cử hùng binh [tờ 104a] thẳng tiến thành lũy bên địch, xuất đạo kỳ binh tiến đánh, sẽ thu được thành công chiến thắng vạn toàn".

Mậu Hợp cho lời số này là phải.

Tháng 9, thự Cẩm y vệ Mạc Kính Trực thự Kim ngô vệ Đình quận công Vũ Nhân Hậu cho là những lời trình bày về tể đoan trong tờ số của Lại Mẫn tâu hồi trước, có ý chỉ trích các ông, bèn cùng nhau làm tờ trạng tự biện bạch dâng lên Mậu Hợp.

Binh khoa Cấp sự trung Nguy-n Tự Cường, thấy Lại Mẫn tâu bày tể đoan về sự tuyển dụng quan lại, cũng làm tờ tâu lên Mậu Hợp để tự giải.

Lại Mẫn thấy các người nghị luận huyền đàng, nên cũng làm tờ số trình bày lý do tâu lên Mậu Hợp đại lược rằng:

"Hồi trước hạ thần có dâng lên bệ hạ một bản số "tự nguy", nói về đức nhà vua và chánh sự hiện thời, trình bày hết thấy mọi tể đoan của các nha môn trong triều cũng như ngoài quận, là có ý muốn các vị quan liêu đồng tâm hiệp lực, cùng làm việc nước, để cải cách hết sạch các tể đoan ngày trước. [tờ 104b] Không ngờ nghị luận đình thần quá nghiêm, phỉ báng sôi nổi! Nếu bây giờ hạ thần chỉ rõ tên các viên những lạm ở các Ty đã kê trình trước, và nói rõ viên nào ở Vệ nào, đã nhận của người nào bao nhiêu tiền, để làm bằng chứng cụ thể, sẽ lụy đến những viên đã nhận biếu, và các viên phụng mệnh tra xét, lại liên lụy cả đến người đã nói cho biết. Như vậy không phải là đạo trung hậu của người bầy tôi trong triều đình. Bởi vậy, hạ thần đành cam chịu cái lỗi nói không hết lời. Nay xin bày tỏ ý nghĩa về tờ số của hạ thần tâu bày tể đoan hồi trước".

Mậu Hợp trao tờ số này xuống các vị trong triều. Không khiển trách Lại Mẫn, cũng không cứu xét về việc của bọn Kính Trực có sự thực hay không. Ấy đại để hàm hồ không quyết đoán, đều như vậy cả.

Ngày 10, tháng 9, Mậu Hợp sai phụ chánh Ứng vương Mạc Đôn Nhượng, hợp quân các đạo vào đánh xứ Thanh Hoá [tờ 105a] dẫn quân vượt biển tiến tới núi Đường Nang, giao chiến với Hoàng Đình Ái, bị thua nặng, trốn về. Trận này Đôn Nhượng tổn thất rất nhiều Tướng sĩ.

Năm này, Mậu Hợp bị chứng "thanh mai ", mắt mờ không trông rõ, cầu các thầy danh y thiên hạ, chữa thuốc, trong khoảng thời gian vài năm, con mắt lại được bình phục như thường.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 5 (1582), ngày 29, tháng giêng, Mậu Hợp dựng một ngôi điện thường gọi là điện giảng học, nhưng kỳ thực là để làm nơi yến tiệc chơi bời. Vừa mới hoàn thành, thì tối hôm ấy bị hỏa hoạn cháy tiêu! Trần Văn Tuyên bèn dâng tờ sớ rằng:

"Kính Thư có câu: "Duy cát hung bất tiếm tại nhân, duy thiên giáng tai tường tại đức " (Sự lành dữ xảy ra không lộn, tại người, trời giáng tai ương hay điềm lành, đều bởi đức).

Nay bệ hạ mới ngự ngôi điện mới dựng, đáng lẽ là lúc bắt đầu ban bố chánh sự và giáo hóa, thế mà lại tới đây để thỏa vui yến tiệc, không có đề phòng, đến nỗi ngôi điện bị cháy, việc này không thể đổ cả cho trời được, đó chính là bởi nhân sự xui nên vậy. Nếu người không có sơ hở , thì tai biến đâu có xảy ra. [tờ 105b] Ý trời hẳn bảo đã rõ ràng như vậy, chính là lúc bệ hạ nên lo sợ cần cù. Kính mong bệ hạ kính cẩn oai trời, nghĩ tới vương đạo, đừng cho lời nói của hạ thần là vi-n vong .

Đến như sự sửa sang lại kinh thành, trù hoạch qui cũ, dự định dựng ngôi điện, để bệ hạ tới ngự, cũng là một cơ hội trung hưng thứ nhất. Vậy nên mong bệ hạ quyết đoán; giữa mong Ứng vương tán trợ; dưới mong tất cả văn võ bá quan hòa mục, để cùng bàn tính kinh doanh, dựng lên một ngôi điện nguy nga giữa trời ".

Mậu Hợp khen lời này là thiết đáng, và phán rằng:

"Trẫm đang suy nghĩ ".

Tháng 2, Mậu Hợp thăng Giáp Trưng lên tước Sách quốc công. Giáp Trưng kháng sớ hết sức từ rằng:

"Hạ thần là một kẻ thư sinh, chưa từng có công lao đời này đời khác, thế mà lạm dự tước Quận công, cũng đã là quá vọng, [tờ 106a] trong lòng lúc nào cũng tự lấy làm bền lên, hưởng chi là tước Quận công to lớn, hạ thần đâu có thể kham nổi ".

Mậu Hợp cố khuyên dụ Giáp Trưng, không nghe lời thỉnh cầu từ chối.

Ngày 26, Mậu Hợp sai Hộ bộ Thượng thư, kiêm Quốc tử giám Tế Tửu, Vĩnh Kiều Bá, Hoàng Sĩ Khải, cùng với bọn Ngụy-n Năng Nhuận, Ngụy-n Phong và Vũ Văn Khuê, đi ra biên giới xứ Lạng Sơn để đón mệnh thiên triều, và nghinh tiếp Sứ thần là bọn Lương Phùng Thời tự Trung Hoa trở về nước.

Ngày 5 tháng 3, Trần Văn Tuyên xin từ chức Lại bộ Thượng thư, để nhường cho các vị Sứ thần vừa đi Sứ nước Trung Hoa trở về. Mậu Hợp không cho từ.

Tháng 4, Đặng Vô Cạnh viện lý do đau yếu, xin đình 2 nhiệm vụ Ngự sử và Kinh diên. Mậu Hợp cũng không cho.

Ngày 6 tháng 5, Đề điệu Quốc tử Thiếu bảo Thao quận công Trần Thời Thẩm tâu rằng:

[tờ 106b] "Quốc gia lấy nhân tài làm trọng, mà cầu nhân tài lấy khoa mục làm vinh. Nước Việt Nam ta, tự khi dựng nước tới nay, thường yêu chuộng nhân tài, và long trọng khoa mục. Các triều đại trước đây, mỗi khi mở khoa thi xong, đem tên các vị trúng tuyển khắc vào bia đá, dựng tại Hán cung, lại ghi chép vào Quế lục, để lưu truyền phương danh lâu dài về sau. Đó là một phép tốt của quốc gia vậy.

Đến bản triều ta, cũng theo cổ điển, phô di-n phép hay, **niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529)**, sau khoa thi tuyển, khắc tên các vị trúng tuyển vào bia đá, dựng ở cửa nhà Thái Học. Pháp hay chỉ thấy có một lần này thôi, mà cũng chưa có chép tên vào Quế lục.

Tự thời Đại chánh Quảng hòa, cho tới thời Vĩnh lịch Cảnh lịch, tuy là thời kỳ lăm việc, mà vẫn thường thường mở khoa thi tuyển nhân tài. Nhưng 2 thịnh điển kể trên, cũng đều chưa tính tới.

[tờ 107a] Hiện nay, chính là thời kỳ đáng nên khôi phục thịnh điển ấy, và sửa sang cho tốt đẹp thêm. Vậy xin bệ hạ, ra lệnh cho các vị triều thần bàn định, bắt đầu tự năm nay trở đi, mỗi khi mở khoa thi xong, liền sai bộ Công tạo bia đá, khắc tên các vị trúng tuyển; các vị văn thần thì soạn bài Ký ca tụng, khắc luôn vào bia đó. Lại chiếu xét những khoa thi trước, khoa nào chưa có bia thì lập bia, hoặc còn thiếu sót thì điền bổ cho đầy đủ. Lại sai các vị văn thần biên chép tất cả tên trúng tuyển các vị trúng tuyển vào quế tịch. Như vậy không những mỹ quan một thời, mà còn để đời sau xem xét, những tên các vị khoa mục, sẽ lưu thơm tới ức nghìn vạn năm! Không phải chỉ là thịnh sự của các vị tấn thân, mà thực là một sự hiển vinh của quốc gia vậy. Văn hóa thịnh vượng; thể đạo thịnh vượng; thiên hạ thịnh vượng. Hạ thần rất hân hạnh được đích thân trông thấy".

Mậu Hợp cho là hiện lúc này trong nước đang thời kỳ lăm việc, nên chưa thi hành.

Triều nhà Minh đưa tờ công văn tới, nói về ranh giới nước ta và Trung Hoa tại địa phận xứ Lạng Sơn. [tờ 107b] Mậu hợp sai Đô ngự sử Đặng Vô Cạnh tới đó hội khám định đoạt.

Ngày 26, Mậu Hợp sai sứ tới nhà Giáp Trưng, triệu Giáp Trưng đi phúc định lại ranh giới. Giáp Trưng trước đây đã hết sức xin từ chức để về hưu, mà chưa được y cho. Nay lại dâng sớ xưng bệnh, cố từ không đi.

Tháng 6, Tướng của Mậu Hợp là Phù nghĩa hầu Ngụy-n Đình Luân qui thuận triều ta, vua Thế Tông phong cho Tướng này tước Trù quận công.

Ngày 18, Đặng Vô Cạnh dâng sớ viện lý do tật bệnh, xin từ chức. Mậu Hợp khuyên dụ không cho từ.

Tháng 8, Giáp Trưng lại dâng sớ bày tỏ gia sự, xin vẫn giữ chức hàm như cũ, nhưng được ở nhà, khi nào có nghị luận về chánh sự trọng đại, sẽ phụng chỉ dụ tới triều đình, ngoài ra xin được tự do lúc tới lúc lui. Mậu Hợp không nghe, vời tới Kinh sư làm việc tại dinh thự.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 6 (1583), mùa xuân, ngụy triều Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, [tờ 108a] lấy bọn Ngụy-n Tuấn Ngạn cộng 18 người trúng tuyển.

Tháng 7, Mậu Hợp sai Tướng dẫn quân xâm lược các Huyện ven sông thuộc xứ Thanh Hoa. Phủ Tiết chế điều binh đánh phá ở nơi cửa biển, quân Mậu Hợp thua chạy. Tự đây Mậu Hợp mới dẹp ý Tây xâm, nhân dân các xứ Thanh Hoa, Nghệ An được thanh thoi yên ổn.

Tháng 10, Phủ Tiết chế xuất quân ra xứ Sơn Nam đánh vào các Huyện An mô và An Khang, thu thóc lúa nơi đây, rồi kéo quân về.

Tướng Đông đạo của Mậu Hợp là Kỳ quận công Ngụy-n Nhật Kính qui thuận triều ta, được Hoàng đế ban cho tước Đông quận công.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 7 (1584), tháng giêng, Phủ Tiết chế lại xuất quân đánh vào Phủ Trường An, và các xứ Thiên Quan, Thuận Hóa rồi dẫn quân về.

Ngày 4, tháng 9 Trịnh Cối chết.

Trịnh Cối tự khi ra hàng họ Mạc, bắt đầu được trao tước Trung lương hầu, sau tiến lên chức Trung quận công, đến đây chết. Mậu Hợp sai người tới phúng tế, [tờ 108b] và sai quân hộ tống linh cữu, cho thân mẫu là Thái vương phu nhân và vợ con được đưa linh cữu về xứ Thanh Hoa an táng. Đó là muốn tỏ thiện ý để thông hảo. Về phần phủ Tiết chế, cũng dâng biểu lên xin Hoàng đế tha tội cho ông, và truy tặng tước Thái phó Trung quận công, rồi sai người tới núi Nga Sơn tiếp đón linh cữu, đưa về an táng tại núi Quân An.

Mậu Hợp thăng tước An quốc công cho Trung quan Hào quận công, thăng tước Thường quốc công cho Thạch quận công Ngụy-n Quyện, thăng tước Hoằng quận công, và chức Tây quân Tả đô đốc cho Miện quận công Ngụy-n thông.

Tháng 10, Tướng Nam đại của Mậu Hợp là Nam dương hầu Trần Mỗ qui thuận triều ta, Hoàng đế phong cho tước Bàn quận công.

Mậu Hợp sai bày tội là bọn Ngụy-n Doãn Khâm, Ngụy-n Vĩnh Thác, Đặng Hiễn, Ngụy-n Năng Nhuận, Vũ Sư Thước, Ngụy-n Phong sang triều Minh cống hiến thường lệ hàng năm.

[tờ 109a] **Niên hiệu Quang Hưng thứ 8 (1585)**, tháng giêng, phủ Tiết chế xuất quân ra Thiên quan, đánh phá các Huyện Mỹ Lương, Thạch thất, và An Sơn, dẫn quân tới núi Sài Sơn rồi trở về, để viên Tỳ tướng là Chiêu quận công lưu lại, đóng quân ở chợ Hoàng xa. Quân Mậu Hợp đuổi kịp, bắt Chiêu quận công và một con voi.

Tháng 3, ngự triều Mậu Hợp dùng Vũ Đẳng làm chức Tả thị lang bộ hình. Vũ Đẳng từ không nhận.

Tự tháng 2 tới tháng 6, không có trận mưa nào, làm cho lúa đồng héo khô, nhân dân đói kém. Viên Đề hình Ngụy-n Thọ Xuân, bèn dâng tờ sớ trình bày các việc hại tới nhân dân, và xin thi hành chánh trị thương dân.

Lại Mẫu cũng dâng sớ cực lực trình bày về hình ngục oan lạm, và sưu thuế nặng nề. Xin cải cách các tệ đoan cũ, và săn sóc tới sự đau khổ của dân.

Mậu Hợp đều khen những lời này là thiết đáng. Nhưng chánh sự hết thấy vẫn như cũ.

Lúc này, Mậu Hợp muốn vào ở tại kinh thành, [tờ 109b] bèn bàn việc tu sửa Kinh thành, kiến trúc công tác vĩ đại. Nung gạch ngói, sai hạt An Bang và hạt Ninh sóc vận tải tre gỗ về. Bắt đầu khởi công từ năm Quang Hưng thứ 7, đến đây mới hoàn thành.

Ngày 19, tháng 6, Tả đô đốc Đông quân là Đàm quận công Ngụy-n Nghi Lộc xin về hưu trí, Mậu Hợp cố khuyên lưu lại.

Ngày 28, Mậu Hợp chính đón xe ngựa vào Đông Kinh, tiếm ngự nơi chánh điện, mở ban triều các ban văn võ, đổi năm sau làm **niên hiệu Thụy Thái thứ nhất**. Thăng Giáp Trưng, Mạc Ngọc Li-n, và Ngụy-n Quyện lên chức Thái Bảo; thăng Ngụy-n Thông lên chức Tả đô đốc Nam quân. Ngọc Li-n xin từ, không nhận chức.

Tả thị lang bộ Lại Tây khê bá Vũ Tĩnh, và Thượng thư bộ L- Đạm châu hầu Ngụy-n Triệt, đều dâng sớ xin từ chức. [tờ 110a] Mậu Hợp cho Vũ Tĩnh từ, không cho Ngụy-n Triệt từ..

Tháng 12, Phủ Tiết chế xuất quân ra xứ Sơn Nam, đánh các huyện Gia Vi-n và Phụng Hóa, rồi dẫn quân về.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 9 (1586), Mùa xuân, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Ngụy-n Giáo Phương cộng 27 người trúng tuyển.

Mùa thu, ngày 27 tháng 7, Thái bảo Thao quốc công Trần Thời Thâm viện lý do đã 70 tuổi, xin về hưu trí. Mậu Hợp khuyên dụ lưu lại.

Ứng vương Mạc Đôn Nhượng dâng sớ lên Mậu Hợp nói rằng:

"Hạ thần vâng mệnh phụ chánh đã lâu ngày, mà không có công hiệu gì. Vậy xin giải nhiệm chánh trị trong triều. Về chức phiên thần, giữ nguyên một việc bình, dốc toàn lực vào quân sự, để báo ơn nước".

Mậu Hợp úy dụ Ứng Vương, không theo lời thỉnh cầu.

Đôn Nhượng lại dâng tờ sớ rằng:

"Cầu công giúp đỡ của bầy tôi, đó là lòng mong trị bình tha thiết của đấng vương giả; giúp việc không thành công thì nghĩ, đó là lòng thờ vua chí thành của kẻ bầy tôi.

[tờ 110b] Hạ thần mi-n cưỡng theo việc, tới nay cũng đã lâu năm. Thế mà chưa chấn chỉnh được kỷ cương trong nước, chưa dẹp hết được giặc thù bên ngoài. Đó là bởi tài của hạ thần không đủ làm chánh trở nên hay; vũ của hạ thần không đủ ra oai cho địch sợ. Nếu sức không đủ mà cứ mi-n cưỡng làm mãi, sợ sẽ đắc tội thêm với thiên hạ nhiều lần.

Vậy kính xin bệ hạ, tha thứ điểm bất lực bất tài của hạ thần, cho hạ thần được giải nhiệm chánh trị, về chức phiên thần, ngỏ hầu khỏi tội lẹ.

Mong bệ hạ giữ vững quyền trên, trị an trong cung, còn như về chánh sự thì giao phó cho các vị đại thần trong triều, cần cải cách gấp các tệ chánh, việc quân sự thì giao phó cho các vị Tướng soái, cùng hiệp lực về sự dẹp giặc làm cần. Hạ thần tuy không có tài năng, cũng xin tới chỗ hành doanh, đốc chiến cùng với các Tướng tiến quân đánh quân địch, để khôi phục lãnh thổ có hạn, [tờ 111a] giữ vững cơ nghiệp vô cùng".

Mậu Hợp đáp rằng:

"Xem tờ biểu này, lời rất khẩn thiết! tiểu tử đem lòng kính phục.

Hiện nay, kỷ cương nhà nước chưa phần chấn, cơ nghiệp tổ tông chưa vững bền, mà tiểu tử thì chưa có nhiều từng trải, chính là lúc cần nhờ đến sức cần lao của thúc phụ, sớm hôm cứu giúp, trong thì sửa sang kỷ cương nhà nước, ngoài thì đánh dẹp giặc thù, để sáng tỏ trị công đấng Tiên vương; khôi phục cảnh thổ tiên triều.

Thúc phụ đối với tiểu tử, nghĩa tuy là vua tôi, nhưng ân như cha con. Việc quốc gia trọng đại, rất cần ỷ lại vào thúc phụ, kính mong thúc phụ cố gắng giữ trách nhiệm, cho thỏa lòng chí thành của tiểu tử".

Đôn Nhượng lại tống quát triều chánh.

Thái bảo Giáp Trung dâng tờ sớ lên Mậu Hợp rằng:

"Thời xưa nước An Nam ta, họ Triệu dựng nước [tờ 111b] triều Hán phong cho tước Vương, sau đó đến họ Đinh, họ Lê, họ Lý, họ Trần dựng nước, thì các triều Tống, triều Nguyên và triều Minh bên Tàu, cũng đều phong tước Vương cho cả.

Đến bản triều ta, cách mệnh thành công, thì nước Minh lại đặt nước ta là Ty đô thống sứ, mà phong cho vua ta chức Chưởng ng ty với quan hàm nhị phẩm.

Tự đấy tới đây, đã 44 năm qua, vẫn giữ hiệu ấy, nhân tuân việc cũ, xưng hô quá hèn, mà vẫn chưa xin phong phục quốc hiệu. Mỗi khi đến dưới cửa quân nước Minh, hoặc nha môn Ty Bố chánh Án sát và Thủ tuần nước Minh có văn thư tới nước ta, đều phê chữ "chuẩn thư". Như vậy là nhục quốc thể không gì bằng.

Kính mong bệ hạ, ra lệnh các triều thần hợp bàn, quan Đông các thì soạn tờ quốc thư xin phong, và tờ công văn xin phong của các kỳ lão quan thuộc trong nước, đệ sửa sang cửa quân lưỡng Quảng, [tờ 112a]

chiếu xét rồi chuyển dâng lên vua Minh. Còn phẩm vật nghi lễ về cầu phong, thì tra xét đúng lệ, và chỉnh bị một vài Sứ thần, chờ khi có mệnh thiên triều, lập tức tiến hành.

Quốc thể sẽ long trọng; nhân dân và nhà nước sẽ vinh quang, đều là tự việc này vậy ".

Mậu Hợp cho lời này là phải. Nhưng vì lúc này đang bối rối về quân sự, mà tài nguyên cũng còn thiếu kém, cho nên chưa thi hành.

Ngày 2, tháng 8, Giáp Trưng dâng tờ sớ rằng:

"Cổ nhân lấy câu: "tri túc bất nhục" (Biết đủ sẽ không nhục) làm răn; tiên hiền thường tự xử theo câu: "Niên chí tiện qui" (Đến tuổi già thì về hưu).

Nay hạ thần đã 70 tuổi, đáng nên về hưu, một niềm mong muốn, không nói gì khác, kính mong bệ hạ, xét lòng chí thành của hạ thần, cho hạ thần trí sĩ, để toàn tiết muện, và giữ hơi tàn của hạ thần. Đó là hạ thần rất mong vậy.

Hiện nay, các quan trong triều đình, thấy đều là các bậc hiền tài, thi thố việc nước, đã có thành toán. [tờ 112b] Nhưng hạ thần lo ngại về điều; Đang lúc thịnh trị cũng nên nghĩ tới sự nguy vong. Đó là lòng chí thành của bầy tôi già này cần bày tỏ.

Kính mong bệ hạ, tính việc trị an, cung kính phép trước, chuyên về chính học, thân cận người ngay, thực ý ngay lòng, phòng sai ngăn dục, không gần sắc đẹp hát hay, không gây lợi về tiền của, không ham rượu, không mê nhạc, ngăn kẻ nịnh nọt, răn sự dong chơi. Khiến cho chánh trị giáo hóa trở nên hay, nhân dân nhà nước đều yên vui, để tiến tới một nền thịnh trị.

Hạ thần lại nghĩ. Việc dụng binh là một việc rất cần thiết hiện nay. Kính mong bệ hạ, sùng thượng kiệm ước, giảm sự tiêu bữa, tích của để dùng vào việc binh. Ủy cho phụ chánh Ứng vương phải nghiêm hiệu lệnh, đặt Tướng Tá trong các doanh, phải chọn bậc anh dũng; quân sĩ phải tuyển hạng tinh nhuệ; sắm thuyền bè, duyệt thủy quân, luyện voi ngựa, khí giới, súng ống, và cung nỏ, [tờ 113a] để làm kế sách đánh quân địch.

Về phương Tây Nam, những chỗ xung yếu giáp giới bên địch, thì nên đắp lũy cao, đào hào sâu, đặt bẫy nỏ, nghiêm phòng bị, và đặt thêm đồn trại, chia quân giữ nơi yếu hại.

Thành Đại La tự cửa Nam Ông Mạc đến Nhật Chiêu, những lũy đất nên đắp cao thêm, và khai sâu thêm những con hào ở đây.

Thành Thượng hoàng, tự cửa Nam đến cửa Bắc, nên tu sửa những bức tường "b- ngh- " trên mặt Thành cho thật cao, để bảo hiểm trong Thành.

Một khi chiến cù đã đầy đủ, phòng vệ trong ngoài đã chu đáo, thì giữ sẽ vững, đánh sẽ thắng. Giặc ngoài đã dẹp, trong nước tự yên. Hạ thần tuy hưu dưỡng tại nơi điền viên, cũng được dự hưởn phúc thái bình ".

Mậu Hợp đáp rằng:

"Ông là bầy tôi kỳ cựu, đã từng khó nhọc, [tờ 113b] đối với lễ, đáng nên về hưu. Nhưng hiện nay đang cần hiền tài giúp việc nước, ông là bậc lão thành am luyện, đối với nghĩa chưa nên đi vội. Vậy phiền ông hãy ngồi lại làm việc tại dinh, giữ công luận, tán thành chánh trị, chính lại quốc phong. Đến lúc ấy sẽ về hưu cũng không muộn ".

Ngày 9 tháng 9, Giáp Trưng lại dâng biểu xin về hưu trí. Mậu Hợp vẫn cố lưu, không cho hưu.

Viên Trung quân Tả đô đốc, chưởng phủ sự, tham dự triều chánh là Thái bảo Thao quận công Trần Thời Thâm lại xin trí sĩ. Mậu Hợp ưng cho.

Tháng 11, Giáp Trưng lại dâng sớ xin trí sĩ, lời lẽ rất là khẩn thiết. Mậu Hợp bắt đắc dĩ nghe theo. Khi Giáp Trưng đã về quê nhà làng Kế hương, Mậu Hợp tưởng nhớ, lại triệu về kinh sư, nhưng Giáp Trưng tạm đến liền xin về ngay, rồi qua đời.

[tờ 114a] Lại bộ Thượng thư Nghĩa sơn hầu Trần Văn Tuyên xin tu sửa trường Quốc học, 2 giải vũ ở điện Đại Thành, và nghi môn, tiền nghi môn ở các giảng đường. Định lệ nhạc để tỏ sự tôn thầy trọng đạo, và rộng nền văn hóa thành nhân. Mậu Hợp không dùng.

Ngày 11, tháng 11, Mậu Hợp gia thêm chức Trung quân Tả đô đốc Chưởng phủ sự, hàm Thái bảo cho Thiếu bảo Đà quốc công Mạc Ngọc Li-n.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 10 (1587), tháng giêng, Mậu Hợp sai tu sửa ngoại thành Thăng Long, và chỉnh trang các đường phố.

Tháng 2, Mậu Hợp sai xứ Tây và xứ Nam đắp bức lũy bằng đất, trồng cây gai lên trên, tự sông Hát giang xuống tới sông Hoa đình thuộc xứ Sơn Minh, dài chừng vài trăm dặm, để phòng ngoại binh.

Tháng 9, ngày mồng một thuộc ngày Đinh Hợi có nhật thực.

[tờ 114b] Tháng 10, phủ Tiết chế xuất quân đánh phá các Phủ: Trường An, và Thiên Quan. Khi đi đến chợ Đẽ, sai quân tạo cầu nổi qua sông, đánh phá tan doanh của Tướng bên địch là Tần quận công.

Tháng 11, phủ Tiết chế xuất quân ra biên giới Tây Nam, khi đi đến hạt Mỹ lương, thì Mậu Hợp sai Mạc Ngọc Li-n dẫn quân ra hạt Ninh Sơn, để đánh vào cánh quân bên Tả của ta; Nguy-n Quyện dẫn quân ra hạt Chương đức, rồi qua sông Do-l-, để đánh vào cánh quân bên hữu của ta.

Khi Nguy-n Quyện dẫn quân đến sông Xú Giang, chia một đạo binh mai phục ở dưới con đường nhỏ nơi chân núi, định để đánh chặn đạo quân vận tải lương thảo của ta. Quan Tiết chế biết được, dự phòng bị trước, bèn sai Hà Thọ Lộc và Ngô Cảnh Hựu, dẫn quân bảo vệ đạo quân lương; sai Hoàng Đình Ái dẫn quân về xứ Thanh hoa; sai bọn Nguy-n Hữu Liêu xuất quân cầm cự với Mạc Ngọc Li-n, để chia thế quân địch. Quan Tiết chế thì đích thân đốc xuất đạo binh, giao chiến với Nguy-n Quyện. Quan quân bên ta hăng hái xung đột, quân Nguy-n Quyện không đương nổi [tờ 115a] tan vỡ chạy trốn, đạo quân mai phục của chúng cũng phải bỏ chạy, thấy đều tranh nhau qua sông, bị chết đuối vô kể! Quan quân chém được mấy trăm đầu quân địch, rồi đánh đuổi theo đến nửa ngày mới dừng quân.

Tự đấy, Nguy-n Quyện rất sợ binh uy phủ Tiết chế, mỗi khi gặp trận, thường né lánh không dám xung phong.

Mạc Ngọc Li-n được tin Nguy-n Quyện bại trận, cũng dẫn quân trốn xa. Quan Tiết chế bèn tiến quân đóng doanh tại núi Hoàng Sơn, đánh phá các hạt; An Sơn và Thạch Thất, bắt sống rất nhiều quân địch. Đến tháng 12 mới dẫn quân về.

Năm này, Mậu Hợp đổi niên hiệu Minh Đức làm niên hiệu Hưng Trị thứ nhất.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 11 (1588), tháng 2, Mậu Hợp thấy quân bên ta ngày càng cường thịnh, mới nghĩ tới kế sách chiến thủ của Giáp Trưng bày hồi trước, bèn sai dân quân các Huyện trong 4 Trấn, đắp thêm 3 bức lũy đất ở bên ngoài thành Đại La, tự Nhật Chiêu qua Tây Hồ, và Cầu Gia Cầu Giền, đến thành Thanh Trì [tờ 115b] bề cao hơn thành Thăng Long cũ là 2 trượng, bề rộng 25 trượng, lại đào 3 lần hào, trồng chông gai, dài chừng vài chục dặm, bao la bên ngoài thành, rất là hiểm cố.

Tháng 5, phủ Tiết chế xuất quân đánh các Huyện: An Mô và An Khang, lược định nhân dân các nơi đây, rồi dẫn quân về.

Tháng 11, phủ Tiết chế lại xuất quân ra lối Phố Cát đánh các Huyện: Trường An và Thiên Quan, thu được rất nhiều tài vật, rồi dẫn quân qua sông Chánh Đại, đóng doanh trại ở Dương vũ. Đóng tại đây một

tuần, giả bộ kéo quân về, nhưng mai phục đạo kỳ binh và voi ngựa ở đằng sau doanh, phóng lửa đốt nhà cửa ở đấy để dụ quân địch.

Tướng của Mậu Hợp là bọn Tân quận công và Quỳnh quận công thấy vậy, tưởng là Tiết chế kéo quân về thật, liền tranh nhau đuổi đánh, gặp ổ phục binh nổi dậy, đánh cho thua trận toại bời! Chém giết hàng mấy trăm tên, bọn Tân quận công chỉ chạy thoát thân lấy mình, không còn tưởng đến binh sĩ. Vương sư bèn trở về.

[tờ 116a] **Niên hiệu Hưng thứ 12 (1589)**, ngày 16, tháng 7 có nguyệt thực.

Tháng 10, phủ Tiết chế lại xuất quân đánh Huyện An Khang. Mậu Hợp định cử đại binh để đánh một trận quyết liệt, bèn sai Ứng vương Đôn Nhượng, thống lĩnh quân 4 Vệ, và binh mã 4 Trấn đều tiến. Khi chúng tiến tới giới phận Huyện An Mô, thì phủ tiết chế bàn với các Tướng rằng:

"Hãy lui binh để dụ địch, mà ngầm đặt phục binh để đánh tập hậu".

Bèn sai Ngụy-n Hữu Liêu phục đạo quân tinh nhuệ vào trong chân núi trước, rồi sai Ngô Cảnh Hựu lĩnh binh hộ vệ đạo quân vận lương lui vào núi Tam Điệp, quan Tiết chế thì đích thân thống dẫn đại binh từ từ kéo lui.

Đôn Nhượng sai quân lên trên núi xem xét, được báo tình hình như trên, bèn cười mà rằng:

"Chúng thấy quân ta tiến tới, tự biết là ít quân không thể địch nổi với nhiều quân, cho nên phải lui binh trước, mà tất là lưu Hoàng Đình Ái làm đội quân đoạn hậu.

[tờ 116b] "Hỡi các Tướng sĩ ta! Có kẻ nào vờn mình cố sức đuổi kịp quân địch, bắt được một Tướng Tá, hoặc một con voi, ta sẽ phong cho chức Thượng tướng, rồi khi trở về nước, sẽ tâu xin Hoàng thượng thăng trật và hậu thưởng".

Các Tướng Tá được lệnh trên, đều vui vẻ hơn hởi tranh nhau đuổi đánh. Khi chúng đã lọt vào vùng hiểm địa, phục binh đều trỗi dậy, cả đại quân cũng thúc trống quay cờ trở lại, 4 mặt đều hăng say đánh ập cả vào, phá tan quân địch, chém đầu hơn nghìn tên, bắt sống hơn 600 người. Đôn Nhượng thu thập tàn quân, chạy về Đông kinh, quan quân cũng trở về Thanh Hoa.

Tháng này, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Phạm Y Toàn cộng 17 người trúng tuyển.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 13 (1590)¹, vợ của ngụy triều Đường an vương Mạc Kính Chỉ, tư thông với viên Tướng dưới trướng là Hoàng quận công, rồi ẩn trốn tại nhà Quận công, việc vỡ lở, đều bị giết chết.

Mồng một tháng 7 có nhật thực, và sao Thái bạch phạm vào mặt trăng.

[tờ 117a] **Niên hiệu Quang Hưng thứ 14 (1591)**, mùa xuân, Mậu Hợp đổi năm này làm **niên hiệu Hồng Ninh thứ nhất**.

Tháng 3 có tuế tinh hiện ở phương Đông.

Ngày 13, tháng 3 nhuận, có cầu vòng đỏ bắc ngang trời; mặt trời quầng, có 2 vòng khí trắng vòng quanh bên ngoài vầng quầng.

Ngày 15, tháng 5 là ngày Bính Tuất, có nguyệt thực, mặt trăng bị đen gần hết.

¹ Xét thứ tự, thì năm này là niên hiệu Quang Hưng thứ 13, vì trên năm này có chép niên hiệu Quang Hưng thứ 12, và dưới năm này có chép năm thứ 14. Thế mà chính bản chỉ chép hai chữ "tam niên" (năm thứ 3). Có lẽ chép sót một chữ "+ thập" (mười) chăng? Xin dịch theo nghĩa chữ "+ thập tam niên".

Lúc này, chính trị của triều đình Mậu Hợp nát nát, binh lực thì suy yếu, lại tai dị luôn luôn, nhân tâm đều lấy làm nguy ngập.

Tháng 12, quan Tiết chế Trửơng quốc công cử đại binh đánh Mậu Hợp, điều động 60.000 quân. Nguy-n Hữu Liêu điều khiển đội quân thứ nhất, Hoàng Đình Ái điều khiển đội quân thứ nhì, Trịnh Đổ điều khiển đội quân thứ ba, Hà Thọ Lộc điều khiển đội quân thứ tư, phát xuất từ Tây Đô ra miền Quảng Bình, đi qua Thiên Quan, đến giới phận Tây núi Mã Yên, [tờ 117b] dừng quân đóng doanh trại tại đây, rồi tiến quân qua núi Mang Mộng thuộc hạt Thanh Châu lược định các Huyện: An Sơn, Thạch thất, Phúc Lộc và Tân Phong. Lại đóng quân tại đất Tốt lâm.

Mậu Hợp được tin quân nhà vua ta tiến đánh bức bách đến nơi, cũng muốn đại cử binh mã đánh một trận quyết liệt, để định được thua. Bèn đốc thúc điều động binh mã trong 4 Trấn 4 Vệ và 5 Phủ, cộng 10 vạn quân. Ra lệnh ngày 16 tháng này, tất cả binh sĩ kể trên, phải tề tựu tại Hiệp thượng, Hiệp hạ, để tiến đánh. Sai Mạc Ngọc Li-n đốc binh mã Tướng sĩ Tây đạo; Nguy-n Quyện đốc binh mã Tướng sĩ Nam đạo; Ngạn quận công và Thủy quận công lĩnh binh mã Tướng sĩ Đông đạo; Phú quận công và Xuyên quận công lĩnh binh mã Tướng sĩ Bắc đạo; Khuông quận công và Tân quận công lĩnh binh mã Tướng sĩ 4 Vệ. Mậu Hợp đích thân đốc binh mã Chánh doanh; [tờ 118a] các vị tôn vương và các tướng Túc vệ Đông đạo đốc quân hậu đội. Chia đường cùng tiến.

Ngày 27, quân Mậu Hợp đi đến Phấn thượng, dàn thành mặt trận, đối diện với mặt trận quan quân bên ta. Mậu Hợp sai Khuông quận công¹ và Tân quận công đốc binh 4 Vệ, làm đội quân tiên phong; Mạc Ngọc Li-n làm đội quân Hữu dực; Nguy-n Quyện làm đội quân Tả dực; binh mã 2 đạo Đông và Bắc kế tiếp theo sau, tất cả 4 Đội đều tiến. Mậu Hợp thì đích thân đốc chiến.

Phủ Tiết chế được tin trên, lập tức chia công; Sai các viên danh tướng hữu khu là bọn Nguy-n Hữu Liêu, đều dẫn quân bản bộ tiến lên trước để khiêu chiến; lại tuyển 400 tên lính kỵ mã vượt lên để trợ chiến. Ra lệnh: Các doanh các Cơ đều phải y theo Tiết chế mà chiến đấu. Các binh sĩ đều hăng hái xông đánh, chém đầu Khuông quận công và Tân quận công ngay trước mặt trận [tờ 118b] Tỳ Tướng là Hoàng Nghĩa Cước cũng chết tại mặt trận. Mậu Hợp thấy thế không địch nổi, bèn ra lệnh ngừng chiến, án binh bất động.

Đến lúc mặt trời đứng bóng, vào khoảng giữa trưa, phủ Tiết chế nhân thấy quân địch có vẻ uể oải, bèn đích thân đốc thúc ba quân thừa thế tiến đánh. Phát ba tiếng pháo lệnh, các Tướng sĩ đều xung đột vào trận địch, khiến cho quân Mậu Hợp hoảng sợ chạy lùi, cánh quân bên tả không kịp chiếu cố tới cánh quân bên hữu; đạo quân sau không kịp chiếu cố tới đạo quân trước, cờ trận sai lạc; hàng ngũ rối loạn, xô nhau mà chạy. Quân bên ta thừa thắng đuổi dài, đuổi đến đất Giang Cao, chém đầu hơn vạn quân địch, máu chảy khắp nội, thây chất thành non! Bắt được lừa ngựa và khí giới không kể xiết. Mậu Hợp chỉ một mình một ngựa chạy xuống thuyền, rồi chạy về Kinh ấp. Bọn tàn quân tranh nhau lên thuyền, người trong thuyền sợ quá đông người sẽ đắm thuyền, [tờ 119a] nên dùng gươm chém bừa vào cánh tay, làm cho bọn tàn quân rơi xuống nước mà chết đến quá nửa, ngoài ra đều tự chạy trốn thoát thân. Riêng có đạo quân của Nguy-n Quyện đã xa lánh, cho nên được toàn vẹn không mất tên nào.

Ngày này, phủ Tiết chế tiến quân đóng tại Hiển Sơn.

Ngày 30, phủ Tiết chế tiến quân đóng tại hoàng xá, rồi qua đò Sông cầu, phá hủy bức lũy bên giặc.

Đến đêm hôm ấy, phủ Tiết chế sai Nguy-n Hữu Liêu, dẫn 5.000 quân tinh nhuệ, và quân voi ngựa đánh thẳng vào đại phường cầu Giác cao phía Tây Bắc Kinh thành. Bắn 7 phát súng lửa, đốt cháy nhà cửa nơi đây, khói lửa bốc mù trời, trong thành hỗn loạn. Mậu Hợp sợ hãi, bỏ thành chạy trốn, qua đò sông Bồ

¹ Câu này chính bản chép "Khuông định công ". Có lẽ chép lộn chữ "quận " ra chữ "định " chăng ? Xét trang trên chép "khuông quận công ".

Đề. Nhân dân trong thành, già trẻ gái trai, tranh nhau xuống thuyền để qua sông, bị chết đuối chừng hơn nghìn người. Đến khi trời đã sáng rõ, tức là sáng ngày hôm sau, Hữu Liêu lại dẫn quân về nơi hành doanh.

[tờ 119b] Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Quang Hưng thứ 15 (1592), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 3 thuộc ngày Giáp tý, phủ Tiết chế tiến quân đóng tại Ninh Giang, ngày mồng 5, tiến tới chùa Thiên Xuân. Khi quân ta sắp tiến tới cầu Nhân mục, thì Mậu Hợp đã quá sợ! Bỏ kinh đô trốn về quán Thổ khối ở, lưu các đại Tướng ở lại giữ Kinh thành; Mạc Ngọc Li-n lĩnh quân bản bộ giữ tự cửa Bảo khánh trở về phía Tây cho tới cửa Nhật chiêu; Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên lĩnh quân 4 Vệ, giữ tự Cầu gia đến cầu mộng thẳng tới cầu giề. Chia quân đóng từng doanh, đóng cửa thành chống giữ; Nguy-n Quyện lĩnh quân giữ tự Mạc xá trở về phía Đông, và làm quân cứu viện cho các đạo binh khi nguy cấp. Binh sĩ 2 đạo Đông và Bắc đều thuộc quyền Nguy-n Quyện. Mậu Hợp thì giữ thủy quân ở sông Nhĩ hà, dàn hàng trăm chiến thuyền, để làm thanh thế cứu viện.

[tờ 120a] Khi Nguy-n Quyện đến doanh liền đặt phục binh ở bên ngoài cửa Cầu Giề, để nhử quân ta, lại dàn hàng trăm cỗ súng lớn, để phòng quân bên ta.

Ngày mồng 6, phủ Tiết chế tiến quân tới sông Tô Lịch, rồi tới cầu Nhân mục, đóng quân tại Xạ đôi, bày trận chia công, ra lệnh: Hạn trong một ngày hôm nay, phải đánh phá thành thẳng long cho bằng được! Sai Nguy-n Hữu Liêu đánh vào Cầu gia, thẳng tiến cửa Tây; Hoàng Đình Ái đánh vào Cầu Giề thẳng tiến cửa Nam; Trịnh Đỗ đánh vào cầu Mộng thẳng tiến cửa Mộc Kiêu. Quan Tiết chế thì đích thân đốc đại quân kế tiếp đằng sau, đóng đồn tại làng Hồng Mai.

Các Tướng tiến đánh, tự giờ Tỵ (khoảng 11 giờ) cho tới giờ Vị (khoảng 15 giờ chiều), chưa phân được thua, quan Tiết chế bèn đích thân cầm cờ lệnh, phát cờ chỉ huy. Tự đây khí dũng cảm của Tướng sĩ trỗi lên gấp trăm lần, hăng say xung đột, tranh nhau vượt lên trước làn tên đạn, xuyên qua bức lũy, nhảy lên mặt thành, liền phá cửa lũy [tờ 120b] Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên, không đủ sức chống cự, quân sĩ tan vỡ bỏ chạy tán loạn, Ngọc Li-n cũng bỏ lũy chạy trốn. Quan quân thừa thắng đuổi dài, phóng lửa đốt các cung điện và nhà của dân gian, khói lửa mù trời. Quân phòng thủ 4 mặt đều tan vỡ. Quan Tiết chế dẫn binh tự Cầu Giề tiến thẳng vào, phục binh của Nguy-n Quyện đã đặt trước không kịp trỗi dậy, đều bị loạn quân giết chết, Nguy-n Quyện kể cùng sức kiệt, trong ngoài đều vướng quan quân; cửa lũy bị lấp; con trai y là Bảo Trung và Nghĩa Trạch cùng lính thủ hạ cũng đều tử trận. Quyện bèn chạy trở về bản doanh, liền bị quan quân bắt được, đem nộp vào cửa doanh. Trong kinh thành xác chất chồng lên nhau, Tướng Tá chết chừng vài chục viên, sĩ tốt chết đến hơn nghìn người, [tờ 121a] khí giới bỏ ngổn ngang cao như quả núi, lâu đài cung điện nhà cửa sạch không!

Mậu Hợp sợ hãi, bèn thu thập tàn quân, chiếm cứ dải sông dài để tự bảo vệ.

Quan Tiết chế dẫn quân tới bên sông, toan qua sông tiến đánh. Nhưng lại bảo các Tướng rằng:

"Căn bản của Mậu Hợp ở phương Đông Bắc. Nay tuy bại trận ở đây, nhưng viện binh tại các nơi hãy còn nhiều. Quân ta thì thuyền bè chưa đủ, âu là hãy để chuyển sau, Cổ nhân có câu rằng: "Thắng địch chỉ dư, nhuệ khí bách bội, bại quân chi khí, một thế bất chấn " (sau khi thắng trận, thì nhuệ khí tăng gấp trăm lần, một khi bại trận, thì khí thế quân sĩ suốt đời không thể trỗi). Nay ta hãy kéo quân về, để sĩ tốt được nghỉ ngơi, chờ thời cơ, sẽ tự Trường An xuất quân, cả thủy quân lẫn bộ binh, đều tiến như cuốn chiếu, lúc ấy mạn sông đại hà trở về Bắc, sẽ không còn thành trì nào kiên cố nữa ".

Quan Tiết chế bàn đóng quân lại tại chánh doanh , sai sang phẳng các bức lũy bằng đất chung quanh thành Đại La, và lấp các hào rãnh, san thành bình địa.

Tháng 3, phủ Tiết chế hạ lệnh kéo quân trở về, [tờ 121b] đi đến hạt Chương Đức, tạm đóng quân lại, sai tạo cầu nổi, để quân qua sông L- giang, rồi chia quân đi tuần các Huyện: Thanh Hà, Thượng Phúc và

Phú Xuyên; lược định các Huyện: Từ Liêm, Đan Phượng, Ma Nghĩa, An Sơn và Thạch Thất. Rồi do đường Thanh quan trở về Thanh Hoa.

Mậu Hợp thấy quân nhà vua ta đã trở về, bèn trở lại thu thập tro tàn, sai các Tướng chia giữ những nơi xung yếu.

Mùa hạ năm này, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân ở bến Bồ Đề, lấy bọn Phạm Hữu Năng cộng 17 người trúng tuyển.

Mồng một tháng 8 thuộc ngày Mậu Tý, có sao sa xuống, sắc đỏ, dài chừng 5 trượng, loè sáng như luồng điện, chiếu sáng rực vào nóc nhà, rơi xuống đất có tiếng ầm ầm như tiếng sấm! Mậu Hợp không biết lấy đó làm đáng sợ, vẫn hoang dâm chơi bời, ngoài thì các thế gia chuyên chánh, trong thì hoạn quan chuyên quyền. [tờ 122a] Vợ viên Trấn thủ Nam đạo Sơn quận công Bùi Văn Khuê là Nguy-n Thị Niên, tức là con gái Nguy-n Quyện, mà người chị gái của Thị Niên là Hoàng hậu của Mậu Hợp, vì thế Thị Niên thường được ra vào trong cung. Mậu Hợp thấy Thị Niên, đem lòng yêu mến, bèn ngầm tính kế giết Văn Khuê để cướp vợ ỹ. Văn Khuê biết tình, bèn dẫn quân bản bộ về giữ hạt Gia Vi-n, không theo mệnh lệnh của triều đình. Mậu Hợp mấy lần vời cũng không tới, bèn sai Tướng dẫn quân tới hỏi tội Văn Khuê.

Tháng 10, Văn Khuê trưng binh chống giữ, và sai con trai chạy tới hành doanh, yết kiến phủ Tiết chế, khóc lóc cáo tố sự tình, xin đầu hàng và xin cho quân cứu viện. Phủ Tiết chế rất mừng, bèn họp các Tướng mà rằng:

"Quân địch lập đồn binh ở Gia Vi-n, chặn đường tiến binh của ta, đã mấy lần ta đánh đồn này, mà chưa phá được. Năm trước đây, ta xuất quân do đường Thiên quan, ra hạt Mỹ lương Thạch Thất, đánh phá Đông kinh, [tờ 122b] mà phải kéo quân về ngay, là vì sợ thủy quân đạo Đông và Nam của địch, hoặc vượt biển vào đánh, hoặc ngược dòng sông lên phía Bắc, đều có thể làm nguy hại cho ta. Nay là mùa đông rét lạnh, nước sông cạn nông, ta đang tính động binh để trừ giặc ấy, thế mà Tướng biên thủy của giặc lại qui hàng ta. Đó là trời giúp cho ta thành công vậy.

Trước đây ta thường thắng trận bằng bộ binh, đó chỉ có thể dùng về phía Tây Bắc thôi. Nếu muốn đánh về phương Đông Nam, phi thủy quân không thể dẹp nổi. Nay được thủy quân của Văn Khuê, ta sẽ dùng ngay, do đường Trường An ra mạn Duy Tân Phú Xuyên, rồi tiến binh theo đại lộ, thì không còn lẽ gì là không thắng. Sẽ có thể định ngày khôi phục đất đai vậy".

Phủ Tiết chế lập tức tâu Hoàng đế xin khởi binh, và sai Hoàng Đình Ái dẫn một đạo quân đi trước, để cứu Văn Khuê.

Khi quân ta tới Bái Đình, Văn Khuê ra nghinh tiếp, phủ Tiết chế sai đem quân bản bộ giữ sông Đàm Giang, [tờ 123a] thì quân Mậu Hợp lui về giữ sông Thiên Phái.

Sau khi úy lạo Văn Khuê, phủ Tiết chế sai Văn Khuê lĩnh thủy quân bản bộ làm đạo quân tiền bộ.

Mậu Hợp sai tôn thất là Nghĩa quốc công giữ quyền Tiết chế Nam đạo, dẫn quân tới sông Thiên Phái thuộc hạt Đàm xá, chia đóng từng Đồn, giữ bến đò Đoan Vĩ, bắt dân đình huyện Đại An và huyện Ý Yên đắp lũy đất chạy theo bờ sông, trồng chông gai lên trên mặt lũy, để chống quân ta.

Phủ Tiết chế sai Văn Khuê đem thủy quân ra cửa sông, đánh vào thượng lưu; cơ súng Tả Hữu bắn theo dọc sông, đánh vào hạ lưu; phủ Tiết chế đích thân sang dò qua sông, đánh vào trung lưu. Quân Mậu Hợp thua chạy, ta thu được 70 chiến thuyền, và rất nhiều khí giới, Nghĩa Quốc Công lui quân về giữ châu Tự nhiên, quan quân ta thì tiến đóng tại Cầu Tái.

[tờ 123b] Tướng của Mậu Hợp là Định quận công Trần Bách Niên sang hàng bên ta, phủ Tiết chế sai Bách Niên làm Tướng doanh Tiền thủy quân; Văn Khuê làm Tướng doanh Tả thủy quân. Tiếp đây có hơn 10 Tướng Nam đạo sang hàng bên ta.

Phủ Tiết chế bảo các Tướng Tá rằng:

"Thủy quân ngoi ngược dòng sông, thì lui dễ mà tiến rất khó. Sông Đại hà rộng mênh mông, không có cứ điểm. Vậy thủy quân ta nên do con sông Kim bảng nhỏ hẹp mà tiến, kèm theo bộ binh vào 2 bên bờ sông, tất cả thủy quân bộ binh đều tiến, đầy khắp dưới sông trên cạn, trên liền dưới tiếp, theo con sông Ninh Giang đến sông Xương Giang, rồi buông thuyền mà xuôi, thì còn kẻ nào đương nổi".

Ngày 4 tháng 12 quân ta tiến đóng tại châu Tinh Thần, đến ngày 14, do cửa sông Xương Giang, cả thủy quân lục quân đều tiến.

Mạc Ngọc Li-n dần chiến thuyền chống cự, trồng cột gỗ dưới sông, và đắp lũy đất trên bờ để cố thủ, đều bị quan quân ta phá hủy. Ngọc Li-n phải bỏ thuyền [tờ 124a] chạy về dưới núi Tam Đảo, quân sĩ đều tan vỡ.

Phủ Tiết chế đích thân đốc bộ binh, thừa thế đuổi dài, thủy quân cũng thuận dòng xuôi xuống, tới cửa Nam Kinh thành, đóng tại bến Sa thảo, bắt được hơn nghìn chiến thuyền, kể cả lớn nhỏ.

Đêm hôm này, Mậu Hợp bỏ kinh thành chạy trốn, các tôn tộc cũng tìm đường trốn lánh. Tướng sĩ thì nối tiếp ra hàng. Tự đây, quân của Mậu Hợp hết phần chiến đấu, tự sông Nhĩ hà trở về Bắc, quân sĩ kéo nhau ra qui thuận.

Ngày 15 phủ Tiết chế tiến quân lên xứ Hải Dương, để đuổi dẹp cho hết quân địch, đóng quân tại Phù dung li-u kính, sai Tướng doanh Tả thủy là Thái quận công Nguy-n Thất Lý đốc bọn Văn Khuê và Bách Niên, đem 300 chiến thuyền cùng quân các Cơ Nội thủy, đánh vào huyện Kim thành. Mậu Hợp trốn chạy, quan quân thu được rất nhiều [tờ 124b] vàng bạc của cải, đồ dùng và con gái, bắt Thái hậu giải về Kinh sư, khi đến sông Bồ Đề, Thái hậu vì quá sợ mà chết.

Mậu Hợp dựng con trai là Toàn làm vua, để giữ việc nước, **đổi niên hiệu là Vũ An thứ nhất.**

Tháng 12, phủ Tiết chế chia quân đánh các ngả, phá tan quân của Kinh Chỉ ở Tân Mỹ thuộc xứ Thanh Hà, thu được 50 chiến thuyền, và rất nhiều khí giới lừa ngựa. Nhà cửa tại các Phủ Hạ Hồng, Nam Sách và Kinh Môn, đều bị đốt cháy gần hết. Dư đảng là bọn Phổ quận công, Hào quận công, Thụy quận công, Lương quận công, Nghĩa quận công, và Lại bộ Thượng thư Phúc quận công Đỗ Uông, L- bộ Thượng thư Hồng Khê hầu Nhữ Tống, Công bộ Thượng thư Đồng Hăng, Lại bộ Tả thị lang Ngô Tháo, [tờ 125a] Đông các học sĩ Ngô Củng, Tự khanh Nguy-n Cận, Sơn nam Thừa chánh sứ Đàm Văn Tiết, và Hải dương Thừa chánh sứ Phạm Như Giao, đều đến cửa quân xin hàng, quan Tiết chế Trịnh Tùng đều ngỏ lời an ủi, và viết tờ biểu đưa về nơi hành tại tâu Hoàng đế, xin cho các người kể trên được giữ nguyên chức tước cũ.

Khi quan Tiết chế tự sông Tranh về Kinh thành, nghe có người báo: "Mậu Hợp ẩn ở chùa Mô Khuê hạt Phượng Nhỡn". Bèn sai Trà quận công Nguy-n Đình Luận, và Liêm quận công Lưu Chấn, dẫn quân đi tìm bắt. Dân địa phương cho biết: "Hôm nọ Mậu Hợp giả làm ông sư, đến ẩn ở đây, đến nay đã 11 ngày". Sĩ tốt bèn đến chùa, thấy Mậu Hợp ngh- m nhiên ngồi xếp bằng bằng, gạn hỏi thì Mậu Hợp ồm ồm đáp rằng:

"Bần tăng tu hành từ hồi còn trẻ tuổi ở am mây này [tờ 125b] chén muối, đĩa rau hàng ngày trai dưỡng; thấp hương thờ phật, công đức chuyên làm".

Quân sĩ thấy nhà sư nói hoạt bát khiêm tốn, biết là Mậu Hợp, bèn bắt giữ. Mậu Hợp tự liệu không thể thoát được, bèn thú thực và nói rằng:

"Mấy ngày trước đây, tôi chạy trốn ẩn núp trong rừng rậm, đã quá đói khát, dám xin cho một bình rượu uống cho đã".

Quân sĩ bèn cho bình rượu. Sau khi Mậu Hợp uống thỏa thích, ngậm ngùi than rằng:

"Nghịch chướng quá sâu! Nay cầu làm một người dân thường, cũng không thể được. Tội lỗi chỉ vì tổ tiên đã làm sự giết vua cướp ngôi, đến nỗi con cháu ngày nay phải mắc tội nặng như vậy. Mong Tướng sĩ dẫn tôi đến trước Hoàng đế, để bày tỏ thực tình. Đó là lòng tôi rất mong muốn".

Các Tướng sĩ bèn sai dùng voi chở Mậu Hợp và 2 tên kỹ nữ, giải về Kinh sư.

Khi Mậu Hợp hiến trước hành doanh, phủ Tiết chế sai dành binh mã cực kỳ uy nghiêm, rồi mới cho dẫn Mậu Hợp vào yết kiến. Mậu Hợp l- dập đầu phủ phục ở ngoài sân, phủ Tiết chế truyền hỏi tới 3 lần, mà Mậu Hợp vì quá sợ, cứ ầm ớ không thể đáp được, phủ Tiết chế bèn sai dẫn ra ngoài cửa quân, giam tù tại đây.

Tất cả các quan văn võ đều bàn:

"Chiếu điều luật, những kẻ phạm tội thoán thí (giết vua cướp ngôi), thì xử theo luật "lăng trì" (tùng xẻo), để làm gương cho mọi người, và đúng phép nước; lại đem thủ cấp tế cáo nhà Tôn miếu, để rửa sử sỉ nhục của Tiên vương, và bớt cơn giận của thần nhân".

Quan Tiết chế không nỡ gia cực hình, bèn sai đem treo sống Mậu Hợp 3 ngày, rồi chém đầu tại bãi cát Bồ Đề, đem thủ cấp hiến Hoàng đế tại hành tại Vạn lại xứ Thanh Hoa, đem đóng đinh vào 2 con mắt, rồi bêu ra ngoài chợ.

Con trai Mậu Hợp là Toàn tiếm hiệu xưng là Vũ An, nhưng nhân tâm không qui phục, thế cô ngầm trốn, cũng bị quan quân bắt được, đem chém đầu tại bến Thảo Tân.

Mậu Hợp chiếm ngôi vua cộng 29 năm.

MAC KÍNH ĐIỂN

Mac Kính Điển là con trai Đặng Doanh và em trai Phúc Hải, tính nhân hậu, linh mẫn, dũng cảm có thừa. ngụy triều phong tước Khiêm vương.

Khi Phạm Tử Nghi khởi loạn, Phúc Nguyên phải bỏ Kinh thành chạy lánh. Kính Điển xuất tướng sĩ rước về, rồi đem quân dẹp hết các đồ đảng giặc.

Khi 2 đại tướng Lê Bá Ly và Ngụy-n Khải Khang, đem toàn đạo binh Tây Nam về qui thuận bản triều ta, Phúc Nguyên phải bỏ Kinh thành chạy đến Kim thành, nhân tâm trong nước lìa tan. Độc một mình Kính Điển thu thập quân dân vùng Đông Bắc, giữ sông Nhĩ hà trở về Bắc, chống cự quân bên ta, trong nước lại bình định trở lại.

Ông giữ chức Tổng soái Trung doanh, cầm quyền chánh trị khắp trong triều ngoài quận. Mậu Hợp tiến phong tước Khiêm đại vương.

Sau khi ông qua đời, có 9 con trai: Con trưởng là Kính Chỉ, ngụy triều [tờ 126a] phong tước Đường an vương, chức Phó đức soái; con thứ là Kính Trực, được phong tước Trung cần công, chức Cẩm y vệ Chưởng vệ sự; Kính Phu được phong tước Đoan lượng công, chức Hưng quốc vệ Chưởng vệ sự; Kính Giản được phong tước Huệ thành công, chức Chiêu vũ vệ Chưởng vệ sự; Kính Tuân được phong tước Đạt l- công

; Kính Cung được phong tước Đôn hậu công; Kính L- được phong tước Khuông phụ công; Kính Bang chưa được phong tước. Và 9 con gái.